



THỊ TRƯỜNG INDONESIA

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TP.HCM

THỊ TRƯỜNG INDONESIA

Thành phố Hồ Chí Minh 2024

MỤC LỤC

Chương 1: Kinh doanh ở Indonesia	3
Chương 2: Môi trường kinh tế và chính trị.....	4 <u>7</u>
Chương 3: Quy định thương mại, hải quan và các tiêu chuẩn.....	64
Chương 4. Bán hàng và dịch vụ tại thị trường Indonesia.....	75 <u>6</u>
Chương 5: Thương mại song phương giữa Việt Nam và Indonesia ...	9 <u>6</u>
Chương 6: Môi trường đầu tư.	115 <u>5</u>
Chương 7: Văn hóa trong kinh doanh và những điều lưu ý.....	159 <u>8</u>
Chương 8: Một số liên hệ cần thiết.....	1 <u>71</u>

Chương 1: Kinh doanh ở Indonesia

Tổng quan thị trường

Indonesia là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất và lớn nhất Đông Nam Á. Indonesia có thu nhập trung bình cao, có nguồn vốn nhân lực và phát triển trong 20 năm qua. Indonesia, một quốc gia có 279,5 triệu người, là nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á với GDP khoảng 4.941 tỷ USD vào năm 2023. Theo số liệu mới nhất của Tổng cục Thống kê Indonesia, tăng trưởng GDP năm 2023 của quốc gia này đạt 5,05%, thấp hơn con số 5,31% mà quốc gia này đã đạt được vào năm 2022. Nguyên nhân khiến tăng trưởng GDP năm 2023 của nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á giảm so với năm 2022 là do giá hàng hóa giảm và nhu cầu bên ngoài yếu. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu năm 2023 của quốc gia này chỉ ghi nhận tăng 1,32%, thấp hơn rất nhiều so với kết quả 16,32% mà Indonesia đã đạt được trong năm 2022. Indonesia đặt mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045. Theo Nikkei Asia, để đạt được mục tiêu này, mỗi năm tăng trưởng kinh tế của Indonesia phải đạt được từ 6%-7%.

Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank), một quốc gia trở thành nền kinh tế có thu nhập cao khi tổng thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người của quốc gia đó đạt từ 13.846 USD trở lên. Theo dữ liệu mới nhất, GNI bình quân đầu người hiện tại của Indonesia là 4.580 USD. Nền kinh tế Indonesia có nền tảng vững chắc về ổn định xã hội, nhu cầu trong nước mạnh mẽ đối với hàng hóa và dịch vụ, dự trữ ngoại hối luôn tăng đều đặn (khoảng 137,5 tỷ USD vào tháng 6 năm 2023) và giá cả ổn định với lạm phát ở mức trung bình thấp. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2023, Chính phủ Indonesia đã thông qua một đạo luật về tạo việc làm. Luật này sửa đổi hơn 70 luật hiện hành, tinh giản thủ tục hành chính, thu hút nhiều mức đầu tư hơn và thúc đẩy tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế.

Các chỉ số kinh tế chính của Indonesia:

Chỉ số	2021	2022
GDP danh nghĩa (tỷ USD)	3.247	3.419

Chỉ số	2021	2022
Lạm phát giá tiêu dùng (%)	1,56	4,21
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	3.531	12,67
Xuất khẩu (tỷ USD)	246,787	315,584
Nhập khẩu (tỷ USD)	217,579	273,249
Nợ công (tỷ USD)	360,945	393,252
Dự trữ quốc gia (tỷ USD)	144,908	137,222

+ **Đối tác xuất khẩu của Indonesia:** Trung Quốc 21%, Hoa Kỳ 10%, Nhật Bản 8%, Ấn Độ 8%, Malaysia 5% (số liệu cập nhật 2022).

+ **Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:** than, dầu cọ, hợp kim sắt, khí đốt tự nhiên, thép (số liệu cập nhật 2022).

+ **Đối tác nhập khẩu chủ yếu của Indonesia:** Trung Quốc 31%, Singapore 10%, Nhật Bản 6%, Malaysia 5%, Thái Lan 5% (số liệu cập nhật năm 2022).

+ **Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:** dầu mỏ tinh chế, dầu thô, phụ tùng/phụ kiện xe cộ, khí đốt tự nhiên, nhựa (số liệu cập nhật năm 2022).

Thách thức trên thị trường

Những thách thức lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài tại thị trường Indonesia là bao gồm các vấn đề về quan hệ lao động, bảo vệ sở hữu trí tuệ, tính minh bạch trong các quyết định thực thi về pháp luật, các tiêu chuẩn và chứng nhận khác nhau và sự nhạy cảm về giá cả. Hàng hóa và dịch vụ được cung cấp đa số là có cổ phần của các công ty Indonesia, điều này gây bất lợi cho các công ty dịch vụ năng lượng nước ngoài. Các cơ hội trong lĩnh vực dược phẩm, thiết bị y tế, năng lượng tái tạo và hàng không vũ trụ bị kìm hãm bởi các yêu cầu về tính bảo hộ địa phương quá nghiêm ngặt.

Bảo vệ sở hữu trí tuệ là mối quan tâm chính, với Indonesia vẫn nằm trong Danh sách theo dõi ưu tiên trong Báo cáo đặc biệt 301 năm 2021. Các nhà xuất khẩu có kế hoạch thiết lập

sự hiện diện đáng kể tại Indonesia nên lưu ý đến tình trạng vi phạm bản quyền bản quyền và làm giả nhãn hiệu tràn lan, cả trực tuyến và trên thị trường thực tế.

Luật sáng chế năm 2016 của Indonesia tiếp tục gây ra những mối lo ngại, bao gồm cả về tiêu chí cấp bằng sáng chế cho các phát minh cải tiến, yêu cầu sản xuất và sử dụng tại địa phương, căn cứ và thủ tục cấp giấy phép bắt buộc và yêu cầu tiết lộ đối với các phát minh liên quan đến kiến thức truyền thống và nguồn gen.

Các nhà sản xuất bán hàng hóa hoặc dịch vụ thông qua các nền tảng thương mại điện tử, được coi là có sự hiện diện kinh doanh tại Indonesia, sẽ bị đánh thuế giá trị gia tăng 10% đối với tất cả các giao dịch tại Indonesia. Việc xác định "sự hiện diện kinh doanh" hiện dựa trên tổng doanh số tính bằng Rupiah Indonesia (50 triệu trong bất kỳ tháng nào hoặc 600 triệu mỗi năm) hoặc số lượng giao dịch của khách hàng (1.000 lượt giao dịch trong bất kỳ tháng nào hoặc 12.000 lượt mỗi năm).

Cơ hội thị trường

Có nhiều cơ hội thị trường tại thị trường Indonesia, quốc gia đông dân thứ 4 thế giới, bao gồm trong các lĩnh vực bán lẻ, y tế, giáo dục, viễn thông và dịch vụ tài chính. Người tiêu dùng Indonesia được xếp hạng là một trong những người tự tin nhất thế giới và đã tăng lên 125,2 vào tháng 8 năm 2023. Thị trường hàng không của Indonesia là thị trường tăng trưởng nhanh thứ hai trên thế giới. Các bộ phận và dịch vụ thay thế máy bay là một thị trường quan trọng. Ngoài ra còn có nhu cầu về dịch vụ kiểm soát không lưu và hậu cần sân bay, bao gồm cả thiết bị hỗ trợ mặt đất.

Indonesia có ngành ngân hàng cạnh tranh và mở rộng mang lại những cơ hội đáng kể cho công nghệ thông tin và tài chính từ các nhà cung cấp thiết bị, phần mềm và công nghệ. Ngoài ra cũng có những cơ hội cho cơ sở hạ tầng viễn thông, chẳng hạn như vệ tinh và trạm mặt đất, thiết bị cầm tay, cũng như thiết bị tích hợp hoặc thiết bị hỗ trợ.

Cơ sở hạ tầng công cộng đang phát triển của Indonesia là một lĩnh vực ưu tiên của chính phủ và mang đến cơ hội trong lĩnh vực hàng không, đường sắt, cảng và vận tải đường bộ, cũng như trong các dự án cơ sở hạ tầng đô thị như cấp nước, hệ thống xử lý nước thải và cơ sở quản lý chất thải. Từ năm 2020 đến năm 2024, Indonesia có kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng giao thông bao gồm đường thu phí (2.724 km/ 1.693 dặm), đường mới (3.224 km/ 2.003 dặm) và cầu (38 km/ 24 dặm). Các dự án xây dựng hệ thống giao thông công cộng

với tổng vốn đầu tư 8 tỷ USD được lên kế hoạch triển khai tại 6 vùng đô thị Jakarta, Surabaya, Bandung, Semarang, Medan và Makassar với mục tiêu giảm thiểu thiệt hại kinh tế do tình trạng ùn tắc giao thông.

Chính phủ Indonesia đánh giá được tầm quan trọng của sự tham gia của khu vực tư nhân vào việc cung cấp cơ sở hạ tầng, do đó đưa ra Đối tác công tư (PPP) như một chương trình tài trợ thay thế trong việc phát triển các dự án cơ sở hạ tầng.

Các cơ hội bên ngoài Jakarta vẫn nằm trong các dịch vụ truyền tải điện và năng lượng. Dự kiến các dự án phát điện, thông thương và tái tạo, bao gồm cả IPP, sẽ tiếp tục tăng trưởng đáng kể trong thập kỷ tới. Các cơ hội trong các lĩnh vực mới nổi bao gồm chế biến nhiên liệu sinh học bền vững, năng lượng sạch, hiệu quả năng lượng và công nghệ để cải thiện năng lực sản xuất tại địa phương, đập và các dự án chuyển đổi chất thải thành năng lượng. Đối với cơ sở hạ tầng nước và năng lượng, chính phủ có kế hoạch xây dựng 18 đập đa năng, trị giá khoảng 6,2 tỷ USD, cung cấp 2,4 GW điện và nước sạch cho nhu cầu hàng ngày.

Chiến lược thâm nhập thị trường

Indonesia là nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á và là quốc gia đông dân thứ tư trên thế giới, thị trường Indonesia mang đến nhiều cơ hội trong nhiều lĩnh vực. Với mức thu nhập người dân ngày càng tăng, tầng lớp trung lưu đang phát triển của Indonesia ngày càng quan tâm đến các sản phẩm và dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài. Để các công ty thâm nhập thành công vào thị trường Indonesia, nên tìm và chỉ định các đối tác địa phương làm đại diện cho sản phẩm của họ. Các công ty nên đến thăm và gặp mặt trực tiếp với các đối tác tiềm năng và tiến hành thăm định trực tiếp khi có điều kiện. Nghiên cứu về văn hóa Indonesia và sở thích của người tiêu dùng địa phương là yếu tố chính dẫn đến thành công khi kinh doanh tại Indonesia. Sự kiên nhẫn, bền bỉ và hiện diện kinh doanh là ba yếu tố chính dẫn đến thành công ở Indonesia.

Các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua hàng ở Indonesia là giá cả, tài chính, kỹ năng kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng. Các công ty nên chuẩn bị đầu tư vào đào tạo cho nhân viên địa phương của mình, từ nhân viên mới vào nghề đến quản lý giàu kinh nghiệm.

Các công ty phi tài chính của Indonesia thường phụ thuộc vào tài trợ thương mại và nhận được gần 50% nguồn tài trợ từ nước ngoài thông qua các khoản vay, trái phiếu và các hình thức tín dụng khác. Vào đầu tháng 8 năm 2021, Tổng thống Jokowi chính thức ra mắt Hệ

thống Nộp đơn trực tuyến một lần (OSS), một nền tảng trực tuyến để cấp giấy phép kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp từ siêu nhỏ đến lớn. Hy vọng là thông qua Hệ thống OSS, việc cấp phép kinh doanh sẽ được điều chỉnh theo mức độ rủi ro, qua đó cải thiện sự thuận lợi trong kinh doanh tại Indonesia. Jokowi cho biết ông sẽ tiếp tục cắt giảm các quy định có thể cản trở việc cấp phép kinh doanh và đầu tư, cảnh báo về tham nhũng và kêu gọi sự minh bạch giữa các quan chức chính phủ và các doanh nhân trong quá trình xin giấy phép kinh doanh. Đồng thời, Bộ Đầu tư/Ban Điều phối Đầu tư (BKPM) và Bộ Tài chính đã ký một biên bản ghi nhớ (MoU) để tăng đầu tư và doanh thu quốc gia cũng như thúc đẩy tăng cường thể chế. Bộ trưởng Đầu tư cho biết Biên bản ghi nhớ là một hình thức hợp tác giữa các bộ để đẩy nhanh việc cấp phép kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn đầu tư vào đất nước.

Lĩnh vực truyền thông và công nghệ thông tin (ICT)

Bảng 1: Giá trị xuất nhập khẩu của lĩnh vực ICT

Đơn vị: triệu USD

	2020	2021	2022	2023
Tổng Xuất khẩu	5.167	6.488	6.977	7.535
Tổng nhập khẩu	11.507	13.666	14.250	14.962
Giá trị nhập khẩu từ Mỹ	210	172	226	250
Tỷ giá hối đoái	14.582	14.308	14.850	N/A

Nguồn: Cục Thống kê Trung ương Indonesia, Global Trade Atlas. Tỷ giá hối đoái trung bình của đồng rupiah Indonesia sang đô la Mỹ từ Ngân hàng Thế giới.

Các lĩnh vực kinh doanh trong lĩnh vực CNTT được dự báo sẽ duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định, hơn nữa, tiềm năng kinh tế số của Indonesia dự kiến sẽ tăng trưởng nhanh chóng trong vài năm tới. Doanh thu trên thị trường dịch vụ CNTT dự kiến sẽ đạt 4,88 tỷ USD vào năm 2023. Giá công CNTT thống trị thị trường với khối lượng thị trường dự kiến là 1,69 tỷ USD vào năm 2023. Thị trường viễn thông Indonesia phát triển mạnh mẽ như một ngành công nghiệp tập trung vào thiết bị di động, có bốn nhà khai thác mạng lớn và một nhà cung cấp dịch vụ cố định tại Indonesia thống lĩnh với vị thế gần như độc quyền. Quy mô thị trường dịch vụ viễn thông Indonesia được định giá ở mức 12,9 tỷ USD vào năm 2022 và dự kiến sẽ tăng trưởng ở tốc độ CAGR hơn 1% trong giai đoạn dự báo, 2022-2027. Tăng trưởng sẽ được thúc đẩy bởi các khoản đầu tư liên tục vào việc mở rộng và phát triển mạng 4G/5G của các nhà khai thác lớn và sự gia tăng sau đó trong việc sử dụng dữ liệu di động, cũng như các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng viễn thông và CNTT để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong nước.

Về viễn thông, lĩnh vực này đang trải qua quá trình chuyển đổi lớn, được thúc đẩy bởi số lượng người dùng điện thoại di động và internet ngày càng tăng. Với hơn 355 triệu thuê bao di động, Indonesia có thị trường di động lớn thứ ba thế giới chỉ sau Ấn Độ và Trung Quốc. Theo Fitch Solutions, ước tính có 258 triệu thuê bao 4G và 79 triệu thuê bao 3G.

Có bốn công ty viễn thông tại Indonesia: Telkomsel, Indosat Ooredoo, XL Axiata và Smartfren. Nhà khai thác viễn thông nhà nước, Telkomsel dẫn đầu các phân khúc di động, thoại cố định và băng thông rộng cố định vào năm 2022. Dấu ấn mạnh mẽ của Telkomsel trong các phân khúc chuyển mạch kênh và VoIP sẽ hỗ trợ vị trí dẫn đầu của công ty trong phân khúc thoại cố định đến năm 2027.

Các lĩnh vực CNTT hàng đầu

- Vệ tinh và thiết bị mặt đất.
- Mạng cáp quang ngầm và trên đất liền.
- Thiết bị truyền thông vi sóng.
- Mạng LTE.

- Công nghệ đám mây.
- Giải pháp băng thông rộng.
- Chính phủ điện tử, Y tế điện tử, Mua sắm điện tử, bao gồm cả phần mềm nguồn mở.
- Truyền thông cảnh sát và an ninh.
- Hệ thống giám sát hàng hải và nghề cá.
- Dịch vụ giá trị gia tăng.

Cơ hội trong lĩnh vực này

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật số của Indonesia đang thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài có giá trị cao. Nhiều dự án cơ sở hạ tầng CNTT là trụ cột kinh tế để thu hút đầu tư vào công nghệ.

Một số dự án cơ sở hạ tầng CNTT:

- Dự án vành đai Palapa
- Một tuyến cáp đất liền và đường biển dài 35.000 km được xây dựng để cung cấp quyền truy cập internet tốc độ cao cho cả khu vực nông thôn và thành thị.
- Tháp trạm thu phát cơ sở (BTS)
- Cải thiện hơn nữa phạm vi phủ sóng internet, trên đỉnh của Dự án vành đai Palapa. Tính đến năm 2021, 39.062 ngôi làng có tháp BTS.
- Dự án vệ tinh SATRIA Ra mắt vào năm 2023 để cải thiện phạm vi phủ sóng internet ở biên giới, xa nhất và các khu vực khó khăn (quận 3T). Sau khi hoàn thành, nó sẽ cung cấp dung lượng 150 Gbps thông qua công nghệ vệ tinh thông lượng cao. AWS đầu tư 5 tỷ USD trong 15 năm tới.
- Xây dựng các trung tâm dữ liệu, chi phí vận hành các tiện ích và cơ sở vật chất để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Indonesia.

Quy mô thị trường Trung tâm dữ liệu Indonesia dự kiến sẽ tăng từ 2,06 tỷ USD năm 2023 lên 3,98 tỷ USD vào năm 2028 với tốc độ CAGR là 14,09% trong giai đoạn dự báo (2023-2028). Một trong những nguồn tăng trưởng quan trọng trong khu vực là nền kinh tế internet đang phát triển. Khu vực Jakarta lớn hơn được bao phủ bởi các phân khúc theo Điểm truy cập. Lớn, Không lồ, Trung bình, Siêu lớn, Nhỏ được bao phủ bởi các phân khúc theo Quy mô trung tâm dữ liệu. Bậc 1 và 2, Bậc 3, Bậc 4 được bao phủ bởi các phân khúc theo Loại bậc. Không sử dụng, đã sử dụng được bao phủ bởi các phân khúc theo Hấp thụ.

Phân khúc cấp 3 chiếm hơn 50% thị phần tại thị trường trung tâm dữ liệu Indonesia vào năm 2022. Dự kiến, phân khúc này sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 15% để đạt công suất tải CNTT là 652,6 MW vào năm 2029. Phân khúc cấp 4 dự kiến sẽ chứng kiến mức tăng trưởng cao nhất là 25,9% vào năm 2029. Tính đến năm 2022, có gần

25 cơ sở trung tâm dữ liệu cấp 3 tại quốc gia này, tiếp theo là tám trung tâm dữ liệu cấp 4. Nhu cầu ngày càng tăng từ khách hàng dự kiến sẽ thúc đẩy việc xây dựng các trung tâm dữ liệu cấp 3 và cấp 4 tại Indonesia trong những năm tới.

**Thông tin liên hệ :*

+World Cloud Show Jakarta tháng 11 năm 2023 <https://worldcloudshow.com/jakarta/>

Smart IoT Indonesia tháng 3 năm 2024 <https://www.smartiot-indonesia.com/>

Hội nghị thượng đỉnh về đổi mới trí tuệ nhân tạo lần thứ 4 năm 2024 <https://ai-innovation.id/>

+Triển lãm Internet Indonesia lần thứ 6 năm 2024 <https://indonesiainternetexpo.com/>

Bộ Truyền thông và Công nghệ thông tin (KOMINFO) <https://www.kominfo.go.id/>

Các bên quan tâm có thể liên hệ với Chuyên gia thương mại Yulie Tanuwidjaja theo địa chỉ email Yulie.Tanuwidjaja@trade.gov

Ngành hàng không của Indonesia:

Bảng 2: Tổng quy mô thị trường cho ngành hàng không

Đơn vị: triệu USD

	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng sản xuất nội địa	260	90	180	181	217
Tổng xuất khẩu	131	46	90	93	112
Tổng nhập khẩu	516	388	522	303	394
Giá trị nhập khẩu từ Hòa kỳ	140	126	144	95	123
Tổng Quy mô thị trường	645	432	612	391	499

Tỷ giá hối đoái	14.147	14.582	14.308	14.850	N/A
-----------------	--------	--------	--------	--------	-----

Các lĩnh vực hàng đầu của ngành hàng không

Ngành hàng không Indonesia mang lại nhiều cơ hội đáng kể vì đây là ngành lớn nhất Đông Nam Á, vì dân số Indonesia chiếm 41% tổng dân số Đông Nam Á. Indonesia là thị trường hàng không tăng trưởng nhanh thứ 2 trên thế giới sau Trung Quốc dựa trên giá trị mua máy bay và thương mại. Do Indonesia là một quần đảo bao gồm hơn 17.000 hòn đảo, nên việc di chuyển bằng đường hàng không là cần thiết để di chuyển cả người và hàng hóa. Những thách thức hiện tại bao gồm việc thiếu cơ sở hạ tầng để phát triển nhanh chóng ngành hàng không cũng như việc chính phủ quản lý nguồn nhân lực của mình để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Ngành hàng không trong nước bị ảnh hưởng nặng nề trong đại dịch COVID-19. Theo Hiệp hội các hãng hàng không quốc gia Indonesia (INACA), ngành hàng không Indonesia tiếp tục phục hồi khi lượng hành khách đã đạt 80% so với mức trước đại dịch. Các hãng hàng không tự tin về quỹ đạo nhu cầu sau khi du lịch hàng không tăng nhanh. Dữ liệu từ Cục Thống kê Indonesia (BPS) ghi nhận 7,1 triệu hành khách hàng không quốc tế và 52,6 triệu hành khách nội địa, tăng lần lượt 1.030,86% và 74,81% so với năm trước.

Hiện tại, Indonesia có 683 sân bay, trong đó có 35 sân bay thương mại do Doanh nghiệp tư nhân đầu tư.

Cơ hội cho lĩnh vực này

Cơ sở hạ tầng công cộng đang phát triển của Indonesia có thể mang đến những cơ hội đáng kể cho thị trường hàng không. Với các sân bay Indonesia vốn đã quá tải và sự gia tăng về lưu lượng hàng không, đầu tư và phát triển các sân bay mới gần các điểm đến du lịch nhất, việc cải tạo các sân bay hiện có, xây dựng và cải thiện cơ sở hạ tầng mặt đất, đường băng và hệ thống không lưu đều là những lĩnh vực đầy hứa hẹn cho sự tăng trưởng trong tương lai.

Thông tin liên hệ

Tổng cục Hàng không Dân dụng, Bộ Giao thông Vận tải,

<https://hubud.dephub.go.id/hubud/website/>

AirNav Indonesia <https://www.airnavindonesia.co.id/>

Hiệp hội các hãng hàng không quốc gia Indonesia (INACA) <https://inaca.or.id/>

Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) <https://www.iata.org/>

Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO) <https://www.icao.int/Pages/default.aspx>

Lĩnh vực năng lượng

Bảng 3: Tổng quy mô thị trường cho ngành năng lượng

Đơn vị: triệu USD

	2020	2021	2022	2023
Tổng sản xuất nội địa	984	1.027	1.083	1.147
Tổng xuất khẩu	787	821	866	917
Tổng nhập khẩu	4.751	4.960	5.232	5.545
Giá trị nhập khẩu từ Hoa kỳ	708	739	780	826
Tổng quy mô thị trường	4.948	5.165	5.450	5.776
Tỷ giá hối đoái	14.582	14.308	14.849	14.849

Nguồn: Cục Thống kê Trung ương Indonesia, Global Trade Atlas. Tỷ giá hối đoái trung bình của đồng rupiah Indonesia sang đô la Mỹ từ Ngân hàng Thế giới.

Indonesia đang tích cực tìm hiểu cách thức đa dạng hóa sản xuất năng lượng bằng các nguồn năng lượng tái tạo. Than là nguồn năng lượng lớn nhất cho các nhà máy điện với 61% tổng mức sử dụng. Chính phủ đã bày tỏ sự quan tâm đến cách thức có thể áp dụng công nghệ than sạch để giảm phát thải từ các nhà máy chạy bằng nhiên liệu hóa thạch. Ngành điện ở Indonesia đã tăng trưởng 6% hàng năm vào năm 2022 và theo Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản (MEMR), tỷ lệ điện khí hóa ở Indonesia đạt 99,63%. Các

khu vực Đông Nusa Tenggara và Maluku có tỷ lệ điện khí hóa thấp nhất, với lần lượt là 91% và 93% theo dữ liệu của MEMR.

Vào cuối năm 2022, tổng công suất phát điện lắp đặt là 81 Giga Watt. Trong số này, 48,04 GW (60,7%) được tạo ra bởi công ty điện lực nhà nước PT Perusahaan Listrik Negara (PLN), 20,18 GW (26,5%) bởi các nhà sản xuất điện độc lập, 5,64 GW (7,7%) bởi những

người nắm giữ giấy phép hoạt động, 3,58 GW (5,1%) bởi các công ty điện tư nhân và 55 MW còn lại (0,01%) bởi chính phủ. Hệ thống truyền tải quốc gia bao gồm khoảng 58.959 km đường dây điện và 77.514 Mega Volt Ampe công suất máy biến áp truyền tải. Hệ thống phân phối bao gồm khoảng 946.101 km đường dây truyền tải và 41.987 MVA công suất máy biến áp. Hệ thống phân phối có kế hoạch bổ sung thêm khoảng 456,5 km đường dây vào năm 2030.

Indonesia đã nhập khẩu 5,4 tỷ USD thiết bị năng lượng vào năm 2022, trong đó khoảng 15% bao gồm các sản phẩm có nguồn gốc từ Hoa Kỳ. Các nhà cung cấp lớn khác bao gồm Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Pháp và Đức. Các công ty Indonesia thường nhập khẩu sản phẩm của Hoa Kỳ trực tiếp hoặc thông qua đại lý/nhà phân phối tại Singapore.

Ngành lưới điện thông minh ngày càng trở nên quan trọng khi Indonesia nỗ lực tăng tỷ lệ điện khí hóa, đặc biệt tập trung vào các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa ở miền Đông Indonesia. Sáng kiến này phù hợp với mục tiêu của chính phủ là tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo lên 25% trong cơ cấu năng lượng vào năm 2030, đồng thời phù hợp với chương trình thành phố thông minh của Indonesia bao gồm 100 thành phố. Các quy định của chính phủ cung cấp khuôn khổ pháp lý để tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân vào truyền tải và phân phối thông qua cấp phép lưới điện siêu nhỏ. Những thách thức bao gồm thực tế là chính quyền Indonesia hiện tại có chính sách chung là kiểm soát chặt chẽ sản xuất và phân phối điện, thiếu minh bạch về chính sách, yêu cầu về nội dung địa phương và ưu tiên chi phí thấp hoặc giá thấp hơn chất lượng.

Các lĩnh vực hàng đầu của ngành năng lượng

Lĩnh vực sản xuất tuabin và các bộ phận tuabin, thiết bị truyền tải và phân phối, công nghệ lưới điện thông minh, thiết bị lưới điện siêu nhỏ, công nghệ tiết kiệm và hiệu quả năng lượng và công nghệ giảm phát thải.

Cơ hội cho lĩnh vực này

Kế hoạch sản xuất điện quốc gia mới cho giai đoạn 2021-2030 (RUPTL) dự báo nhu cầu điện ở Indonesia sẽ tăng 4,9% mỗi năm. Theo ước tính của RUPTL, đến năm 2030, nhu cầu điện từ 94,1 triệu khách hàng sẽ đạt 445 terawatt giờ (TWh) và tỷ lệ điện khí hóa sẽ đạt 100% vào năm 2022.

Để đạt được mục tiêu, lần đầu tiên được Tổng thống Jokowi công bố vào năm 2014 là tăng thêm 35 GW công suất phát điện sẽ cần tổng vốn đầu tư ước tính là 72,9 tỷ USD và lắp đặt 291 nhà máy điện, 732 đường dây truyền tải (75.000 tháp) và 1.375 trạm biến áp. Các lĩnh vực cơ hội bao gồm cung cấp thiết bị, công nghệ phát thải than, trạm biến áp, truyền tải, máy biến áp, thiết bị đo lường thông minh và phân phối. Ngoài ra, các dự án điện khí hóa sẽ tạo ra nhiều cơ hội hơn cho năng lượng tái tạo và khí đốt, bao gồm các công nghệ than sạch và phát thải thấp hơn.

MEMR của Indonesia đã khởi xướng một chế độ chính sách mới theo đó các dự án năng lượng tái tạo phải cạnh tranh trên cơ sở kinh tế nghiêm ngặt. Các quy định mới thiết lập chi phí chuẩn cho sản xuất điện trong mỗi khu vực. Miễn là đề xuất dự án dưới 85% chi phí khu vực, PLN được phép chấp nhận dự án thông qua đàm phán trực tiếp giữa nhà phát triển dự án và bên mua.

Kế hoạch năng lượng quốc gia đặt ra mục tiêu năng lượng tái tạo đầy tham vọng là đóng góp 23% vào cơ cấu năng lượng của Indonesia vào năm 2025, cao hơn 10% so với mức 13% hiện tại. Điều này tạo ra cơ hội trong các phân ngành như năng lượng mặt trời, nhiên liệu sinh học, năng lượng từ rác thải và xe điện. Nguồn năng lượng tái tạo lớn nhất ở Indonesia với tiềm năng khoảng 200 GW, năng lượng mặt trời, chẳng hạn như công nghệ quang điện mặt trời trên mái nhà, đang ngày càng có nhu cầu từ các chủ nhà, tòa nhà chính phủ, cơ sở công cộng và cơ sở thương mại. Ngoài ra, chính phủ Indonesia đang triển khai các dự án năng lượng mặt trời nổi, đặc biệt là trên đảo Java vì các dự án năng lượng mặt trời nổi ít thách thức hơn về mặt thu hồi đất. Trong khi đó, chính phủ Indonesia đã khởi động các dự án năng lượng từ rác thải tại 12 thành phố trên khắp Indonesia, bao gồm một số dự án đang tiến hành đấu thầu dự kiến trong tương lai. Mặc dù phần lớn các dự án không tiến triển nhanh như mong đợi nhưng một số dự án năng lượng từ rác thải đã tiến triển.

Đối với nhiên liệu sinh học, chính phủ Indonesia có kế hoạch phát triển các cơ sở lọc dầu xanh để tận dụng nguồn tài nguyên dầu cọ khổng lồ làm nhiên liệu sinh học cho nhu cầu nhiên liệu công nghiệp. Từ cuối năm 2018, biodiesel bán ra tại Indonesia có tỷ lệ hỗn hợp nhiên liệu sinh học là 20% nhưng đến năm 2019, Indonesia đã trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới triển khai tỷ lệ nhiên liệu sinh học là 30%. Indonesia cũng đang hướng tới mục

tiêu chuyển sang xe điện, với mục tiêu 20% doanh số bán ô tô là xe điện vào năm 2025 và chỉ có xe điện vào năm 2050. Quy định số 55 của Tổng thống năm 2019 nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp xe điện. Để hỗ trợ sự phát triển của ngành công nghiệp xe điện, đến năm 2030, PLN đặt mục tiêu xây dựng 31.000 trạm sạc điện công cộng. Với lượng niken dồi dào, làm vật liệu cho pin và hỗ trợ sản xuất xe điện, chính phủ Indonesia đã khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào ngành sản xuất pin của Indonesia.

Thông tin liên hệ :

+ Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản <https://www.esdm.go.id/en>

Tổng cục Điện lực, Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản
<https://www.esdm.go.id/en/profile/duties-functions/directorate-general-of-electricity>

+ Tổng cục Năng lượng Mới & Tái tạo và Bảo tồn Năng lượng, Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản <https://www.esdm.go.id/en/profile/duties-functions/directorate-general-of-new-renewable-energy-and-energy-conservation>

+ Công ty điện nhà nước - PT Perusahaan Listrik Negara <https://eproc.pln.co.id/>

APLSI (Hiệp hội Nhà sản xuất Điện độc lập Indonesia) <https://aplsi.id>

Các bên quan tâm có thể liên hệ với Chuyên gia Thương mại Mario Simanjuntak theo địa chỉ Mario.Simanjuntak@trade.gov

Lĩnh vực khai thác

Bảng 4: Tổng quy mô thị trường cho Thiết bị khai thác: 2020-2023

Đơn vị: triệu USD

	2020	2021	2022	2023
Tổng sản xuất nội địa	150	161	172	189
Tổng xuất khẩu	120	128	137	151

Tổng nhập khẩu	750	803	859	945
Giá trị nhập khẩu từ Hoa Kỳ	187	200	214	236
Tổng quy mô thị trường	1087	1163	1245	1369
Tỷ giá hối đoái	14.582	14.308	14.849	14.849

Nguồn: Cục Thống kê Trung ương Indonesia, Global Trade Atlas. Tỷ giá hối đoái trung bình của đồng rupiah Indonesia sang đô la Mỹ từ Ngân hàng Thế giới.

Indonesia là một quốc gia khai khoáng trên toàn cầu. Một số ước tính cho thấy quốc gia Đông Nam Á này cung cấp hơn một phần tư nguồn cung khoáng sản của thế giới. Indonesia có sản lượng đáng kể về than, đồng, vàng, thiếc, bô-xít và niken. Quốc gia quần đảo này sở hữu trữ lượng niken lớn nhất thế giới. Indonesia được xếp hạng là một trong ba quốc gia sản xuất than và niken lớn nhất thế giới. Để tận dụng nguồn tài nguyên khoáng sản của mình và thúc đẩy phát triển kinh tế và công nghiệp hóa, chính phủ Indonesia đã cấm xuất khẩu nguyên liệu thô để sản xuất quặng chưa qua chế biến vào năm 2020. Chính phủ đã yêu cầu nguyên liệu thô khai thác phải được chế biến trong nước thành hàng hóa cuối cùng trước khi được phép xuất khẩu ra toàn cầu. Các khoáng sản quan trọng, chẳng hạn như niken và coban, có vai trò quan trọng đối với sản xuất pin xe điện (EV). Hàng tỷ USD vốn toàn cầu đã đổ vào Indonesia để nâng cấp ngành khai thác khoáng sản hạ nguồn. Các công ty đang xây dựng các nhà máy ngâm axit quy trình cao (HPAL) để chế biến niken thành vật liệu EV.

Các lĩnh vực khai khoáng hàng đầu

- Lò.
- Giàn khoan.
- Radar xuyên đất (GPR).
- Công nghệ tinh chế và thiết bị chế biến khai khoáng.
- Cảm biến và lập bản đồ GIS.
- Hệ thống truyền thông.
- Công nghệ khai thác và xử lý vật liệu.

- Thiết bị hạng nặng.
- Chất bôi trơn.

Cơ hội cho lĩnh vực này

Các dự án khai khoáng đã thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng trên khắp Indonesia, bao gồm các cơ sở chế biến thượng nguồn, các khu kinh tế và công nghiệp đặc biệt và cơ sở hạ tầng chuỗi cung ứng, chẳng hạn như cảng. Các ưu tiên của chính phủ đối với hạ nguồn ngành công nghiệp và tích hợp hiệu quả năng lượng là những cơ hội thương mại chính. Các đề xuất đầy hứa hẹn bao gồm phát triển các cơ sở chế biến khoáng sản quan trọng để sản xuất vật liệu pin chất lượng cao. Những đề xuất khác liên quan đến việc phát triển pin hoặc lưu trữ năng lượng tại Indonesia để đẩy nhanh sản xuất xe điện và hỗ trợ quá trình khử cacbon cho nền kinh tế Indonesia. Các công nghệ lưu trữ pin giúp giải quyết những thách thức không liên tục mà các nguồn năng lượng tái tạo, chẳng hạn như nhà máy điện mặt trời và điện gió, ở vùng sâu vùng xa phải đối mặt.

Thông tin liên hệ:

+ Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản <https://www.esdm.go.id/en>

Tổng cục Khai khoáng và Than, Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản
<https://www.minerba.esdm.go.id/>

+ Công ty cổ phần khai khoáng nhà nước - MIND ID <https://www.mind.id>

Công ty pin nhà nước - PT Indonesia Battery Corporation (IBC)
<https://www.indonesiabatterycorp.com>

+ ASPINDO (Hiệp hội Dịch vụ Khai khoáng Indonesia) <https://www.aspindo-imsa.or.id>

APBI – ICMA (Hiệp hội Khai khoáng Indonesia) <https://www.apbi-icma.org>

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với Chuyên gia Thương mại Trianie Ananda theo địa chỉ email Trianie.Ananda@trade.gov

Dịch vụ Tài chính

Indonesia đang trong quá trình chuyển đổi số sẽ định hình lại không chỉ nền kinh tế mà cả xã hội. Ước tính dự án nền kinh tế kỹ thuật số mở rộng có thể bổ sung thêm 2.800 tỷ USD vào nền kinh tế Indonesia vào năm 2040. Năm 2022, tổng giá trị giao dịch thương mại điện

tử tại Indonesia là 51,9 tỷ USD. Indonesia là một trong những nền kinh tế lớn nhất và phát triển nhanh nhất ở ASEAN, đang chứng kiến sự gia tăng đáng kể trong việc áp dụng thanh toán kỹ thuật số. Dân số hơn 270 triệu người của quốc gia này, kết hợp với việc sử dụng rộng rãi điện thoại thông minh và các nỗ lực của chính phủ nhằm tăng cường hòa nhập tài chính, đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự phát triển của các hệ thống thanh toán mới và sáng tạo.

Ngân hàng Indonesia đã yêu cầu các dịch vụ thanh toán kỹ thuật số sử dụng mã QR chuẩn hóa để đảm bảo tất cả các ngân hàng và ví điện tử có thể tương tác với nhau. Thanh toán QR đã tăng gấp ba lần mỗi năm kể từ khi chuẩn hóa và vào năm 2022, con số này đạt 98.500 tỷ IDR. Indonesia có 22,4 triệu thương gia đã đăng ký, vượt xa các nước ASEAN còn lại và con số này dự kiến sẽ tăng gấp đôi lên 45 triệu vào năm 2023. Số lượng thuê bao băng thông rộng cố định tại Indonesia được báo cáo là 13,4 triệu thuê bao vào năm 2022.

Có nhiều công ty FinTech của Indonesia tại Indonesia. Nhìn chung, các công ty khởi nghiệp thống trị lĩnh vực này, chẳng hạn như thanh toán, đầu tư bán lẻ, dẫn đầu hoặc cho vay, lập kế hoạch tài chính, huy động vốn cộng đồng, kiều hối và nghiên cứu tài chính. Ngành công nghệ tài chính của Indonesia vẫn tiếp tục hoạt động tương đối tích cực trong năm qua mặc dù nguồn vốn mới đổ vào ngành kinh tế kỹ thuật số trên toàn cầu đã giảm. Theo dữ liệu do Bộ trưởng Bộ Truyền thông và Tin học Indonesia (KOMINFO) công bố vào tháng 12 năm 2022, mặc dù nguồn vốn đổ vào các công ty khởi nghiệp kỹ thuật số của Châu Á đã giảm 60% so với cùng kỳ năm trước, giá trị giao dịch trong ngành công nghệ tài chính của Indonesia đã tăng 39% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng trưởng cao thứ hai trong số các nước G20 trong đại dịch COVID-19.

Sau đây là các công ty FinTech Indonesia phát triển nhanh nhất theo điểm nổi bật về tài chính của IDC:

1. Ajaib (quỹ tương hỗ kỹ thuật số)
2. Kredivo (thương mại điện tử và công nghệ tài chính kỹ thuật số)
3. Modalku (cho vay ngang hàng)
4. OnlinePajak (ứng dụng thuế trực tuyến)
5. OVO (ví điện tử)
6. GO-PAY (ví điện tử)
7. DANA (ví điện tử)

8. Spenmo (phần mềm quản lý chi phí)
9. Pace (nền tảng thanh toán trực tuyến)
10. Whiz (fintech dành cho thanh thiếu niên)

Ngành công nghệ tài chính tại Indonesia được quản lý bởi hai cơ quan chính phủ, Ngân hàng Indonesia (BI) và Cơ quan dịch vụ tài chính (OJK). Ngân hàng Indonesia giám sát chính sách tiền tệ và hệ sinh thái thanh toán, trong khi OJK giám sát cho vay ngang hàng, huy động vốn cộng đồng, ngân hàng kỹ thuật số, bảo mật dữ liệu tài chính, công nghệ bảo hiểm và bảo vệ người tiêu dùng tài chính. Cả hai cơ quan đều có các bộ phận công nghệ tài chính và thường xuyên hợp tác với các bên liên quan trong ngành và duy trì các chiến lược dài hạn khuyến khích phát triển lĩnh vực công nghệ tài chính.

Một số nỗ lực đang được tiến hành để phát triển hơn nữa ngành dịch vụ tài chính tại Indonesia, bao gồm:

- + OJK đã triển khai kế hoạch hành động quốc gia có tên “Kế hoạch hành động và lộ trình đổi mới tài chính số 2020-2024”. Kế hoạch này nhằm mục đích phát triển một hệ sinh thái tài chính số toàn diện và hỗ trợ để đảm bảo rằng ngành dịch vụ tài chính có khả năng cạnh tranh, có khả năng phục hồi trước sự thay đổi và phù hợp với tương lai.

- + OJK cũng đã công bố “Kế hoạch tổng thể cho Ngành dịch vụ tài chính Indonesia (MPSJKI) 2021-2025”, tập trung vào vai trò của ngành dịch vụ tài chính trong việc hỗ trợ phục hồi kinh tế sau đại dịch của Indonesia.

Để hỗ trợ cho MPSJKI 2021-2025, OJK cũng đã công bố Lộ trình phát triển ngân hàng Indonesia 2020-2025 (RP2I) tập trung vào việc tăng cường lợi thế cạnh tranh của ngành dịch vụ tài chính, khuyến khích sử dụng các công nghệ mới nổi như AI, thúc đẩy hợp tác công nghệ giữa các doanh nghiệp, thúc đẩy giáo dục tài chính và cải thiện các quy định, cấp phép và giám sát thông qua các giải pháp kỹ thuật số.

Các lĩnh vực tài chính hàng đầu

Ví điện tử kỹ thuật số: Giá trị giao dịch tiền điện tử tăng 30,84% vào năm 2022 lên 399,6 nghìn tỷ IDR. Dựa trên quý 1 năm 2023, các công ty cung cấp Ví điện tử hàng đầu tại Indonesia là GoPay, OVO, DANA, ShopeePay, LinkAja, Doku, Sakuku, i.Saku và Octo Mobile.

Giao dịch tiền điện tử tại Indonesia từ năm 2018-2023*Đvt : Triệu IDR*

Giai đoạn	2018	2019	2020	2021	2022
Giá trị	47.198.616	145.165.468	204.909.170	305.400.000	399.600.000

Nguồn: Ngân hàng Indonesia

+*Cho vay ngang hàng FinTech*: Tính đến tháng 7 năm 2023, có 95 công ty cho vay ngang hàng (P2P) thông thường và 7 công ty cho vay ngang hàng (P2P) theo luật Shariah, theo số liệu thống kê do OJK biên soạn. Ngân hàng Indonesia dự báo Tiền điện tử sẽ tăng trưởng 23,9% vào năm 2023 lên 495.200 tỷ IDR từ năm 2022. Bốn phân khúc chính đóng góp vào sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành công nghệ tài chính Indonesia là:

** Ngân hàng kỹ thuật số*

Mặc dù ngành ngân hàng kỹ thuật số bắt đầu chậm lại vào năm 2023 khi tác động của "hạn chế tài trợ" bắt đầu ảnh hưởng đến Indonesia, nhưng trong năm trước, xu hướng là nhiều tập đoàn công nghệ tài chính và nền tảng kỹ thuật số hơn mua lại các ngân hàng nhỏ hơn của Indonesia với mục đích biến chúng thành ngân hàng kỹ thuật số và các vòng huy động vốn tiếp theo của họ. Xu hướng này phù hợp với chính sách dài hạn của OJK là hợp nhất số lượng ngân hàng tại Indonesia để giúp chúng dễ quản lý hơn theo quan điểm quản lý. Một số ngân hàng được các tập đoàn công nghệ tài chính và nền tảng kỹ thuật số mua lại là các ngân hàng nông thôn chứ không phải là các ngân hàng thương mại.

** Thanh toán kỹ thuật số*

Hoạt động huy động vốn và M&A trong lĩnh vực thanh toán của Indonesia vẫn tiếp tục mặc dù có "mùa đông tài trợ" được ghi nhận ở các khu vực pháp lý khác. Một số giao dịch này đã đặt các quy định thanh toán gần đây nhất của Ngân hàng Indonesia vào thử thách. Các quy định đó bao gồm Quy định số 22/23/PBI/2020 của Ngân hàng Indonesia, Quy định

số 23/6/PBI/2021 của Ngân hàng Indonesia về Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, Quy định số 23/7/PBI/2021 của Ngân hàng Indonesia về Nhà cung cấp cơ sở hạ tầng thanh toán và Quy định số 24/7/PADG/2022 của các thành viên Hội đồng quản trị, được ban hành vào tháng 6 năm 2022.

** Tài chính kỹ thuật số*

Vào tháng 7 năm 2022, OJK cuối cùng đã ban hành những thay đổi được mong đợi từ lâu đối với quy định về nền tảng P2P. Quy định mới, Quy định OJK số 10/POJK.05/2022 (POJK 10/2022), có hiệu lực vào ngày 4 tháng 7 năm 2022 và thay thế Quy định OJK số 77/POJK.01/2016 (POJK 77/2016). Đã có sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa các nền tảng cho vay ngang hàng và các ngân hàng; đã có sự sụt giảm trong các khoản vay được chuyển đến khu vực sản xuất; đã có sự gia tăng quan tâm đến tài chính chuỗi cung ứng; đã có sự gia tăng hoạt động trong không gian Tiếp cận tiền lương sớm (EWA), ngày càng nhiều nền tảng công nghệ hợp tác với các công ty để cho phép nhân viên của công ty sau này rút một phần lương của họ sớm hơn.

** Tài sản kỹ thuật số*

Vào tháng 8 năm 2022, Bappebti đã ban hành một quy định mới mở rộng danh sách tài sản tiền điện tử có thể được giao dịch tại Indonesia từ 229 lên 383. Các cơ quan quản lý của Indonesia đã tăng cường giám sát và thực thi quy định đối với các công ty tài sản tiền điện tử, thúc đẩy các công ty này cân nhắc việc tổ chức lại công ty. Có nhiều hoạt động liên quan đến tài sản kỹ thuật số nói chung hơn, bao gồm việc các công ty ngày càng sử dụng nhiều mã thông báo không thể thay thế (NFT) trong các chiến dịch tiếp thị của họ, đặc biệt là để thu hút khách hàng trẻ tuổi. Luật Tổng hợp về Dịch vụ Tài chính quy định rằng việc giám sát tài sản tài chính kỹ thuật số, bao gồm tài sản tiền điện tử, sẽ được chuyển từ Bappebti sang OJK vào ngày 12 tháng 1 năm 2025. Trong thời gian chuyển tiếp, OJK có thể sẽ ban hành thêm các quy định về tài sản kỹ thuật số.

Cơ hội cho lĩnh vực này

Hiện tại, các công ty FinTech Indonesia đang có tốc độ tăng trưởng rất nhanh. Chỉ trong vài năm, các công ty khởi nghiệp công nghệ tài chính tại Indonesia đã tăng trưởng về số lượng. Ngành công nghệ tài chính của Indonesia là một trong những ngành công nghiệp

đầy triển vọng của nước này. Indonesia là nơi có 20% tổng số công ty công nghệ tài chính tại ASEAN và dự kiến sẽ tạo ra doanh thu trị giá 8,6 tỷ đô la vào năm 2025.

Công nghệ tài chính đã có sự gia tăng đáng kể trong trạng thái bình thường mới do đại dịch COVID-19. Tiềm năng thâm nhập người dùng cao hơn và sự gia tăng đáng kể các giao dịch kỹ thuật số trong tương lai đã tạo đà cho sự phát triển của công nghệ tài chính. Một

trong những động lực chính thúc đẩy thành công của công nghệ tài chính tại Indonesia là việc áp dụng nhanh chóng các nền tảng kỹ thuật số. Các nền tảng này đã đơn giản hóa các giao dịch như ví điện tử, ngân hàng trực tuyến và Mã phản hồi nhanh Tiêu chuẩn Indonesia (QRIS), tạo điều kiện chuyển đổi từ các hoạt động tài chính truyền thống ngoại tuyến sang trực tuyến.

Mặc dù lĩnh vực công nghệ tài chính có sự tăng trưởng ấn tượng, nhưng cần phải giải quyết những thách thức cụ thể. Theo OJK, có khoảng cách 8,3% giữa hiểu biết về tài chính và khả năng hòa nhập vào các nền tảng công nghệ tài chính. Điều này cho thấy một số cá nhân biết đến các dịch vụ công nghệ tài chính nhưng cần nhiều phương tiện hơn để tiếp cận chúng. Trong giai đoạn 2018-2022, chính quyền đã xử lý 4.432 vụ cho vay công nghệ tài chính bất hợp pháp, nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Chính phủ Indonesia đã có những bước đi chủ động để giải quyết các thách thức bằng cách triển khai Chiến lược quốc gia về giáo dục tài chính Indonesia (Strategi Nasional Literasi Keuangan Indonesia/SNLKI) giai đoạn 2021-2025. Chiến lược này đặt mục tiêu đạt được 90% khả năng tiếp cận tài chính vào năm 2024.

Theo chiến lược này, một số sáng kiến đã được đưa ra, bao gồm việc tạo ra các Khóa học trực tuyến mở rộng rãi (MOOC) và cung cấp máy tính tài chính trên trang web OJK để đánh giá sức khỏe tài chính và lập kế hoạch tài chính hợp lý. Các công ty công nghệ tài chính, bao gồm các công ty và hiệp hội, đã liên kết các sáng kiến của họ với chiến lược SNLKI. Chính phủ và ngân hàng trung ương Indonesia đang tích cực tạo điều kiện cho các hệ thống thanh toán kỹ thuật số vì các khoản thanh toán này hiệu quả và minh bạch hơn.

Sự quan tâm cao độ của công chúng đối với các giao dịch kỹ thuật số đã thúc đẩy Ngân hàng Indonesia tiếp tục đẩy nhanh và phát triển quá trình số hóa hệ thống thanh toán. Chính phủ Indonesia đang nỗ lực thực hiện các cải tiến liên quan đến tài chính kỹ thuật số. Các mục tiêu không chỉ dành cho công chúng mà còn dành cho chính phủ ở cấp quốc gia và

khu vực. Một trong những cải tiến do chính phủ thực hiện là ra mắt thẻ tín dụng trong nước dành cho phân khúc chính phủ. Thẻ tín dụng có thương hiệu Kartu Kredit Indonesia hay KKI là một công cụ thanh toán dựa trên thẻ tín dụng với quy trình xử lý trong nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua hàng hóa và dịch vụ của chính quyền trung ương và khu vực.

Một cải tiến khác trong ngành công nghệ tài chính là ra mắt QRIS xuyên biên giới giữa Indonesia và một số nước ASEAN. Hợp tác xuyên biên giới trong việc sử dụng mã QR dựa trên tiền tệ địa phương sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thanh toán của người dân ở cả hai quốc gia để hỗ trợ thương mại và đầu tư. Việc mở rộng các giao dịch kỹ thuật số không chỉ nhằm mục đích thúc đẩy tăng trưởng giao dịch mà còn mở rộng thị phần của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME), thông qua mua sắm trực tuyến. MSME đã trở thành mục tiêu của chính phủ trong việc phát triển các giao dịch kỹ thuật số, đặc biệt là sử dụng QRIS. Cho đến nay, việc sử dụng QRIS vẫn do UMKM (89%) thống trị với các sản phẩm địa phương.

Thông tin liên hệ:

+ Hội nghị thượng đỉnh và triển lãm công nghệ tài chính Indonesia ngày 23-24 tháng 11 năm 2023 <https://fintech.id/ifse>

Bulan Fintech Nasional ngày 11 tháng 11 - ngày 12 tháng 12 năm 2023

+ Ngân hàng Indonesia (BI) <https://www.bi.go.id/id/default.aspx>

Cơ quan dịch vụ tài chính (OJK) <https://ojk.go.id/en/default.aspx>

+ AFTECH (FinTech Indonesia) <https://fintech.id/id>

AFPI (Hiệp hội cho vay công nghệ tài chính Indonesia) <https://afpi.or.id/>

Bappebti <https://www.bappebti.go.id/>

Các bên quan tâm có thể liên hệ với Chuyên gia thương mại Yulie Tanuwidjaja theo địa chỉ email Yulie.Tanuwidjaja@trade.gov

Nhượng quyền thương mại

Bảng 6: Top 5 dịch vụ thực phẩm (theo giá trị) năm 2021-2022

STT	Tên nhãn hàng	Category	Số lượng điểm bán	Doanh thu (Triệu USD)
-----	---------------	----------	----------------------	--------------------------

			2021	2022	2021	2022
1	McDonald's (Rekso Group)	Thức ăn nhanh	235	269	303,6	409,8
2	KFC (Fastfood Indonesia PT, Tbk)	Thức ăn nhanh	713	719	345,8	408,2
3	Pizza Hut (Sarimelati Kencana, PT, Tbk)	Thức ăn nhanh	540	562	238,7	247,2
4	Starbucks (Sari Coffee Indonesia, PT)	Quán Cafe	443	443	110,5	154,9
5	Burger King (Sari Burger Indonesia, PT)	Thức ăn nhanh	172	240	42,8	59,9

Nguồn: **Euromonitor International**

Bảng 7: Số lượng nhượng quyền 2012-2023

Nhượng quyền	2012-2023
Nhượng quyền tăng thêm	650
Nội địa	130
Nước ngoài	520

Nguồn: Bộ thương mại và hiệp hội nhượng quyền Indonesia

Indonesia có tiềm năng kinh doanh nhượng quyền thương mại lâu dài mạnh mẽ. Ngành công nghiệp nhượng quyền thương mại bắt đầu được ưa chuộng rộng rãi vào đầu những năm 1990 khi nhiều công ty nhượng quyền thương mại nổi tiếng của Hoa Kỳ đến Indonesia. Các lĩnh vực nhượng quyền thương mại nhà hàng và thực phẩm của Indonesia đã liên tục tăng trưởng trong thập kỷ qua do mức thu nhập khả dụng ngày càng tăng và mối quan tâm lớn hơn đến việc giao lưu ngoài gia đình và nơi làm việc. Một số người Indonesia đến nhà hàng trong khi chờ tình trạng tắc đường vào cuối buổi chiều và buổi tối của Indonesia tan biến.

Hầu hết những người tìm kiếm nhượng quyền thương mại của Indonesia đều quan tâm đến các khái niệm kinh doanh thực phẩm và đồ uống sáng tạo và đã thành danh như nhà hàng sang trọng, Nhà hàng phục vụ nhanh, chuỗi cửa hàng pizza, chuỗi cửa hàng hamburger, chuỗi cửa hàng cà phê và cửa hàng kem. Hầu hết các thương hiệu F&B nổi tiếng của Hoa Kỳ đều có mặt tại Indonesia, chẳng hạn như Kentucky Fried Chicken, Domino Pizza, Pizza

Hut, McDonalds, Burger King, Carl's Jr. Starbucks, Dunkin Donuts và Baskin Robbins. Thương hiệu F&B mới nhất của Hoa Kỳ thâm nhập vào Indonesia là Subway, từng có mặt tại quốc gia này vào đầu năm 2000. Kể từ khi khai trương vào tháng 10 năm 2021, Subway hiện có 88 cửa hàng trên khắp Indonesia.

Tổng giá trị của ngành dịch vụ thực phẩm Indonesia đã tăng trưởng ở mức CAGR là 13,42% trong giai đoạn dự báo 2023-2029. Doanh số dịch vụ thực phẩm đạt 48,73 tỷ đô la vào năm 2023 và dự kiến sẽ đạt 103,76 tỷ đô la vào năm 2029. Các nhà hàng phục vụ đầy đủ chiếm 83 phần trăm tổng doanh số dịch vụ thực phẩm, tiếp theo là thức ăn nhanh (6,3%), quán cà phê/quán bar (6,0%), quầy hàng rong (4,6%) và căng tin tự phục vụ (1%).

Các bên nhượng quyền nên cân nhắc tham dự các sự kiện thương mại nhượng quyền lớn như Triển lãm và Hội nghị về Khái niệm kinh doanh, Giấy phép & Nhượng quyền quốc tế thường niên và Triển lãm Giấy phép nhượng quyền Indonesia, cả hai đều thường được tổ chức tại Jakarta, Indonesia.

Các lĩnh vực nhượng quyền hàng đầu

135 nhà cung cấp nhượng quyền từ các tập đoàn trong nước và quốc tế đã có giấy chứng nhận đăng ký nhượng quyền (STPW) vào cuối tháng 7 năm 2023. Con số này tăng 5% so với năm trước. Trong số các nhượng quyền thương mại địa phương do Bộ Thương mại ghi nhận, khoảng 58,37% trong số đó thuộc lĩnh vực thực phẩm và đồ uống. Tiếp theo là lĩnh vực bán lẻ với 15,31% và giáo dục phi chính thức với 13,40%. Trong khi đó, khoảng 63% các nhượng quyền thương mại nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống. Tiếp theo là lĩnh vực giáo dục phi chính thức với 14,52% và bán lẻ với 13,71%. Các lĩnh vực đa dạng như giáo dục phi chính thức, bán lẻ, phòng tập thể dục và giặt là đã có sự tăng trưởng trong năm gần đây.

Các nhà đầu tư trong nước đang tiếp nhận các nhượng quyền thương mại nổi tiếng và lâu đời của Hoa Kỳ. Chất lượng, nhận diện thương hiệu và sự đổi mới đều đóng vai trò lớn

trong thành công của các nhượng quyền thương mại Hoa Kỳ với các nhà đầu tư Indonesia. Ngoài giá sản phẩm, các bên nhượng quyền thương mại Hoa Kỳ phải cân nhắc việc thích ứng với thị hiếu địa phương để đảm bảo thành công tại thị trường Indonesia.

Cơ hội cho lĩnh vực này

Các cơ hội nhượng quyền thương mại phổ biến nhất tại Indonesia là trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống, chiếm khoảng hơn 63%. Các thương hiệu do Indonesia phát triển thống lĩnh thị trường, tiếp theo là các thương hiệu của Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước Đông Nam Á.

Thu nhập khả dụng tăng và dân số trẻ đông đảo khiến Indonesia trở thành một cơ hội thị trường hấp dẫn. Nhu cầu về quán cà phê, nhà hàng và quán bar tiếp tục tăng ở các thành phố lớn của Indonesia. Cộng đồng trung lưu đang phát triển của Indonesia tìm kiếm ẩm thực quốc tế, sự tiện lợi và các địa điểm giao lưu sau giờ làm việc.

Các cuộc thảo luận gần đây với các nhóm nhà đầu tư Indonesia cho thấy sự e dè ngày càng tăng đối với việc hợp tác với các thương hiệu nước ngoài mới và ưu tiên củng cố các thương hiệu hiện có của họ. Một yếu tố góp phần là sự mất giá của đồng rupiah so với đồng đô la Mỹ. Tuy nhiên, các nhóm nhà đầu tư mới đang thể hiện sự quan tâm đến việc bắt đầu chuỗi nhượng quyền thương mại đầu tiên của họ. Mặc dù các nhóm này tương đối thiếu kinh nghiệm, nhưng họ có thể là một lựa chọn phù hợp cho các công ty nhượng quyền thương mại của Hoa Kỳ hy vọng thâm nhập vào thị trường Indonesia.

Thông tin liên hệ:

+ Euromonitor: <https://euromonitor.com>

+ Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia: <https://www.kemendag.go.id>

+Hiệp hội nhượng quyền thương mại Indonesia (AFI): <https://https://www.franchiseindonesia.or.id/>

Perhimpunan Waralaba & License Indonesia (WALI): <https://infobrand.id/>

Các bên quan tâm có thể liên hệ với Chuyên gia thương mại Fidhiza Purisma tại Fidhiza.Purisma@trade.gov.

Lĩnh vực chăm sóc sức khỏe (Thiết bị & Thiết bị y tế)

Bảng 8: Tổng quy mô thị trường chăm sóc sức khỏe

Đơn vị: triệu USD

	2020	2021	2022	2023
Tổng quy mô thị trường	3.355	3.586	1.705	1.433
Tổng sản xuất nội địa	2.126	2.331	2.564	2.808
Tổng xuất khẩu	955	1.377	2.724	3.342
Tổng nhập khẩu	2.183	2.633	1.865	1.968
Giá trị nhập khẩu từ Hoa Kỳ	192	255	207	221
Tỷ giá hối đoái	14.582	14.308	14.850	N.A.

Tổng quy mô TT = (Tổng sản xuất nội địa + Tổng nhập khẩu) - (Tổng xuất khẩu)

Nguồn: Hiệp hội sản xuất thiết bị y tế Indonesia (ASPAKI) và Global Trade Atlas

Tỷ giá hối đoái trung bình của đồng Rupiah Indonesia sang đô la Mỹ từ Ngân hàng Thế giới.

18,6 triệu người Indonesia trên 65 tuổi theo Cục Thống kê Indonesia (BPS). Đến năm 2025, 12,5% dân số Indonesia sẽ là người cao tuổi, tăng 45% so với năm 2015 (8,6%). Các bệnh không lây nhiễm (NCD) phổ biến nhất ở Indonesia là tăng huyết áp, bệnh tim, hen phế quản, suy thận mãn tính, tiểu đường, đột quỵ và ung thư. Các bệnh gây tử vong nhiều nhất vào năm 2019 là đột quỵ, bệnh tim thiếu máu cục bộ và tiểu đường, tất cả đều tăng gấp đôi so với tổng số một thập kỷ trước vào năm 2009.

Là quốc gia đông dân thứ tư trên thế giới, Indonesia có tiềm năng lớn cho các nhà xuất khẩu thiết bị và dụng cụ y tế. Mặc dù chính phủ Indonesia đã thực hiện các yêu cầu về nội

dung địa phương và thuế nhập khẩu, Indonesia vẫn tiếp tục dựa vào các thiết bị y tế tiên tiến nhập khẩu. Việc nâng cao nhận thức của công chúng về tầm quan trọng của chăm sóc sức khỏe, việc mở rộng các bệnh viện công và tư, và việc triển khai hệ thống bảo hiểm y tế công của Indonesia được gọi là "BPJS-Kesehatan" (Jaminan Kesehatan Nasional, hay JKN) vào năm 2014, đã dẫn đến nhu cầu ngày càng tăng đối với các thiết bị y tế hiện đại và tinh

vi hơn. Tính đến tháng 7 năm 2023, phạm vi thành viên đã đạt 258,2 triệu người, tương đương khoảng 90,34% tổng dân số Indonesia. Chương trình này sẽ làm tăng nhu cầu về thiết bị và vật tư y tế tiên tiến.

Tổng lượng thiết bị y tế nhập khẩu tăng từ 2.183 tỷ Rupiah vào năm 2020 lên 2.633 tỷ Rupiah vào năm 2021. Sau đó, giảm xuống còn 1.865 tỷ Rupiah vào năm 2022 do Chính phủ Indonesia triển khai chính sách Yêu cầu về nội dung địa phương (TKDN) đóng băng việc mua sắm của chính phủ đối với 79 danh mục hoặc hơn 5.400 sản phẩm thiết bị y tế nhập khẩu. Thiết bị y tế có nguồn gốc từ Hoa Kỳ chiếm 11,13 phần trăm lượng nhập khẩu trong lĩnh vực này. (Nguồn: Bộ Thương mại Hoa Kỳ *Global Trade Atlas -GTA*).

Chăm sóc sức khỏe là ưu tiên trong chương trình nghị sự quốc gia của Indonesia và chính quyền trung ương và khu vực tiếp tục xây dựng và nâng cấp các cơ sở chăm sóc sức khỏe. Indonesia hiện có 3.042 bệnh viện, trong đó khoảng 63 phần trăm do tư nhân quản lý. Theo Cục Thống kê Indonesia (BPS), tính đến năm 2022, có 10.374 Trung tâm cộng đồng y tế công cộng (PUSKESMAS) cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu toàn diện và tiêm chủng.

Năm 2020, chính phủ Indonesia đã bắt đầu quá trình thúc đẩy hợp nhất các bệnh viện công do nhà nước sở hữu nhằm tăng hiệu quả hoạt động và chất lượng chăm sóc thông qua chuẩn hóa. PT Pertamina Bina Medika, còn được gọi là Pertamedika IHC (Tập đoàn Y tế Indonesia), là đơn vị nắm giữ các bệnh viện do nhà nước sở hữu và được xếp hạng là tập đoàn bệnh viện lớn thứ hai tại Indonesia với hơn 6.500 giường bệnh. Là một công ty có chủ sở hữu phần lớn của Pertamina (Persero) có hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực y tế, Pertamedika IHC hiện có 36 bệnh viện do nhà nước sở hữu, 8 công ty con, 39 bệnh viện KSO và 145 Mạng lưới Phòng khám Pertamedika IHC trải rộng khắp Indonesia. Pertamedika IHC đã chủ động phát triển các dịch vụ trên toàn cầu bằng cách thành lập Bệnh viện Quốc tế Bali hợp tác với Phòng khám Mayo. Bệnh viện Quốc tế Bali sẽ là trung

tâm của Khu kinh tế đặc biệt y tế mới trên Bãi biển Sanur do Pertamina IHC sở hữu và điều hành.

Thiết bị y tế phải chịu thuế nhập khẩu từ 5% - 30%, tùy theo loại, ngoài thuế giá trị gia tăng tiêu chuẩn là 10% (Nguồn: Quy định số 6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Indonesia về Quy định phân loại hàng hóa và Biểu thuế nhập khẩu). Chính phủ Indonesia cấm nhập

khẩu thiết bị y tế đã qua sử dụng hoặc tân trang. Chính phủ Indonesia yêu cầu chứng nhận halal đối với thuốc, sản phẩm sinh học và thiết bị y tế (alkes) nhập khẩu và lưu hành trong nước. Quy định này có hiệu lực vào ngày 19 tháng 1 năm 2023. Nghĩa vụ này được quy định trong Quy định của Tổng thống (Perpres) số 6/2023 về Chứng nhận Halal đối với Thuốc, Sản phẩm sinh học và Thiết bị y tế. Chứng nhận halal tự nguyện dự kiến sẽ bắt đầu vào năm 2021 nhưng chứng nhận sẽ không bắt buộc đối với thiết bị y tế cho đến những ngày sau: Thiết bị y tế loại A: 2026; Thiết bị y tế loại B: 2029; Thiết bị y tế loại C: 2034; và Thiết bị y tế loại D: 2039.

Chính phủ Indonesia đã triển khai hệ thống mua sắm trực tuyến (e-Katalog) vào năm 2014 cho các sản phẩm y tế sẽ được sử dụng theo hệ thống bảo hiểm y tế công cộng quốc gia. Cơ quan Chính phủ về Mua sắm Hàng hóa (Lembaga Kebijakan Pengadaan Barang/Jasa Pemerintah “LKPP”) quản lý hệ thống e-Katalog, được tạo ra để tăng tính minh bạch và đơn giản hóa các giao dịch cho các sản phẩm có thể được hoàn trả theo hệ thống bảo hiểm y tế quốc gia. Hàng nghìn thiết bị y tế và hàng trăm loại dược phẩm được liệt kê trong hệ thống, cho phép các bệnh viện và phòng khám công và tư mua thiết bị y tế với mức giá đã thương lượng trước mà không cần đấu thầu công khai của bệnh viện hoặc quốc gia. Hệ thống mua sắm e-Katalog của LKPP cung cấp cơ sở dữ liệu có thể tìm kiếm công khai và hệ thống đặt hàng cho tất cả các thiết bị y tế và dược phẩm được liệt kê, cùng với giá niêm yết hiện tại của chúng.

Vào tháng 6 năm 2021, Indonesia đã đưa ra Yêu cầu về nội dung địa phương (TKDN) cấm nhập khẩu hơn 5.400 sản phẩm thiết bị y tế nhập khẩu trong 79 danh mục từ hệ thống mua sắm công e-Katalog LKPP được các bệnh viện và phòng khám sử dụng. Đối với 79 danh mục đó, chỉ những thiết bị y tế sản xuất trong nước được chứng nhận có 40% nội dung địa phương mới được đưa vào hệ thống e-Katalog. Vào tháng 2 năm 2022, Bộ Y tế Indonesia đã ra mắt e-Katalog theo ngành cho các thiết bị y tế. Trước đây, e-Katalog do LKPP quản

lý và được gọi là e-Katalog quốc gia, dành cho tất cả các sản phẩm do các tổ chức chính phủ mua sắm từ đèn đường đến máy tạo nhịp tim. e-Katalog của LKPP hiện được chia thành e-Katalog quốc gia cho các mặt hàng bắt buộc trên toàn quốc và e-Katalog theo ngành, dành riêng cho các bộ như Bộ Y tế.

Điều này có nghĩa là các thiết bị y tế, dụng cụ hỗ trợ sức khỏe và sản phẩm chăm sóc sức khỏe gia đình sẽ không còn được LKPP xem xét nữa mà do Bộ Y tế Indonesia xem xét.

e-Katalog theo ngành dành cho các thiết bị y tế do Bộ Y tế Indonesia và LKPP cùng Ủy ban xóa bỏ tham nhũng (KPK) giám sát trực tiếp. Bộ Y tế ra mắt e-Katalog theo ngành như một sự chuyển đổi công nghệ mua sắm trong nước để trở nên nhanh chóng, minh bạch, độc lập, có trách nhiệm và đáng tin cậy. Các nhà sản xuất thiết bị y tế trong nước sẽ được ưu tiên trong e-Katalog theo ngành miễn là họ đủ điều kiện.

Vào tháng 7 năm 2022, Bộ Công nghiệp Indonesia đã ban hành Quy định 31/2022 về Quy định và Thủ tục Tính toán Yêu cầu Nội dung Địa phương (TKDN) đối với Thiết bị Y tế và Thiết bị Y tế Chẩn đoán In Vitro. Tính toán nội dung địa phương được chia thành các khía cạnh sản xuất, chẳng hạn như nguyên liệu thô, sản xuất và đóng gói, chiếm 80 phần trăm tổng số tính toán, với các khía cạnh phát triển, bao gồm chi phí lao động và chi phí nhà máy, chiếm 20 phần trăm còn lại. Quy định này cũng bao gồm các biện pháp chi tiết về từng yếu tố, xác minh và thực hiện giám sát.

Indonesia Hiện Cho phép Nước ngoài Sở hữu 100% các Công ty Con Thiết bị Y tế. Quy định của Tổng thống Số 10 năm 2021 về "Lĩnh vực Kinh doanh Đầu tư" được ban hành vào tháng 2 năm 2021 cho phép nước ngoài sở hữu 100% trong các công ty nhập khẩu và xin được sự chấp thuận theo quy định đối với thiết bị y tế. Trước đó, Danh sách Đầu tư Tiêu cực năm 2016 đã hạn chế quyền sở hữu nước ngoài của các công ty nhập khẩu và xin được sự chấp thuận theo quy định đối với thiết bị y tế ở mức tối đa là 49%.

Sự thay đổi về quy định này có khả năng dẫn đến nhiều khoản đầu tư nước ngoài hơn vào Indonesia vì nó cung cấp cho các công ty nước ngoài quyền kiểm soát pháp lý hoàn toàn đối với các công ty con tại Indonesia có được và kiểm soát giấy phép tiếp thị các thiết bị y tế nhập khẩu của họ. Các công ty do Indonesia sở hữu phần lớn với chuyên môn về quy

định vẫn có thể có được và nắm giữ giấy phép tiếp thị với tư cách là đại diện địa phương của nhà sản xuất thiết bị y tế nước ngoài.

Việc xin Giấy chứng nhận phân phối thiết bị y tế (Sertifikat Distribusi Alat Kesehatan hoặc SDAK) từ Bộ Y tế là yêu cầu cơ bản để các công ty yêu cầu giấy phép tiếp thị và nhập khẩu thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán của họ vào Indonesia. Quy định số 14 năm 2021 của Bộ Y tế về "Tiêu chuẩn hoạt động kinh doanh và sản phẩm về việc thực hiện giấy phép

kinh doanh dựa trên rủi ro sức khỏe" quy định thêm rằng các công ty nộp đơn xin trở thành nhà bán buôn thiết bị phòng thí nghiệm và/hoặc thiết bị y tế dùng cho con người theo Bộ luật 46691 của Phân loại công nghiệp tiêu chuẩn Indonesia (Klasifikasi Baku Lapangan Usaha Indonesia hoặc KBLI) phải có kho và nộp chứng nhận Tốt Distribution Practices.

Theo quy định của Bộ Thương mại, các công ty tại Indonesia được kỳ vọng sẽ hợp tác với một hoặc nhiều nhà phân phối địa phương để phân phối sản phẩm thiết bị y tế của họ cho các bệnh viện và phòng khám. Để tránh trùng lặp công việc, một số nhà nhập khẩu thiết bị y tế thuê ngoài một phần hoặc toàn bộ chức năng kho bãi của họ cho các nhà phân phối địa phương này, bao gồm kiểm soát chất lượng, đóng gói và dán nhãn.

Có thể truy cập Quy định của Tổng thống 10/2021 (Peraturan Presiden 10/2021 Tentang Bidang Usaha Penanaman Modal) thông qua các trang web của chính phủ Indonesia sau:

+ Hội đồng Kiểm toán Cộng hòa Indonesia

<https://peraturan.bpk.go.id/Home/Details/161806/perpres-no-10-tahun-2021>

+ Ban Thư ký Nội các Cộng hòa Indonesia

https://jdih.setkab.go.id/PUUdoc/176391/Perpres_Nomor_10_Tahun_2021.pdf

Các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe hàng đầu

Các phân ngành sau đây nằm trong số các mặt hàng xuất khẩu hàng đầu xét về giá trị xuất khẩu:

- *HS 901890*: Dụng cụ và thiết bị cho khoa học y tế, phẫu thuật hoặc thú y Nesoi, cùng các bộ phận và phụ kiện của chúng
- *HS 841990*: Các bộ phận cho máy móc, thiết bị nhà máy hoặc phòng thí nghiệm để xử lý vật liệu liên quan đến thay đổi nhiệt độ (trừ máy móc trong nước), Nesoi
- *HS 901813*: Thiết bị chụp cộng hưởng từ

Cơ hội cho lĩnh vực này

Bất chấp các biện pháp bảo hộ nhằm thúc đẩy sản xuất thiết bị y tế trong nước, Indonesia vẫn tiếp tục dựa vào các thiết bị y tế tiên tiến và công nghệ cao nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu trong nước. Các triển lãm thương mại về bệnh viện và y tế là những nơi tốt để tìm kiếm các đối tác địa phương tiềm năng tại Indonesia. Hiệp hội các nhà nhập khẩu thiết bị y tế, Gakeslab Indonesia, cũng là một nguồn lực giá trị cho các công ty đang tìm kiếm các đối

tác địa phương giàu kinh nghiệm. Tại Indonesia, người mua thiết bị y tế thích các sản phẩm chất lượng cao nhưng cũng rất nhạy cảm về giá.

Để giành được thị phần, các công ty cần cạnh tranh về chất lượng, độ an toàn, hiệu quả và dịch vụ sau bán hàng để có được các sản phẩm sáng tạo hơn. Tóm lại, bằng cách thâm nhập thị trường Indonesia, các nhà sản xuất thiết bị và thiết bị y tế có thể khai thác một thị trường lớn đồng thời giúp Indonesia cải thiện chất lượng chăm sóc.

Các công ty tư nhân chủ chốt trong ngành chăm sóc sức khỏe bao gồm Siloam Hospitals (Siloam International Hospitals, một phần của Lippo Group), Mitra Keluarga (PT Mitra Keluarga Karyasehat), Primaya Hospital Group (trước đây là Awal Bros Hospital Group), Omni Group (PT Sarana Meditama Metropolitan), Mayapada Group (PT Sejahtera Anugrahjaya), Pondok Indah Hospital Group, Ciputra Hospital (Ciputra Development) và Eka Hospital (Sinar Mas Group).

Các chuỗi phòng xét nghiệm tư nhân lớn cũng đang mở rộng hoạt động của mình về năng lực và sự hiện diện về mặt địa lý. Sáu công ty lớn trong ngành là Prodia, Kimia Farma, Pramita, CITO, BioMedika và Parahita. Chuỗi phòng xét nghiệm tư nhân lớn nhất, Prodia hiện có 276 cơ sở trong mạng lưới chăm sóc sức khỏe trải rộng trên 75 thành phố tại 34 tỉnh ở Indonesia.

Thông tin liên hệ:

+ Bộ Y tế <https://www.kemkes.go.id/id/home>

+ Tổng cục Dược phẩm và Thiết bị Y tế, Bộ Y tế <https://farmalkes.kemkes.go.id/>

Các bên quan tâm có thể liên hệ với Chuyên gia Thương mại Pepsi Maryarini tại Pepsi.Maryarini@trade.gov

Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo

Sinh viên Indonesia tại Hoa Kỳ

2017/18	2018/19	2019/20	2020/21	2021/22
8.650	8.356	8.300	7.489	8.003

Nguồn: Open Doors 2022

Indonesia là quốc gia đông dân thứ tư thế giới và là nền dân chủ lớn thứ ba. Đây là một quần đảo bao gồm hơn 17.500 hòn đảo và là nơi sinh sống của 275,5 triệu người, 87%

trong số đó tự nhận mình là người Hồi giáo, khiến nơi đây trở thành quốc gia có đa số người Hồi giáo lớn nhất trên thế giới. Dân số chủ yếu là thế hệ trẻ với hơn 40% dân số Indonesia dưới 30 tuổi. Tầng lớp trung lưu của quốc gia này đang phát triển nhanh chóng và là tầng lớp lớn nhất ở Đông Nam Á. Indonesia là nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới xét về sức mua tương đương và là thành viên của G-20.

Indonesia có giáo dục bắt buộc kéo dài 12 năm và bao gồm 6 năm ở cấp tiểu học và 3 năm ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Các trường Hồi giáo, Thiên chúa giáo và Công giáo thuộc trách nhiệm của Bộ Tôn giáo. Các trường học ở Indonesia do chính phủ (công lập) điều hành hoặc là trường tư thục. Tại Indonesia, có khoảng 148.000 trường tiểu học, 41.000 trường trung học cơ sở và 14.000 trường trung học phổ thông. 80% các trường này thuộc Bộ Giáo dục và Văn hóa và 20% còn lại thuộc Bộ Tôn giáo

Úc là lựa chọn đầu tiên của người Indonesia khi đi du học, chủ yếu là do vị trí địa lý gần, chất lượng giáo dục được công nhận và chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh. Khoảng 53.604 sinh viên Indonesia đã theo học tại các cơ sở giáo dục của Úc vào năm 2022. Úc, Malaysia và Hoa Kỳ là ba điểm đến hàng đầu của sinh viên Indonesia đang du học.

Các lĩnh vực giáo dục hàng đầu

Indonesia là thị trường tiềm năng lớn cho các nhà cung cấp giáo dục trung học, đại học và nghề nghiệp của Hoa Kỳ. Chính phủ Indonesia đã cam kết rõ ràng về giáo dục và thực hiện các bước hướng tới cải cách giáo dục và đầu tư nhiều hơn vào giáo dục trong những năm gần đây. Sự gia tăng đáng kể trong chi tiêu của chính phủ đã dẫn đến những lợi ích thực sự về mặt tuyển sinh trung học và số lượng sinh viên giáo dục đại học đã tăng gấp đôi trong năm năm qua. Điều này tương đương với sự gia tăng về số lượng và chất lượng sinh viên tìm kiếm các cơ hội giáo dục sau trung học.

Trong năm học 2021-2022, 8.003 sinh viên từ Indonesia đã học tập tại Hoa Kỳ (tăng 6,9% so với năm trước). Indonesia là quốc gia đứng thứ hai mươi một về số lượng sinh viên nước ngoài học tập tại Hoa Kỳ. Hơn 96 phần trăm tất cả các thị thực du học được cấp bởi Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Indonesia và người Indonesia du học tự túc hoặc được cấp học bổng. Nhóm sinh viên này tự trang trải chi phí học tập của mình bằng sự hỗ trợ tài chính từ cha mẹ hoặc sự hỗ trợ từ người thân ở nước ngoài. Số học sinh còn lại được tài trợ bởi các

trường đại học địa phương, các công ty, chính phủ và học bổng thông qua các khoản tài trợ khác nhau.

Có hai loại trường trung học ở Indonesia: SMA (Sekolah Menengah Atas) và SMK (Sekolah Menengah Kejuruan). Học sinh SMA được chuẩn bị để tiếp tục học lên cao hơn, trong khi SMK, với tư cách là một trường dạy nghề, chuẩn bị cho học sinh của mình đi làm sau khi hoàn thành chương trình học, mà không cần chuyển sang học lên cao hơn. Có nhiều trường quốc tế ở Indonesia. Các trường quốc tế áp dụng chương trình giảng dạy quốc tế như IB (Tú tài quốc tế) hoặc CIE (Kỳ thi quốc tế Cambridge).

Năm chuyên ngành học thuật hàng đầu được học sinh Indonesia lựa chọn khi học tại Hoa Kỳ.

Năm	Kinh doanh/ Quản trị	Kỹ sư	Khoa học đời sống	Toán và khoa học máy tính	Chuyên gia y tế
2018	28%	17,8%	6,8%	8,5%	1,9%
2019	27,4%	16,7%	6,5%	10%	1,5%
2020	23,4%	15,1%	6,8%	18,9%	1,8%
2021	24%	19,1%	7,1%	12,5%	1,8%
2022	24,9%	16,8%	8,1%	12,2%	2,2%

Nguồn: Open Doors 2022

Cơ hội cho lĩnh vực này

Một cuộc khảo sát gần đây do một tờ báo hàng đầu của Indonesia thực hiện cho thấy hầu hết sinh viên đều coi các cơ sở giáo dục tại Hoa Kỳ là nơi cung cấp nền giáo dục chất lượng cao nhất so với các cơ sở giáo dục ở các quốc gia khác. Hoa Kỳ luôn là điểm đến mong muốn của sinh viên Indonesia muốn du học. Các trường đại học và cao đẳng cộng đồng của Hoa Kỳ có thể trở nên nổi bật hơn trên thị trường Indonesia thông qua việc tham gia các hội chợ giáo dục, bao gồm Hội chợ EducationUSA của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và/hoặc bằng cách làm việc với các cố vấn giáo dục. Các cố vấn giáo dục rất được các sinh viên Indonesia tương lai và phụ huynh ưa chuộng vì họ đóng vai trò là "cửa hàng một cửa" để nộp đơn vào trường và cung cấp các dịch vụ như hỗ trợ xin thị thực và sắp xếp việc đi lại và chỗ ở.

Để cạnh tranh với các quốc gia khác có mức học phí thấp hơn, các trường đại học đang tham gia các chương trình "1+1", "1+3" hoặc "2+2", cho phép sinh viên áp dụng các tín chỉ từ những năm học tại một trường đại học địa phương để lấy bằng đại học tại một trường đại học Hoa Kỳ. Học tập tại các trường cao đẳng cộng đồng của Hoa Kỳ cũng đã trở thành một lựa chọn ngày càng phổ biến đối với sinh viên Indonesia.

Các trường dạy nghề ngày càng thu hút được sự quan tâm của chính phủ Indonesia. Chính phủ Indonesia đang có kế hoạch cải thiện hệ thống giáo dục nghề nghiệp hiện tại bằng nhiều chứng chỉ kỹ năng, trong đó học sinh trường nghề có thể nhận được chứng chỉ sau khi hoàn thành các khóa đào tạo ngoài bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Trong năm học 2022-2023, có khoảng 14.265 trường nghề tại Indonesia. Trong năm học 2022-2023, có khoảng 5 triệu học sinh trong các trường nghề (giảm 6,28% so với 5,39 triệu năm ngoái).

Chính phủ Indonesia cũng đã mời các nhà lãnh đạo doanh nghiệp đóng vai trò mở rộng trong việc định hình chương trình giảng dạy và thiết lập các tiêu chuẩn kỹ năng phù hợp với nhu cầu của thị trường việc làm. Những đại diện doanh nghiệp này được kỳ vọng sẽ cung cấp các cơ hội thực tập và chương trình đào tạo tại chỗ cho cả sinh viên và giáo viên. Các trường dạy nghề của Hoa Kỳ có thể có cơ hội hợp tác với các trường dạy nghề của Indonesia để hỗ trợ phát triển chương trình giảng dạy và thiết lập sự hiện diện tại Indonesia. Ngoài ra, các trường dạy nghề của Hoa Kỳ có thể ngày càng hấp dẫn hơn vì có cơ hội học tập ở nước ngoài và có được các kỹ năng nghề nghiệp. Các trường dạy nghề cung cấp các khóa học ba năm về công nghệ và kỹ thuật, y tế, nghệ thuật và thủ công, du

lịch, CNTT, kinh doanh nông nghiệp và công nghệ nông nghiệp, và quản lý kinh doanh. Trong cùng năm học, có khoảng 337.271 giáo viên tại các trường dạy nghề.

Chính phủ hỗ trợ việc du học của sinh viên Indonesia thông qua Quỹ tài trợ giáo dục Indonesia, viết tắt là LPDP (Lembaga Pengelola Dana Pendidikan), do Bộ Tài chính quản lý. LPDP cung cấp học bổng toàn phần và các chương trình trao đổi ngắn hạn cho tất cả công dân Indonesia thông qua quan hệ đối tác với Bộ Giáo dục và Văn hóa, Bộ Tôn giáo và các cơ quan chính phủ khác. LPDP có tầm nhìn trở thành tổ chức quản lý quỹ khu vực tốt nhất để chuẩn bị cho các nhà lãnh đạo tương lai và khuyến khích đổi mới vì một Indonesia

thịnh vượng, dân chủ và công bằng. Chương trình dịch vụ LPDP bao gồm học bổng, tài trợ nghiên cứu và quản lý quỹ (đầu tư). Kể từ năm 2013, khoảng 29.872 sinh viên đã được tài trợ bởi học bổng LPDP. Năm 2022, chính phủ Indonesia đã tài trợ cho LPDP khoảng 99,1 nghìn tỷ IDR. LPDP đang tìm cách mở rộng dịch vụ của mình thông qua các chương trình chia sẻ chi phí với các trường đại học quốc tế, các chương trình thực tập và mở rộng các chương trình trao đổi ngắn hạn cho sinh viên và chuyên gia trẻ.

Công nghệ giáo dục

Công nghệ giáo dục (Ed Tech) là một ngành công nghiệp đang phát triển tại Indonesia. Với dân số 279,5 triệu người, Indonesia có một thị trường giáo dục lớn và đa dạng, sẵn sàng cho sự đổi mới và đột phá.

Một số công ty chủ chốt trên thị trường Ed Tech của Indonesia bao gồm Ruangguru (nền tảng học trực tuyến tương tác dành cho học sinh từ mẫu giáo đến lớp 12), Cakap (nền tảng gia sư để học ngôn ngữ), Zenius Education (tài liệu tự học dành cho học sinh mẫu giáo đến lớp 12) và Quipper (dịch vụ học trực tuyến, huấn luyện, gia sư và đánh giá dành cho học sinh mẫu giáo đến lớp 12) đã phát triển trong thời gian này, nhưng nhìn chung, lĩnh vực này vẫn đang trong giai đoạn phát triển. Các sản phẩm Ed Tech phổ biến nhất cung cấp hệ thống quản lý học tập để giáo viên và học sinh cộng tác và các công cụ tương tác trong lớp học để tổ chức các buổi giảng dạy trực tiếp, chẳng hạn như G-Suite for Education, Microsoft for Education, Zoom, Google Classroom, v.v.

Một trong những thách thức mà Ed Tech phải đối mặt tại Indonesia là sự phân chia kỹ thuật số. Mặc dù quốc gia này có tỷ lệ sử dụng internet cao (77%) với 167 triệu người dùng mạng xã hội vào tháng 1 năm 2023 và tổng cộng 353,8 triệu kết nối di động đang hoạt

động, nhiều người vẫn không có quyền truy cập vào internet và các thiết bị đáng tin cậy. Ed Tech cũng không thể tiếp cận được với tất cả người học và hệ thống giáo dục của Indonesia không được trang bị tốt để nhanh chóng mở rộng quy mô học trực tuyến. Nhiều học sinh ở các vùng nông thôn không có kết nối và nhiều học sinh có thu nhập thấp không có quyền truy cập vào các thiết bị cần thiết để sử dụng các công cụ công nghệ giáo dục. Bất chấp những thách thức này, thị trường Ed Tech của Indonesia dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới. Thị trường này đang phải đối mặt với những nút thắt ngăn cản việc sao chép mức độ thành công đã thấy ở các lĩnh vực công nghệ khác và ở các quốc gia

khác, nhưng Chính phủ Indonesia đã cam kết đầu tư vào giáo dục và công nghệ, và nhu cầu về các giải pháp giáo dục chất lượng cao, giá cả phải chăng đang ngày càng tăng.

Những hạn chế về phía cung đối với Ed Tech bao gồm:

- Khó tiếp cận được nguồn tài trợ.
- Chi phí biên cao, đặc biệt là để thu hút và giữ chân khách hàng mới.
- Thiếu hụt nhân tài đủ tiêu chuẩn để phát triển và duy trì sản phẩm.
- Những điều này đi kèm với những hạn chế về phía cầu đối với Ed Tech, bao gồm:
- Sự sẵn lòng chi trả thấp từ các trường học và phụ huynh.
- Thiếu hiểu biết về kỹ thuật số, đặc biệt là từ phía các nhà cung cấp dịch vụ giáo dục.
- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật số kém, hạn chế khả năng kết nối ở các vùng xa xôi và tốc độ tải xuống chậm trên toàn quốc.

Sự kiện

Giải pháp công nghệ giáo dục Triển lãm và hội nghị: <https://edutechsolutions.id>

Global Educational Supplies & Solutions (GESS) Indonesia 2024:

<https://www.gessasia.com>

Thông tin liên hệ :

+ U.S. Commercial Service - Indonesia: <https://trade.gov/indonesia>

+ U.S. Commercial Service Global Education Team: <https://www.trade.gov/education-industry>

+ Ngành và phân tích, Văn phòng chuỗi cung ứng, dịch vụ chuyên nghiệp và kinh doanh: <https://www.trade.gov/about-us/office-supply-chain-professional-and-business-services>

- + EducationUSA Indonesia: <https://educationusa.state.gov/centers/educationusa-us-embassy-jakarta>
- + Bộ Giáo dục và Văn hóa: <https://www.kemdikbud.go.id/>
- + Quỹ trao đổi Indonesia-Mỹ (AMINEF): <https://www.aminef.or.id/>
- + Viện Giáo dục quốc tế: <https://opendoorsdata.org>
- + Indonesia Baik: <https://indonesiabaik.id/>
- + Data Indonesia: <https://dataindonesia.id>
- + Ban thư ký Nội các Cộng hòa Indonesia: <https://setkab.go.id>

Các bên quan tâm có thể liên hệ với Chuyên gia thương mại Fidhiza Purisma tại Fidhiza.Purisma@trade.gov

Lĩnh vực công nghệ môi trường

Indonesia là một trong những thị trường mới nổi lớn nhất thế giới về các sản phẩm công nghệ môi trường. Bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu là những lĩnh vực chính sách ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Indonesia. Vào tháng 9 năm 2022, chính phủ đã cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định năm 2015 cho Thỏa thuận Paris, cam kết giảm 32% lượng khí thải GHG vào năm 2030 và cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2060. Ngoài ra, chính phủ tìm cách tăng cường các nỗ lực phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng môi trường bền vững. Công nghệ nước, quản lý chất thải và sản xuất pin bền vững là những ngành công nghiệp có triển vọng nhất.

Các lĩnh vực môi trường hàng đầu

+ *Chất thải*: Indonesia đã tạo ra hơn 64 triệu tấn chất thải vào năm 2022, tăng 4 triệu tấn so với năm 2021. Do không có hệ thống thu gom chính thức phù hợp, chất thải hộ gia đình được thu gom bởi những người thu gom và nhặt rác. Quy định về chất thải hiện hành của chính phủ nhắm vào các ngành hàng tiêu dùng, bán lẻ, khách sạn và nhà hàng. Chính quyền khu vực Jakarta là một trong những chính quyền tỉnh đầu tiên ban hành Quy định quản lý chất thải vào năm 2021 để khuyến khích phát triển các hệ thống quản lý chất thải nội bộ hoặc thiết lập quan hệ đối tác với các công ty quản lý chất thải. Kết quả của quy định này là sự ra đời của một số công ty khởi nghiệp quản lý chất thải. Một Nhà máy xử lý chất thải

cũng đang được xây dựng tại Jakarta với tư cách là cơ sở tư nhân quy mô lớn đầu tiên có quy trình bền vững tại Indonesia.

+ *Ô nhiễm*: Vào tháng 8 năm 2023, thủ đô của Indonesia được xếp hạng là thành phố ô nhiễm nhất thế giới. Những tác nhân gây ô nhiễm bao gồm các nhà máy điện than bao quanh 11 triệu cư dân của thành phố. Dữ liệu từ Bộ Môi trường và Lâm nghiệp Indonesia (KLHK) cho thấy 44% ô nhiễm không khí đến từ giao thông vận tải và 31% là do công nghiệp.

+ *Pin*: Indonesia đang ưu tiên phát triển sản xuất pin bền vững. Vào ngày 16 tháng 8 năm 2023, quốc gia này đã tổ chức Hội nghị thượng đỉnh pin quốc tế đầu tiên của họ, thảo luận về các chủ đề như khả năng cạnh tranh của niken, các hoạt động khai thác tốt nhất, quản trị

tốt, các ưu đãi cho nghiên cứu và đổi mới trong kỹ thuật và tái chế pin, và cách đẩy nhanh quá trình phát triển cơ sở hạ tầng cho xe điện.

+ *Nước*: Tiếp cận nước sạch và vệ sinh là lĩnh vực ưu tiên của chính phủ. Phần lớn trong số 270 triệu người dân của đất nước không được tiếp cận với nước máy và phụ thuộc vào nước sông hoặc nước đóng chai. Đối với 20% dân số có kết nối nước chính, chất lượng nguồn cung cấp nước của thành phố thấp và nước máy uống không được khuyến khích. Tái chế nước không được quản lý cũng như không được khuyến khích mặc dù nó có thể cung cấp các giải pháp thay thế cho nguồn cung cấp nước hiện có và được sử dụng để tăng cường an ninh, tính bền vững và khả năng phục hồi của nước.

Cơ hội cho lĩnh vực này

- Quản lý chất thải.
- Quản lý chất thải rắn, chất thải nước (bao gồm các công nghệ xử lý chất thải nguy hại sinh học).
- Quản lý chất thải thời trang nhanh.
- Ô nhiễm.
- Thiết bị kiểm soát ô nhiễm không khí & kiểm soát khí thải.
- Hóa chất hoặc máy móc để kiểm soát bụi cho nhiều ngành công nghiệp khác nhau.
- Cảm biến ô nhiễm và quản lý IOT.
- Hóa chất sinh học để khử lưu huỳnh.
- Pin.

- Pin năng lượng mặt trời cho hộ gia đình và các ngành công nghiệp nhỏ.
- Quy trình & hệ thống tái chế pin sạc, đặc biệt là chì.
- Xử lý nước
- Loại bỏ chất rắn lơ lửng dựa trên hệ vi sinh vật thân thiện với môi trường / và dịch vụ kỹ thuật giám sát, Hóa chất sinh học để làm sạch nước (chất keo tụ) cho nhiều ngành công nghiệp khác nhau
- Máy sản xuất nước thu khí, chạy bằng năng lượng mặt trời.
- Tái chế.
- Máy & hệ thống tái chế giấy tại văn phòng.
- Quy trình, hóa chất & công nghệ tái chế sợi.

Sự kiện cho lĩnh vực này

- + WEFTEC Sự kiện chất lượng nước 2023: <https://www.weftec.org/>
- + ENLIT Châu Á 2023: <https://www.enlit-asia.com/>
- + Plastic Recycling World North America: <https://na.plasticsrecyclingworldexpo.com/>
- + Water Quality Technology Conference <https://www.awwa.org/>

Thông tin liên hệ:

- + U.S. Commercial Service - Indonesia: <https://trade.gov/indonesia>
- + Industry and Analysis, Office of Supply Chain, Professional & Business Services: <https://www.trade.gov/about-us/office-supply-chain-professional-and-business-services>
- +Indonesia Chamber of Commerce / KADIN (Kamar Dagang Indonesia) <https://www.kadin-indonesia.com/>
- +National Planning Agency (Bapenas), Environment Department <https://www.bappenas.go.id/>
- +Ministry of Environment and Forestry Directory Waste Management <https://www.menlhk.go.id/>

Các bên quan tâm có thể liên hệ với Commercial Specialist Trianie Ananda tại Trianie.Ananda@trade.gov

Lĩnh vực nông nghiệp

Nhập khẩu nông sản của Indonesia đã vượt 28 tỷ USD vào năm 2022, trong đó lúa mì, đậu nành, gạo, thịt bò, trái cây tươi và nhiều loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi là những mặt

hàng chính. Úc, Hoa Kỳ, Brazil, Trung Quốc và Ấn Độ là năm nhà cung cấp nông sản hàng đầu cho thị trường này, chiếm khoảng 58% tổng giá trị nhập khẩu.

Indonesia là điểm đến xuất khẩu lớn thứ 11 đối với các sản phẩm nông nghiệp của Hoa Kỳ và Hoa Kỳ là nước xuất khẩu hàng nông sản lớn thứ hai sang Indonesia, đạt 3,3 tỷ USD. Các mặt hàng nông sản xuất khẩu hàng đầu của Hoa Kỳ sang Indonesia là đậu nành, sản phẩm từ sữa, ngũ cốc chung cất, bông, lúa mì và sản phẩm từ thịt bò.

Theo USDA, đậu nành và các sản phẩm từ sữa là những sản phẩm hàng đầu được Hoa Kỳ xuất khẩu sang Indonesia và có mức tăng theo năm lớn nhất vào năm 2022. Xuất khẩu đậu nành tăng 164 triệu USD (15%) và xuất khẩu sản phẩm từ sữa tăng 135 triệu USD. Xuất khẩu lúa mì, ngũ cốc chung cất và bông cũng tăng trưởng tốt, lần lượt tăng 45 triệu USD, 45 triệu USD và 18 triệu USD. Giá hàng hóa số lượng lớn tăng là nguyên nhân chính dẫn đến mức tăng giá trị xuất khẩu năm 2022, nhưng một số mặt hàng cũng có mức tăng đáng kể về khối lượng, bao gồm lúa mì (13%) và các sản phẩm từ sữa (14%).

Tổng thống Jokowi trong tuyên bố chính thức của mình vào đầu năm 2023 đã đề cập rằng Indonesia cần cung cấp hơn 13 triệu tấn phân bón. Tuy nhiên, sản lượng trong nước cho đến nay chỉ đáp ứng được 3,5 triệu tấn và lượng nhập khẩu hiện tại chỉ là 6,4 triệu tấn. Vì vậy, đất nước vẫn thiếu 3 triệu tấn phân bón. Với nhu cầu cao này và tình trạng thiếu nguồn cung, vấn đề đang diễn ra là giá phân bón cao. Với Nga là một trong những nguồn cung cấp phân bón lớn nhất cho Indonesia và cuộc chiến Nga-Ukraine đang diễn ra, đất nước hiện đang bị ảnh hưởng bởi tình trạng thiếu hụt nguồn cung và giá phân bón cao. Hàng năm, Chính phủ Indonesia đều chuẩn bị phân bón được trợ cấp cho nông dân Indonesia. Năm 2022, loại phân bón được trợ cấp đã giảm xuống chỉ còn UREA, NPK và một lượng nhỏ phân bón hữu cơ và cải tạo đất.

Những nỗ lực của GOI nhằm thúc đẩy ngành làm vườn ở Indonesia bao gồm việc thành lập Phòng Chiến tranh Nông nghiệp (AWR) vào năm 2021, kết nối với Phòng Điều hành Nông nghiệp (AOR) trong chính quyền tỉnh. Năm 2022, hệ thống đã nhận được Giải thưởng Đổi mới Kỹ thuật số từ Tổng thống Jokowi và năm 2023, hệ thống được trao quyền với hệ thống Nền tảng Thu thập Dữ liệu (DCP) mới có thể tổng hợp dữ liệu nông nghiệp từ nhiều nguồn và hệ thống khác nhau.

GOI cũng đã ra mắt Lộ trình Chiến lược Nông nghiệp Điện tử Quốc gia, với tầm nhìn đến năm 2027, Indonesia sẽ có cơ sở dữ liệu tích hợp cho đất nông nghiệp và nông dân, cũng

như cung cấp hệ thống cảnh báo sớm kỹ thuật số về các thảm họa đe dọa sản xuất nông nghiệp và vận hành hệ thống thu thập, trích xuất và phân tích dữ liệu nông nghiệp.

Hệ sinh thái khởi nghiệp của Indonesia đã chứng kiến sự tăng trưởng đặc biệt nhanh chóng trong AgTech. Bắt đầu từ năm 2021, GOI đã ra mắt ứng dụng Bản đồ Xuất khẩu Hàng hóa Nông nghiệp Indonesia (IMACE) để giúp các bên tham gia trong ngành, người mua, nông dân trở nên kiên cường và toàn diện hơn. Năm 2022 cũng là năm mà một số công ty khởi nghiệp ra mắt nền tảng của họ để hỗ trợ nông dân, nghề cá ở các vùng nông thôn của Indonesia. Cụ thể là TaniHub, Ekosis, GoKomodo, Aruna, E Fishery, Fish log. Các tác nhân AgTech của Indonesia đã giúp thúc đẩy nhiều khía cạnh của nông nghiệp truyền thống và có những đóng góp quan trọng vào quá trình chuyển đổi cần thiết của ngành nông

ng nghiệp bắt đầu từ sản xuất, chuỗi cung ứng, tiếp cận thị trường và giao dịch đến các giải pháp tài chính.

PLN, Công ty Điện Indonesia, đã triển khai thành công chương trình “Nông nghiệp Điện khí hóa” (EA) vào năm 2021 cho Nông nghiệp, Làm vườn, Trồng trọt và Trang trại tại Indonesia. Trong quý đầu tiên của năm 2023, chương trình đã chuyển đổi thành công việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch hiện tại sang công nghệ điện nông nghiệp hiện đại. Tính đến tháng 3 năm 2023, có 217.818 khách hàng tham gia chương trình. Việc chuyển đổi công nghệ chủ yếu cho máy xay xát (Penggilingan Padi) từ dầu diesel sang điện đã mang lại hiệu quả, quy trình xay xát sạch hơn và giảm ô nhiễm tiếng ồn.

Các lĩnh vực nông nghiệp hàng đầu

+ *Thịt bò và sản phẩm từ sữa*: Xuất khẩu sữa của Hoa Kỳ cho thấy doanh số bán hàng mạnh mẽ tại Indonesia, nơi mức tăng trưởng xuất khẩu theo năm tăng 40%. Khi nền kinh tế tiếp tục phục hồi, nhu cầu của người tiêu dùng dự kiến sẽ trở lại mức trước đại dịch, tạo ra nhiều cơ hội lớn cho nhiều mặt hàng nhập khẩu hơn. Thịt bò Hoa Kỳ cũng đang tăng trưởng trong việc sử dụng trong các món ăn truyền thống của Indonesia như soto (súp thịt trong nước cốt dừa) và bakso (thịt viên) cũng như doanh số bán lẻ. Tuy nhiên, doanh số bán hàng của các khách sạn, nhà hàng và tổ chức cao cấp (HRI) vẫn bị ảnh hưởng tiêu cực kể từ khi đại dịch bắt đầu.

Cơ hội & Thách thức cho lĩnh vực này

+*Thực phẩm ăn nhẹ*: Các nhà bán lẻ hiện đại báo cáo nhu cầu mạnh mẽ đối với thực phẩm ăn nhẹ tại các địa điểm trên khắp cả nước. Các sản phẩm thực phẩm đóng gói nhập khẩu chủ yếu được bán thông qua siêu thị hoặc đại siêu thị. Mặc dù yêu cầu đăng ký đối với các sản phẩm đóng gói bán lẻ có thể rất nặng nề, nhưng những nhà xuất khẩu tìm được đối tác nhập khẩu phù hợp thường được đền đáp bằng ít sự cạnh tranh.

Indofood, Mayora Indah, Garuda Food Group và Wings Group là một số công ty chế biến thực phẩm lớn nhất tại Indonesia, sản xuất nhiều loại hàng hóa bao gồm đồ ăn nhẹ, mì, sữa và đồ uống. Nhiều công ty chế biến dựa vào các nhà cung cấp nước ngoài để đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu thô như lúa mì, sữa bột, khoai tây chiên, bột hành tây/tỏi, pho mát, nho khô và tinh bột ngô. Các thương hiệu quốc tế đã mở rộng cửa hàng của họ để đáp ứng nhu cầu từ tầng lớp trung lưu ngày càng đông đảo và những người tiêu dùng trẻ tuổi và thành

thị hơn đang chuyển hướng xu hướng tiêu dùng của họ sang lối sống lành mạnh và năng động hơn. Do đó, nhiều thương hiệu trong số này hiện kết hợp các thành phần nhập khẩu chất lượng cao hơn.

Trong nhiều năm, Indonesia đã nhập khẩu phân bón. Ở Indonesia và nhiều quốc gia, việc này được hỗ trợ bởi các khoản trợ cấp của chính phủ để tăng cường sử dụng. Chính phủ Indonesia chủ yếu trợ cấp phân bón hóa học cho nông dân. Năm 2022, Chính phủ Indonesia thông qua Bộ Nông nghiệp đang bắt đầu tăng trợ cấp phân bón hữu cơ và lần đầu tiên vào năm 2023 trợ cấp cho chất cải tạo đất và chất kích thích sinh học. Tuy nhiên, với sự kết hợp của phân bón hữu cơ, chất cải tạo đất và chất kích thích sinh học, tỷ lệ này vẫn ít hơn 3% trong tổng số 24 nghìn tỷ IDR hoặc 1,2 tỷ USD Trợ cấp phân bón. Thị trường tiềm năng cao cho các sản phẩm như Chất kích thích sinh học, Chất cải tạo đất, Giữ nước và các loại phân bón dựa trên hệ vi sinh vật khác. Chính phủ Indonesia đang khuyến khích áp dụng nhiều hơn phương pháp ủ phân và các kỹ thuật canh tác tự nhiên khác ở Indonesia mặc dù đây là thách thức do sự phụ thuộc lâu dài vào phân bón hóa học và thuốc trừ sâu.

Việc áp dụng các công nghệ và cải tiến phù hợp có thể giúp Indonesia đạt được an ninh lương thực. Việc chuyển đổi các cải tiến công nghệ sẽ tiếp tục là động lực thiết yếu cho tăng trưởng nông nghiệp trong tương lai. Năng lượng sạch hơn cho máy móc nông nghiệp và công nghệ cho ngành thủy lợi thường bị mắc kẹt trong vòng luẩn quẩn của hiệu suất kém và cơ sở hạ tầng xuống cấp.

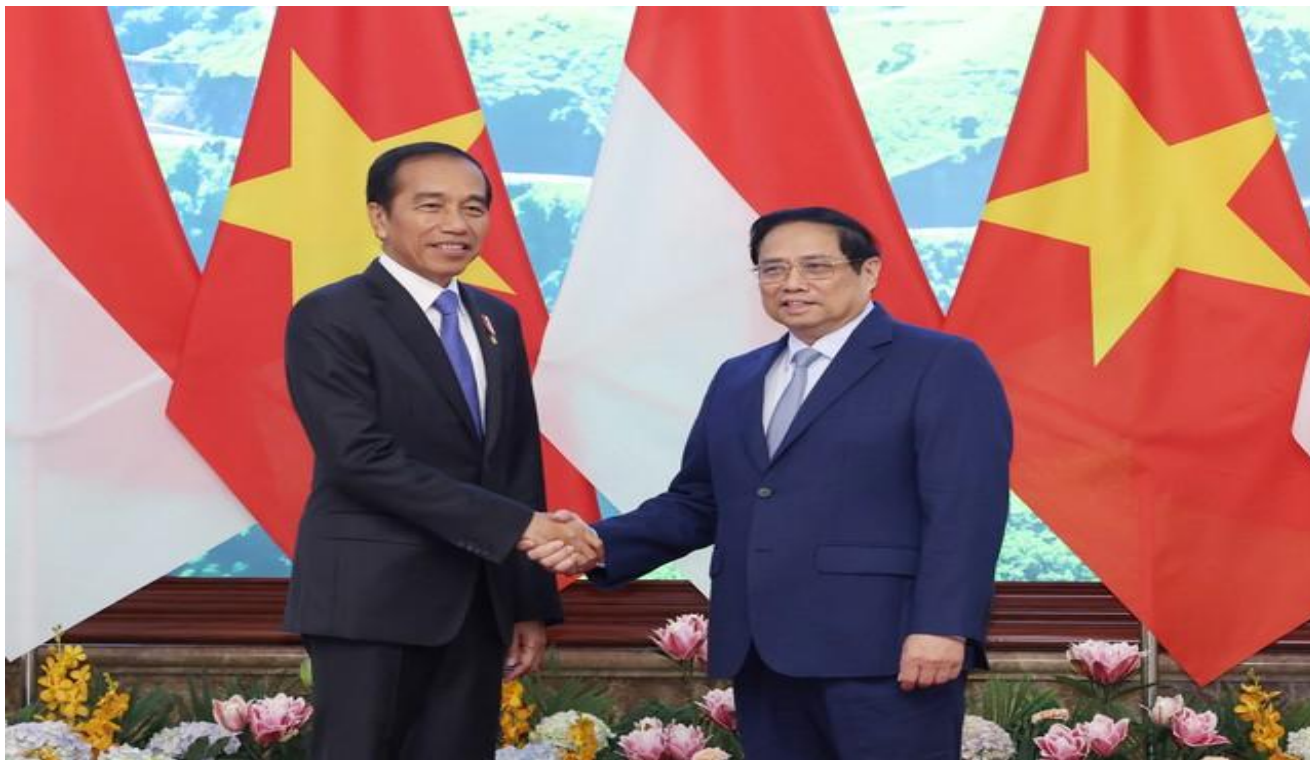
Do phân bố địa lý, phân phối và hậu cần thực phẩm vẫn là một thách thức. Để phát triển một hệ thống thực phẩm bền vững và có khả năng phục hồi, đầu tư vào vận chuyển để phân phối, đặc biệt là ở Sulawesi và Kalimantan là chìa khóa.

Thông tin liên hệ:

- Báo cáo quốc gia về Quy định và Tiêu chuẩn Nhập khẩu Thực phẩm và Nông sản
- Báo cáo GAIN của Dịch vụ Nông nghiệp Nước ngoài của USDA
- Báo cáo Thực phẩm Bán lẻ
- Báo cáo Thành phần Chế biến Thực phẩm
- Hướng dẫn cho Nhà xuất khẩu
- Dịch vụ Nông nghiệp Nước ngoài của U.S.D.A.

Các bên quan tâm có thể liên hệ với Chuyên gia Thương mại Trianie Ananda theo địa chỉ email Trianie.Ananda@trade.gov

Quan hệ Việt Nam – Indonesia



Indonesia và Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1955 - một cột mốc quan trọng cho quan hệ hữu nghị giữa hai nước. Đặc biệt, tháng 6/2013, hai bên đã

nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược và Việt Nam trở thành đối tác chiến lược duy nhất của Indonesia tại Đông Nam Á.

Việt Nam và Indonesia có mối quan hệ truyền thống từ lâu đời. Cách đây gần 70 năm, ngày 30-12-1955, Indonesia trở thành quốc gia đầu tiên tại Đông Nam Á chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Đến năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Indonesia và sau đó cùng năm, Tổng thống Sukarno thăm Việt Nam. Hai chuyến thăm trở thành những dấu mốc quan trọng trong lịch sử bang giao giữa hai dân tộc, đặt nền tảng vững chắc cho tình hữu nghị Việt Nam-Indonesia. Indonesia là quốc gia đi đầu trong ASEAN tìm kiếm các giải pháp hòa bình và hợp tác trong bối cảnh Việt Nam bị bao vây, cấm vận. Việt Nam không bao giờ quên nghĩa cử cao đẹp của Indonesia vì đã hỗ trợ nhu yếu phẩm khi Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong những năm 80 của thế kỷ trước. Ở chiều ngược lại, khi

kinh tế Indonesia khó khăn vào cuối thập niên 1990, Việt Nam cũng tích cực hỗ trợ các mặt hàng thiết yếu.

Hai nước càng có điều kiện phát triển nhanh chóng mối quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp sau khi Việt Nam gia nhập “mái nhà chung” ASEAN vào năm 1995, trở thành đối tác toàn diện vào năm 2003. Mối quan hệ ấy bước lên tầm cao mới khi hai nước nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược vào năm 2013 và Việt Nam là đối tác chiến lược duy nhất của Indonesia tại Đông Nam Á.

Gần 7 thập niên qua, tuy thế giới và khu vực chứng kiến nhiều biến động phức tạp, Việt Nam và Indonesia vẫn luôn là bạn bè tốt, đối tác tốt của nhau. Quan hệ hai nước không ngừng được củng cố và phát triển toàn diện, sâu rộng cả trên bình diện song phương lẫn đa phương. Quan hệ chính trị ngày càng gắn kết, đạt mức độ tin cậy cao, trong đó phải kể đến chuyến thăm chính thức Indonesia của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng vào tháng 8-2017-chuyến thăm đầu tiên của Tổng Bí thư Đảng ta tới Indonesia, và chuyến thăm cấp nhà nước tới Việt Nam của Tổng thống Joko Widodo vào tháng 9-2018-chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của nhà lãnh đạo Indonesia kể từ khi nhậm chức vào năm 2014. Hợp tác quốc phòng, an ninh được tăng cường, góp phần duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực. Indonesia là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam trong ASEAN và Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ tư của Indonesia trong Hiệp hội. Kim ngạch thương mại hai chiều tăng trưởng tốt và hai bên đang hướng tới mục tiêu 15 tỷ USD trong thời gian tới. Hợp tác trong các lĩnh

vực như giáo dục, văn hóa, nông nghiệp, năng lượng, tư pháp... được quan tâm thúc đẩy. Việt Nam và Indonesia chia sẻ nhiều lợi ích trong thúc đẩy liên kết khu vực và hội nhập quốc tế, tích cực phối hợp chặt chẽ tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, nhất là trong năm 2020 khi Việt Nam là Chủ tịch ASEAN và hai nước cùng đảm nhiệm vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cũng như khi Indonesia là Chủ tịch ASEAN 2023.

Với tư cách là những đối tác tự nhiên, gắn kết bởi nền tảng văn hóa tương đồng, vị trí địa lý gần gũi cùng các lợi ích song trùng tại khu vực và quốc tế, được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng thống Sukarno đặt nền móng, các thể hệ lãnh đạo và nhân dân hai nước dày công vun đắp, quan hệ Việt Nam-Indonesia ngày càng trở nên gắn bó, đúng như câu thơ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng Tổng thống Sukarno: "Nước xa mà lòng không xa/ Thật là bầu bạn,

thật là anh em". Trên con đường hướng tới sự phát triển thịnh vượng và bền vững trong một thế giới nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức, sự đồng hành giữa hai nước mang ý nghĩa chiến lược với cả Việt Nam và Indonesia. Chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng chuyến thăm cấp nhà nước tới Việt Nam của Tổng thống Joko Widodo sẽ thành công tốt đẹp, góp phần làm sâu sắc hơn nữa, hiệu quả hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam-Indonesia, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước, đóng góp xứng đáng vào hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển thịnh vượng ở khu vực và trên thế giới.

Chương 2: Điều kiện tự nhiên, môi trường kinh tế và chính trị

Điều kiện tự nhiên.

Trước đây Indonesia từng nằm dưới sự kiểm soát của những người cai trị theo Phật giáo và Ấn Độ giáo. Vào khoảng thế kỷ thứ 7, một vương quốc Phật giáo đã xuất hiện trên đảo Sumatra và mở rộng sang Java, Bán đảo Mã Lai cho đến khi bị Đế chế Majapahit theo đạo Hindu từ Java chinh phục vào cuối thế kỷ 13. Majapahit (1290-1527) đã thống nhất hầu hết Indonesia và Malaysia ngày nay. Các thương nhân đã du nhập đạo Hồi vào khoảng thế kỷ 11 và người Indonesia dần dần tiếp nhận đạo Hồi trong 500 năm tiếp theo. Người Bồ Đào Nha đã chinh phục một số vùng của Indonesia vào thế kỷ 16, nhưng người Hà Lan đã lật đổ họ (trừ Đông Timor) và bắt đầu thực dân hóa các đảo vào đầu thế kỷ 17. Phải đến đầu thế kỷ 20, chế độ thực dân của Hà Lan mới được thiết lập trên toàn bộ những gì sẽ trở thành ranh giới của nhà nước Indonesia hiện đại.

Nhật Bản chiếm đóng quần đảo này từ năm 1942 đến năm 1945. Indonesia tuyên bố độc lập ngay trước khi Nhật Bản đầu hàng, nhưng phải mất bốn năm giao tranh tàn khốc, đàm phán không liên tục và hòa giải của Liên hợp quốc trước khi Hà Lan đồng ý chuyển giao chủ quyền vào năm 1949. Năm 1957 khi Tổng thống SOEKARNO tuyên bố thiết quân luật và thiết lập "Nền dân chủ có hướng dẫn". Từ năm 1967 đến năm 1998, Tổng thống SUHARTO cai trị Indonesia với chính phủ "Trật tự mới" của mình. Sau khi các cuộc biểu tình trên đường phố lật đổ SUHARTO vào năm 1998, các cuộc bầu cử lập pháp tự do và công bằng đã diễn ra vào năm 1999. Indonesia hiện là nền dân chủ đông dân thứ ba thế giới, là quốc gia quần đảo lớn nhất thế giới và là quốc gia có đa số người Hồi giáo lớn nhất thế giới.

Vị trí

Indonesia nằm ở đông Nam Á, giữa quần đảo giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

Diện tích:

- Tổng diện tích: 1.904.569 km²
- Diện tích đất: 1.811.569 km²
- Diện tích mặt nước: 93.000 km²

Xếp hạng trên thế giới: 16

Ranh giới đất liền: tổng chiều dài 2.958 km, các quốc gia có cùng biên giới : Malaysia 1.881 km; Papua New Guinea 824 km; Timor-Leste 253 km.

Khí hậu: Indonesia có khí hậu nhiệt đới, nóng, ẩm và nhiệt độ ôn hòa hơn ở vùng cao.

Địa hình: chủ yếu là vùng đất thấp ven biển và các đảo lớn hơn có núi bên trong.

Tài nguyên thiên nhiên: Dầu mỏ, thiếc, khí đốt tự nhiên, niken, gỗ, bô-xít, đồng, đất màu mỡ, than, vàng, bạc

Lưu ý: Indonesia là quốc gia sản xuất niken hàng đầu thế giới với sản lượng 1,6 triệu tấn vào năm 2022.

Tình hình sử dụng đất

- Đất nông nghiệp: 31,2% (ước tính năm 2018)
- Đất canh tác: 13% (ước tính năm 2018)
- Cây trồng lâu năm: 12,1% (ước tính năm 2018)
- Đồng cỏ lâu năm: 6,1% (ước tính năm 2018)
- Rừng: 51,7% (ước tính năm 2018)
- Khác: 17,1% (ước tính năm 2018)

Phân bố dân số: dân cư chủ yếu tập trung chủ yếu ở đảo Java, được coi là một trong những nơi đông dân nhất trên trái đất. Trong số các đảo xa (những đảo xung quanh Java và Bali), Sumatra có một số cụm quan trọng nhất, đặc biệt là ở phía nam gần Selat Sunda và dọc theo bờ biển đông bắc gần Medan. Các thành phố Makasar (Sulawesi), Banjarmasin (Kalimantan) cũng có mật độ dân số đông đúc

Các mối nguy hiểm tự nhiên: Indonesia thỉnh thoảng có lũ lụt và hạn hán nghiêm trọng; sóng thần; động đất; núi lửa; cháy rừng. Tình hình núi lửa: Indonesia có nhiều núi lửa nhất trong số các quốc gia trên thế giới với khoảng 76 núi lửa đang hoạt động trong lịch sử; hoạt động núi lửa đáng kể xảy ra ở Java, Sumatra, Quần đảo Sunda, Đảo Halmahera, Đảo Sulawesi, Đảo Sangihe và Bién Banda;

Dân số: tổng số 281.562.465 người (Số liệu ước tính 2024)

- Nam: 140.800.047.
- Nữ: 140.762.418.

Xếp hạng trên thế giới: 4

Nhóm dân tộc: Người Java 40,1%, Người Sunda 15,5%, Người Mã Lai 3,7%, Người Batak 3,6%, Người Madurese 3%, Người Betawi 2,9%, Người Minangkabau 2,7%, Người Bugin 2,7%, Người Banten 2%, Người Banjar 1,7%, Người Bali 1,7%, Người Aceh 1,4%, Người Dayak 1,4%, Người Sasak 1,3%, Người Trung Quốc 1,2%, nhóm khác 15% (Số liệu ước tính năm 2010)

Ngôn ngữ: ngôn ngữ Bahasa Indonesia, tiếng Anh, tiếng Hà Lan, phương ngữ địa phương (trong đó tiếng Java được sử dụng rộng rãi nhất).

Lưu ý: hơn 700 ngôn ngữ được sử dụng tại Indonesia.

Tôn giáo: Hồi giáo 87,4%, Tin lành 7,5%, Công giáo La Mã 3,1%, Ấn Độ giáo 1,7%, tôn giáo khác 0,8% (bao gồm Phật giáo và Khổng giáo) (Số liệu ước tính năm 2022)

Hồ sơ nhân khẩu học: Indonesia có dân số lớn thứ tư thế giới. Quốc gia này chủ yếu theo đạo Hồi và có dân số theo đạo Hồi lớn nhất thế giới. Dân số dự kiến sẽ tăng lên tới 320 triệu người vào năm 2045. Một chương trình kế hoạch hóa gia đình do chính phủ hỗ trợ. Tỷ lệ sinh tổng thể (TFR) với số ca sinh trung bình của một phụ nữ từ 5,6 vào giữa những năm 1960 lên 2,7 vào giữa những năm 1990. Thành công của chương trình cũng là do sự chấp nhận của xã hội đối với kế hoạch hóa gia đình, nhận được sự ủng hộ từ các nhà lãnh đạo và tổ chức Hồi giáo có ảnh hưởng.

Tỷ lệ sinh giảm chậm lại vào cuối những năm 1990 khi trách nhiệm đối với các chương trình kế hoạch hóa gia đình chuyển sang cấp huyện, nơi các chương trình không được ưu tiên. Từ năm 2012, chính phủ quốc gia đã khôi phục lại chương trình kế hoạch hóa gia đình quốc gia và TFR của Indonesia đã giảm dần xuống còn 2,3 vào năm 2020. Chính phủ có thể đạt được mục tiêu đạt được mức sinh thay thế – 2,1 con trên một phụ nữ – nhưng số lượng lớn phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đảm bảo tăng trưởng dân số đáng kể trong nhiều năm.

Indonesia là quốc gia nguồn lao động di cư, quốc gia trung chuyển cho người xin tị nạn và là điểm đến chủ yếu của lao động di cư có tay nghề cao. Di cư lao động quốc tế, cả hợp pháp và bất hợp pháp, từ Indonesia đến các khu vực khác của Châu Á (phổ biến nhất là Malaysia) và Trung Đông đã diễn ra trong nhiều thập kỷ do tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm cao, nghèo đói và mức lương thấp trong nước. Ngày càng có nhiều lao động nhập cư bị thu hút đến Úc, Canada, New Zealand và Hoa Kỳ. Phần lớn lao động di cư của

Indonesia là tạm thời và chủ yếu bao gồm những lao động có trình độ thấp, chủ yếu là phụ nữ làm việc như người giúp việc.

Vị trí chiến lược của Indonesia nằm giữa Châu Á và Úc và giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương và khả năng tiếp cận tương đối dễ dàng bằng thuyền, điều này đã hấp dẫn những người xin tị nạn. Đây cũng là một địa điểm trung chuyển hấp dẫn vì các yêu cầu nhập cảnh dễ dàng và khả năng tiếp tục đến Úc. Những người xin tị nạn gần đây đến từ Afghanistan, Miến Điện (người Rohingya), Iraq, Somalia và Sri Lanka. Kể từ năm 2013, khi Úc thắt chặt chính sách nhập cư, hàng nghìn người di cư và người xin tị nạn đã bị mắc kẹt ở Indonesia, nơi họ sống trong điều kiện bấp bênh và chỉ nhận được sự hỗ trợ hạn chế từ các tổ chức quốc tế. Tình hình của người tị nạn ở Indonesia cũng trở nên tồi tệ hơn vì Úc và Hoa Kỳ, những nước đã tái định cư phần lớn người tị nạn ở Indonesia, đã giảm đáng kể lượng người tiếp nhận.

Cơ cấu độ tuổi

- 0-14 tuổi: 23,8% (nam 34.247.218/nữ 32.701.367)
- 15-64 tuổi: 68,3% (nam 96.268.201/nữ 95.961.293)
- 65 tuổi trở lên: 8% (ước tính năm 2024) (nam 10.284.628/nữ 12.099.758)

Mức độ đô thị hóa:

- Dân số đô thị: 58,6% tổng dân số (2023)
- Tỷ lệ đô thị hóa: 1,99% tỷ lệ thay đổi hàng năm (số liệu ước tính 2020-25)
- Tỷ lệ tăng trưởng dân số tổng thể so với tỷ lệ tăng trưởng dân số đô thị, số liệu ước tính từ năm 2000 -2030.

Các khu vực đô thị lớn - dân số (Số liệu cập nhật năm 2023)

- 11,249 triệu JAKARTA (thủ đô),
- 3,729 triệu Bekasi,
- 3,044 triệu Surabaya,
- 3,041 triệu Depok,
- 2,674 triệu Bandung,
- 2,514 triệu Tangerang

Chính phủ và tình hình chính trị.



Mô tả quốc kỳ

Hai dải ngang bằng nhau màu đỏ (phía trên) và trắng. Màu sắc quốc kỳ bắt nguồn từ lá cờ của Đế chế Majapahit vào thế kỷ 13-15, màu đỏ tượng trưng cho lòng dũng cảm, màu trắng tượng trưng cho sự trong sáng

Lưu ý: tương tự như lá cờ của Monaco, ngắn hơn; cũng tương tự như lá cờ của Ba Lan, có màu trắng (phía trên) và đỏ.

Biểu tượng quốc gia

Garuda (loài chim thần thoại); màu sắc quốc gia: đỏ, trắng

Tên chính thức: Cộng hòa Indonesia.

Thủ đô: Jakarta

Ngày độc lập: 17 tháng 8 năm 1945

Tổng thống Indoneisa: Ông Prabowo Subianto

Các đơn vị hành chính

35 tỉnh , 1 tỉnh tự trị, 1 vùng đặc biệt và 1 quận thủ đô quốc gia.

Hiến pháp

Hiến pháp ra đời từ tháng 7 đến tháng 8 năm 1945, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 1945, bị bãi bỏ bởi hiến pháp năm 1949 và 1950; hiến pháp năm 1945 được khôi phục vào ngày 5 tháng 7 năm 1959.

Hệ thống pháp luật: hệ thống luật dân sự Indonesia dựa trên mô hình La Mã-Hà Lan và chịu ảnh hưởng của luật tục.

Quyền bầu cử

Công dân đủ 17 tuổi; người đã kết hôn bất kể tuổi tác.

Ngành hành pháp

Bộ trưởng Quốc phòng Indonesia Prabowo Subianto đã tuyên bố giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống ở quốc gia Đông Nam Á này, sau khi kết quả kiểm phiếu sơ bộ ngoài phòng bỏ phiếu được công bố. Theo đó, ông đã giành được gần 60% số phiếu ủng hộ, vượt trội so với tỷ lệ 25% và 17% của hai đối thủ còn lại.

Nội các: Nội các do tổng thống bổ nhiệm

Bầu cử/bổ nhiệm: tổng thống và phó tổng thống được bầu trực tiếp theo đa số phiếu phổ thông tuyệt đối cho nhiệm kỳ 5 năm (có quyền bầu nhiệm kỳ thứ hai); cuộc bầu cử gần đây nhất được tổ chức vào ngày 14 tháng 2 năm 2024 (sẽ được tổ chức tiếp theo vào năm 2029)

Cơ quan lập pháp

Hội đồng tư vấn nhân dân lưỡng viện hoặc Majelis Permusyawaratan Rakyat (MPR) bao gồm:

- +Hội đồng đại diện khu vực hoặc Dewan Perwakilan Daerah (136 ghế; các thành viên phi đảng phái được bầu trực tiếp tại các khu vực bầu cử nhiều ghế - mỗi khu vực bầu cử có 4 ghế từ 34 quận bầu cử của đất nước - theo hình thức bỏ phiếu đại diện theo tỷ lệ để phục vụ nhiệm kỳ 5 năm); lưu ý - Hội đồng đại diện khu vực không có thẩm quyền lập pháp
- +Hạ viện hoặc Dewan Perwakilan Rakyat (580 ghế; các thành viên được bầu trực tiếp tại các khu vực bầu cử nhiều ghế bằng một phiếu bầu không thể chuyển nhượng để phục vụ nhiệm kỳ 5 năm)

Bầu cử: Hội đồng đại diện khu vực - lần gần nhất được tổ chức vào ngày 14 tháng 2 năm 2024 (lần tiếp theo được tổ chức vào năm 2029)

Hạ viện - lần gần nhất được tổ chức vào ngày 14 tháng 2 năm 2024 (lần tiếp theo được tổ chức vào năm 2029)

Kết quả bầu cử: Hội đồng đại diện khu vực - tất cả các ghế được bầu theo hình thức phi đảng phái; thành phần - nam 102, nữ 34, tỷ lệ phụ nữ 25%

Ngành tư pháp

Tòa án cao nhất: Tòa án tối cao hoặc Mahkamah Agung (51 thẩm phán chia thành 8 viện);
Tòa án Hiến pháp hoặc Mahkamah Konstitusi (gồm 9 thẩm phán)

Lựa chọn thẩm phán và nhiệm kỳ: Thẩm phán Tòa án Tối cao do Ủy ban Tư pháp đề cử, do tổng thống bổ nhiệm với sự đồng thuận của quốc hội; thẩm phán phục vụ cho đến khi nghỉ hưu ở tuổi 65; Thẩm phán Tòa án Hiến pháp - 3 do tổng thống đề cử, 3 do Tòa án Tối cao và 3 do quốc hội; thẩm phán do tổng thống bổ nhiệm; thẩm phán phục vụ cho đến khi nghỉ hưu bắt buộc ở tuổi 70

Tòa án cấp dưới: Tòa Phúc thẩm cấp cao, tòa án quận, tòa án tôn giáo

Các tổ chức quốc tế đã tham gia

ADB, APEC, ARF, ASEAN, BIS, CD, CICA (quan sát viên), CP, D-8, EAS, EITI (quốc gia tuân thủ), FAO, G-11, G-15, G-20, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC (ủy ban quốc gia), ICRM, IDA, IDB, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM (quan sát viên), IORA, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC (tổ chức phi chính phủ), MIGA, MINURSO, MINUSTAH, MONUSCO, MSG (thành viên liên kết), NAM, OECD (cam kết tăng cường), OIC, OPCW, PIF (đối tác), UN, UNAMID, UNCTAD, UNESCO, UNHRC, UNIDO, UNIFIL, UNISFA, UNMIL, UNOOSA, UNWTO, UPU, WCO, WFTU (tổ chức phi chính phủ), WHO, WIPO, WMO, WTO

Di sản quốc gia của Indonesia

Indonesia có tổng số di sản thế giới: 10 (6 di sản văn hóa, 4 di sản thiên nhiên). Các địa điểm Di sản thế giới được chọn:

1. Quần thể Đền Borobudur ;
2. Công viên quốc gia Komodo ;
3. Quần thể Đền Prambanan ;
4. Công viên quốc gia Ujung Kulon;
5. Di tích Người tiền sử Sangiran ;

6. Công viên quốc gia Lorentz ;
7. Di sản Rừng mưa nhiệt đới Sumatra ;
8. Cảnh quan văn hóa của Tỉnh Bali ;
9. Di sản khai thác than Ombilin của Sawahlunto ;
10. Trục vũ trụ của Yogyakarta và các Di tích lịch sử.

Các chỉ số kinh tế

Indonesia là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất và lớn nhất ở Đông Nam Á.

GDP thực (sức mua tương đương)

- 3,419 nghìn tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2022)
- 3,247 nghìn tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2021)
- 3,131 nghìn tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2020)

Lưu ý: dữ liệu tính theo đô la năm 2017

Xếp hạng trên thế giới: 7

Tốc độ tăng trưởng GDP thực

- 5,31% (Số liệu ước tính năm 2022)
- 3,7% (Số liệu ước tính năm 2021)
- -2,07% (Số liệu ước tính năm 2020)

Lưu ý: tăng trưởng GDP hàng năm % dựa trên tiền tệ địa phương không đổi

Xếp hạng trên thế giới: 66

GDP thực bình quân đầu người

- 12.400 đô la (Số liệu ước tính năm 2022)
- 11.900 đô la (Số liệu ước tính năm 2021)
- 11.500 đô la (Số liệu ước tính năm 2020)

Lưu ý: dữ liệu tính theo đô la năm 2017

Xếp hạng trên thế giới: 127

GDP (tỷ giá hối đoái chính thức): 1.319 tỷ USD (Số liệu ước tính năm 2022)

Lưu ý: dữ liệu theo đô la hiện tại theo tỷ giá hối đoái chính thức.

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng)

- 4,21% (Số liệu ước tính năm 2022)

- 1,56% (Số liệu ước tính năm 2021)
- 1,92% (Số liệu ước tính năm 2020)

Lưu ý: tỷ lệ thay đổi hàng năm dựa trên giá tiêu dùng

Xếp hạng trên thế giới: 62

Xếp hạng tín dụng

- Xếp hạng Fitch: BBB (2017)
- Xếp hạng Moody's: Baa2 (2018)
- Xếp hạng Standard & Poors: BBB (2019)

Lưu ý: Năm đề cập đến năm mà xếp hạng tín dụng hiện tại được lấy lần đầu tiên.

GDP - thành phần, theo ngành xuất xứ

- Nông nghiệp: 13,7% (Số liệu ước tính năm 2017)
- Công nghiệp: 41% (Số liệu ước tính năm 2017)
- Dịch vụ: 45,4% (Số liệu ước tính năm 2017)

Xếp hạng so sánh: dịch vụ 197; công nghiệp 26; nông nghiệp 71

GDP - cơ cấu, theo mục đích sử dụng cuối cùng

- Tiêu dùng hộ gia đình: 57,3% (Số liệu ước tính năm 2017)
- Tiêu dùng của chính phủ: 9,1% (Số liệu ước tính năm 2017)
- Đầu tư vào vốn cố định: 32,1% (Số liệu ước tính năm 2017)
- Đầu tư vào hàng tồn kho: 0,3% (Số liệu ước tính năm 2017)
- Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ: 20,4% (Số liệu ước tính năm 2017)
- Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ: -19,2% (Số liệu ước tính năm 2017)

Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu: cây cọ dầu, gạo, mía, ngô, dừa, sắn, chuối, trứng, xoài/ổi, gà (Số liệu 2022)

Lưu ý: mười sản phẩm nông nghiệp hàng đầu dựa trên tỷ trọng.

Ngành công nghiệp chủ yếu: dầu mỏ và khí đốt tự nhiên, dệt may, ô tô, thiết bị điện, may mặc, giày dép, khai khoáng, xi măng, dụng cụ và thiết bị y tế, thủ công mỹ nghệ, phân bón hóa học, ván ép, cao su, thực phẩm chế biến, đồ trang sức và du lịch

Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 4,11% (Số liệu ước tính năm 2022)

Lưu ý: tỷ lệ thay đổi hàng năm về giá trị gia tăng công nghiệp dựa trên tỷ giá hối đoái cố định.

Xếp hạng trên thế giới: 94

Lực lượng lao động: 138,099 triệu (Số liệu ước tính năm 2022)

Lưu ý: số người từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hoặc đang tìm việc.

Xếp hạng trên thế giới: 4

Tỷ lệ thất nghiệp

- 3,46% (Số liệu ước tính năm 2022)
- 3,83% (Số liệu ước tính năm 2021)
- 4,25% (Số liệu năm 2020 ước tính)

Lưu ý: % lực lượng lao động tìm kiếm việc làm

Xếp hạng trên thế giới: 55

Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (tuổi 15-24)

- Tổng: 16,1% (ước tính năm 2021)
- Nam: 16,3%
- Nữ: 15,7%

Xếp hạng trên thế giới: tổng 107

Dân số dưới mức nghèo khổ: 9,5% (Số liệu ước tính năm 2022)

Lưu ý: % dân số có thu nhập dưới mức nghèo khổ quốc gia

Hệ số chỉ số Gini - phân phối thu nhập gia đình: 37,9 (Số liệu ước tính năm 2022)

Lưu ý: chỉ số (0-100) phân phối thu nhập; giá trị cao hơn biểu thị sự bất bình đẳng lớn hơn

Xếp hạng trên thế giới: 71

Chỉ tiêu hộ gia đình trung bình

- Cho thực phẩm: 33,9% chi tiêu hộ gia đình (Số liệu ước tính năm 2021)
- Cho rượu và thuốc lá: 7,3% chi tiêu hộ gia đình (Số liệu ước tính năm 2021)

Thu nhập hoặc mức tiêu dùng hộ gia đình theo phần trăm chia sẻ

- 10% thấp nhất: 3,1%
- 10% cao nhất: 30,7% (Số liệu ước tính năm 2022)

Lưu ý: % chia sẻ thu nhập dành cho 10% dân số thấp nhất và cao nhất

Chuyển tiền

- 0,76% GDP (Số liệu ước tính năm 2022)
- 0,79% GDP (Số liệu ước tính năm 2021)

- 0,91% GDP (Số liệu ước tính năm 2020)

Lưu ý: chuyển nhượng cá nhân và bồi thường giữa cá nhân/hộ gia đình/thực thể thường trú và không thường trú

Ngân sách

- Doanh thu: 130,872 tỷ USD (Số liệu ước tính năm 2020)
- Chi tiêu: 192,97 tỷ USD (Số liệu ước tính năm 2020)

Thặng dư ngân sách (+) hoặc thâm hụt (-): -2,7% (GDP) (Số liệu ước tính năm 2017)

Xếp hạng trên thế giới: 122

Nợ công

- 44,4% GDP (Số liệu ước tính năm 2021)
- 42,9% GDP (Số liệu ước tính năm 2020)
- 33,73% GDP (Số liệu ước tính năm 2019)

Lưu ý: nợ của chính quyền trung ương tính theo % GDP

Xếp hạng trên thế giới: 124

Thuế và các khoản thu khác: 9,09% (GDP) (Số liệu ước tính năm 2021)

Lưu ý: doanh thu thuế của chính quyền trung ương tính theo % GDP.

Xếp hạng trên thế giới: 192

Tài khoản vãng lai

- 12,67 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2022)
- 3,511 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2021)
- -4,433 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2020)

Lưu ý: cán cân thanh toán - thương mại ròng và thu nhập chính/phụ tính theo đô la hiện tại

Xếp hạng trên thế giới: 24

Tổng kim ngạch xuất khẩu

- 315,584 tỷ USD (Số liệu ước tính năm 2022)
- 246,787 tỷ USD (Số liệu ước tính năm 2021)
- 178,418 tỷ USD (Số liệu ước tính năm 2020)

Lưu ý: cán cân thanh toán - xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tính theo đô la hiện tại

Xếp hạng trên thế giới: 30

Các đối tác xuất khẩu chính: Trung Quốc 21%, Hoa Kỳ 10%, Nhật Bản 8%, Ấn Độ 8%, Malaysia 5% (2022)

Lưu ý: 5 đối tác xuất khẩu hàng đầu dựa trên tỷ lệ % xuất khẩu.

Nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu: than, dầu cọ, hợp kim sắt, khí đốt tự nhiên, thép (2022)

Lưu ý: 5 mặt hàng xuất khẩu hàng đầu dựa trên giá trị tính theo USD.

Tổng kim ngạch nhập khẩu:

- 273,249 tỷ đô la (Số liệu ước tính 2022)
- 217,579 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2021)
- 159,872 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2020)

Lưu ý: cán cân thanh toán - nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ theo USD hiện tại

Xếp hạng trên thế giới: 30

Các đối tác nhập khẩu chủ yếu: Trung Quốc 31%, Singapore 10%, Nhật Bản 6%, Malaysia 5%, Thái Lan 5% (Số liệu năm 2022)

Lưu ý: 5 đối tác nhập khẩu hàng đầu dựa trên tỷ lệ % nhập khẩu

Các nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu: dầu mỏ tinh chế, dầu thô, phụ tùng/phụ kiện xe cộ, khí đốt tự nhiên, nhựa (Số liệu năm 2022)

Lưu ý: năm mặt hàng nhập khẩu hàng đầu dựa trên giá trị tính bằng USD.

Dự trữ ngoại hối và vàng

- 137,222 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2022)
- 144,908 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2021)
- 135,916 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2020)

Lưu ý: năm giữ vàng (giá cuối năm)/ngoại hối/quyền rút vốn đặc biệt bằng USD hiện tại

Xếp hạng trên thế giới: 20

Nợ bên ngoài

- 393,252 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2019)
- 360,945 tỷ đô la (Số liệu ước tính năm 2018)

Xếp hạng trên thế giới: 31

Tỷ giá hối đoái: Rupiah Indonesia (IDR) đổi một đô la Mỹ

Tỷ giá hối đoái:

14.849,854 (Số liệu ước tính năm 2022)

14.308,144 (Số liệu ước tính năm 2021)

14.582,203 (Số liệu ước tính năm 2020)

14.147,671 (Số liệu ước tính năm 2019)

14.236,939 (Số liệu ước tính năm 2018)

Lĩnh vực năng lượng

Khả năng tiếp cận điện:

- Dân số không có điện: (2020) dưới 1 triệu
- Điện khí hóa - tổng dân số: 99,2% (2021)
- Điện khí hóa - khu vực thành thị: 99,9% (2021)
- Điện khí hóa - khu vực nông thôn: 98,2% (2021)

Công suất điện

- Công suất phát điện lắp đặt: 69,065 triệu kW (ước tính năm 2020)
- Tiêu thụ: 256.742.190.000 kWh (ước tính năm 2019)
- Xuất khẩu: 0 kWh (ước tính năm 2020)
- Nhập khẩu: 1,553 tỷ kWh (ước tính năm 2020)
- Tổn thất truyền tải/phân phối: 25,08 tỷ kWh (ước tính năm 2019)

Xếp hạng so sánh: nhập khẩu 64; xuất khẩu 151; công suất phát điện lắp đặt 19; tổn thất truyền tải/phân phối 196; Tiêu thụ 18

Nguồn nguyên liệu phát điện

- Nhiên liệu hóa thạch: 82,3% tổng công suất lắp đặt (ước tính năm 2020)
- Hạt nhân: 0% tổng công suất lắp đặt (ước tính năm 2020)
- Mặt trời: 0% tổng công suất lắp đặt (ước tính năm 2020)
- Gió: 0,2% tổng công suất lắp đặt (ước tính năm 2020)
- Thủy điện: 6,8% tổng công suất lắp đặt (ước tính năm 2020)
- Thủy triều và sóng: 0% tổng công suất lắp đặt (ước tính năm 2020)
- Địa nhiệt: 5,7% tổng công suất lắp đặt (ước tính năm 2020)
- Sinh khối và chất thải: 5% tổng công suất lắp đặt (ước tính năm 2020)

Ngành than

Sản xuất: 563,728 triệu tấn (ước tính năm 2020)

Tiêu thụ: 132,548 triệu tấn (ước tính năm 2020)

Xuất khẩu: 409,892 triệu tấn (ước tính năm 2020)

Nhập khẩu: 8,95 triệu tấn (ước tính năm 2020)

Trữ lượng đã được thăm dò chứng minh: 39,891 tỷ tấn (ước tính năm 2019)

Dầu mỏ

Tổng sản lượng dầu mỏ: 842.300 thùng/ngày (ước tính năm 2021)

Tiêu thụ dầu mỏ tinh chế: 1,649 triệu thùng/ngày (ước tính năm 2019)

Xuất khẩu dầu thô và ngưng tụ thô: 204.000 thùng/ngày (ước tính năm 2018)

Nhập khẩu dầu thô và ngưng tụ thô: 309.700 thùng/ngày (ước tính năm 2018)

Dự trữ ước tính của dầu thô: 2,48 tỷ thùng (ước tính năm 2021)

Sản lượng dầu mỏ tinh chế : 950.000 thùng/ngày (ước tính năm 2015)

Xếp hạng trên thế giới: 18

Sản lượng dầu mỏ tinh chế cho xuất khẩu: 79.930 thùng/ngày (ước tính năm 2015)

Xếp hạng trên thế giới: 47

Sản lượng dầu mỏ tinh chế nhập khẩu: 591.500 thùng/ngày (ước tính 2015)

Xếp hạng trên thế giới: 15

Sản lượng khí thiên nhiên

- Sản xuất: 62.612.013.000 mét khối (ước tính năm 2020)

- Tiêu thụ: 38.673.953.000 mét khối (ước tính năm 2020)

- Xuất khẩu: 23.938.060.000 mét khối (ước tính năm 2020)

- Nhập khẩu: 0 mét khối (ước tính năm 2021)

- Trữ lượng đã thăm dò: 1.408.478.000.000 mét khối (ước tính năm 2021)

Lượng khí thải carbon dioxide: 563,543 triệu tấn CO₂ (ước tính năm 2019)

- Khí thải từ than đá và than cốc luyện kim: 267,326 triệu tấn CO₂ (ước tính năm 2019)

- Khí thải từ dầu mỏ và các chất lỏng khác: 209,279 triệu tấn CO₂ (ước tính năm 2019)

- Khí thải từ khí đốt tự nhiên tiêu thụ: 86,938 triệu tấn CO₂ (ước tính năm 2019)

Xếp hạng trên thế giới: tổng lượng khí thải 11

Tiêu thụ năng lượng bình quân đầu người: 29,68 triệu Btu/người (ước tính năm 2019)

Xếp hạng trên thế giới: 122

Lĩnh vực truyền thông

Điện thoại - đường dây cố định

- Tổng số thuê bao: 8,424 triệu (ước tính năm 2022)
- Số thuê bao trên 100 cư dân: 3 (ước tính năm 2022)

Xếp hạng trên thế giới: tổng số thuê bao 20.

Điện thoại - di động

- Tổng số thuê bao: 316,553 triệu (ước tính năm 2022)
- Số thuê bao trên 100 cư dân: 115 (ước tính năm 2022)

Xếp hạng trên thế giới: tổng số thuê bao 4

Hệ thống viễn thông

Đánh giá chung: Indonesia phải đối mặt với nhiều trở ngại hơn bình thường về việc cho phép tiếp cận rộng rãi các dịch vụ viễn thông chất lượng cho dân số hơn 270 triệu người của mình; những thách thức về mặt địa lý đã trở nên phức tạp hơn do nhiều vấn đề xã hội, chính trị và kinh tế trong những năm qua khiến của cải của đất nước được phân bổ rất mỏng. Các nhà khai thác cố định (cáp quang) và di động đã tiếp tục mở rộng và nâng cấp mạng lưới của họ trên khắp cả nước; 18.000 hòn đảo của Indonesia (tuy nhiên, nhiều hòn đảo trong số đó có dân cư thưa thớt) khiến việc triển khai cơ sở hạ tầng cố định trên diện rộng trở nên khó khăn; đã có hoạt động mới trong lĩnh vực cáp quang, nhưng việc kết hợp điện thoại cố định với dịch vụ truyền hình và internet sẽ giúp mật độ điện thoại của đất nước ổn định; thuê bao di động đã đạt hơn 130% và dự kiến sẽ vượt quá 150% vào năm 2026; với 4G LTE có sẵn trên toàn thế giới, các công ty di động lớn đã bận rộn triển khai dịch vụ 5G ở một số khu vực được chọn; việc triển khai 5G sẽ bị cản trở do thiếu tần số phù hợp; 4G phải được phân bổ lại từ các dịch vụ phát sóng và có dấu hiệu cho thấy quá trình tương tự sẽ phải được thực hiện để cho phép mở rộng 5G vào các băng tần lõi của nó (3,3 đến 4,2 GHz) (2022)

Trong nước: thuê bao cố định khoảng 3 trên 100 và thuê bao di động-di động 134 trên 100 người (2021)

Quốc tế: mã quốc gia - 62.

Phương tiện phát sóng

Indonesia có khoảng một chục mạng lưới truyền hình quốc gia - 1 đài truyền hình công cộng, phần còn lại là các đài truyền hình tư nhân - mỗi đài có nhiều máy phát; hơn 100 đài truyền hình địa phương; sử dụng rộng rãi các hệ thống truyền hình vệ tinh và cáp; đài phát thanh công cộng vận hành 6 mạng lưới quốc gia, cũng như các đài khu vực và địa phương; nhìn chung, hơn 700 đài phát thanh với hơn 650 đài do tư nhân điều hành (2019)

Mã quốc gia Internet: .id

Người dùng Internet

- Tổng số: 167,4 triệu (ước tính năm 2021)
- Tỷ lệ dân số: 62% (ước tính năm 2021)

Xếp hạng trên thế giới: tổng số 5

Băng thông rộng - thuê bao cố định

- Tổng số: 11.722.218 (ước tính năm 2020)
- Thuê bao trên 100 cư dân: 4 (ước tính năm 2020)

Xếp hạng trên thế giới: tổng số 17

Hệ thống giao thông

Hệ thống vận tải hàng không quốc gia

- Số hãng hàng không đã đăng ký: 25 (2020)
- Số lượng máy bay đã đăng ký do các hãng hàng không khai thác: 611
- Lượng hành khách hàng năm trên các hãng hàng không đã đăng ký: 115.154.100 (2018)
- Lượng hàng hóa hàng năm trên các hãng hàng không đã đăng ký: 1.131.910.000 (2018)

Mã quốc gia đăng ký máy bay dân dụng: PK

Số lượng sân bay: 513 (2024)

Xếp hạng trên thế giới: 16

Sân bay trực thăng: 24 (2024)

Đường ống: 1.064 km ngưng tụ, 150 km ngưng tụ/khí, 11.702 km khí, 119 km khí dầu mỏ hóa lỏng, 7.767 km dầu, 77 km dầu/khí/nước, 728 km sản phẩm tinh chế, 53 km không rõ, 44 km nước (2013)

Đường sắt: tổng cộng: 8.159 km (2014). Khổ hẹp: 8.159 km (2014) Khổ 1.067 m (565 km điện khí hóa)

Lưu ý: 4.816 km hoạt động

Xếp hạng trên thế giới: tổng cộng 27

Đường bộ: tổng cộng: 496.607 km

- Đường trải nhựa: 283.102 km
- Đường không trải nhựa: 213.505 km (2011)

Xếp hạng trên thế giới: tổng cộng 13

Đường thủy: 21.579 km (2011)

Xếp hạng trên thế giới: 8

Tàu buôn: tổng cộng: 11.422 (2023), theo loại: tàu chở hàng rời 160, tàu container 219, hàng hóa tổng hợp 2.347, tàu chở dầu 714, loại khác 7.982.

Xếp hạng trên thế giới: tổng cộng 1

Cảng: tổng số cảng: 123 (2024)

- Lớn: 3
- Trung bình: 6
- Nhỏ: 18
- Rất nhỏ: 96
- Cảng có bến dầu: 79

Cảng chính: Belawan, Cilacap, Dumai, Jakarta, Bến tàu Kasim, Bến tàu Merak Mas, Palembang, Surabaya, Ujung Pandang

Chương 3: Quy định thương mại, hải quan và các tiêu chuẩn

Rào cản thương mại

Rào cản thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp

**Thuế quan*

Mức thuế quan tối huệ quốc (MFN) trung bình của Indonesia là 8,1% vào năm 2019. Mức thuế quan MFN trung bình của Indonesia là 8,7% đối với các sản phẩm nông nghiệp và 8,0% đối với các sản phẩm phi nông nghiệp vào năm 2019 (dữ liệu mới nhất có sẵn). Trong lĩnh vực nông nghiệp, thuế quan đối với hơn 1.300 sản phẩm có ràng buộc ở mức 35,5% trở lên.

+ *Cấp phép nhập khẩu đối với các sản phẩm nông nghiệp*: Kể từ năm 2012, Indonesia đã duy trì các chế độ hạn chế thương mại đối với việc nhập khẩu các sản phẩm làm vườn, động vật và các sản phẩm từ động vật. Indonesia đã sửa đổi các chế độ cấp phép nhập khẩu của mình nhiều lần để đưa các biện pháp của mình tuân thủ các quy tắc của WTO. Giải quyết các vấn đề cấp phép vẫn là ưu tiên hàng đầu đối với các nhà xuất khẩu sản phẩm làm vườn và cả hai bên vẫn đang tham gia đối thoại để giải quyết các vấn đề này.

+ *Cấm và hạn chế nhập khẩu*: Indonesia áp đặt các hạn chế đối với nhập khẩu ngô làm thức ăn chăn nuôi, hạn chế quyền nhập khẩu cho cơ quan mua sắm nhà nước, Cục Hậu cần (BULOG). Tuy nhiên, một số ngô nhập khẩu dùng để sản xuất tinh bột vẫn được phép. BULOG là đơn vị nhập khẩu ngô làm thức ăn chăn nuôi duy nhất của Indonesia, BULOG ưu tiên phân phối ngô cho những người chăn nuôi gia cầm quy mô nhỏ. Khối lượng nhập khẩu được thiết lập dựa trên mức sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước. Các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi khác có nghĩa vụ sử dụng ngô làm thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước nhưng đã bày tỏ lo ngại rằng họ không thể có được ngô làm thức ăn chăn nuôi với số lượng đủ để duy trì sự tăng trưởng của ngành chăn nuôi gia cầm.

+ Indonesia duy trì lệnh cấm nhập khẩu đường theo mùa, ngoài việc hạn chế lượng đường nhập khẩu hàng năm dựa trên dự báo sản xuất và tiêu thụ trong nước.

+ Indonesia áp dụng giới hạn định lượng đối với việc nhập khẩu rượu vang và rượu mạnh chưng cất. Các công ty phải nộp đơn để được chỉ định là nhà nhập khẩu đã đăng ký được phép nhập khẩu đồ uống có cồn, với hạn ngạch cụ thể hàng năm do Bộ Thương mại quy định.

****Rào cản vệ sinh và kiểm dịch thực vật***

+*Thịt bò và thịt lợn*: Indonesia yêu cầu mỗi cơ sở sản xuất thịt muốn xuất khẩu sang Indonesia phải hoàn thành một bảng câu hỏi mở rộng bao gồm thông tin được quy định riêng và phải được thanh tra viên Indonesia kiểm tra trước khi có thể vận chuyển thịt đến Indonesia.

+*Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật*: Luật chăn nuôi và sức khỏe động vật của Indonesia (Luật 18/2009, được sửa đổi bởi Luật 41/2014) yêu cầu các công ty xuất khẩu các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật, chẳng hạn như sữa và trứng sang Indonesia phải hoàn tất quy trình đăng ký trước với MOA. Luật này chỉ cho phép nhập khẩu các sản phẩm này từ các cơ sở mà chính quyền Indonesia đã phê duyệt riêng.

+Phí kiểm tra

Năm 2017, MOA bắt đầu áp dụng phí kiểm tra đối với tất cả các cơ sở sản phẩm động vật muốn xuất khẩu sang Indonesia theo Quy định của Chính phủ 35/2016. Các cuộc kiểm tra này là bắt buộc để có được giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu và bao gồm "kiểm tra tại bàn" đối với các tài liệu đăng ký (1.200 USD), kiểm tra cơ sở tại chỗ (925 USD cho mỗi kiểm toán viên, mỗi ngày) và đánh giá tại bàn sau kiểm toán (1.200 USD). Các nhà xuất khẩu của Hoa Kỳ cũng phải trả chi phí đi lại và ăn ở của các viên chức MOA trong khi tiến hành kiểm tra tại Hoa Kỳ. Tổng cộng, các công ty muốn xuất khẩu sang Indonesia có thể phải trả tới 10.000 USD cho một lần kiểm tra.

Thuế nhập khẩu

Mức thuế quan quốc gia được ưa chuộng nhất (MFN) trung bình của Indonesia là 8,1% vào năm 2021. Mức thuế quan MFN trung bình của Indonesia là 8,7% đối với các sản phẩm nông nghiệp và 8,0% đối với các sản phẩm phi nông nghiệp vào năm 2021. Indonesia đã ràng buộc 96,15 các dòng thuế của mình trong Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), với mức thuế quan ràng buộc WTO trung bình là 37,3%.

Trong thập kỷ qua, Indonesia đã tăng mức thuế quan áp dụng đối với một loạt hàng hóa cạnh tranh với các sản phẩm sản xuất trong nước, bao gồm các sản phẩm điện tử, máy xay xát, hóa chất, mỹ phẩm, thuốc men, rượu vang và rượu mạnh, dây sắt và đinh thép, và một loạt các sản phẩm nông nghiệp. Hầu hết các mức thuế của Indonesia đối với các mặt hàng phi nông nghiệp đều được ràng buộc ở mức 35,5%, mặc dù mức thuế quan vượt quá 35,5%

hoặc vẫn không ràng buộc đối với ô tô, sắt, thép và một số sản phẩm hóa chất. Trong lĩnh vực nông nghiệp, thuế quan đối với hơn 1.300 sản phẩm có mức ràng buộc ở mức 35,5% trở lên.

Năm 2020, Indonesia đã ban hành Quy định 199/2019 của Bộ trưởng Tài chính (MOF) nhằm hạ ngưỡng giá miễn thuế nhập khẩu đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu (được gọi là "hàng ký gửi") từ 75 USD xuống còn 3 USD. Một số loại sách, túi xách, hàng may mặc và giày dép được miễn theo quy định này.

Kể từ ít nhất năm 2020, Indonesia dường như đang áp dụng mức thuế 10% đối với một số loại sản phẩm thuộc tiểu mục thuế quan 8517.62 bao gồm thiết bị chuyển mạch và định tuyến, và mức thuế 5% đối với máy chủ máy tính thuộc tiểu mục thuế quan 8471.50. Các bên liên quan khẳng định rằng thuế quan của Indonesia không chỉ gây ra gánh nặng tài chính không công bằng cho các công ty nước ngoài mà còn hạn chế quyền tiếp cận của người tiêu dùng và các công ty Indonesia đối với các sản phẩm CNTT quan trọng cần thiết để hỗ trợ các mục tiêu tăng trưởng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số của Indonesia.

Các yêu cầu và chứng từ nhập khẩu

GOI yêu cầu phải có nhiều chứng từ trước khi cho phép nhập khẩu hàng hóa. Các công ty môi giới hải quan địa phương nắm rõ các thủ tục và định dạng chứng từ bắt buộc. Tối thiểu nhà xuất khẩu hoặc đại lý của họ phải cung cấp hóa đơn tạm tính, hóa đơn thương mại, giấy chứng nhận xuất xứ, vận đơn, danh sách đóng gói và giấy chứng nhận bảo hiểm. Nhà nhập khẩu cần có giấy phép nhập khẩu và mã số nhận dạng nhà nhập khẩu. Nếu nhà nhập khẩu có ý định nhập khẩu mà không có giấy phép nhập khẩu, thì họ sẽ cần phải nộp đơn xin giấy phép đặc biệt để nhập khẩu mà không cần API cho Bộ Thương mại Indonesia. Ngoài các chứng từ đó, các cơ quan kỹ thuật quan tâm đến nội dung và tính phù hợp của sản phẩm nhập khẩu như thực phẩm, dược phẩm, hạt giống hoặc hóa chất thường yêu cầu thêm các chứng từ khác.

Quy trình cung cấp chứng từ bao gồm yêu cầu nhà nhập khẩu phải thông báo cho cơ quan hải quan trước khi hàng hóa đến và nộp chứng từ nhập khẩu qua hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) theo định dạng chuẩn được lưu trên ổ đĩa flash. Ngoài việc cung cấp chứng từ nhập khẩu, Cơ quan Hải quan sẽ tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa nhập khẩu. Có một khoản phí nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu dựa trên phân loại hàng hóa từ Sổ

thuế hải quan Indonesia hoặc Bộ luật hệ thống hài hòa. Từ năm 2013, các sản phẩm thực phẩm bắt buộc phải có nhãn mác bằng tiếng Indonesia.

Những yêu cầu về dán nhãn và đóng dấu.

Tất cả hàng tiêu dùng nhập khẩu phải xác định được pháp nhân nhập khẩu. Trước đây, GOI yêu cầu thông tin trên nhãn sản phẩm phải được viết, in hoặc hiển thị rõ ràng và riêng biệt để có thể dễ dàng nhìn thấy và hiểu được. Vào tháng 9 năm 2015, Bộ Thương mại Indonesia đã ban hành quy định số 73/M-DAG/PER/9/2015 bãi bỏ quy định về nhãn mác trước đó và đưa ra các yêu cầu về nhãn mác ít nghiêm ngặt hơn đối với một số hàng hóa nhập khẩu. Nhãn mác bằng tiếng Indonesia hiện có thể được đóng dấu trên sản phẩm hoặc chèn vào bao bì.

Vào tháng 4 năm 2021, Bộ Thương mại Indonesia đã ban hành quy định 25/2021 sửa đổi quy định số 79/2019, trong đó nêu rõ cần phải đưa vào danh sách hàng hóa và nhãn mác bắt buộc, bao gồm cả hàng điện tử, vật liệu xây dựng, phụ tùng ô tô, hàng dệt may và sản phẩm dệt may.

Tạm nhập tái xuất

Chính phủ Indonesia khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài xuất khẩu đặt hoạt động của mình tại các khu chế xuất hoặc khu bảo thuế (EPZ). Có một số khu bảo thuế hoặc khu chế xuất gần Jakarta như Tanjung Priok, Cakung và Marunda, rất gần các cảng quốc tế và bến cảng quốc tế. Sản phẩm có thể được nhập khẩu vào khu bảo thuế và tái xuất mà không phải trả thuế trừ khi sản phẩm được gửi đến khu vực hải quan Indonesia.

Các nhà đầu tư trong và ngoài nước muốn thành lập dự án tại khu bảo thuế gần Jakarta có thể liên hệ với PT. Kawasan Berikat Nusantara (Persero), một công ty nhà nước, thông tin chi tiết có tại KBN (<http://www.kbn.co.id/>). Kawasan Berikat (Khu bảo thuế) là khu vực có ranh giới nhất định tại Indonesia, nơi các điều khoản đặc biệt về hải quan áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài khu vực hải quan hoặc từ các khu vực hải quan khác tại Indonesia mà không phải chịu thuế hải quan và/hoặc thuế nhà nước trước cho đến khi hàng hóa được cấp phép cho mục đích nhập khẩu, xuất khẩu, tái xuất.

Các quy định thuận lợi cho Khu kinh tế đặc biệt (SEZ) hoặc (Kawasan Ekonomi Khusus, hay KEK ở Indonesia) đã được đưa ra vào năm 2009. Khái niệm cơ bản về SEZ của

Indonesia là chuẩn bị cơ sở hạ tầng và nguồn lực tại các khu vực có thể tiếp cận thị trường toàn cầu (tiếp cận cảng biển và/hoặc sân bay). SEZ của Indonesia có thể đáp ứng các tiêu chí cho một hoặc nhiều loại khu vực sau: Xuất khẩu, Hậu cần, Phát triển công nghệ, Công nghiệp, Du lịch, Năng lượng và Kinh tế khác.

Để tìm hiểu thêm về Khu kinh tế đặc biệt và danh sách các khu kinh tế, vui lòng truy cập Hội đồng quốc gia Indonesia về SEZ.

Hàng hóa cấm và hạn chế xuất nhập khẩu.

Đối với một số loại hàng hóa nhất định vẫn cần phải có giấy phép nhập khẩu bổ sung từ Bộ GTVT như:

- Giấy phép đăng ký nhà nhập khẩu;
- Giấy phép chấp thuận nhập khẩu cho nhà sản xuất nhập khẩu (các công ty nhập khẩu vật liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm của riêng họ);
- Giấy phép chấp thuận nhập khẩu chung.

Người giữ giấy phép nhập khẩu vẫn cần phải khai báo tất cả hàng hóa nhập khẩu vào Indonesia với Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt của Indonesia.

Trước khi nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hóa, doanh nghiệp nên kiểm tra Mã số Hệ thống hài hòa hóa (HS) của Indonesia. Mã này được sử dụng để phân loại mọi loại sản phẩm do các sản phẩm cụ thể có thể yêu cầu giấy phép hoặc đăng ký bổ sung. Ngoài ra, mã HS là một trong những yếu tố quyết định mức thuế và thuế hải quan, cũng như bất kỳ yêu cầu nhập khẩu/xuất khẩu cụ thể nào đối với sản phẩm đó.

Việc nhập khẩu một số sản phẩm được quản lý dựa trên Danh mục hàng hóa bị hạn chế và cấm, còn được gọi là "danh sách LARTAS". Quy định 18 của Bộ Thương mại Indonesia (Quy định 18/2021 của Bộ GTVT) cung cấp danh sách cập nhật các loại hàng hóa bị cấm nhập khẩu và xuất khẩu từ Indonesia. Để kiểm tra các hạn chế nhập khẩu cụ thể, nhà nhập khẩu có thể kiểm tra bằng công thông tin của INSW tại <http://eservice.insw.go.id/> Menu “Thông tin Lartas”. Quy định này đưa ra các danh mục hàng hóa mới bị cấm nhập khẩu, cụ thể là dụng cụ cầm tay thành phẩm, đường, chất làm suy giảm tầng ozon, một số loại thuốc và thực phẩm, vật liệu nguy hiểm và độc hại, cùng nhiều loại khác. Các danh mục hàng hóa bị cấm xuất khẩu bao gồm phế liệu, hàng hóa di sản văn hóa, phân bón được trợ cấp, sản

phẩm khai khoáng, lâm nghiệp và một số sản phẩm nông nghiệp. Lệnh cấm áp dụng đối với việc nhập khẩu hàng hóa từ bên ngoài khu vực hải quan của Indonesia vào các cảng thương mại tự do và khu vực thương mại tự do, và việc xuất khẩu hàng hóa từ các cảng thương mại tự do và khu vực thương mại tự do.

Ngoài ra, quy định này cũng áp dụng đối với việc nhập khẩu hàng hóa từ bên ngoài khu vực hải quan vào vùng đặc quyền kinh tế, việc xuất khẩu hàng hóa từ vùng đặc quyền kinh tế ra bên ngoài khu vực hải quan, việc nhập khẩu hàng hóa từ bên ngoài khu vực hải quan vào khu vực bảo thuế và việc xuất khẩu hàng hóa từ khu vực bảo thuế ra bên ngoài khu vực hải quan.

Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành quy định số 102/PMK.04/2019 (PMK-102), quy định về tái xuất hàng hóa nhập khẩu. Theo các quy định hiện hành (PMK-149), việc tái xuất hàng hóa nhập khẩu có thể được thực hiện dựa trên sự chấp thuận của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan trong các trường hợp như: hàng hóa nhập khẩu không theo đúng lệnh mua, hàng hóa nhập khẩu giao nhầm, hàng hóa bị hỏng hoặc hàng hóa không được phép nhập khẩu do chính sách của chính phủ.

Hoạt động chuyển tải hoặc di chuyển tàu nằm trong phạm vi giám sát của cơ quan hải quan Indonesia. Đã có nhiều vấn đề dưới hình thức chuyển tải thường xuyên giữa biển gây bất lợi cho đất nước và trở thành phương thức xuất khẩu bất hợp pháp hoặc giả mạo. Theo quy định của chính quyền, việc vận chuyển hàng hóa và phương tiện vận tải phải tuân thủ thủ tục hải quan, nhập cư và kiểm dịch.

Hải quan cung cấp hệ thống giám sát bao gồm hệ thống kiểm soát chuyển tải đã được tích hợp giữa hải quan và sân bay. Việc chuyển tải giữa biển bị cấm và các chủ cảng bị cấm tạo điều kiện cho việc bốc xếp hàng hóa ở bất kỳ nơi nào trên vùng biển mở hoặc bên ngoài cảng được chỉ định. Các thủ tục nhập và giải phóng hàng hóa vào và ra khỏi các trung tâm hậu cần liên kết trong bối cảnh xuất khẩu và/hoặc chuyển tải được thực hiện theo quy định của hải quan PER-10/BC/2017. Một số cảng ở Indonesia có thể cung cấp dịch vụ chuyển tải, chẳng hạn như Bến container quốc tế Jakarta (JICT) tại Jakarta và hiện tại chính phủ đang chuẩn bị một cảng chuyển tải khác, Cảng Kuala Tanjung nằm ở Tỉnh Bắc Sumatera. Chuyển tải là một giải pháp thay thế để tiết kiệm nhiên liệu, đặc biệt là đối với ngành thủy sản. Việc chuyển tải thủy sản được Bộ Hàng hải và Thủy sản quản lý theo quy định

58/PERMEN-KP/2020 liên quan đến Doanh nghiệp khai thác thủy sản trong Khu vực quản lý thủy sản của Cộng hòa Indonesia.

Quy định Hải quan và thông tin liên hệ

Tổng cục trưởng Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt của Indonesia được cho là đã đánh giá định giá dựa trên tình trạng rủi ro được nhận thức của nhà nhập khẩu và giá trung bình của cùng một sản phẩm hoặc sản phẩm tương tự đã nhập khẩu trong 90 ngày trước đó. Quy định 87/2015 của Bộ Thương mại Indonesia yêu cầu xác minh trước khi giao hàng đối với nhiều loại sản phẩm (bao gồm đồ điện tử, hàng dệt may và giày dép, đồ chơi, thực phẩm và đồ uống, và mỹ phẩm) bởi các công ty được chỉ định (ở Indonesia gọi là "đơn vị giám định"). Việc xác minh được thực hiện bằng chi phí của nhà nhập khẩu và cản trở việc nhập khẩu vào các cảng và sân bay được chỉ định.

Năm 2019, Indonesia đã áp dụng các yêu cầu kiểm tra trước khi giao hàng mới đối với giấy vụn, nhựa vụn và kim loại vụn để đảm bảo rằng chúng "đồng nhất và sạch" và không chứa chất thải nguy hại. Năm 2020, Indonesia cũng bắt đầu yêu cầu các nhà xuất khẩu phế liệu phải đăng ký với Đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Indonesia gần nhất. Bộ Thương mại Indonesia xác nhận rằng đến tháng 9 năm 2021, họ sẽ sửa đổi các quy định thực hiện để tăng mức tạp chất có thể chấp nhận được trong phế liệu nhập khẩu từ mức hiện tại là 0,5% lên 2,0%.

Tiêu chuẩn trong thương mại

Sự tăng trưởng nhanh chóng của thương mại quốc tế đã dẫn đến sự phát triển của tiêu chuẩn hóa sản phẩm và dịch vụ trong tất cả các ngành công nghiệp tại Indonesia. Một số tiêu chuẩn về an toàn, chất lượng và hiệu suất là tự nguyện nhưng đóng vai trò là yếu tố phân biệt sản phẩm có giá trị trong khi các tiêu chuẩn khác được trích dẫn trong các quy định kỹ thuật là yêu cầu tối thiểu bắt buộc để tiếp cận thị trường.

Tiêu chuẩn

Chính phủ Indonesia và các bên liên quan trong ngành đã tích cực xây dựng các tiêu chuẩn cho sản phẩm và dịch vụ. Cơ quan Tiêu chuẩn hóa Quốc gia Indonesia (Badan Standarisasi Nasional "BSN") là một cơ quan của chính phủ Indonesia chịu trách nhiệm về các hoạt động tiêu chuẩn hóa, đánh giá sự phù hợp và đo lường tại Indonesia. BSN được thành lập

vào năm 1997 theo Sắc lệnh Tổng thống 13/1997 và được tăng cường bởi Sắc lệnh Tổng thống số 166/2000.

Theo quy định của chính phủ, các tiêu chuẩn quốc gia duy nhất được phép áp dụng là Tiêu chuẩn Quốc gia Indonesia (SNI) và BSN chịu trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn này. SNI được xây dựng theo cơ chế xây dựng tiêu chuẩn đã được quốc gia thống nhất và phù hợp với các tiêu chuẩn khu vực hoặc quốc tế tương tự bất cứ khi nào có thể. Nhiều bộ của chính phủ Indonesia trích dẫn các tiêu chuẩn này trong các quy định kỹ thuật của họ.

Nhiều loại sản phẩm khác nhau phải tuân theo thử nghiệm và chứng nhận SNI bắt buộc. Các tài liệu thường được yêu cầu để yêu cầu phê duyệt SNI là:

- 1) Đại diện Doanh nghiệp/Nhà nhập khẩu địa phương tại Indonesia;
- 2) Giấy chứng nhận Nhân hiệu do Cơ quan có thẩm quyền của Indonesia cấp hoặc bằng chứng Đăng ký Nhân hiệu;
- 3) Danh mục hoặc Tờ rơi Sản phẩm;
- 4) Thông số kỹ thuật;
- 5) Quy trình sơ đồ sản xuất và đảm bảo chất lượng/kiểm soát chất lượng;
- 6) Sổ tay chất lượng và/hoặc các quy trình tương đương (bản dịch tiếng Indonesia);
- 7) Chứng chỉ ISO 9001 hợp lệ hoặc tương đương;
- 8) Văn bản công chứng hợp pháp của công ty và giấy phép kinh doanh (bản dịch tiếng Indonesia). Sau khi xem xét đơn đăng ký của công ty, một cuộc thử nghiệm trong phòng thí nghiệm sẽ được tiến hành dựa trên các sản phẩm được lấy mẫu ngẫu nhiên từ nhà máy và/hoặc từ thị trường.

Có một số chương trình thử nghiệm khác nhau được sử dụng ở Indonesia. Ví dụ, theo chương trình loại 1b, thử nghiệm phải được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp chỉ định, việc lấy mẫu sản phẩm ngẫu nhiên phải được thực hiện tại cơ sở của nhà sản xuất ở quốc gia xuất xứ và phải thử nghiệm cho mỗi lô hàng. Đối với chương trình loại 5, có thêm yêu cầu về kiểm toán hoặc thanh tra nhà máy để đảm bảo tuân thủ quy trình sản xuất, cơ sở và hệ thống quản lý chất lượng. Nếu phát hiện ra vấn đề trong quá trình kiểm toán nhà máy, nhà sản xuất có cơ hội thực hiện các hành động khắc phục. Sau khi xác minh các hành động khắc phục đó, quy trình chứng nhận sẽ có thể tiến hành. Sau khi thử nghiệm SNI bắt buộc và nếu cần, kiểm toán cơ sở hoàn tất, BSN sẽ đưa ra

quyết định cuối cùng về việc có cấp chứng nhận hay không. Chứng nhận cho phép công ty đưa logo chứng nhận SNI vào bao bì sản phẩm bán lẻ của họ. Thời hạn hiệu lực của chứng nhận thay đổi tùy thuộc vào loại chứng nhận.

Theo Đạo luật Viễn thông Quốc gia số 36, năm 1999, thiết bị ITE và viễn thông phải có chứng nhận phê duyệt để được bán hoặc nhập khẩu vào thị trường Indonesia. Chứng nhận phê duyệt do Tổng cục Tài nguyên và Thiết bị Bưu chính và Công nghệ Thông tin (SDPPI) cấp. Thiết bị tần số vô tuyến và thiết bị viễn thông phải được thử nghiệm trong nước tại phòng thí nghiệm SDPPI đối với hai mẫu thiết bị được chọn ngẫu nhiên trước khi SDPPI cấp chứng nhận. Quyết định số 36 của SDPPI, ban hành ngày 22 tháng 1 năm 2020, bao gồm danh sách 150 phòng thử nghiệm quốc tế được công nhận.

Ủy ban công nhận quốc gia (KAN) là cơ quan công nhận quốc gia. Chức năng chính của KAN là thiết lập hệ thống cấp công nhận trong một số lĩnh vực bao gồm phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn, cơ quan chứng nhận và cơ quan kiểm định. Hiện tại, KAN vận hành hệ thống công nhận cho phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn, cơ quan chứng nhận hệ thống chất lượng ISO 9000, cơ quan chứng nhận hệ thống chất lượng môi trường ISO 14000, cơ quan chứng nhận nhân sự, cơ quan chứng nhận sản phẩm, cơ quan chứng nhận HACCP và cơ quan kiểm định.

Công bố Quy định kỹ thuật

Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia Indonesia (BSN) công bố các quy định kỹ thuật trong phần Quy định kỹ thuật SNI của Thư viện BSN: Quy định kỹ thuật BSN. Sử dụng ePing để xem xét các quy định kỹ thuật được đề xuất và các quy trình đánh giá sự phù hợp.

Nền tảng ePing SPS&TBT (<https://epingalert.org/>), hay “ePing”, cung cấp quyền truy cập vào các thông báo do các Thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đưa ra theo các Hiệp định về Biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Thực vật (SPS) và Rào cản Kỹ thuật đối với Thương mại (TBT), do WTO phân phối từ ngày 16 tháng 1 năm 1995 đến nay. ePing được cung cấp miễn phí cho tất cả các bên liên quan và không yêu cầu đăng ký trừ khi người dùng muốn nhận các cảnh báo qua email tùy chỉnh. Sử dụng nền tảng này để duyệt các thông báo về các quy định về sản phẩm trước đây cũng như mới và đã cập nhật, các tiêu chuẩn và quy định về an toàn thực phẩm và sức khỏe động vật và thực vật, tìm thông tin về các mối quan tâm về thương mại được thảo luận trong các Ủy ban SPS và TBT của

WTO, tìm thông tin về các Điểm hỏi đáp SPS/TBT và các cơ quan thông báo, và theo dõi và xem xét các thông báo hiện tại và trước đây liên quan đến các hành động quản lý đối với sản phẩm, bao bì, nhãn mác, an toàn thực phẩm và các biện pháp về sức khỏe động vật và thực vật tại các thị trường quan tâm.

Thông tin liên hệ

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với Chuyên gia thương mại Pepsi Maryarini tại Pepsi.Maryarini@trade.gov.

- + Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt, Bộ Tài chính <https://www.beacukai.go.id/>
- + Cơ quan Tiêu chuẩn hóa Quốc gia Indonesia (BSN) <https://bsn.go.id/>
- + Ủy ban Công nhận Quốc gia (KAN) <https://kan.or.id/>

Yêu cầu cấp phép cho các dịch vụ chuyên nghiệp

Chính phủ Indonesia đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, đăng ký công ty nước ngoài tại Indonesia. Nếu trong những năm trước, quá trình đăng ký công ty mất ít nhất 02 tháng để hoàn tất thì năm 2023 đã khác. Hiện tại, nhà đầu tư nước ngoài có thể đăng ký công ty của mình trong vòng từ 1 đến 1,5 tháng.

Định nghĩa về công ty nước ngoài (PT PMA) là doanh nghiệp do các nhà đầu tư nước ngoài, công ty nước ngoài hoặc chính phủ nước ngoài tại Indonesia điều hành hoặc đầu tư. PT PMA (Perseroan Terbatas Penanaman Modal Asing) có nghĩa là công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Công ty nước ngoài có thể là công ty 100% vốn nước ngoài hoặc một phần vốn nước ngoài. Có ba yêu cầu tối thiểu áp dụng cho các công ty nước ngoài tại Indonesia, bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ pháp lý, kế toán và tư vấn chuyên nghiệp.

Những thay đổi đối với luật tổng hợp tại Indonesia kể từ ngày 5 tháng 3 năm 2021 đã cho phép đầu tư nước ngoài 100% vào hơn 200 lĩnh vực kinh doanh, bao gồm vận tải, năng lượng và viễn thông. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể sở hữu hoàn toàn một doanh nghiệp trong các lĩnh vực này trừ khi phải tuân theo các hạn chế cụ thể. Quy định này đưa ra một trong những sự tự do hóa lớn nhất về hạn chế sở hữu nước ngoài tại Indonesia kể từ khi danh sách đầu tư tiêu cực được đưa ra lần đầu tiên vào những năm 1980.

Yêu cầu

- Nộp một kế hoạch đầu tư ít nhất 10 tỷ Rupiah (khoảng 700.000 USD), một kế hoạch đầu tư có thể là tiền mặt hoặc tài sản cố định như máy móc, tuy nhiên không áp dụng đối với Đất đai và tòa nhà.
- Đầu tư tối thiểu ban đầu là 2,5 tỷ Rupiah (khoảng 170.000 USD) dưới dạng vốn góp từ các cổ đông. Một số ngành công nghiệp bao gồm dịch vụ tài chính, hậu cần, giao nhận hàng hóa và các công ty thương mại điện tử 100% vốn nước ngoài.
- Có ít nhất hai cổ đông, có thể là công ty và/hoặc cá nhân.
- Vốn góp sẽ được thanh toán sau khi công ty được thành lập và có tài khoản ngân hàng (được nêu trong thư công chứng). Một công ty cần đạt được mức thực hiện đầu tư trên 1 triệu USD để xin Giấy phép kinh doanh làm giấy phép thường trú, giấy phép nhập khẩu và các giấy phép khác liên quan đến ngành của công ty.

Do đó, quy trình đăng ký công ty cho PT PMA vào năm 2023 như sau. Việc đăng ký được thực hiện thông qua hệ thống Nộp đơn trực tuyến (OSS).

- *Phê duyệt tên công ty*: tên công ty phải bao gồm ba từ không thô tục hoặc khiêu dâm.
- *Văn bản thành lập*: phải bao gồm Điều lệ công ty và phải có công chứng viên.
- *Phê duyệt pháp nhân*: Sau khi công chứng viên nộp Văn bản thành lập, Bộ Luật và Nhân quyền sẽ phê duyệt.
- *Đăng ký Mã số thuế (NPWP)*: Cần có NPWP hợp lệ để đảm bảo giấy phép của công ty khác, hoạt động ngân hàng và thực hiện nghĩa vụ thuế.
- *Thư xác nhận địa chỉ*: Cần thiết để thể hiện vị trí doanh nghiệp của bạn.
- *Đăng ký NIB*: Một số hồ sơ công ty duy nhất đảm bảo hoạt động ngay lập tức, với điều kiện không cần thêm giấy phép nào. Cùng với NIB, Giấy phép kinh doanh và Giấy phép địa điểm cũng sẽ được cấp một ngày sau khi đăng ký thông qua OSS. NIB cũng đóng vai trò là giấy phép nhập khẩu và mã số nhận dạng hải quan để sử dụng cho quy trình thông quan.
- *Áp dụng các giấy phép khác*: Tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh, có thể cần thêm các giấy phép như giấy phép thương mại và giấy phép du lịch trước khi hoạt động.

Tất cả các công ty nước ngoài muốn hoạt động tại Indonesia đều phải nộp Kế hoạch đầu tư và xin phê duyệt từ Ban điều phối đầu tư (BKPM). Danh mục đầu tư tiêu cực (DNI) của

Indonesia dựa trên Quy định của Tổng thống số 44/2016. Danh mục đầu tư tiêu cực nêu ra ba danh mục chính: Lĩnh vực kinh doanh mở cửa cho đầu tư nước ngoài, Lĩnh vực kinh doanh đóng cửa cho đầu tư nước ngoài và Lĩnh vực kinh doanh mở cửa cho đầu tư nước ngoài tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định.

Để đầu tư vào Indonesia hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, Indonesia đang chuyển từ Danh sách đầu tư tiêu cực sang Danh sách đầu tư tích cực. Indonesia sẽ tiếp tục đóng cửa hoàn toàn một số lĩnh vực đối với đầu tư nước ngoài và giữ các lĩnh vực khác mở cửa tùy theo các điều kiện. Trừ khi có quy định khác theo Danh sách đầu tư tích cực hoặc các quy định khác, 100% sở hữu nước ngoài được phép.

Các đơn vị đầu tư cũng phải yêu cầu Bộ Luật và Nhân quyền chấp thuận tên công ty được đề xuất vì có khả năng tên đó đã được sử dụng hoặc không phù hợp ở Indonesia.

Hiệp định Thương mại

Indonesia là một bên tham gia Khu vực thương mại tự do của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trên toàn khu vực. ASEAN và theo nghĩa mở rộng là Indonesia, cũng có các hiệp định thương mại ưu đãi với Úc, Trung Quốc, Hồng Kông, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và New Zealand và đã kết thúc các cuộc đàm phán dựa trên văn bản của Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực vào tháng 11 năm 2019. Indonesia đã ký các hiệp định thương mại tự do song phương (FTA) với Úc, Chile, Mozambique, cũng như với Iceland, Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ theo Hiệp hội thương mại tự do châu Âu, nhưng tính đến cuối năm 2019, không có FTA nào trong số này có hiệu lực ngoại trừ với Chile. Indonesia gần đây đã kết thúc các cuộc đàm phán với Hàn Quốc về Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện. Indonesia đang đàm phán các FTA khác với Liên minh châu Âu (EU), Ấn Độ, Tunisia và Thổ Nhĩ Kỳ cũng như xem xét lại các hiệp định thương mại của mình với Nhật Bản và Pakistan.

Chương 4. Bán hàng và dịch vụ tại thị trường Indonesia

Kênh phân phối và bán hàng

Các doanh nghiệp của Indonesia được tổ chức với đầy đủ các đại lý, nhà phân phối và các trung gian kinh tế khác. Việc tìm kiếm một nhà phân phối lưu kho có thể là một thách thức do nhà đầu tư không muốn chịu các khoản phí liên quan đến kho bãi. Ngoài ra, tình trạng tham nhũng khiến việc sử dụng các kho bãi ngoài khơi, đặc biệt là ở Singapore, trở nên hấp dẫn. Tình trạng tắc nghẽn giao thông và cơ sở hạ tầng yếu kém thường khiến việc vận chuyển sản phẩm đi xa trong phạm vi Indonesia từ một kho bãi trung tâm trở nên rất tốn kém.

Sử dụng Đại lý hoặc Nhà phân phối

Các công ty nước ngoài muốn bán sản phẩm của mình tại thị trường Indonesia phải chỉ định một đại lý hoặc nhà phân phối địa phương theo Quy định số 36/1977 của Bộ Thương mại (MOT) về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của nước ngoài trong lĩnh vực thương mại đã được sửa đổi và theo Quy định của Chính phủ số 15/1998. Việc đăng ký đại lý hoặc nhà phân phối Indonesia với Tổng cục Phát triển Kinh doanh và Đăng ký Công ty tại MOT là bắt buộc theo Quy định của MOT số 11/M-DAG/PER/3/2006.

Đại lý là công ty thương mại quốc gia hoạt động như một bên trung gian để thay mặt cho bên chính dựa trên thỏa thuận thực hiện tiếp thị mà không chuyển nhượng quyền đối với hàng hóa vật chất và/hoặc dịch vụ do bên chính chỉ định sở hữu/kiểm soát. Bên chính có thể là nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp và có thể ở nước ngoài hoặc ở trong nước. Đại lý không bao giờ có được bất kỳ quyền nào đối với hàng hóa và dịch vụ. Nhà phân phối là công ty thương mại quốc gia hoạt động thay mặt cho công ty dựa trên thỏa thuận mua, lưu trữ, bán cũng như tiếp thị hàng hóa và/hoặc dịch vụ do bên chính sở hữu hoặc kiểm soát.

Bất kỳ doanh nghiệp nào hoạt động như một đại lý hoặc nhà phân phối phải đăng ký với MOT và có được Mã số nhận dạng đăng ký, sau đây gọi là STP (Surat Tanda Pendaftaran). STP là bằng chứng cho thấy một công ty đã được đăng ký là đại lý và/hoặc nhà phân phối do Giám đốc Phát triển Kinh doanh và Đăng ký Doanh nghiệp, Bộ Thương mại cấp. Nếu bên chính ở nước ngoài, thỏa thuận phải được công chứng và chứng nhận bởi một tùy viên thương mại Indonesia tại Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Indonesia và nộp cho Bộ Thương

mại. Các thỏa thuận này có thể áp dụng luật pháp của bất kỳ quốc gia nào, nhưng nếu chúng được viết bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Indonesia, chúng phải được dịch bởi một biên dịch viên có cấp chứng chỉ hành nghề. Tùy thuộc vào loại hàng hóa được nhập khẩu, một số tư cách thành viên, khuyến nghị và/hoặc giấy phép khác phải được xin và xuất trình.

Việc chỉ định một đại lý hoặc nhà phân phối có thể được thực hiện bởi một nhà sản xuất chính, một nhà cung cấp chính dựa trên sự chấp thuận của nhà sản xuất chính, các công ty đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại với tư cách là nhà phân phối hoặc nhà bán buôn, hoặc văn phòng đại diện của các công ty thương mại nước ngoài. Nhiều nhà nhập khẩu Indonesia đại diện cho nhiều nhà sản xuất và dòng sản phẩm nước ngoài. Các tập đoàn lớn thường thành lập các đơn vị công ty riêng biệt để chuyên về một danh mục sản phẩm. Các nhà nhập khẩu vừa và nhỏ có xu hướng chuyên về một phạm vi hàng hóa hẹp hơn nhưng sẵn sàng thêm một dòng sản phẩm không liên quan nếu có vẻ có lợi nhuận.

Trong nhiều trường hợp, các công ty nước ngoài đã thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các nhà nhập khẩu Indonesia, cho phép hai công ty hoạt động như một. Công ty Indonesia đóng vai trò là nhà nhập khẩu và nhà phân phối, và công ty nước ngoài quảng bá sản phẩm của mình, đôi khi cử nhân viên nước ngoài đến làm việc cho nhà phân phối/đối tác Indonesia của mình. Một vai trò tích cực hơn cho công ty nước ngoài có thể được sắp xếp thông qua hợp đồng quản lý, có thể có nhiều hình thức, chẳng hạn như thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật; thỏa thuận quản lý; hoặc thỏa thuận quản lý/tài chính kết hợp.

Thành lập công ty, văn phòng đại diện

Có hai loại hình pháp nhân chính dành cho các nhà đầu tư nước ngoài muốn thành lập văn phòng tại Indonesia, văn phòng đại diện và Công ty trách nhiệm hữu hạn, được gọi là “Perseroan Terbatas” và viết tắt là “PT”. Ba loại hình văn phòng đại diện phổ biến nhất tại Indonesia là:

- (1) Văn phòng đại diện nước ngoài (Kantor Perwakilan Perusahaan Asing);
- (2) Văn phòng đại diện thương mại nước ngoài (Perwakilan Perusahaan Perdagangan Asing);
- (3) Văn phòng đại diện dịch vụ xây dựng nước ngoài.

Công ty PT (Perseroan Terbatas) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật pháp Indonesia, trong đó trách nhiệm pháp lý được giới hạn ở số vốn cổ đông. Có hai loại

công ty PT, Công ty địa phương (PT PDMN hoặc Penanaman Modal Dalam Negeri) và Công ty đầu tư nước ngoài (PT PMA hoặc Penanaman Modal Asing). Trong PT địa phương, chỉ công dân Indonesia và pháp nhân Indonesia mới được phép nắm giữ cổ phiếu với tư cách là cổ đông đã đăng ký.

Một công ty nước ngoài có thể tự thành lập như một công ty đầu tư nước ngoài nhưng sẽ bị giới hạn ở các lĩnh vực mở cửa cho quyền sở hữu nước ngoài và không bị chặn bởi danh sách đầu tư tiêu cực của Indonesia. Để đầu tư vào Indonesia hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, Indonesia đang chuyển từ Danh sách đầu tư tiêu cực sang Danh sách đầu tư tích cực. Indonesia sẽ tiếp tục đóng cửa hoàn toàn một số lĩnh vực đối với đầu tư nước ngoài và giữ các lĩnh vực khác mở cửa tùy thuộc vào các điều kiện. Trừ khi có quy định khác theo Danh sách đầu tư tích cực hoặc các quy định khác, quyền sở hữu nước ngoài 100% được phép.

Các công ty đầu tư nước ngoài đủ điều kiện nhận được nhiều ưu đãi tài chính và phi tài chính, đặc biệt là đối với những công ty tham gia vào các ngành công nghiệp chiến lược.

Ban điều phối đầu tư Indonesia (BKPM) là một Cơ quan chính phủ phi bộ, giám sát việc thực hiện chính sách và điều phối dịch vụ cho cả đầu tư trong nước và nước ngoài tại Indonesia. BKPM có một trung tâm dịch vụ một cửa tích hợp (Pelayanan Terpadu Satu Pintu), nhằm mục đích đơn giản hóa và hợp lý hóa các thủ tục cấp phép cho các dự án đầu tư bằng cách loại bỏ nhu cầu phải đến nhiều cơ quan chính phủ khác nhau để xin các giấy phép cần thiết.

Theo Quy định số 5 năm 2013 của BKPM, nhà đầu tư muốn thành lập PT PMA cần tuân thủ các điều kiện sau:

- Tổng kế hoạch đầu tư tối thiểu là 10 tỷ IDR (không bao gồm đất đai và bất động sản);
- Vốn đã thanh toán tối thiểu là 2,5 tỷ IDR (hoặc tương đương 25% tổng vốn đầu tư);
- Chỉ định hai cổ đông (có thể là cá nhân hoặc công ty nước ngoài);
- Phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu là 10 triệu IDR cho mỗi cổ phiếu;
- Việc bổ nhiệm ít nhất một ủy viên và một giám đốc (những người này có thể do cá nhân nước ngoài nắm giữ);

- Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động hàng ngày của công ty.

Nhượng quyền thương mại

Thị trường nhượng quyền thương mại của Indonesia đã hấp dẫn trong nhiều năm, nhưng các cải cách về quy định được thực hiện vào năm 2019 khiến thị trường này thậm chí còn hấp dẫn hơn. Có nhiều cơ hội để các khái niệm nhà hàng sáng tạo có chỗ đứng và phát triển tại Indonesia. Các bên nhượng quyền tiềm năng nên cân nhắc nhu cầu của người tiêu dùng trẻ, am hiểu công nghệ với sức mua ngày càng tăng. Ngoài nhượng quyền thực phẩm, còn có các cơ hội cho nhượng quyền giải trí, đào tạo, dịch vụ tại nhà và an ninh.

Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia đã ban hành Quy định số 71/2019 về hoạt động nhượng quyền thương mại vào tháng 9 năm 2019. Quy định mới này đơn giản hóa các yêu cầu đối với bên nhượng quyền tại Indonesia so với các quy định trước đây. Quy định trước đây yêu cầu cả bên nhượng quyền và bên nhận nhượng quyền phải tuân thủ các yêu cầu đầy thách thức, chẳng hạn như yêu cầu về 80% nội dung địa phương, giới hạn số lượng cửa hàng là 250 và thư chấm dứt hợp đồng rõ ràng khi đơn phương chấm dứt hợp đồng. Các quy định mới đã xóa bỏ những hạn chế này.

Yêu cầu về nội dung địa phương đã bị loại bỏ: Quy định mới vẫn khuyến khích các thương hiệu nước ngoài sử dụng hàng hóa và/hoặc sản phẩm trong nước miễn là hàng hóa/sản phẩm đó đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng do bên nhượng quyền yêu cầu, nhưng quy tắc 80% trước đây không còn được áp dụng nữa.

- Không giới hạn cửa hàng: Quy định mới đã xóa bỏ giới hạn 250 cửa hàng.
- Ngôn ngữ của Thỏa thuận nhượng quyền: Quy định mới yêu cầu tất cả các thỏa thuận phải được lập bằng tiếng Indonesia.
- Không có Thư chấm dứt hợp đồng rõ ràng: Quy định mới không yêu cầu phải có thư chấm dứt hợp đồng rõ ràng để chấm dứt hợp đồng đơn phương.
- Chỉ định nhiều hơn một bên nhượng quyền: Quy định mới cho phép bên nhượng quyền chỉ định nhiều hơn một bên nhượng quyền chính.
- Hiệu lực của STPW (Giấy chứng nhận đăng ký nhượng quyền): Quy định trước đây nêu rõ STPW có hiệu lực trong năm năm. Quy định mới không nêu rõ thời hạn.

- Hệ thống OSS: Quy định mới hiện được đưa vào hệ thống Nộp đơn trực tuyến một lần (OSS), giúp đơn giản hóa các đơn đăng ký. Hệ thống này được sử dụng để đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký nhượng quyền STPW.

Thông tin liên hệ:

Tổng cục Thương mại trong nước, Bộ Thương mại <https://ditjenpdn.kemendag.go.id/>

Tiếp thị trực tiếp

Theo truyền thống, tiếp thị trực tiếp dưới hình thức quảng cáo in ấn được phân phối trực tiếp từ người bán đến khách hàng tiềm năng đã được sử dụng ở Indonesia để bán nhiều loại sản phẩm, từ bảo hiểm đến máy khâu. Các phương pháp khác như tiếp thị qua danh mục, tiếp thị qua điện thoại, tiếp thị trực tuyến, tiếp thị qua ki-ốt và tiếp thị qua thư trực tiếp cũng thường được sử dụng ở Indonesia. Một số công ty đã xây dựng các doanh nghiệp lớn ở Indonesia bằng cách tiến hành bán hàng trực tiếp, còn được gọi là tiếp thị đa cấp hoặc tiếp thị mạng lưới, thông qua mạng lưới các nhà phân phối địa phương. Trong những năm gần đây, tiếp thị trực tiếp ngày càng được tiến hành bằng cách sử dụng quảng cáo trên mạng xã hội trực tuyến và thông báo đầy trong các ứng dụng điện thoại di động.

Liên doanh/cấp phép

Đề đầu tư vào Indonesia hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, Chính phủ Indonesia đã ban hành Quy định của Tổng thống số 10 năm 2021, thay thế Danh mục đầu tư cũ, được ban hành là Danh mục đầu tư tiêu cực số 44 năm 2016, mở ra nhiều cơ hội hơn cho đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, Indonesia sẽ tiếp tục đóng cửa hoàn toàn một số lĩnh vực đối với đầu tư nước ngoài và giữ một số lĩnh vực khác là đối tượng chịu điều kiện. Trừ khi có quy định khác theo Danh mục đầu tư tích cực hoặc các quy định khác, thì được phép sở hữu 100% vốn nước ngoài.

Trên thực tế, một đối tác liên doanh địa phương thường là yếu tố cần thiết để thành công trên thị trường này vì thuê một đại lý hoặc nhà phân phối Indonesia năng động thường có lợi thế hơn một văn phòng đại diện thương mại nước ngoài. Việc lựa chọn một đối tác liên doanh Indonesia là rất quan trọng vì nhiều lý do, đặc biệt là để hiểu biết về môi trường và các mối quan hệ địa phương. Một số công ty cung cấp các báo cáo về lý lịch và tín dụng về các doanh nhân và công ty Indonesia.

Quan hệ đối tác ở Indonesia rất khó giải thể. Do đó, lựa chọn đầu tiên phải là lựa chọn đúng đắn. Ý thức kinh doanh cũng quan trọng đối với bất kỳ nỗ lực thương mại nào ở Indonesia cũng như ở bất kỳ nơi nào khác. Chỉ riêng các mối quan hệ, mặc dù quan trọng, nhưng không thể thay thế cho các kỹ năng kinh doanh ở một đối tác Indonesia.

Vì người Indonesia rất coi trọng các mối quan hệ cá nhân và sự hiểu biết lẫn nhau, nên quan hệ đối tác có xu hướng chủ yếu dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau, trong đó hợp đồng bằng văn bản đóng vai trò ít quan trọng hơn. Do đó, điều quan trọng là cả hai bên phải hiểu rõ bất kỳ thỏa thuận nào. Một hợp đồng có nhiều cách giải thích mâu thuẫn chắc chắn sẽ gây ra các vấn đề trong tương lai. Trong mọi trường hợp, một thỏa thuận pháp lý được viết rõ ràng được khuyến khích mạnh mẽ, mặc dù hệ thống pháp luật Indonesia còn yếu kém trong việc thực thi hợp đồng.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập: <https://www.bkpm.go.id/>

Chuyển phát nhanh

Tất cả các dịch vụ giao hàng nhanh lớn tại Hoa Kỳ, bao gồm Fed Ex, UPS và DHL, cũng có sẵn tại các thành phố lớn của Indonesia. Ngoài ra, tại Indonesia, còn có các công ty dẫn đầu thị trường địa phương, PT. Tiki Jalur Nugraha (TIKI JNE), Bưu điện Indonesia, đối tác địa phương của PT. FedEx là Republic Express (RPX), Pandu Logistic, Wahana Logistic, First Logistic và một số công ty hậu cần khác. Một công ty mới tham gia thị trường là GO-Send, một dịch vụ của trang web thương mại điện tử hợp thời GOJEK, công ty khởi nghiệp về vận tải, hậu cần và thanh toán siêu địa phương đầu tiên của Indonesia. Đối thủ lớn nhất của GOJEK, GRAB, cũng đã ra mắt dịch vụ giao hàng cho các giao dịch thương mại điện tử.

Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 1 năm 2020, Indonesia đã thực hiện một quy định mới giảm ngưỡng miễn thuế nhập khẩu (de minimis) từ 75 USD xuống còn 3,00 USD cho mỗi lô hàng đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu được vận chuyển theo hình thức B2C. Ngưỡng miễn thuế được giảm xuống để bảo vệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước khỏi sự cạnh tranh từ các sản phẩm nhập khẩu cá nhân được miễn thuế nhập khẩu. Hiện tại, hàng dệt may, quần áo, túi xách và giày dép do nước ngoài sản xuất có giá tối thiểu là 3 đô la sẽ phải chịu một loạt các loại thuế với tổng mức thuế từ 32,5% đến 50% giá trị của chúng. Đối với các loại hàng hóa nhập khẩu khác có giá trị từ 3 đến 75 đô la, thuế nhập khẩu sẽ

được giảm từ 27,5%-37,5% giá trị của chúng xuống mức thuế suất cố định là 17,5%. Hàng hóa nhập khẩu có giá trị dưới 3 đô la vẫn phải chịu thuế giá trị gia tăng.

Indonesia duy trì các hạn chế đối với việc cung cấp dịch vụ bưu chính, được định nghĩa rộng rãi là dịch vụ chuyển phát nhanh, chuyển phát nhanh và các dịch vụ hậu cần khác.

Luật pháp Indonesia yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ bưu chính phải do người Indonesia sở hữu phần lớn và các nhà cung cấp nước ngoài phải giới hạn hoạt động của họ ở các thủ phủ tỉnh có sân bay và cảng biển quốc tế. Theo Quy định Hải quan 11/2020, các công ty dịch vụ hậu cần phải bao gồm Mã số thuế (NPWP) hoặc các mã số nhận dạng được chỉ định của người nhận hoặc người gửi hàng người Indonesia trong danh sách hàng hóa của tất cả các lô hàng đến và đi từ Indonesia. Kể từ đó, hải quan Indonesia đã nói lỏng yêu cầu này bằng cách cho phép sử dụng số điện thoại thay vì NPWP trên danh sách hàng hóa. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng cục Hải quan vẫn chưa ban hành quy định bằng văn bản về việc nói lỏng chính sách này và ngành này lo ngại rằng việc thiếu sự chắc chắn về mặt pháp lý sẽ gây ra những trở ngại trong tương lai cho hoạt động vận chuyển.

Nhìn chung, khu vực kinh doanh tại Indonesia vẫn hoạt động trong một môi trường có phần không minh bạch. Vì lý do này, rất khó để có được thông tin chính xác về uy tín tài chính và kinh doanh của khách hàng hoặc đối tác tiềm năng. Do đó, các công ty nước ngoài có ý định kinh doanh với các công ty hoặc đại lý đối tác tiềm năng tại địa phương được khuyến nghị thực hiện due diligence phù hợp đối với các đối tác tiềm năng của họ trước khi thành lập quan hệ đối tác tại Indonesia.

Thương mại điện tử

Tổng quan chung về thương mại điện tử ở Indonesia

Các giao dịch thương mại điện tử hoặc thương mại điện tử bao gồm thông qua nền tảng lokapasar vẫn có thể phát triển sau khi dỡ bỏ lệnh hạn chế xã hội. Tại Indonesia, thị trường thương mại điện tử được thúc đẩy bởi thị trường địa phương và sẽ tiếp tục phát triển. Xu hướng này diễn ra ở nhiều nước đang phát triển vì tỷ lệ mua sắm trực tuyến so với tổng doanh số bán lẻ vẫn còn tương đối nhỏ và vẫn còn nhiều tiềm năng để tăng cường áp dụng kỹ thuật số ở hầu hết mọi người ở các nước đang phát triển, bao gồm cả Indonesia. Sự tăng trưởng của các giao dịch thương mại điện tử, bao gồm cả các giao dịch từ nền tảng

Lokapasar, sẽ tiếp tục diễn ra thông qua sự thâm nhập vào các thành phố cấp hai và cấp ba vẫn có tiềm năng lớn cho thương mại điện tử.

Quy mô thị trường thương mại điện tử của Indonesia dự kiến sẽ tăng từ 52,93 tỷ USD vào năm 2023 lên 86,81 tỷ USD vào năm 2028, với tốc độ CAGR là 10,4% trong giai đoạn dự

báo (2023-2028). Indonesia đứng đầu trong số các nước ASEAN khác với 51,9 tỷ USD, hay khoảng 778,8 nghìn tỷ IDR, doanh thu kinh doanh thương mại điện tử vào năm 2022.

Tổng cộng, doanh thu thương mại điện tử tại ASEAN vào năm 2022 đạt 99,5 tỷ USD và điều đó có nghĩa là các doanh nghiệp thương mại điện tử của Indonesia chiếm 52% tổng số.

Sản phẩm hoặc dịch vụ hàng đầu

Thị trường thương mại điện tử của Indonesia được phân khúc theo thương mại điện tử B2C (làm đẹp và chăm sóc cá nhân, điện tử tiêu dùng, thời trang và may mặc, thực phẩm và đồ uống, đồ nội thất và gia đình, và các mặt hàng khác (đồ chơi, đồ tự làm, phương tiện truyền thông và các mặt hàng khác)) và thương mại điện tử B2B. Một số công ty thương mại điện tử B2B hàng đầu là: Ralali, AXIQoe, Monotaro, Bizzy, Kawan Lama, Mbiz, Blibli và Electronic City.

Môi trường pháp lý và quy định hướng tới thương mại điện tử

Vào cuối tháng 11 năm 2019, chính phủ Indonesia đã ban hành luật thương mại điện tử được mong đợi từ lâu thông qua Quy định của Chính phủ số 80 năm 2019 (GR 80, 2019). Quy định này được ban hành nhằm cải thiện việc quản lý các hoạt động giao dịch điện tử và trên internet bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ thuế giữa các doanh nghiệp thương mại điện tử.

Chính phủ Indonesia gần đây đã thông qua một quy định thực hiện lệnh cấm toàn diện đối với các nền tảng thương mại điện tử bán một số hàng hóa nước ngoài có giá trị dưới 100 USD. Quy định này nằm trong khuôn khổ sửa đổi của Quy định số 50/2020 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (MR 50/2020) về các điều khoản cấp phép kinh doanh. Quảng cáo, phát triển và giám sát các tác nhân kinh doanh trong giao dịch thông qua hệ thống điện tử. Các sản phẩm được giao dịch phải tuân thủ các tiêu chuẩn của Indonesia, chẳng hạn như Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) và Cơ quan giám sát thực phẩm và dược phẩm (BPOM). Các tiêu chuẩn như thế này giống với các tiêu chuẩn đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường ngoại tuyến.

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2023, Bộ trưởng Bộ Thương mại Indonesia Zulkilfi Hassan đã ban hành quy định mới nhất về thương mại điện tử, đây là bản sửa đổi của Quy định số 50/2020 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (MR 50/2020), được gọi là "Quy định số 31/2023 của Bộ trưởng Bộ Thương mại". Theo quy định mới này, chính phủ đã cấm bán hàng hóa

trên các nền tảng truyền thông xã hội. Chính phủ tìm cách ngăn chặn việc bán hàng trực tiếp trên các nền tảng lớn mà họ tin rằng sẽ làm mất đi hoạt động kinh doanh với các doanh nghiệp nhỏ. Các nền tảng thương mại xã hội đã được gia hạn một tuần để tuân thủ quy định mới này. Các nền tảng truyền thông xã hội được phép quảng cáo, giống như trên TV, nhưng quảng cáo không được dành cho giao dịch bán hàng. Các công ty không tuân thủ sẽ nhận được cảnh báo trước và sau đó có nguy cơ bị thu hồi giấy phép kinh doanh tại Indonesia.

Hành vi của người tiêu dùng

Số lượng và giá trị lớn nhất của các giao dịch thương mại điện tử là ở những người đã kết hôn và không có con. Các giao dịch của nhóm này lớn hơn nhóm cư dân độc thân hoặc những người đã có con. Lý do là khi kết hôn, thu nhập có thể lớn hơn vì nó đến từ hai người và đã có trợ cấp. Tuy nhiên, khi cặp đôi có con, có những gánh nặng tài chính phải gánh chịu khiến thu nhập không còn được chi tiêu hết. Dựa trên “Báo cáo về Hành vi của người tiêu dùng Thương mại điện tử Indonesia 2023: Phục hồi kinh tế sau đại dịch và Xu hướng mua sắm”, do Kredivo công bố hợp tác với Trung tâm thông tin Katadata, trong số tất cả các giao dịch thương mại điện tử vào năm 2022, những người tiêu dùng có số lượng giao dịch cao nhất sẽ đến từ những người tiêu dùng đã kết hôn với tỷ lệ 58,2%. Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử từ những người tiêu dùng độc thân là 38,7% và 3,1% còn lại là từ các nhóm khác.

Sở thích của người tiêu dùng đối với nền tảng, phương thức thanh toán

Năm 2022, có 6 thị trường dẫn đầu trong số những đơn vị đóng góp khác vào Tổng giá trị hàng hóa (GMV) của Indonesia. Đó là: Shopee, Tokopedia, Lazada, Bukalapak, TikTok Shop và Blibli.

Sau đây là thông tin chi tiết và ước tính đóng góp của từng thị trường vào tổng GMV:

- Shopee – 36% hoặc khoảng 18,7 tỷ đô la Mỹ (277,6 nghìn tỷ IDR)
- Tokopedia – 35% hoặc khoảng 18,2 tỷ đô la Mỹ (269,7 nghìn tỷ IDR)

- Lazada – 10% hoặc khoảng 5,2 tỷ đô la Mỹ (77,1 nghìn tỷ IDR)
 - Bukalapak – 10% hoặc khoảng 5,2 tỷ đô la Mỹ (77,1 nghìn tỷ IDR)
 - TikTok Shop – 5% hoặc khoảng 2,6 tỷ đô la Mỹ (38,5 nghìn tỷ IDR)
 - Blibli – 4% hoặc khoảng 2,1 tỷ đô la Mỹ (30,8 nghìn tỷ IDR)
- Ví điện tử là phương thức thanh toán phổ biến nhất được 72% người mua sắm sử dụng khi mua hàng trên thương mại điện tử. Việc sử dụng paylater phổ biến hơn đối với các phân khúc lớn tuổi hơn (Thế hệ Y và GenX).

Phương thức thanh toán được sử dụng cho giao dịch trên thương mại điện tử:

- Ví điện tử - 72%
- COD (Thanh toán khi nhận hàng) - 57%
- Ngân hàng di động/Ngân hàng Internet – 39%
- Paylater/Cho vay ngang hàng – 19%
- Chuyển khoản ngân hàng qua ATM – 17%
- Thẻ tín dụng/Thẻ ghi nợ – 10%
- Thanh toán tức thời – 10%
- Quầy/Siêu thị nhỏ – 7%
- Ghi nợ tức thời – 5%

Tiếp thị kỹ thuật số & phương tiện truyền thông xã hội

Sau sự tăng trưởng mạnh mẽ của lĩnh vực thương mại điện tử trong đại dịch COVID-19, thương mại xã hội đã trở thành hiện tượng thương mại tiếp theo làm chao đảo thị trường Indonesia. Từ việc tìm kiếm cảm hứng đến mua sản phẩm mong muốn trực tiếp trên các nền tảng truyền thông xã hội, thương mại xã hội mang đến trải nghiệm mua sắm thuận tiện, liền mạch và trọn gói cho người tiêu dùng Indonesia. Phương thức mua sắm mới nổi này, mặc dù vẫn còn tương đối nhỏ ở Indonesia, được dự báo sẽ tăng trưởng nhanh chóng trong vài năm tới và đạt GMV khoảng 22 tỷ đô la vào năm 2028. Các nền tảng truyền thông xã hội được sử dụng nhiều nhất để mua hàng ở Indonesia là: TikTok, Instagram, Facebook, YouTube, WhatsApp, Line và X (trước đây là Twitter).

Sự kiện kỹ thuật số

Một số chương trình thương mại điện tử sẽ diễn ra tại Indonesia:

- Hội nghị thượng đỉnh về đổi mới thương mại điện tử và bán lẻ châu Á Indonesia 2024

- Hội nghị thượng đỉnh bán lẻ Indonesia <https://indonesiaretailsummit.com/>
- Hội nghị quốc tế về thương mại điện tử, thanh toán điện tử và khởi nghiệp mới (ICECEPNE 2024) ICECEPNE 2024

Yếu tố & kỹ thuật bán hàng

Người Indonesia coi sản phẩm của Mỹ đắt tiền nhưng bền với dịch vụ và hỗ trợ sau bán hàng hạn chế. Do đó, ngoài giá sản phẩm, các công ty Hoa Kỳ nên cạnh tranh về dịch vụ sau bán hàng, bao gồm cung cấp quyền truy cập vào dịch vụ khách hàng và phụ tùng thay thế.

Xúc tiến thương mại và quảng cáo

Có hàng chục triển lãm thương mại theo ngành được tổ chức tại Indonesia trong suốt cả năm. Nhiều triển lãm được tổ chức tại Jakarta International Expo Kemayoran hoặc ICE BSD.

Quảng cáo truyền thống trên các biển quảng cáo, xe buýt, tàu hỏa và taxi là hình thức phổ biến ở Indonesia đối với các công ty hy vọng thu hút sự chú ý của khách hàng khi kẹt xe. Tuy nhiên, phần lớn tiền thưởng quảng cáo kỹ thuật số của Indonesia được phân bổ cho quảng cáo tìm kiếm trực tuyến, quảng cáo biểu ngữ kỹ thuật số và quảng cáo video kỹ thuật số. Với chi tiêu quảng cáo kỹ thuật số hàng năm là 2,56 tỷ đô la, thị trường này là kho báu hấp dẫn đối với các nhà tiếp thị và nhà quảng cáo.

Tổng giá trị thị trường quảng cáo tại Indonesia dự kiến sẽ đạt 6,2 tỷ USD vào năm 2023. Quảng cáo trên truyền hình chiếm thị phần lớn nhất trong thị trường quảng cáo của Indonesia, tiếp theo là quảng cáo trên internet và kỹ thuật số. Vào năm 2027, dự kiến quảng cáo kỹ thuật số sẽ đạt 53% thị phần.

Định giá cả

Giá cả

Hầu hết khách hàng Indonesia đều nhạy cảm với giá cả và đang tìm kiếm giá trị tốt cho số tiền họ bỏ ra. Hầu hết khách hàng kiểm tra giá trên internet trước khi mua hàng tại các cửa hàng bán lẻ.

Thuế giá trị gia tăng đối với giá bán, phí dịch vụ hoặc giá trị nhập khẩu được áp dụng cho các lần giao hàng (bán) hàng hóa và dịch vụ trong phạm vi Indonesia với mức thuế suất

10%. Một số hàng hóa nhất định không phải chịu thuế VAT nhưng có thể áp dụng các loại thuế khác. Hàng hóa miễn thuế VAT bao gồm hàng hóa được lấy trực tiếp từ nguồn của chúng (dầu, khí đốt và than), dịch vụ tài chính, khách sạn, nhà hàng và giải trí. Thuế xa xỉ

từ 10% đến 125% được áp dụng cho một số hàng hóa nhất định, bao gồm bất động sản có giá trị cao, ô tô có giá trị cao và rượu.

Khách du lịch được hoàn thuế VAT đối với hàng xa xỉ mua tại Indonesia tại các sân bay quốc tế vào ngày khởi hành. Điều kiện được hưởng chỉ giới hạn đối với khách du lịch lưu trú tại Indonesia không quá hai tháng.

Dịch vụ bán hàng/ hỗ trợ khách hàng

Các công ty lớn tại Indonesia ngày càng sử dụng các công cụ quản lý quan hệ khách hàng để cung cấp trải nghiệm khách hàng tự động, nhất quán và tùy chỉnh. Khách hàng của các mặt hàng xa xỉ vẫn mong muốn được tương tác trực tiếp nhưng các công cụ trò chuyện kỹ thuật số ngày càng phổ biến để hỗ trợ khách hàng. Do điện thoại di động được sử dụng rộng rãi, khách hàng mong muốn được liên hệ qua tin nhắn văn bản hoặc trong ứng dụng di động. Đôi khi, dịch vụ khách hàng có thể được thuê ngoài miễn là có các biện pháp đào tạo và kiểm soát chất lượng phù hợp.

Các phương thức thanh toán

Các công ty xuất khẩu sang Indonesia sử dụng nhiều phương thức thanh toán khác nhau tùy thuộc vào mối quan hệ của họ với người mua. Các tùy chọn thanh toán cho giao dịch xuất khẩu bao gồm thư tín dụng (L/C), trả trước bằng tiền mặt, chuyển khoản, trả tiền khi giao hàng và tài khoản mở.

Thư tín dụng đã xác nhận, không hủy ngang, trong khi áp dụng thêm chi phí, giảm thiểu rủi ro mà người xuất khẩu phải đối mặt. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2017, Chính phủ Indonesia đã ban hành Quy định của Chính phủ số 29/2017 về Phương thức thanh toán và giao hàng trong hoạt động xuất nhập khẩu. Phạm vi của Quy định của Chính phủ này bao gồm phương thức thanh toán hàng hóa, phương thức giao hàng và giám sát. Về phương thức thanh toán, người xuất khẩu có thể thanh toán bằng tiền mặt, Thư tín dụng (L/C) hoặc các phương tiện thanh toán khác cho hàng hóa. Thư tín dụng là một trong những phương thức

thanh toán được sử dụng rộng rãi nhất tại Indonesia vì tính bảo mật cao hơn cho cả người nhập khẩu và người xuất khẩu.

Để một công ty nước ngoài mở tài khoản ngân hàng, họ sẽ cần xuất trình một số giấy tờ nhất định cho ngân hàng, bao gồm dữ liệu đầu tư từ Ban đầu tư điều phối.

Indonesia(BKPM), giấy chứng nhận cư trú, mã số thuế, hộ chiếu cổ đông, giấy phép kinh doanh và giấy tờ thành lập công ty.

Cả các công ty xếp hạng tín dụng toàn cầu và địa phương đều hoạt động tại Indonesia. Các công ty xếp hạng tín dụng toàn cầu tại quốc gia này bao gồm A.M. Best (Hoa Kỳ), Baycorp Advantage (Úc), Dominion Bond Rating Service (Canada), Dun & Bradstreet (Hoa Kỳ), Fitch Ratings (Hoa Kỳ) và Standard & Poor's (Hoa Kỳ). Một công ty xếp hạng tín dụng địa phương là PT Pemeringkat Efek Indonesia (Pefindo). Các ngân hàng sử dụng các công ty thu nợ bên thứ ba để thu hồi các khoản nợ chưa thanh toán. Tuy nhiên, đã có những vụ việc trong quá khứ mà các công ty thu nợ bị cáo buộc sử dụng các mối đe dọa khắc nghiệt hoặc bạo lực đối với một số con nợ. Thẻ tín dụng là một trong những phương thức thanh toán được sử dụng rộng rãi nhất tại Indonesia. Có khoảng 20 ngân hàng phát hành thẻ tín dụng tại Indonesia, bao gồm Citibank, HSBC, BCA, Bank Mandiri, Bank Rakyat Indonesia (BRI), Bank Negara Indonesia (BNI), CIMB Niaga và PermataBank. Thẻ ghi nợ không phổ biến ở Indonesia, mặc dù có một số ngân hàng phát hành thẻ ghi nợ, bao gồm Bank Danamon, BNI Sharia Banking và CIMB Niaga Sharia Banking.

Để biết thêm thông tin về phương thức thanh toán hoặc các tùy chọn tài trợ thương mại khác, vui lòng đọc Hướng dẫn tài chính thương mại.

Hệ thống ngân hàng

Tính đến tháng 6 năm 2023, Indonesia có 109 ngân hàng thương mại và khoảng 1.496 ngân hàng nông thôn, theo Cơ quan dịch vụ tài chính Indonesia (“Otoritas Jasa Keuangan” hay OJK). Có bốn ngân hàng do chính quyền trung ương sở hữu và 27 ngân hàng do chính quyền khu vực sở hữu. OJK quản lý các khía cạnh chính của hệ thống ngân hàng và tài chính, bao gồm quản lý và giám sát ngân hàng, trong khi Ngân hàng Indonesia, ngân hàng trung ương, quản lý các hệ thống thanh toán và tiến hành giám sát ngoại hối.

Indonesia đang khuyến khích phát triển ngân hàng Hồi giáo và tìm cách tăng thị phần của mình trong tổng tài sản ngân hàng lên hơn 5% . Các ngân hàng Hồi giáo cấm các bên cho vay, nhà đầu tư thu và trả lãi. Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Indonesia (LPS) bảo lãnh tiền gửi ngân hàng lên tới 2 tỷ Rupiah cho mỗi người gửi tiền tại mỗi ngân hàng (khoảng 140.000 USD) (Tiền gửi được bảo hiểm). Chỉ những tài khoản có lãi suất bằng hoặc thấp

hơn lãi suất tham chiếu được bảo lãnh tối đa của LPS mới được coi là đủ điều kiện để được bảo lãnh tiền gửi LPS.

Cơ quan tài chính xuất khẩu Indonesia (PT. Lembaga Pembiayaan Ekspor Indonesia, LPEI), hoạt động dưới tên tiếng Anh là Indonesian Eximbank, cung cấp dịch vụ tư vấn và tài trợ xuất khẩu cạnh tranh cùng các dịch vụ liên quan đến xuất khẩu khác. Mục tiêu của cơ quan tín dụng xuất khẩu này là giúp thúc đẩy khả năng tiếp cận thị trường toàn cầu cho các mặt hàng liên quan đến xuất khẩu của Indonesia, hỗ trợ thương mại quốc tế của Indonesia và cải thiện khả năng cạnh tranh của các nhà xuất khẩu Indonesia trên thị trường toàn cầu.

Các ngân hàng thương mại được chia thành bốn nhóm hoạt động kinh doanh, được gọi là các loại BUKU 1, 2, 3 và 4, tùy thuộc vào số vốn cốt lõi của họ. Các ngân hàng trong loại BUKU 1 chỉ giới hạn ở các hoạt động ngân hàng nói chung bằng đồng Rupiah và hoạt động như các đơn vị đổi tiền. Các ngân hàng trong loại BUKU 2, 3 và 4 được phép tham gia vào các hoạt động ngân hàng bằng đồng Rupiah và ngoại tệ với phạm vi rộng hơn, bao gồm các hệ thống thanh toán và ngân hàng điện tử, tham gia vốn vào các tổ chức phi tài chính để cứu trợ tín dụng và tham gia vốn vào các tổ chức tài chính khác. Các ngân hàng thương mại bị cấm kinh doanh bảo hiểm.

Indonesia Eximbank (PT. Lembaga Pembiayaan Ekspor Indonesia/LPEI) được thành lập vào năm 2009 và hoạt động như một tổ chức tài chính trực thuộc Chính phủ Cộng hòa Indonesia. Mục tiêu chính của ngân hàng là thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu quốc gia và hỗ trợ các nhà xuất khẩu mở rộng năng lực kinh doanh. Indonesia Eximbank cũng tiến hành đào tạo và cung cấp dịch vụ tư vấn cho các ngân hàng, tổ chức tài chính, nhà xuất khẩu và nhà sản xuất hàng xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như hợp tác xã tiêu dùng.

Để biết dữ liệu về hoạt động ngân hàng tại Indonesia, hãy tham khảo trang web Thống kê Ngân hàng Indonesia của OJK.

Quản lý ngoại hối

Chỉ các ngân hàng được cấp phép mới được thực hiện các hoạt động trao đổi liên quan đến thương mại nước ngoài. Ngân hàng Indonesia (BI) yêu cầu nộp bằng chứng về các giao dịch cơ bản để hỗ trợ việc mua ngoại tệ bằng Rupiah thông qua các ngân hàng vượt quá 25.000 USD mỗi tháng (quy định 18/34/DPM). Quy định số 18/19/PBI/2016 của BI mô tả

các lệnh cấm và hạn chế trong việc thực hiện các giao dịch ngoại hối với các đối tác nước ngoài.

Quản lý ngoại hối là một phần của một loạt các biện pháp được thiết kế để củng cố đồng rupiah của Indonesia và giúp giảm thâm hụt tài khoản vãng lai, Ngân hàng Indonesia đã ban hành một quy định vào năm 2015 (17/3/PBI/2015), yêu cầu tất cả các giao dịch tài chính trong nước phải được thực hiện bằng Rupiah. Mặc dù điều này được dự đoán sẽ có tác động nghiêm trọng đến một số doanh nghiệp Hoa Kỳ hoạt động tại Indonesia, nhưng các miễn trừ của quy định đã giúp giảm bớt mức độ ảnh hưởng của các công ty nước ngoài. Quy định này quy định rằng việc sử dụng bắt buộc đồng Rupiah cho “tất cả các giao dịch tại Indonesia nhằm mục đích thanh toán, tất cả các giao dịch tại Indonesia nhằm mục đích giải quyết các nghĩa vụ khác phải được thực hiện bằng tiền và tất cả các giao dịch tài chính khác tại Indonesia”.

Tuy nhiên, quy định 17/3/PBI/2015 cũng bao gồm nhiều miễn trừ, bao gồm:

- Một số giao dịch liên quan đến doanh thu và chi tiêu ngân sách nhà nước, chẳng hạn như biên lai từ tiền bản quyền dầu khí
- Chấp nhận hoặc cung cấp các khoản tài trợ từ hoặc cho các thực thể ở nước ngoài
- Các giao dịch cho mục đích thương mại quốc tế

Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ

- Các giao dịch tài chính quốc tế mà bên cung cấp hoặc bên nhận tài trợ có trụ sở ở nước ngoài
- Các hoạt động kinh doanh bằng ngoại hối do các ngân hàng thực hiện theo luật điều chỉnh hoạt động ngân hàng và ngân hàng theo luật Sharia

- Các giao dịch ngoại hối liên quan đến giấy tờ thương mại do Chính phủ phát hành trên thị trường sơ cấp hoặc thị trường thứ cấp theo luật điều chỉnh trái phiếu nhà nước và giấy tờ thương mại theo luật Sharia của nhà nước

Các giao dịch ngoại hối khác được thực hiện theo các luật trước đây về quy định của khu vực tài chính như Luật Ngân hàng Indonesia, Luật Đầu tư vốn và Luật Các tổ chức tài trợ xuất khẩu của Indonesia. Phù hợp với luật chống rửa tiền, Quy định số 24/7/BI/2022 của Ngân hàng Indonesia đã thắt chặt các hạn chế về số tiền mặt có thể được mang qua biên giới của mình. Việc mang theo hơn 100 triệu Rupiah (khoảng 8.000 USD) ra khỏi

Indonesia tại bất kỳ thời điểm nào đều phải được BI chấp thuận trước và phải được báo cáo cho Tổng cục trưởng Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt (DGCE). Có thể bị phạt 10% lên đến 300 triệu Rupiah vì không khai báo. Những người mang theo hơn 100 triệu Rupiah phải khai báo số tiền. Theo quy định mới của BI có hiệu lực từ ngày 5 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 5 tháng 3 năm 2018 (20/2/PBI/2018), không ai ngoại trừ các ngân hàng và đơn vị đổi tiền được cấp phép được phép mang theo tiền giấy có giá trị tương đương 1 tỷ Rp (75.000 đô la).

Theo Quy định số 21/15/PBI/2019, việc chuyển ngoại tệ từ Indonesia với số tiền trên 10 tỷ IDR hoặc tương đương yêu cầu người gửi phải cung cấp các tài liệu hỗ trợ liên quan đến danh tính của cả người gửi và người nhận cũng như mục đích chuyển tiền đó và cung cấp các tài liệu hỗ trợ làm cơ sở chuyển tiền cho ngân hàng.

Các nhà xuất khẩu tại Indonesia phải hồi hương thu nhập xuất khẩu của họ từ các ngân hàng nước ngoài về các ngân hàng trong nước trong vòng 90 ngày kể từ ngày tờ khai xuất khẩu. Sau khi hồi hương về Indonesia, không có hạn chế nào đối với các nhà xuất khẩu trong việc chuyển lại thu nhập xuất khẩu của họ trở lại một ngân hàng nước ngoài.

BI cũng yêu cầu người vay thực hiện việc vay ngoại tệ của họ thông qua các ngân hàng trong nước đã đăng ký với BI. Các quy định áp dụng cho việc vay bằng tiền mặt, các thỏa thuận cho vay không luân chuyển và chứng khoán nợ.

Quy định số 18/18/PBI/2016 của BI về Giao dịch ngoại tệ so với đồng rupiah giữa các ngân hàng và các bên trong nước quy định rằng công dân, pháp nhân và thường trú nhân Indonesia mua ngoại tệ vượt quá 25.000 đô la Mỹ hoặc số tiền tương đương mỗi tháng phải cung cấp thông tin về giao dịch cơ bản chứng minh rằng giao dịch đó liên quan đến một

hoặc nhiều hoạt động sau: 1) giao dịch hàng hóa và dịch vụ trong và ngoài nước; 2) đầu tư dưới hình thức đầu tư trực tiếp, đầu tư danh mục đầu tư, cho vay, vốn và các hình thức đầu tư khác, trong và ngoài nước; và 3) việc ngân hàng cấp tín dụng hoặc tài trợ bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng rupiah cho các hoạt động giao dịch và đầu tư, hoặc cả hai.

Ngân hàng Hoa Kỳ và Ngân hàng đại lý địa phương

Có một số ngân hàng thương mại Hoa Kỳ đang hoạt động tại Indonesia như Bank of America, Citibank và J.P. Morgan Chase Bank.

Quy định 17/3/PBI/2015 cũng quy định rằng nếu các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thực hiện bắt buộc sử dụng đồng Rupiah cho các giao dịch không dùng tiền mặt, Ngân hàng Indonesia có thể cấp cho họ các miễn trừ. Khi cấp các miễn trừ này, BI sẽ xem xét mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp, tính liên tục của hoạt động kinh doanh, cũng như hoạt động đầu tư và lợi ích phát triển kinh tế quốc gia.

Giới hạn về số tiền giao dịch đối với các ngân hàng thương mại tham gia vào các giao dịch phái sinh với các đối tác nước ngoài là 1 triệu đô la. Giới hạn này bao gồm tất cả các loại giao dịch liên quan đến việc mua bán ngoại tệ bằng đồng Rupiah; các giao dịch như vậy trước đây không bị hạn chế. Tuy nhiên, các hạn chế sẽ không áp dụng nếu các giao dịch phái sinh được thực hiện cho mục đích phòng ngừa rủi ro trong khuôn khổ khoản đầu tư tại Indonesia kéo dài ít nhất ba tháng. Quy định này cũng yêu cầu cho vay bằng ngoại tệ hoặc nội tệ cho các đối tác nước ngoài phải được thực hiện dưới hình thức cho vay hợp vốn, trong đó một ngân hàng chính (tức là các ngân hàng thương mại có xếp hạng đầu tư nhất định từ một công ty xếp hạng tín nhiệm nổi tiếng) làm ngân hàng dẫn đầu cho mục đích tài trợ dự án trong lĩnh vực bất động sản tại Indonesia. Đối với các hành vi vi phạm, quy định này sẽ phạt 10% giá trị giao dịch.

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại Indonesia

Indonesia vẫn nằm trong Danh sách theo dõi ưu tiên trong Báo cáo đặc biệt 301 năm 2023. Những người nắm giữ bản quyền của Hoa Kỳ tiếp tục phải đối mặt với những thách thức tại Indonesia liên quan đến việc bảo vệ và thực thi sở hữu trí tuệ (IP) một cách đầy đủ và hiệu quả, cũng như việc tiếp cận thị trường công bằng và bình đẳng. Những lo ngại bao gồm nạn vi phạm bản quyền và hàng giả tràn lan, đặc biệt là việc thiếu thực thi đối với các

sản phẩm giả mạo nguy hiểm. Để giải quyết những vấn đề này, Indonesia sẽ cần phải phát triển và tài trợ đầy đủ cho một nỗ lực thực thi IP mạnh mẽ và phối hợp, bao gồm các hình phạt ở mức răn đe đối với hành vi vi phạm IP trên thị trường thực tế và trực tuyến. Luật Sáng chế năm 2016 của Indonesia tiếp tục gây ra những lo ngại, bao gồm cả về tiêu chí cấp bằng sáng chế cho các cải tiến gia tăng, căn cứ và thủ tục cấp giấy phép bắt buộc và các yêu cầu công bố đối với các phát minh liên quan đến kiến thức truyền thống và nguồn gen. Luật của Indonesia liên quan đến chỉ dẫn địa lý (GI) đặt ra câu hỏi về tác động của việc đăng ký GI mới đối với các quyền nhãn hiệu đã tồn tại trước đó và khả năng sử dụng tên

thực phẩm thông thường. Indonesia cũng thiếu một hệ thống hiệu quả để bảo vệ chống lại việc sử dụng thương mại không công bằng, cũng như tiết lộ trái phép, dữ liệu thử nghiệm hoặc dữ liệu khác chưa được tiết lộ được tạo ra để có được sự chấp thuận tiếp thị cho các sản phẩm dược phẩm và hóa chất nông nghiệp. Vi phạm bản quyền trực tuyến là một mối quan ngại, đặc biệt là thông qua các thiết bị và ứng dụng vi phạm bản quyền, và việc ghi hình video bất hợp pháp và sử dụng phần mềm không được cấp phép vẫn là vấn đề. Ngoài ra, Hoa Kỳ vẫn quan ngại về một loạt các rào cản tiếp cận thị trường ở Indonesia, bao gồm một số biện pháp liên quan đến phim ảnh và các yêu cầu về sản xuất trong nước và chuyển giao công nghệ cho dược phẩm và các lĩnh vực khác.

Indonesia đã đạt được tiến bộ trong việc giải quyết một số mối quan ngại này nhưng đã chùn bước hoặc có những bước thụt lùi trong các lĩnh vực khác. Vào tháng 1 năm 2021, Bộ Luật và Nhân quyền (MLHR) đã ban hành Quy định 14/2021, sửa đổi Quy định 20/2019, trong đó thiết lập các thủ tục cấp phép bắt buộc và giải quyết một số mối quan ngại có trong quy định cấp phép bắt buộc trước đó, Quy định 39/2018.

Trong những năm gần đây, Bộ Tài chính đã ban hành các quy định làm rõ thẩm quyền đương nhiên của mình đối với việc thực thi biên giới đối với hàng vi phạm bản quyền và hàng giả và thiết lập một hệ thống ghi chép; tuy nhiên, vẫn còn lo ngại về khả năng của chủ sở hữu bản quyền nước ngoài được hưởng lợi từ hệ thống này. Mặc dù Indonesia đã có các bước vào năm 2016 để cho phép đầu tư trực tiếp nước ngoài 100% vào sản xuất phim và bản ghi âm, cũng như trong phân phối và triển lãm phim, Indonesia đã ban hành các quy định thực hiện Luật Điện ảnh năm 2009, nếu được thực thi, sẽ hạn chế hơn nữa sự tham gia

của nước ngoài vào lĩnh vực này. Cụ thể, Quy định 34/2019 của Bộ Giáo dục và Văn hóa bao gồm hạn ngạch màn hình và lệnh cấm lồng tiếng cho phim nước ngoài.

Tại bất kỳ thị trường nước ngoài nào, các công ty nên cân nhắc một số nguyên tắc chung để bảo vệ hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ của mình. Để biết thêm thông tin, hãy liên kết đến bài viết của chúng tôi về Bảo vệ Sở hữu trí tuệ và Stopfakes.gov để biết thêm tài nguyên.

Bán hàng cho Chính phủ

Bán cho chính phủ Indonesia thường yêu cầu sử dụng một đại lý hoặc đại diện địa phương. Ngay cả khi không được yêu cầu chính thức, một công ty địa phương đủ điều kiện có thể

cung cấp những hiểu biết quan trọng và duy trì các mối quan hệ cần thiết để thành công cũng như giảm thiểu các rào cản thương mại văn hóa.

Hoạt động mua sắm của chính phủ tại Indonesia được Cơ quan mua sắm, LKPP (Lembaga Kebijakan dan Pengadaan Barang/Jasa Pemerintah) quản lý và tạo điều kiện thuận lợi. LKPP điều hành một trang web danh mục điện tử trực tuyến và một trang thông tin đấu thầu của chính phủ. Các công ty muốn bán cho chính phủ nên cân nhắc việc được liệt kê trong danh mục điện tử, việc này phải được thực hiện thông qua một công ty Indonesia đã đăng ký tại địa phương. Hiện tại, danh mục điện tử chủ yếu bao gồm thiết bị hạng nặng, thuốc và thiết bị y tế, xe cơ giới và công nghệ (phần cứng và phần mềm). Về nguyên tắc, thuốc và thiết bị y tế phải có giấy phép tiếp thị từ các cơ quan quản lý địa phương để được xem xét mua sắm cho chính phủ. Hệ thống này chủ yếu dành cho chính quyền trung ương và quốc hội, chính quyền địa phương và tỉnh dự kiến sẽ dần bắt đầu sử dụng hệ thống này.

Năm phương pháp mua sắm công là:

- Mua trực tuyến;
- Mua trực tiếp;
- Chỉ định nhà cung cấp trực tiếp;
- Đấu thầu hạn chế;
- Đấu thầu mở.

Mỗi thủ tục được quy định cụ thể về giá trị, tính khả dụng của sản phẩm/dịch vụ địa phương, bằng sáng chế (quốc tế) về sản phẩm/dịch vụ, khả năng của một công ty địa phương để thực hiện công việc hoặc các tiêu chí khác như hàng hóa/dịch vụ cho quốc

phòng hoặc tình báo. Nhìn chung, các miễn trừ đối với các thủ tục được phép khi đáp ứng một số trường hợp nhất định trước hoặc trong hoạt động mua sắm.

Indonesia không phải là Bên tham gia Thỏa thuận WTO về Mua sắm của Chính phủ nhưng đã là quan sát viên của Ủy ban WTO về Mua sắm của Chính phủ kể từ tháng 10 năm 2012. Nhiều chính phủ tài trợ cho các dự án công trình công cộng thông qua việc vay từ các Ngân hàng Phát triển Đa phương.

Tài trợ cho các dự án

Indonesia đã ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng trong kế hoạch phát triển trung hạn của mình, hay Rencana Pembangunan Jangka Menengah 2020-2024 (RPJM). Chính phủ ước tính phát triển cơ sở hạ tầng trong giai đoạn này là 437 tỷ USD, trong đó 41,25% dự kiến đến từ ngân sách chính quyền quốc gia và khu vực, 22,23% dự kiến đến từ các doanh nghiệp nhà nước và 36,52% dự kiến đến từ các tổ chức tư nhân. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web của Bộ Kế hoạch Phát triển Quốc gia tại <https://www.bappenas.go.id/>.

Các tổ chức này cho vay hàng tỷ đô la ở các nước đang phát triển cho các dự án nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội bằng cách giảm nghèo và bất bình đẳng, cải thiện sức khỏe và giáo dục, và thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng.

Thông tin liên hệ:

- + Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hoa Kỳ <https://www.exim.gov/>
- + Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ <https://www.dfc.gov/>
- + Cơ quan Thương mại và Phát triển Hoa Kỳ <https://www.ustda.gov/>
- + Văn phòng Thương mại Quốc tế của Cục Quản lý Doanh nghiệp Nhỏ
<https://www.sba.gov/>
- + Tập đoàn Tín dụng Hàng hóa của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ <https://www.usda.gov/ccp>
- Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ <https://www.usaid.gov/>

Chương 5: Thương mại song phương giữa Việt Nam và Indonesia

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1955 đến nay, quan hệ Việt Nam - Indonesia vẫn luôn phát triển mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực. Indonesia là một trong những đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam tại khu vực. Trong đó, hợp tác kinh tế đang có những bước tiến lớn. Hơn nữa, hai nước đều là những thành viên tích cực trong Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), luôn hợp tác để đóng góp cho sự phát triển của Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Indonesia là nền kinh tế lớn thứ 16 trên thế giới, lớn thứ nhất trong ASEAN và cũng là thị trường lớn nhất ASEAN với hơn 270 triệu người tiêu dùng; trong đó, tầng lớp trung lưu có quy mô ngày càng tăng. Tại khu vực Đông Nam Á, Indonesia hiện là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam, trong khi Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Indonesia tại Đông Nam Á.

Đáng lưu ý, Việt Nam là nhà cung cấp có uy tín, chất lượng nhiều sản phẩm cho thị trường Indonesia như gạo, cà phê, cao su, thủy sản, hàng dệt may, giày dép, điện thoại di động và linh kiện, sắt thép, vật liệu xây dựng, sản phẩm nhựa...

Mặt khác, nhiều mặt hàng thế mạnh của Indonesia như than đá, linh kiện phụ tùng ô tô, dầu cọ, chất dẻo nguyên liệu, thức ăn gia súc và nguyên liệu, hóa chất, kim loại thường... cũng được các doanh nghiệp Việt Nam quan tâm, nhập khẩu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Với 275 triệu người, Indonesia có dân số đông thứ 4 thế giới, đồng thời là nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á, nhập khẩu lương thực và thực phẩm, đồ uống chiếm 6,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của quốc gia này, tương ứng 16 tỷ USD. Thực phẩm và đồ uống nhập khẩu của Indonesia tập trung vào nhóm sản phẩm từ sữa, đạt kim ngạch 1,2 tỷ USD, đồ uống có đường 120 triệu USD, bánh kẹo 75 triệu USD, ngũ cốc 541 triệu USD, nhóm rau củ quả chế biến đạt 222 triệu USD.

Bên cạnh hợp tác song phương, hai nước cũng đã có sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ lẫn nhau trong các khuôn khổ hợp tác kinh tế đa phương như Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác

Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Hội nghị Thượng đỉnh hợp tác Á-Âu (ASEM), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)...

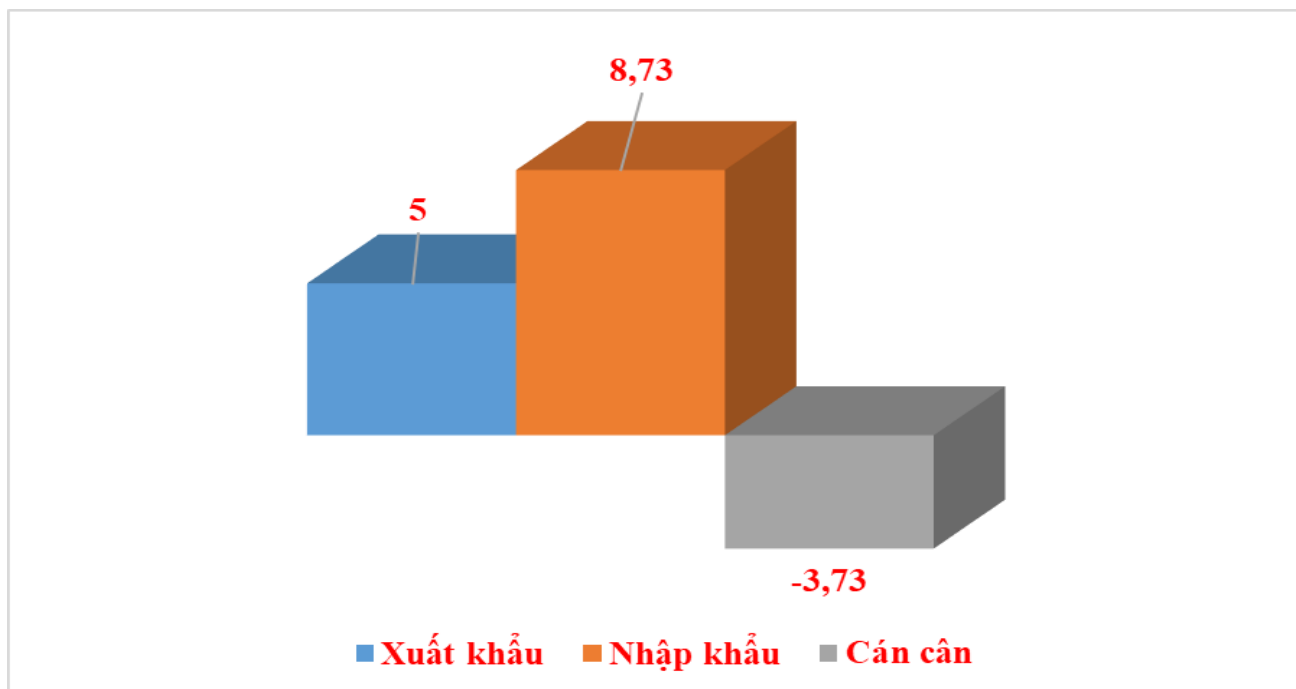
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam – Indonesia có dấu hiệu tăng trưởng trong những năm gần đây, cụ thể trong giai đoạn 2020-2023, tổng kim ngạch thương mại song phương đạt trung bình là 12 tỷ USD/năm.

Năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Indonesia đạt 13,8 tỷ USD, Indonesia đã vượt qua Malaysia trở thành đối tác thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á, sau nhiều năm đứng ở vị trí thứ ba. Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai nước khá phong phú và đa dạng.

Xuất khẩu của Việt Nam sang Indonesia năm 2023 đạt hơn 5,07 tỷ USD, trong đó có 14 nhóm hàng có kim ngạch từ 100 triệu USD. Đáng chú ý, trong năm 2023, Indonesia đã chọn Việt Nam là một trong 2 quốc gia cung cấp chính cho các đợt thu mua gạo dự trữ của quốc gia này. Nhờ đó, Indonesia đã vươn lên trở thành nhà nhập khẩu gạo lớn thứ 2 của Việt Nam với sản lượng hơn 1,1 triệu tấn, thu về hơn 640 triệu USD, tăng mạnh 878% về lượng và tăng đến 992% về trị giá so với năm 2022. Việc chọn Việt Nam là nguồn cung chính cho các đợt thu mua lúa gạo của Indonesia đã khẳng định thêm vị thế, uy tín chất lượng của hạt gạo Việt Nam. Ngoài ra, một số nhóm hàng xuất khẩu đạt kim ngạch cao phải kể đến như: Sắt thép (483 triệu USD); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng (gần 380 triệu USD); điện thoại và linh kiện (368 triệu USD)...

Ở chiều ngược lại, **kim ngạch nhập khẩu** hàng hóa từ Indonesia đạt 8,77 tỷ USD, như vậy, Việt Nam nhập siêu khoảng 3,7 tỷ USD từ đất nước đông dân nhất Đông Nam Á này. Có hai nhóm hàng nhập khẩu từ thị trường Indonesia đạt kim ngạch tỷ đô là: Than với kim ngạch đạt hơn 2 tỷ USD và sắt thép với kim ngạch hơn 1,1 tỷ USD. Các nhóm hàng nhập khẩu đáng chú ý khác với kim ngạch trên 100 triệu USD

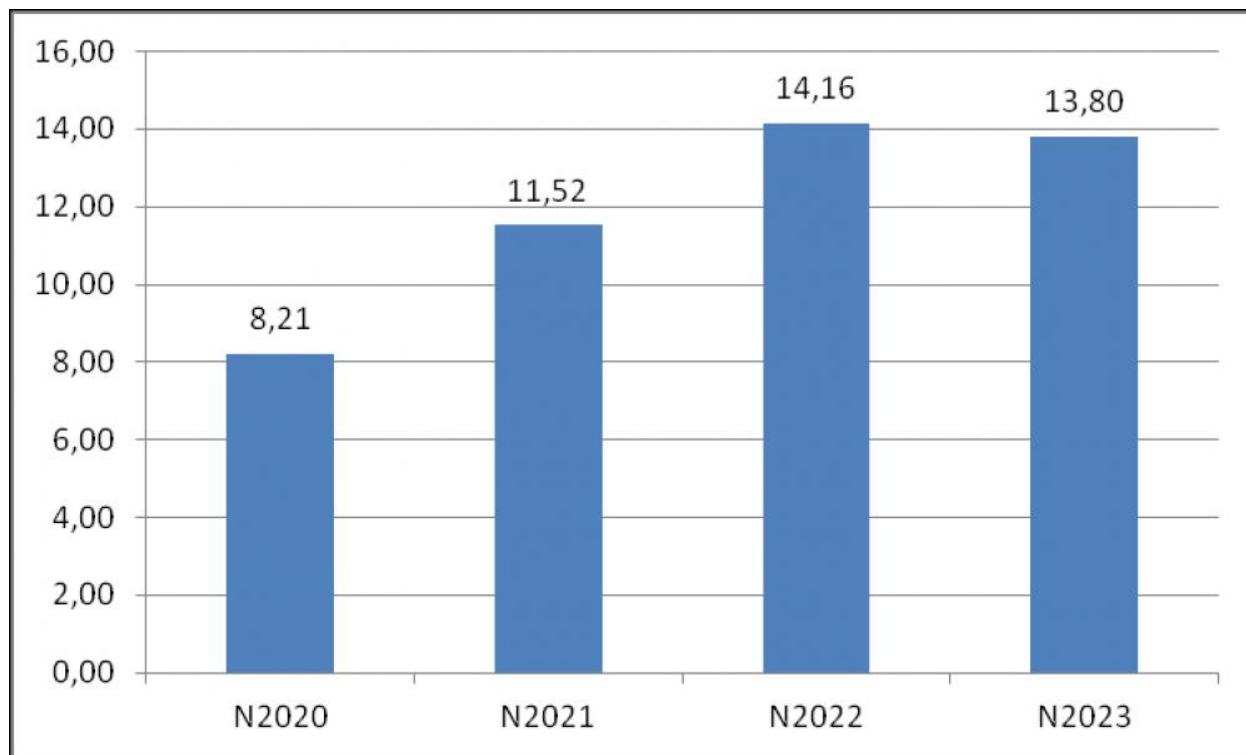
như: Dầu mỡ động, thực vật (682 triệu USD); ô tô nguyên chiếc các loại (607,5 triệu USD); giấy các loại (282,8 triệu USD)...



Việt Nam và Indonesia khẳng định sớm xây dựng Chương trình Hành động giai đoạn 2024-2028, quyết tâm đưa kim ngạch thương mại song phương lên 18 tỷ USD vào năm 2028.

Tổng kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam –Indonesia giai đoạn 2020-2023

Đơn vị tính: Tỷ USD

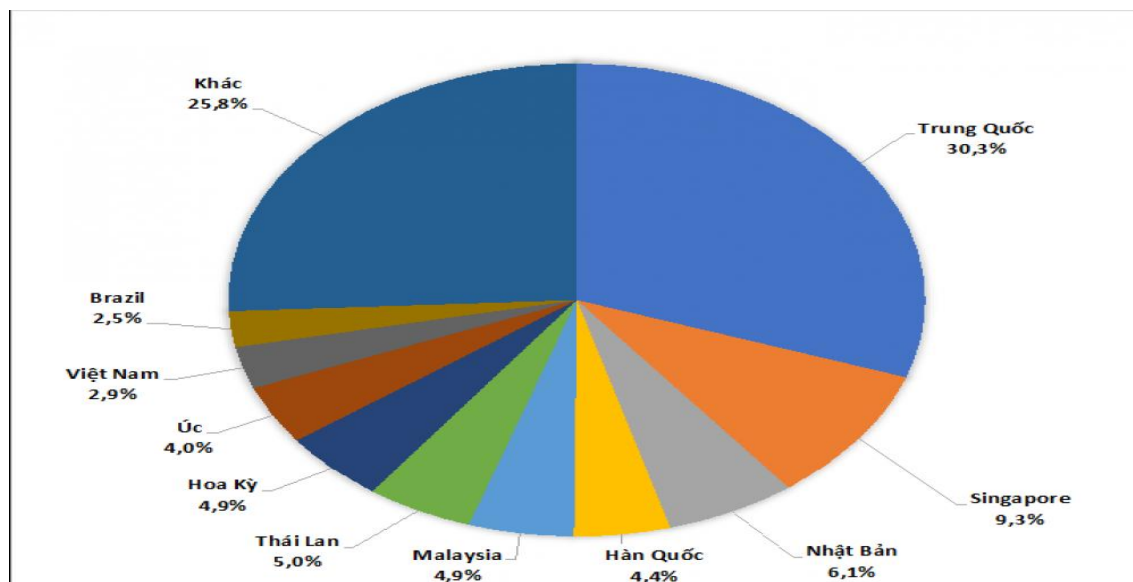


Nguồn: *trademap.org*

Theo số liệu thống kê từ Trademap, trong quý I/2024, Việt Nam là nguồn cung hàng hoá lớn thứ 9 của Indonesia, chiếm tỷ trọng 2,88% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Indonesia. Đứng đầu trong danh sách này là các thị trường gồm: Trung Quốc (30,31%); Singapore (9,29%); Nhật Bản (6,08%); Hàn Quốc (4,45%)...

Các thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn nhất của Indonesia trong quý I/2023 (Việt Nam xếp thứ 9)

Đơn vị tính: %



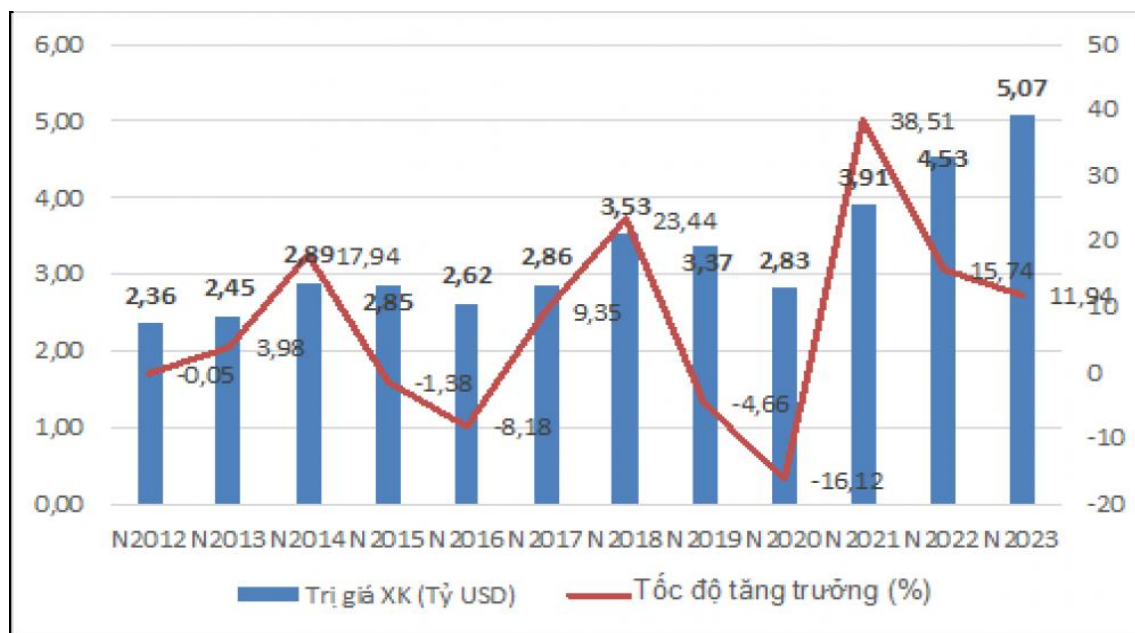
Nguồn: Trademap.org

Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam sang Indonesia trong tháng 05/2024

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 5/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 4/2024 (%)	So với Tháng 5/2023 (%)	5 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 5 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 5 Tháng 2024 (%)
Tổng	498,97	4,12	27,27	2524,75	22	100
Gạo	75,79	19,81	134,77	424,11	133,85	16,80
Hàng hóa khác	69,27	37,72	42,9	275,88	15,93	10,93
Sắt thép các loại	42,71	5,65	14,77	180,88	-8,26	7,16
Điện thoại các loại và linh kiện	39,94	23,68	23,48	173,95	7,82	6,89
Hàng dệt, may	37,43	-2,55	32,74	167,07	4,36	6,62
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	32,45	8,34	4,3	159,68	5,47	6,32
Chất dẻo nguyên liệu	26,55	24,18	-0,25	159,15	31,16	6,30
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	28,87	-6,57	27,92	147,05	21,69	5,82
Cà phê	14,78	-40,22	-15,76	144,90	90,09	5,74
Phương tiện vận tải và phụ tùng	21,90	-3,16	18,98	142,52	-23,04	5,64

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Indonesia trong giai đoạn 2013 – 2023

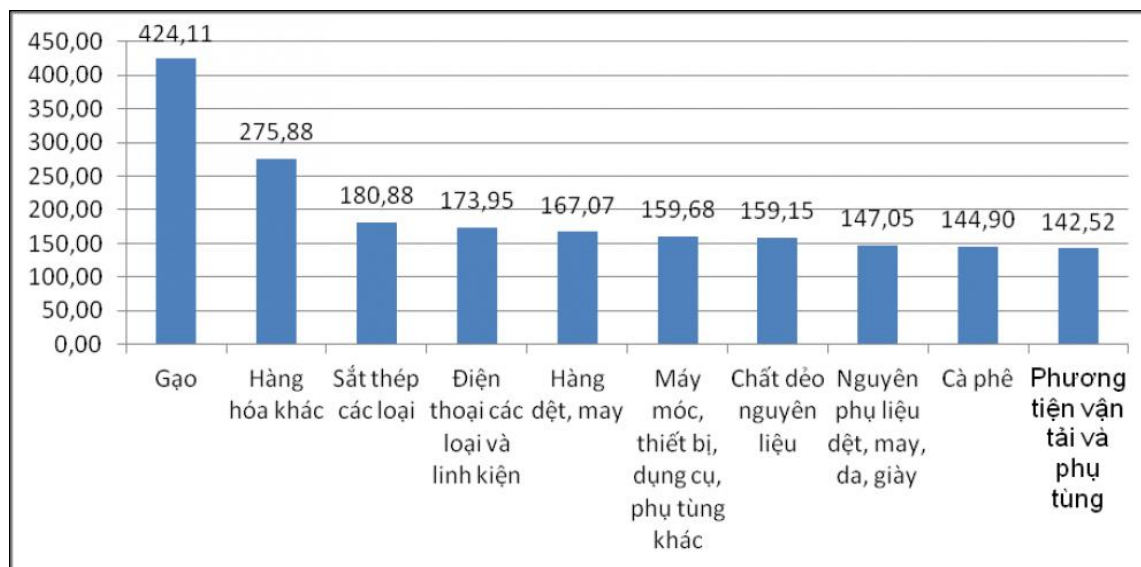


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bước sang tháng 5/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta sang Indonesia đạt 498,97 triệu USD, tăng 4,12% so với tháng trước đó và tăng 27,27% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta sang Indonesia đạt 2,52 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, gạo là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của nước ta sang thị trường Indonesia trong tháng 5/2024, với kim ngạch xuất khẩu đạt 75,79 triệu USD, tăng 19,81% so với tháng trước đó và tăng 134,77% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 5 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu gạo của nước ta sang Indonesia đạt 424,11 triệu USD, tăng 133,85% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 16,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta sang Indonesia trong 5 tháng đầu năm.

Nhóm các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Indonesia trong tháng 05/2024

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 5/2024, Việt Nam đã nhập khẩu từ Indonesia tổng 1,01 tỷ USD, tăng 33,23% so với tháng trước đó và tăng 25,56% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 5 tháng đầu năm, Việt Nam đã nhập khẩu từ Indonesia tổng 3,82 tỷ USD, tăng 13,64% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, than là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất với trị giá nhập khẩu trong tháng 5/2024 đạt 316,61 triệu USD, tăng 33,19% so với tháng trước và tăng 13,6% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 5 tháng đầu năm, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng than của nước ta từ Indonesia đạt 1,06 tỷ USD, tăng 55,77% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 27,84% tỷ trọng trong kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của nước ta từ Indonesia.

Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng của Việt Nam từ Indonesia trong tháng 05/2024

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 5/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 4/2024 (%)	So với Tháng 5/2023 (%)	5 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 5 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 5 Tháng 2024 (%)
Tổng	1010,78	33,23	25,56	3821,68	13,64	100
Than các loại	316,61	33,19	13,6	1063,92	55,77	27,84
Sắt thép các loại	119,68	35,97	4,15	456,70	-7,37	11,95
Ô tô nguyên chiếc các loại	93,55	27,57	159,04	380,33	28,31	9,95
Hàng hóa khác	70,88	14,9	-6,3	296,94	-2,35	7,77
Kim loại thường khác	74,64	50,9	120,19	295,89	21,4	7,74
Dầu mỡ động, thực vật	39,88	-19,99	45,11	189,93	-23,19	4,97
Hàng thủy sản	19,69	47,67	88,61	112,41	31,67	2,94
Linh kiện, phụ tùng ô tô	27,11	36,34	7,46	103,49	1,06	2,71
Giấy các loại	23,55	14,33	-23,54	97,74	-25,9	2,56
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	19,85	-5,37	1,02	87,57	-9,28	2,29
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	19,05	38,88	-32,45	81,33	-5,36	2,13
Chất dẻo nguyên liệu	19,47	29,66	31,93	78,20	17,25	2,05
Sản phẩm hóa chất	15,90	60,25	52,15	61,26	6,7	1,60

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Những mặt hàng Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Indonesia

6 tháng đầu năm 2024, gạo là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Indonesia với 444 triệu USD, tăng 82% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, trong 6 tháng đầu năm 2024, Việt Nam có 11 mặt hàng xuất khẩu sang Indonesia đạt trên 100 triệu USD với tổng kim ngạch 2,21 tỷ USD, tương ứng chiếm 76% giá trị xuất khẩu vào quốc gia Đông Nam Á này.

Gạo là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này với 444 triệu USD, tăng 82% so với cùng kỳ năm trước. Nửa đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 712.438 tấn gạo sang Indonesia với giá trung bình đạt 623,7 USD/tấn. Ngoại trừ tháng 1 và tháng 6, lượng xuất khẩu gạo sang Indonesia đều đạt trên mức 100.000 tấn.

Điện thoại và linh kiện là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sang Indonesia lớn thứ hai với 206 triệu USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước. Trong nhóm điện tử, các mặt hàng

xuất khẩu đạt trên 100 triệu USD còn bao gồm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác với 201 triệu USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với 128 triệu USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam xuất khẩu hàng dệt may sang Indonesia thu về 202 triệu USD, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước; nguyên phụ liệu dệt may với 175 triệu USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nhóm nguyên liệu, Việt Nam xuất khẩu sắt thép sang quốc gia Đông Nam Á này thu về 203 triệu USD, so với cùng kỳ năm trước giảm 4%; xuất khẩu hóa chất với 139 triệu USD, tăng tới 147% so với cùng kỳ năm trước, đây cũng là mặt hàng duy nhất có mức tăng trưởng trên 3 con số.

Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu chất dẻo nguyên liệu sang Indonesia với 188 triệu USD, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước; phương tiện vận tải, phụ tùng đạt 168 triệu USD, giảm 18% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nhóm nông, thủy sản, Việt Nam xuất khẩu cà phê đạt 160 triệu USD, tăng tới 95% so với cùng kỳ năm trước. Gạo và cà phê hiện là hai mặt hàng chủ lực trong nhóm này xuất khẩu sang Indonesia.

Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu hàng thủy sản sang nước này với 7,6 triệu USD, giảm 21% so với cùng kỳ năm trước; hàng rau quả với 3,7 triệu USD, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm trước; chè với 5 triệu USD, tăng tới 85% so với cùng kỳ năm trước...

Trong 31 mặt hàng xuất khẩu chính sang Indonesia, 11 mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang nước này giảm và 20 mặt hàng tăng về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Các lĩnh vực xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam sang Indonesia năm 2023

Năm 2023, xuất khẩu của Việt Nam sang Indonesia đạt hơn 5,07 tỷ USD. Các nhóm hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam sang Indonesia trong năm 2023 là:

- Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS.85).
- Ngủ cốc (HS.10)
- Sắt thép các loại (HS.72)

- Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS.84)
 - Nhựa và các sản phẩm từ nhựa (HS.39)
 - Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên (HS.64)
 - Vải đan hoặc móc (HS.60)
 - Xe cộ trừ phương tiện chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng. (HS.87)
 - Giấy và bìa cứng; các mặt hàng làm từ bột giấy, từ giấy hoặc từ bìa cứng (HS.48)
 - Hóa chất vô cơ; hợp chất hữu cơ hoặc vô cơ của kim loại quý, kim loại đất hiếm, . . . (HS.28)
 - Da sống và da thuộc (trừ da lông thú) và da thuộc (HS.41)
- 1. Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS.85)**

Đơn vị tính: ngàn USD

	2019	2020	2021	2022	2023
Nhập khẩu từ Việt Nam	835.191	762.334	808.638	782.947	772.111
Nhập khẩu từ thế giới	20.060.542	19.081.250	22.338.487	26.398.843	25.782.452

Nguồn: Trademap.org

Đây là sản phẩm chiếm hơn 3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Indonesia là nhà cung cấp lớn thứ 7 nhóm hàng HS.85 của Indonesia. Trong năm 2023, xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang Indonesia đạt giá trị hơn 772,111 triệu USD, giảm 2% trong giai đoạn 2019 – 2023, chiếm 3% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Indonesia.

Nhóm hàng HS.8517 – Bộ điện thoại, kể cả điện thoại di động ... là nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Indonesia trong toàn bộ nhóm hàng HS.85, đạt giá trị hơn 188,501 triệu USD trong năm 2023, chiếm gần 3% giá trị nhập khẩu của Indonesia. Xuất khẩu của nhóm HS.8517 sang Indonesia trong giai đoạn 2019 – 2023 ghi nhận sự sụt giảm

mặt hàng này (-17%). Trong mặt hàng này, Trung Quốc là nhà cung cấp lớn nhất cho Indonesia, Việt Nam đứng thứ 5 nhà cung cấp mặt hàng này cho Indonesia.

Nhóm sản phẩm HS.8528 – Màn hình và máy chiếu, không tích hợp thiết bị thu sóng truyền hình; thiết bị thu sóng . là nhóm hàng xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam sang Indonesia trong toàn bộ nhóm hàng HS.85, đạt giá trị hơn 100,583 triệu USD trong năm 2023, chiếm gần 26% giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Indonesia.

Ngoài ra còn có một số sản phẩm trong nhóm ngành này mà Việt Nam xuất khẩu sang Indonesia nhưng chiếm tỷ trọng cao như HS.8542 (64,629 triệu USD), HS.8516 (49,013 triệu USD) ...

2. Ngũ cốc (HS.10)

Đơn vị tính: ngàn USD

	2019	2020	2021	2022	2023
Nhập khẩu từ Việt Nam	16.610	51.108	32.475	42.465	668.871
Nhập khẩu từ thế giới	3.237.323	3.021.813	4.073.969	4.455.280	5.952.632

Nguồn: Trademap.org

Trong năm 2023, Việt Nam xuất khẩu nhóm hàng HS.10 sang Indonesia đạt giá trị 668,87 triệu USD, chiếm 11% tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này của Indonesia và tăng khá nhiều trong giai đoạn từ 2019-2023 (tăng 106%). Có lẽ đây là mặt hàng xuất khẩu sang Indonesia của Việt Nam có giá trị tăng nhiều nhất, với mặt hàng gạo HS.1006 có giá trị xuất khẩu là 668 triệu USD trong năm 2023

Trong năm 2023, Úc là nhà cung cấp hàng đầu nhóm hàng HS.10 của Indonesia, đạt giá trị xuất khẩu hơn 1,496 tỷ USD, chiếm tỷ trọng gần 25,1% trong tổng giá trị nhập khẩu của Indonesia.

3. Sắt thép các loại (HS.72)

Đơn vị tính: ngàn USD

	2019	2020	2021	2022	2023
Nhập khẩu từ Việt Nam	594.802	365.139	483.020	509.461	499.381
Nhập khẩu từ thế giới	10.396.966	6.855.166	11.957.119	13.928.186	11.381.142

Nguồn: Trademap.org

Việt Nam là nhà cung cấp lớn thứ 6 nhóm hàng HS.72 cho Indonesia, chiếm tỷ trọng 4% (hơn 499 triệu USD) tổng giá trị nhập khẩu của Indonesia của mặt hàng HS.72 .

Trong năm 2023, Trung Quốc là nhà cung cấp hàng đầu nhóm hàng HS.72 của Indonesia, đạt giá trị xuất khẩu hơn 3.093 triệu USD, chiếm tỷ trọng 27,2% trong tổng giá trị nhập khẩu của Indonesia. Các nhà cung cấp lớn khác gồm có Nhật Bản (21,1%), Oman (9,1%).

Trong nhóm sản phẩm HS.72, Indonesia nhập từ Việt Nam chủ yếu sản phẩm HS.7225 - Sản phẩm thép hợp kim cán phẳng không phải thép không gỉ, có chiều rộng ≥ 600 mm, cán nóng . . . và sản phẩm cán phẳng bằng sắt hoặc thép không hợp kim, có chiều rộng ≥ 600 mm, cán nóng hoặc cán nguội . . . Ngoài ra, nhóm hàng này Việt Nam còn xuất khẩu sang Indonesia các sản phẩm HS.7208 (0,436 triệu USD), HS.7207,...

Các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Indonesia.

(Sắp xếp theo giá trị nhập khẩu năm 2023)

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Trị giá (ngàn USD)				
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng XK của Indonesia sang Việt Nam		5.153.358	4.941.002	6.850.033	8.286.044	7.536.414
27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản.	656.275	626.198	1.088.147	1.177.421	1.656.137
72	Sắt thép các loại.		304.478	594.323	1.054.654	1.061.790

		383.037				
87	Xe cộ trừ phương tiện chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng	1.025.691	791.117	856.190	1.292.877	770.318
15	Mỡ và dầu động vật, thực vật hoặc vi khuẩn và các sản phẩm phân tách của chúng; mỡ ăn được đã chế biến; . .	213.906	437.021	695.568	807.419	638.578
74	Đồng và các sản phẩm từ đồng.	179.805	190.309	319.818	394.987	424.853
85	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình.	413.969	351.257	402.305	380.814	331.474
48	Giấy và bìa cứng; các mặt hàng làm từ bột giấy, từ giấy hoặc từ bìa cứng	216.685	228.265	288.455	260.981	289.106
39	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	162.302	153.967	194.534	243.927	219.440
03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống dưới nước khác	144.935	158.992	142.641	270.716	196.787

Nguồn: *trademap.org*

***Những thuận lợi và cơ hội cho hàng Việt tại thị trường Indonesia:**

+**Thứ nhất**, đây là thị trường có dân số 272 triệu người, quy mô dân số lớn thứ tư trên thế giới, tiêu dùng hộ gia đình chiếm 57,66% GDP (tương đương 612 tỷ USD). Nhập khẩu lương thực và thực phẩm, đồ uống chiếm 6,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của quốc gia này, tương ứng 16 tỷ USD. Thực phẩm và đồ uống nhập khẩu của Indonesia tập trung vào nhóm sản phẩm từ sữa, đạt kim ngạch 1,2 tỷ USD, đồ uống có đường 120 triệu USD, bánh kẹo 75 triệu USD, ngũ cốc 541 triệu USD, nhóm rau củ quả chế biến đạt 222 triệu USD.

+**Thứ hai**, Indonesia là thị trường dễ tính hơn so với Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản; có nét văn hóa Á Đông gần gũi, khoảng cách địa lý gần giúp giảm chi phí vận chuyển, tăng sức cạnh tranh hàng hóa.

+**Thứ ba**, Indonesia và Việt Nam đều thuộc Hiệp hội các quốc gia ASEAN nên được hưởng các thuế quan ưu đãi nội khối.

+**Thứ tư**, hàng hóa Việt Nam đang từng bước khẳng định vị thế tại thị trường Indonesia với giá trị kim ngạch xuất khẩu đang gia tăng theo thời gian; có lợi thế so sánh đối với nhiều nhóm hàng nông, thủy sản.....

Thực phẩm và đồ uống nhập khẩu của Indonesia tập trung vào nhóm sản phẩm từ sữa, đạt kim ngạch 1,2 tỷ USD, đồ uống có đường 120 triệu USD, bánh kẹo 75 triệu USD, ngũ cốc 541 triệu USD, nhóm rau củ quả chế biến đạt 222 triệu USD.

***Những khó khăn và thách thức đối với hàng Việt tại thị trường Indonesia:**

Mặc dù có nhiều thuận lợi nhưng thách thức trong việc tiếp cận thị trường Indonesia cũng không ít.

+ Đây là thị trường mang tính bảo hộ cao với nhiều hàng rào phi thuế quan, thường xuyên áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (để tự chủ về lương thực, thực phẩm, giảm nhu cầu nhập khẩu nông lâm sản từ nước khác). Cục Phòng vệ thương mại cho biết, trong số các quốc gia thành viên của ASEAN, Indonesia là một trong bốn quốc gia có sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó nếu Thái Lan và Malaysia chủ yếu sử dụng biện pháp chống bán phá giá thì Indonesia sử dụng cả biện pháp chống bán phá giá và tự vệ, riêng Philippines chủ yếu sử dụng biện pháp tự vệ.

+ Một điểm mà các doanh nghiệp xuất khẩu cần đặc biệt lưu ý, dù không phải là một nhà nước Hồi giáo, nhưng Indonesia là quốc gia có đa số tín đồ Hồi giáo, chiếm 86,1% dân cư, do đó chứng nhận Halal được xem như giấy thông hành của sản phẩm cho người tiêu dùng Hồi giáo. Doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động xin giấy chứng nhận Halal Indonesia, chứng nhận tiêu chuẩn quốc SNI để việc mở rộng thị phần đạt kết quả cao, tạo sự khác biệt cạnh tranh hiệu quả tại thị trường này.

+ Khi đầu tư, xuất khẩu vào thị trường Indonesia doanh nghiệp Việt Nam nên ưu tiên chọn lựa các sản phẩm có tính cạnh tranh và đạt được chứng chỉ HALAL của Indonesia cấp. Đặc biệt, các doanh nghiệp nên chú ý hàng hóa nhập khẩu vào Indonesia thường được chia

thành nhiều nhóm gồm: nhóm hàng tự do nhập khẩu, nhóm mặt hàng phải đăng ký khi nhập khẩu... để có những kế hoạch cụ thể và hiệu quả.

+ Ngoài ra sản phẩm Việt Nam muốn thâm nhập thị trường Indonesia không nên cạnh tranh về giá vì chắc chắn sẽ cạnh tranh không bền. Dù giá có nhỉnh hơn nhưng người tiêu dùng Indonesia vẫn sẵn sàng đón nhận nếu các sản phẩm của Việt Nam có tính độc lập, có bản sắc riêng, tính năng tốt và mang lại giá trị cao cho người sử dụng hơn hẳn những sản phẩm cùng loại.

+ Ngoài ra doanh nghiệp xuất khẩu cần chủ động xin giấy chứng nhận Halal Indonesia, chứng nhận tiêu chuẩn quốc gia SNI để chủ động thâm nhập thị trường. Đặc biệt, trước các rủi ro về phòng vệ thương mại, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chủ động liên hệ, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan Việt Nam trong trường hợp Indonesia khởi xướng các biện pháp phòng vệ thương mại có liên quan tới sản phẩm của doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Chính vì vậy, chuyên gia khuyến cáo, cách tốt nhất để “xâm nhập” vào thị trường hơn 250 triệu dân này là thông qua nhà phân phối đã thông thuộc thủ tục và có sẵn giấy phép nhập khẩu của Indonesia.

+ Hiện nay hệ thống siêu thị của Indonesia rất phát triển nếu doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng thực phẩm có nguồn gốc động vật có chứng nhận HALAL mà liên kết, liên doanh đưa hàng hoá vào siêu thị sẽ có cơ hội thành công lớn. Ở góc độ nghiên cứu thị trường, ông Trương Cung Nghĩa - Giám đốc điều hành Công Nghiên cứu thị trường Trương Đoàn cho biết, kênh MT (phân phối hiện đại) phát triển tại Indonesia từ 15 – 20 năm nay, hiện chiếm 50% hệ thống phân phối ở Jakarta.

+ Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra gay gắt trong kênh MT, hơn nữa các dòng sản phẩm hiện nay tại thị trường này đều đã có đường dây riêng; chính vì vậy doanh nghiệp Việt sẽ rất khó để trực tiếp đưa hàng vào kênh MT.

+ Ngoài ra do chủng loại sản phẩm quá phong phú nên những “ông lớn” trong ngành bán lẻ rất ít khi chịu tiếp xúc với các doanh nghiệp hoàn toàn mới. Chính vì vậy ông Nghĩa khuyến nghị cách tốt nhất để đi vào thị trường này là thông qua nhà phân phối của Indonesia (vốn đã thông thuộc thủ tục và có sẵn giấy phép nhập khẩu), từ đó len dần vào các siêu thị tại Indonesia.

+ Ngoài ra sản phẩm Việt Nam muốn thâm nhập thị trường Indonesia không nên cạnh

tranh về giá vì chắc chắn sẽ cạnh tranh không bền. Dù giá có nhỉnh hơn nhưng người tiêu dùng Indonesia vẫn sẵn sàng đón nhận nếu các sản phẩm của Việt Nam có tính độc lập, có bản sắc riêng, tính năng tốt và mang lại giá trị cao cho người sử dụng hơn hẳn những sản phẩm cùng loại. Trong khi đó, theo ông Nguyễn Lâm Viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty CP Vinamit, bên cạnh việc tạo ra các sản phẩm đặc trưng, với một thị trường có mức độ đô thị hóa ngày càng cao và tốc độ tăng trưởng trong chi tiêu hàng năm lên đến 7,7% (giai đoạn 2011 – 2030) như Indonesia, các doanh nghiệp Việt cần quan tâm đặc biệt đến kênh phân phối.

Hàng dệt may, da giày, điện tử Việt Nam có thể bị áp dụng phòng vệ thương mại tại Indonesia

Chính phủ Indonesia tái khẳng định cam kết bảo vệ ngành dệt may trong nước trước làn sóng hàng nhập khẩu dệt may tràn ngập thị trường nội địa, gây sức ép to lớn lên ngành dệt may, khiến cho lực lượng lao động ngành dệt may bị sa thải hàng loạt. Tổng thống Joko Widodo đã chuẩn thuận chính sách bảo vệ ngành dệt may, theo đó sẽ có ít nhất có 2 biện pháp sẽ áp dụng, đó là áp thuế chống bán phá giá và thuế tự vệ; các mức thuế tự vệ có thể từ mức 100-200%.

Theo Hiệp hội dệt Indonesia, thị trường nội địa Indonesia hiện không chỉ tràn nhập hàng Trung Quốc mà sản phẩm dệt may từ các nước khác có sự gia tăng trong quý 1/2024 như: Braxin tăng 96,35%; Việt Nam tăng 4,85%; Malaysia tăng 3,79% và Singapore 25,19%. Dự kiến quý 2/2024 còn gia tăng hơn nữa do sản xuất trong nước đang giảm.

Các ngành dệt may, giày dép, hàng điện tử dự kiến Indonesia áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đang là những mặt hàng xuất khẩu chính, rất quan trọng của Việt Nam sang thị trường Indonesia với tổng kim ngạch xuất khẩu các nhóm hàng này là 1,5 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Indonesia trong năm 2023, trong đó dệt may và nguyên liệu là 798,5 triệu USD-chiếm 15,7%; giày dép là 100 triệu USD-chiếm 2%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 233,6 triệu USD-chiếm 5%, điện thoại di động 368 triệu USD-chiếm 7,3%).

Các nhóm hàng này của Indonesia có lợi thế cạnh tranh so sánh thấp hơn các sản phẩm cùng loại đến từ các trung tâm sản xuất khác như Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia (hàng điện tử)... Vì vậy nước này dự kiến áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại có khả

năng không chỉ đối với sản phẩm của Trung Quốc mà còn có khả năng rất cao bao gồm cả các sản phẩm xuất khẩu từ nước khác trong đó có Việt Nam, đặc biệt khi nước này sử dụng biện pháp tự vệ thương mại toàn cầu.

Trước động thái Chính phủ Indonesia sẽ áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại bảo vệ hàng hóa sản xuất trong nước, Thương vụ Việt Nam tại Indonesia khuyến nghị các doanh nghiệp, hiệp hội xuất khẩu Việt nam thuộc các nhóm hàng liên quan cần theo dõi sát sao thị trường, tham vấn các đơn vị hữu quan của Bộ Công Thương, Thương vụ Việt Nam tại Indonesia để có những giải pháp ứng phó trong trường hợp Indonesia áp dụng các biện pháp phòng vệ có liên quan tới hàng hóa xuất khẩu của Việt nam.

Hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Indonesia:

Còn tính đến tháng 6/2024, Indonesia xếp thứ 30 trên tổng số 146 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với 115 dự án, tổng vốn đăng ký trên 662 triệu USD và xếp thứ 29/143 vùng lãnh thổ có vốn đầu tư vào Việt Nam.

Nhiều tập đoàn, công ty của Indonesia đang đầu tư và kinh doanh thành công tại Việt Nam như: Ciputra, Traveloka, Gojek, PT Vietmindu Energitama, Jafpa Comfeed Vietnam, Semen Indonesia Group...

Ở chiều ngược lại, một số doanh nghiệp, tập đoàn lớn của Việt Nam đã có mặt tại Indonesia như: FPT, Điện máy xanh... và các doanh nghiệp khác cũng đang hoàn thiện thủ tục đầu tư tại Indonesia như Taxi Xanh (Vingroup), Tập đoàn Việt Thái, Thái Bình Shoes, Cổ phần Thuận Hải...

Có thể nói, trong các nước ASEAN, doanh nghiệp Indonesia là những nhà đầu tư có mặt tại Việt Nam sớm nhất, ngay sau khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa đón các nhà đầu tư nước ngoài. Đến nay, Việt Nam vẫn luôn là một lựa chọn trong các điểm đến đầu tư hấp dẫn và an toàn cho các doanh nghiệp Indonesia. Thời gian qua, nhiều doanh nghiệp Việt Nam cũng đã quan tâm, tìm hiểu các cơ hội đầu tư tại Indonesia trong lĩnh vực viễn thông, sản xuất thiết bị gia dụng, máy phát điện, chế biến thủy sản...

Về hợp tác trong ngành công nghiệp ô tô điện, Việt Nam được biết Indonesia có nguồn tài nguyên nikel rất dồi dào, còn Việt Nam là một trong những quốc gia sở hữu nguồn tài nguyên đất hiếm lớn nhất trên thế giới. Dựa trên những tiềm năng và tiềm lực sẵn có của

mỗi nước, Việt Nam và Indonesia có thể cùng nhau hợp tác, phát triển ngành công nghiệp ô tô điện tại khu vực trong thời gian tới.

Chương 6: Môi trường đầu tư.

Indonesia có dân số 276 triệu người, nền kinh tế 1 nghìn tỷ USD, tầng lớp trung lưu đang phát triển, nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào và nền kinh tế ổn định là những đặc điểm hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trên thế giới, đặc biệt là Hoa Kỳ. Tuy nhiên, đầu tư vào Indonesia vẫn còn nhiều thách thức theo các mối quan hệ kinh doanh. Nỗ lực cải cách nổi bật của chính phủ về Luật Tổng hợp về Tạo việc làm năm 2020 (Luật Tổng hợp) đã được phê chuẩn vào tháng 3 năm 2023. Khi được thực hiện đầy đủ, Luật Tổng hợp được cho là sẽ cải thiện khả năng cạnh tranh bằng cách giảm thuế doanh nghiệp, cải cách luật lao động và giảm các rào cản về thủ tục hành chính và quy định. Hoa Kỳ không có hiệp định đầu tư song phương (BIT) với Indonesia.

Vào tháng 2 năm 2021, Indonesia đã thay thế Danh mục đầu tư tiêu cực năm 2016, tự do hóa gần như tất cả các lĩnh vực cho đầu tư nước ngoài, ngoại trừ 07 lĩnh vực "chiến lược" dành riêng cho sự giám sát của chính quyền trung ương. Vào năm 2021, chính phủ đã thành lập Hệ thống nộp đơn trực tuyến dựa trên rủi ro (OSS) để hợp lý hóa quy trình cấp phép kinh doanh và giấy phép nhập khẩu. Indonesia đã thành lập một quỹ đầu tư quốc gia (Cơ quan đầu tư Indonesia, tức là INA) vào năm 2021 với mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài cho các dự án cơ sở hạ tầng của chính phủ trong các lĩnh vực như giao thông vận tải, dầu khí, y tế, du lịch và công nghệ số, có mối liên hệ chặt chẽ với Bộ Doanh nghiệp nhà nước (BUMN).

Các nhà đầu tư nước ngoài nhận thấy rằng các hạn chế của các quy định hiện hành, sự bất ổn về mặt pháp lý và quy định, chủ nghĩa bảo hộ kinh tế, chủ nghĩa bảo hộ thương mại và lợi ích cố hữu làm phức tạp thêm môi trường đầu tư. Các doanh nghiệp nước ngoài có thể sẽ hợp tác với các công ty Indonesia và sản xuất hoặc mua hàng hóa và dịch vụ tại địa phương. Các công đoàn lao động đã phản đối các chính sách lao động mới theo Luật Tổng hợp mà họ lưu ý đã làm suy yếu quyền lao động. Các công đoàn lao động báo cáo rằng những hạn chế áp đặt đối với thẩm quyền của Ủy ban xóa bỏ tham nhũng Indonesia (KPK) đã dẫn đến sự suy giảm đáng kể trong các cuộc điều tra và truy tố thay vì giáo dục và phòng ngừa. Các nhà đầu tư coi tham nhũng là trở ngại để theo đuổi các cơ hội ở Indonesia.

Một số nhà đầu tư Hoa Kỳ mô tả môi trường đầu tư đã được cải thiện rất nhiều trong thập

kỷ qua, nhưng chỉ ra rằng vẫn còn những rào cản khác, bao gồm tình trạng quan liêu kém hiệu quả, sự chậm trễ trong việc mua đất và quá trình đấu thầu các dự án cơ sở hạ tầng, thực thi hợp đồng yếu kém và sự chậm trễ trong việc nhận tiền hoàn trả cho các khoản nộp thuế doanh nghiệp trước. Các nhà đầu tư lo ngại rằng các quy định mới đôi khi không chính xác và thiếu sự tham vấn của các bên liên quan. Các công ty báo cáo rằng các lĩnh vực năng lượng và khai khoáng vẫn phải đối mặt với các rào cản đầu tư và tất cả các lĩnh vực đều thiếu sự bảo vệ và thực thi IP đầy đủ, và các hạn chế đối với luồng dữ liệu xuyên biên giới vẫn còn.

Tuy nhiên, Indonesia vẫn tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài đáng kể và các phòng thương mại nước ngoài báo cáo quan điểm lạc quan về sự mở rộng kinh tế. Singapore, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hà Lan và Trung Quốc (PRC, HK) nằm trong số các nguồn đầu tư nước ngoài hàng đầu vào năm 2022. Tiêu dùng tư nhân thúc đẩy nền kinh tế Indonesia, nền kinh tế lớn nhất ASEAN, khiến nơi đây trở thành điểm đến đầy hứa hẹn cho nhiều công ty, từ sản phẩm tiêu dùng và dịch vụ tài chính đến các công ty khởi nghiệp kỹ thuật số và thương mại điện tử. Indonesia có kế hoạch đầy tham vọng nhằm mở rộng khả năng tiếp cận năng lượng tái tạo, xây dựng các ngành công nghiệp khai thác và khoáng sản hạ nguồn (tập trung vào xe điện và các thành phần liên quan), cải thiện sản xuất nông nghiệp và nâng cao cơ sở hạ tầng, bao gồm xây dựng đường bộ, cảng, đường sắt và sân bay, cũng như mạng lưới viễn thông và băng thông rộng. Indonesia tiếp tục thu hút các công ty công nghệ kỹ thuật số, công ty khởi nghiệp công nghệ tài chính, nhượng quyền thương mại, nhà sản xuất dịch vụ y tế và nhà sản xuất sản phẩm tiêu dùng của Mỹ.

Chính phủ Indonesia đã thực hiện các loại thuế và quy định giá mới trong vài năm qua để hạn chế lượng khí thải carbon và quản lý lượng khí thải từ lĩnh vực sử dụng đất và rừng. Năm 2022, Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng của Indonesia (JETP) đã cam kết hỗ trợ quá trình chuyển đổi ngành điện đầy tham vọng và công bằng tại Indonesia, phù hợp với các mục tiêu nóng lên toàn cầu của quốc tế.

Xung đột giữa Ukraine và Nga đã gây ra tình trạng gián đoạn nguồn cung, bao gồm cả việc tăng giá năng lượng và lương thực toàn cầu. Indonesia bị ảnh hưởng thông qua việc tăng

giá hàng hóa giao dịch. Chính phủ Indonesia đã tăng giá nhiên liệu được trợ cấp vào tháng 9 năm 2022, khiến giá vận tải và lương thực tăng và gây ra sự gia tăng tỷ lệ lạm phát lên 5,95 phần trăm vào tháng 9. Để ứng phó, Ngân hàng Indonesia (BI) đã tăng lãi suất chính sách lên 5,75% để kiềm chế kỳ vọng lạm phát. BI tin rằng tỷ lệ 5,75% là đủ để đảm bảo lạm phát cơ bản vẫn nằm trong phạm vi 2%- 4% trong nửa đầu năm 2023 và lạm phát chỉ số giá tiêu dùng (CPI) sẽ trở lại hành lang mục tiêu là 2-4 % vào nửa cuối năm 2023.

Chỉ số	Năm	Chỉ số/xếp hạng	Nguồn
Chỉ số nhận thức về tham nhũng	2022	110/180	Tổ chức minh bạch quốc tế http://www.transparency.org/research/cpi/overview
Chỉ số về thuận lợi trong kinh doanh	2022	73/190	WB http://www.doingbusiness.org/en/rankings
Chỉ số sáng tạo	2022	75/132	https://www.globalinnovationindex.org/analysis-indicator
GNI/đầu người	2021	4.180 USD	WB http://data.worldbank.org/indicator/NY.GNP.PCAP.CD

Mở cửa đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài

Indonesia là điểm đến hấp dẫn đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) do dân số tương đối trẻ, nhu cầu trong nước mạnh, tình hình chính trị ổn định, tài nguyên thiên nhiên dồi dào và chính sách kinh tế vĩ mô được đánh giá cao. Các quan chức chính phủ Indonesia thường tuyên bố họ hoan nghênh FDI tăng lên, nhằm tạo việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng, sản xuất hướng đến xuất khẩu, công nghiệp lọc dầu khai khoáng và đầu tư xanh. Để cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, chính phủ đã ban hành Luật tổng hợp về tạo việc làm (Luật số 1/2020) vào tháng 10 năm 2020 để sửa đổi hàng chục luật hiện hành được cho là

cản trở đầu tư. Tổng thống Jokowi đã ký luật vào cuối năm 2022. Hạ viện Indonesia đã phê

chuẩn luật vào tháng 3 năm 2023. Luật tổng hợp đưa ra cách tiếp cận dựa trên rủi ro để cấp phép kinh doanh, đơn giản hóa các yêu cầu về môi trường và giấy chứng nhận xây dựng, cải cách thuế để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, các quy định lao động linh hoạt hơn và thiết lập danh sách đầu tư ưu tiên. Luật này cũng hợp lý hóa quy trình cấp phép kinh doanh ở cấp khu vực. Tuy nhiên, các nhà đầu tư nêu ra mối quan ngại về các quy định kỹ thuật hạn chế, sự không nhất quán về chính sách, sự kém hiệu quả của bộ máy quan liêu, thiếu cơ sở hạ tầng, tính thiêng liêng của các vấn đề hợp đồng và tham nhũng.

Bộ Đầu tư/Ban Điều phối Đầu tư (BKPM) đóng vai trò là cơ quan xúc tiến đầu tư, cơ quan quản lý và cơ quan chịu trách nhiệm phê duyệt các khoản đầu tư theo kế hoạch tại Indonesia. Do đó, đây là điểm liên hệ đầu tiên cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là trong các lĩnh vực sản xuất, công nghiệp và dịch vụ phi tài chính. Để tiến hành kinh doanh tại Indonesia, các nhà đầu tư nước ngoài phải được thành lập dưới dạng công ty trách nhiệm hữu hạn do nước ngoài sở hữu (PMA) thông qua Bộ Luật và Nhân quyền. Sau khi thành lập, PMA phải đáp ứng các yêu cầu cấp phép kinh doanh thông qua hệ thống OSS.

Vào tháng 8 năm 2021, BKPM đã ra mắt Hệ thống Nộp đơn trực tuyến dựa trên rủi ro (OSS), một hệ thống trực tuyến tích hợp hợp lý hóa hầu hết mọi quy trình cấp phép và cấp phép kinh doanh (trừ các lĩnh vực dầu khí và tài chính). Theo OSS, các doanh nghiệp được coi là rủi ro thấp hơn sẽ phải đối mặt với ít yêu cầu hành chính hơn để xin giấy phép và giấy chứng nhận. Chính phủ Indonesia đã đơn giản hóa các yêu cầu cấp phép xây dựng và hợp lý hóa quy trình cấp phép môi trường, mà chính phủ coi là nguồn gốc chính gây ra tham nhũng trong việc cấp phép kinh doanh nói chung. Hệ thống OSS có ý định hợp lý hóa việc cấp phép, nhưng việc tích hợp các thẩm quyền chồng chéo giữa các bộ thành một hệ thống, cả ở cấp quốc gia và cấp dưới quốc gia, vẫn đang được tiến hành. Luật Tổng hợp về Tạo việc làm yêu cầu chính quyền địa phương phải tích hợp hệ thống cấp phép của họ vào OSS. Luật này cho phép chính quyền trung ương tiếp quản thẩm quyền của chính quyền địa phương nếu chính quyền địa phương không hoạt động. Chính phủ đã cung cấp các ưu đãi đầu tư đặc biệt cho các lĩnh vực "ưu tiên" .

Giới hạn trong sở hữu nước ngoài, quyền sở hữu tư nhân và thành lập công ty nước ngoài

Giới hạn trong sở hữu nước ngoài, quyền sở hữu tư nhân và thành lập công ty nước ngoài là một phần của việc thực hiện Luật Tổng hợp về Tạo việc làm, chính phủ Indonesia đã ban hành Quy định của Tổng thống số 10/2021 để đưa ra một sự tự do hóa đáng kể đối với đầu tư nước ngoài tại Indonesia, bãi bỏ Danh mục đầu tư tiêu cực (DNI) năm 2016. Trái ngược với quy định trước đó, danh mục đầu tư mới đặt ra nguyên tắc mặc định rằng tất cả các lĩnh vực kinh doanh đều mở cửa cho đầu tư trừ khi có quy định khác. Danh mục này nêu chi tiết 07 lĩnh vực đóng cửa đối với đầu tư, giải thích rằng các dịch vụ công và quốc phòng được dành riêng cho chính quyền trung ương và phác thảo bốn loại lĩnh vực mở cửa cho đầu tư: các lĩnh vực đầu tư ưu tiên đủ điều kiện được hưởng ưu đãi. Các lĩnh vực dành riêng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) và hợp tác xã hoặc mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác với họ; các lĩnh vực mở cửa với một số yêu cầu nhất định (tức là có giới hạn về quyền sở hữu nước ngoài hoặc yêu cầu cấp phép đặc biệt) và các lĩnh vực hoàn toàn mở cửa cho đầu tư nước ngoài. Mặc dù hàng trăm lĩnh vực trước đây đã đóng cửa hoặc chịu giới hạn sở hữu nước ngoài về mặt lý thuyết vẫn mở cửa cho 100% đầu tư nước ngoài, nhưng trên thực tế, các quy định về kỹ thuật và lĩnh vực có thể quy định các yêu cầu khác nhau hoặc xung đột mà vẫn cần phải giải quyết.

Tổng cộng, 245 lĩnh vực kinh doanh được liệt kê trong Danh sách ưu tiên đầu tư mới, hay DPI, đủ điều kiện để được hưởng các ưu đãi về tài chính và phi tài chính, đặc biệt là các ngành công nghiệp tiên phong, sản xuất hướng đến xuất khẩu, các ngành công nghiệp thâm dụng vốn, các dự án cơ sở hạ tầng quốc gia, nền kinh tế kỹ thuật số, các ngành công nghiệp thâm dụng lao động, cũng như các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Các hạn chế về sở hữu nước ngoài trong viễn thông và công nghệ thông tin (ví dụ: nhà cung cấp internet, nhà cung cấp viễn thông cố định, nhà cung cấp mạng di động), dịch vụ xây dựng, dịch vụ hỗ trợ dầu khí, điện, phân phối, đồn điền và vận tải đã được gỡ bỏ. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bao gồm bệnh viện/phòng khám, nguyên liệu dược phẩm bán buôn và sản xuất thuốc thành phẩm hoàn toàn mở cửa cho đầu tư nước ngoài, trước đây bị giới hạn ở một số tỷ lệ

phần trăm nhất định với các hạn chế phức tạp. Quy định này cũng giảm số lượng các lĩnh vực kinh doanh phải chịu một số yêu cầu xuống chỉ còn 46 lĩnh vực. Vận tải biển trong

nước và dịch vụ bưu chính được phép sở hữu tới 49% vốn nước ngoài, trong khi báo chí, bao gồm tạp chí và báo, và các lĩnh vực phát thanh được phép sở hữu tới 49% và 20% tương ứng, nhưng chỉ dành cho việc mở rộng kinh doanh hoặc tăng vốn. Các đồn điền nhỏ, ngành công nghiệp liên quan đến di sản văn hóa đặc biệt và các ngành công nghệ thấp hoặc các ngành có vốn dưới 10 tỷ IDR (700.000 USD) được dành riêng cho các MSME và hợp tác xã. Các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác với các MSME và hợp tác xã có thể đầu tư vào một số lĩnh vực được chỉ định. Danh mục đầu tư mới đã rút ngắn số lượng các ngành bị hạn chế từ 20 xuống còn 7 danh mục bao gồm cần sa, cờ bạc, đánh bắt các loài có nguy cơ tuyệt chủng, khai thác san hô, rượu, các ngành công nghiệp sử dụng vật liệu làm suy giảm tầng ôzôn và vũ khí hóa học. Ngoài ra, trong khi đầu tư giáo dục vẫn phải tuân theo Luật Giáo dục, Quy định số 40/2021 của Chính phủ cho phép đầu tư vào giáo dục và y tế là hoạt động kinh doanh tại các đặc khu kinh tế.

Năm 2016, BI đã ban hành Quy định số 18/2016 về việc triển khai xử lý giao dịch. Quy định này quản lý tất cả các công ty cung cấp các dịch vụ sau: bên chính, bên phát hành, bên mua lại, bên thanh toán bù trừ, bên thanh toán cuối cùng và bên chuyển tiền. Quy định của BI giới hạn quyền sở hữu nước ngoài của các công ty thanh toán ở mức 20%, mặc dù nó có chứa một điều khoản bảo lưu. Quy định số 19/2017 của BI về Cổng thanh toán quốc gia (NPG) sau đó đã áp dụng mức giới hạn vốn chủ sở hữu nước ngoài là 20% đối với tất cả các công ty tham gia vào các giao dịch chuyển đổi ghi nợ trong nước. Các công ty muốn tiếp tục thực hiện các giao dịch ghi nợ trong nước có nghĩa vụ ký các thỏa thuận hợp tác với một trong bốn công ty chuyển đổi NPG của Indonesia. Vào tháng 12 năm 2020, BI đã ban hành Quy định chung số 22/23/2020 về Hệ thống thanh toán, thực hiện Kế hoạch chi tiết hệ thống thanh toán năm 2025 của BI và giới thiệu hệ thống phân loại và cấp phép dựa trên rủi ro. Quy định có hiệu lực vào ngày 1 tháng 7 năm 2021. Quy định chung, cùng với Quy định BI số 23/06/2021 về các nhà cung cấp hệ thống thanh toán được ban hành sau đó, cho phép 85% sở hữu nước ngoài đối với các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán phi ngân hàng, mặc dù ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết phải do người Indonesia sở hữu và các nhà đầu tư nước ngoài chỉ được nắm giữ 49% cổ phần có quyền biểu quyết. Mức giới

hạn vốn chủ sở hữu nước ngoài 20% vẫn được áp dụng đối với các nhà điều hành cơ sở hạ tầng hệ thống thanh toán xử lý các dịch vụ bù trừ và thanh toán và một điều khoản bảo lưu

vẫn có hiệu lực đối với các công ty thanh toán được cấp phép hiện có. Các công ty hệ thống thanh toán của Hoa Kỳ đã tuyên bố rằng các quy định mới có thể hạn chế hơn nữa quyền tiếp cận thị trường dịch vụ tài chính của Indonesia. Các quy định trước đây yêu cầu ủy quyền, bù trừ và thanh toán phải được xử lý trong nước. Các quy định này bổ sung việc khởi tạo thanh toán là yêu cầu xử lý trong nước. Các quy định không chỉ định các yêu cầu theo sản phẩm. Mặc dù các quy định quy định về xử lý ở nước ngoài nếu đáp ứng được một số yêu cầu nhất định, nhưng việc này phải tuân theo sự chấp thuận của BI. Dựa trên kế hoạch Kế hoạch Hệ thống Thanh toán 2025, việc mở rộng các dịch vụ NPG sẽ tập trung vào việc phát triển các tiêu chuẩn dịch vụ thanh toán bằng thẻ theo từng giai đoạn sẽ được thống nhất chung với ngành.

Quy định số 12/POJK.03/2021 của Cơ quan Dịch vụ Tài chính (OJK), được ban hành vào tháng 8 năm 2021, đã tăng mức trần vốn chủ sở hữu nước ngoài đối với các ngân hàng thương mại lên 99% tùy thuộc vào đánh giá và phê duyệt của OJK và các thực thể nước ngoài phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cam kết hỗ trợ sự phát triển của nền kinh tế Indonesia;
- Nhận được khuyến nghị từ cơ quan giám sát của quốc gia xuất xứ;
- Có xếp hạng ít nhất 1 bậc trên xếp hạng đầu tư thấp nhất đối với các tổ chức tài chính ngân hàng, 2 bậc trên xếp hạng đầu tư thấp nhất đối với các tổ chức tài chính phi ngân hàng và 3 bậc trên xếp hạng đầu tư thấp nhất đối với các pháp nhân không phải là tổ chức tài chính.

Quy định này không bãi bỏ các quy định được liệt kê trong quy định OJK số 56/2016 điều 2 và điều 6 đoạn 1, nêu rằng các thực thể nước ngoài có thể sở hữu cổ phiếu của một ngân hàng đại diện cho hơn 40% vốn của Ngân hàng tùy thuộc vào sự chấp thuận của OJK. Người nước ngoài có thể mua vốn chủ sở hữu trong các công ty nhà nước thông qua chào bán công khai lần đầu và thị trường thứ cấp. Đầu tư vốn vào các công ty niêm yết công khai thông qua sàn giao dịch chứng khoán nói chung không phải chịu hạn chế về sở hữu nước ngoài theo quy định tại Quy định của Tổng thống số 10/2021, đã được sửa đổi bởi Quy định của Tổng thống số 49/2021.

Quy định của Chính phủ 14/2018 (Quy định 14) về quyền sở hữu nước ngoài trong các công ty bảo hiểm đặt ngưỡng tối đa cho quyền sở hữu vốn chủ sở hữu nước ngoài của một

công ty bảo hiểm Indonesia là 80% nhưng miễn trừ các công ty bảo hiểm có mức sở hữu nước ngoài hiện tại vượt quá 80%. Sau đó, chính phủ đã ban hành Quy định của Chính phủ 3/2020 để tăng cường các điều khoản bảo lưu của Quy định 14 bằng cách cho phép các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn và duy trì tỷ lệ vốn hiện có của họ, bãi bỏ nghĩa vụ theo Quy định 14 đối với một cổ đông trong nước phải rút vốn tương ứng 20% trong trường hợp tăng vốn. Vào tháng 6 năm 2020, OJK đã ban hành Quy định 39/2020, trong đó quy định về việc loại bỏ theo từng giai đoạn các yêu cầu nhượng lại trong nước đối với việc mua tái bảo hiểm từ các công ty có trụ sở tại một quốc gia mà Indonesia có thỏa thuận song phương. Quy định này cũng loại bỏ dần yêu cầu về nghĩa vụ tái bảo hiểm trong nước đối với các rủi ro đơn giản vào cuối năm 2020 và đối với các rủi ro không đơn giản vào năm 2022.

Dựa trên Quy định số 31/2022 của Chính phủ được ban hành vào tháng 9 năm 2022, tối đa 85% cổ phần của một công ty chứng khoán liên doanh có thể thuộc sở hữu của một pháp nhân nước ngoài tham gia vào hoạt động tài chính ngoài chứng khoán. Tối đa 99% cổ phần của một công ty chứng khoán liên doanh có thể thuộc sở hữu của một pháp nhân nước ngoài tham gia vào hoạt động chứng khoán đã có được giấy phép hoặc chịu sự giám sát của cơ quan quản lý thị trường vốn tại quốc gia gốc.

Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú của Indonesia đã thu hút đáng kể đầu tư nước ngoài và tiếp tục mang lại triển vọng đáng kể. Tuy nhiên, một số công ty báo cáo rằng nhiều quy định của chính phủ đã khiến việc kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên ngày càng trở nên khó khăn và Indonesia hiện xếp thứ 69 trong số 78 khu vực pháp lý trong Chỉ số Nhận thức Chính sách Khai khoáng năm 2020 của Viện Fraser. Năm 2012, Indonesia đã cấm xuất khẩu nhiều khoáng sản thô, tăng mạnh yêu cầu thoái vốn đối với các công ty khai khoáng nước ngoài và yêu cầu các công ty khai khoáng lớn đàm phán lại hợp đồng làm việc với chính phủ. Mặc dù lệnh cấm xuất khẩu quặng không có hiệu lực cho đến năm 2017, nhưng các công ty khai khoáng vẫn có thể xuất khẩu quặng với điều kiện họ phải phát triển các cơ sở luyện kim. Indonesia đã cấm xuất khẩu niken vào năm 2020. Indonesia có kế hoạch mở rộng lệnh cấm để bao gồm đồng, bô-xít và các khoáng sản khác vào giữa năm 2023.

Lưu ý đối với các nhà đầu tư nước ngoài, các điều khoản của quy định yêu cầu rằng để xuất khẩu quặng khoáng sản, các công ty có hợp đồng làm việc phải chuyển đổi sang giấy phép

kinh doanh khai khoáng, phải tuân theo các quy định hiện hành và phải cam kết xây dựng lò luyện kim trong vòng năm năm tới. Ngoài ra, các công ty khai khoáng do nước ngoài sở hữu phải thoái dần 51% cổ phần cho các lợi ích của Indonesia trong mười năm, với giá cổ phần đã thoái được xác định dựa trên xác định "giá trị thị trường hợp lý" không tính đến trữ lượng hiện có.

Vào tháng 1 năm 2020, chính phủ đã cấm xuất khẩu quặng niken đối với tất cả các công ty khai khoáng, cả trong và ngoài nước, với hy vọng khuyến khích xây dựng các nhà máy luyện niken trong nước và một ngành công nghiệp hạ nguồn tập trung vào xe điện và linh kiện. Vào tháng 3 năm 2021, Bộ Năng lượng và Tài nguyên thiên nhiên đã ban hành Quyết định của Bộ cho phép những người có giấy phép kinh doanh khai khoáng chưa đạt được mục tiêu phát triển nhà máy luyện tiếp tục xuất khẩu quặng khoáng sản thô trong một số điều kiện nhất định. Luật Khai khoáng năm 2020 đã trả lại thẩm quyền cấp giấy phép khai khoáng cho chính quyền trung ương. Chính quyền địa phương chỉ giữ lại thẩm quyền cấp giấy phép khai khoáng quy mô nhỏ. Indonesia yêu cầu các công ty khai khoáng phải đàm phán lại hợp đồng lao động của họ để bao gồm tiền bản quyền cao hơn, thoái vốn nhiều hơn cho các đối tác địa phương, tăng hàm lượng nội địa và chế biến quặng khoáng sản trong nước.

Vào tháng 12 năm 2020, Bộ Năng lượng và Tài nguyên thiên nhiên đã ban hành Quyết định của Bộ trưởng số 255.K/30/MEM/2020 yêu cầu các công ty khai thác than phải hoàn thành 25% sản lượng của mình cho Nghĩa vụ thị trường trong nước (DMO) và đặt giá than tối đa cho sản xuất điện trong nước là 70 đô la/tấn. Vào tháng 1 năm 2022, chính phủ Indonesia đã cấm xuất khẩu than đối với tất cả các công ty khai thác do thực hiện DMO thấp, do nhu cầu sử dụng than đó để sản xuất điện trong nước. Chính phủ đã dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu than và áp dụng biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn để chỉ cho phép xuất khẩu đối với các công ty khai thác than đã hoàn thành các yêu cầu của DMO.

Các Đánh giá Chính sách Đầu tư Khác

+ Đánh giá Chính sách Đầu tư mới nhất của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) về Indonesia được tiến hành vào tháng 2 năm 2021 và có thể tìm thấy trên trang web của

WTO: [directdoc.aspx \(wto.org\)](https://directdoc.aspx (wto.org)).

+ Đánh giá Chính sách Đầu tư OECD gần đây nhất của Indonesia, được tiến hành vào năm 2020, có thể tìm thấy trên trang web của OECD:

<https://www.oecd.org/investment/oecd-investment-policy-reviews-indonesia-2020-b56512da-en.htm>

+ Báo cáo UNCTAD năm 2022 về Đầu tư ASEAN có thể tìm thấy tại đây:

<https://asean.org/wp-content/uploads/2022/10/AIR2022-Web-Online-Final-211022.pdf>

Tạo điều kiện đầu tư

Vào tháng 2 năm 2021, chính phủ Indonesia đã ban hành Quy định số 5/2021 của Chính phủ, đưa ra phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và hợp lý hóa quy trình cấp phép kinh doanh cho hầu hết mọi lĩnh vực. Quy định này phân loại các hoạt động kinh doanh thành các loại rủi ro thấp, trung bình và cao, qua đó xác định thêm các yêu cầu cấp phép kinh doanh cho từng khoản đầu tư. Các hoạt động kinh doanh rủi ro thấp chỉ cần mã số nhận dạng doanh nghiệp (NIB) để bắt đầu các hoạt động thương mại và sản xuất. NIB cũng đóng vai trò là mã số nhận dạng nhập khẩu, mã số nhận dạng hải quan, tuyên bố đảm bảo halal (đối với rủi ro thấp) và thư tuyên bố năng lực quản lý và giám sát môi trường (đối với rủi ro thấp). Các lĩnh vực rủi ro trung bình phải có NIB và chứng nhận tiêu chuẩn. Theo quy định, chứng chỉ tiêu chuẩn cho rủi ro trung bình thấp là tuyên bố tự khai rằng một số tiêu chuẩn kinh doanh nhất định đã được đáp ứng, trong khi chứng chỉ tiêu chuẩn cho rủi ro trung bình-cao phải được cơ quan chính phủ có liên quan xác minh. Các lĩnh vực rủi ro cao phải nộp đơn xin giấy phép kinh doanh đầy đủ, bao gồm đánh giá tác động môi trường (AMDAL). Giấy phép kinh doanh vẫn có hiệu lực trong khi doanh nghiệp hoạt động tuân thủ luật pháp và quy định của Indonesia. Điều khoản dành cho các doanh nghiệp hiện hữu đã có giấy phép kinh doanh.

Hệ thống OSS là một cổng thông tin trực tuyến cho phép các nhà đầu tư nước ngoài đăng ký và theo dõi tình trạng giấy phép và các dịch vụ khác trực tuyến. Các nhà đầu tư nước ngoài thường bị cấm đầu tư vào các MSME tại Indonesia, mặc dù Quy định số 10/2021 của Tổng thống đã mở ra một số cơ hội hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, xe hai và ba bánh, phụ tùng ô tô, thiết bị y tế, sửa chữa tàu, phòng xét nghiệm y tế và đồ trang sức/kim loại

quý.

Theo Chỉ thị số 7/2019 của Tổng thống, Bộ Đầu tư/BKPM chịu trách nhiệm cấp “giấy

phép đầu tư” (thuật ngữ dùng để chỉ cả NIB và các giấy phép kinh doanh khác) đã được chuyển giao từ tất cả các bộ và tổ chức chính phủ có liên quan cho các tổ chức nước ngoài thông qua hệ thống OSS. BKPM cũng được giao nhiệm vụ xem xét các chính sách được coi là bất lợi cho các nhà đầu tư. Trong khi mục tiêu của OSS là giúp hợp lý hóa việc phê duyệt đầu tư, thì các khoản đầu tư vào các lĩnh vực khai khoáng, dầu khí và tài chính vẫn cần giấy phép từ các bộ và cơ quan có liên quan. Một số giấy phép về thuế và đất đai, trong số những giấy phép khác, thường phải được xin từ chính quyền địa phương. Mặc dù các công ty Indonesia chỉ được yêu cầu xin một lần phê duyệt ở cấp địa phương, nhưng các doanh nghiệp báo cáo rằng các công ty nước ngoài thường phải xin thêm các lần phê duyệt khác để thành lập doanh nghiệp. Quy định số 6/2021 của Chính phủ yêu cầu các chính quyền địa phương tích hợp hệ thống giấy phép kinh doanh của họ vào hệ thống OSS dựa trên rủi ro và chuẩn hóa các dịch vụ thông qua thỏa thuận cấp độ dịch vụ giữa chính quyền trung ương và địa phương.

Đầu tư ra nước ngoài

Đầu tư ra nước ngoài của Indonesia bị hạn chế vì các nhà đầu tư trong nước có xu hướng tập trung vào thị trường trong nước rộng lớn. BKPM chịu trách nhiệm thúc đẩy và tạo điều kiện cho đầu tư ra nước ngoài, bao gồm cung cấp thông tin về các cơ hội đầu tư ở các quốc gia khác. BKPM cũng sử dụng các trung tâm xúc tiến đầu tư và thương mại của mình ở nước ngoài để kết nối các công ty Indonesia với các cơ hội đầu tư tiềm năng. Chính phủ không hạn chế hoặc cung cấp các ưu đãi cho đầu tư ra nước ngoài của khu vực tư nhân. Bộ Doanh nghiệp Nhà nước (BUMN) khuyến khích các SOE của Indonesia thông qua Chương trình SOE Go Global để tăng cường đầu tư ra nước ngoài, nhằm mục đích cải thiện chuỗi cung ứng của Indonesia và thiết lập nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Indonesia tại các thị trường chiến lược. Theo Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), Indonesia đã ghi nhận 3,6 tỷ đô la đầu tư trực tiếp ra nước ngoài vào năm 2021, giảm 1,25 phần trăm so với mức 4,5 tỷ đô la vào năm 2020.

Hiệp định đầu tư song phương và Hiệp định về thuế

Indonesia hiện có 26 hiệp định đầu tư song phương có hiệu lực. Năm 2014, Indonesia bắt đầu bãi bỏ các BIT hiện có bằng cách cho phép các thỏa thuận hết hạn. Tuy nhiên, Indonesia đã phê chuẩn một BIT mới với Singapore vào tháng 3 năm 2021, đánh dấu hiệp

định đầu tư đầu tiên được ký kết và có hiệu lực sau nhiều năm xem xét. Indonesia được cho là đã xây dựng một BIT mẫu mới hiện đang được phản ánh trong chương đầu tư của các hiệp định thương mại mới được ký kết.

Danh sách chi tiết các thỏa thuận đầu tư của Indonesia có thể được tìm thấy tại:

<https://investmentpolicy.unctad.org/international-investment-agreements/countries/97/indonesia>.

Indonesia là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Vào tháng 11 năm 2020, 10 quốc gia thành viên ASEAN và năm quốc gia khác (Úc, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và New Zealand) đã ký Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), chiếm khoảng 30 phần trăm tổng sản phẩm quốc nội và dân số thế giới. RCEP bao gồm thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, hợp tác kinh tế và kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, giải quyết tranh chấp, thương mại điện tử, doanh nghiệp vừa và nhỏ và mua sắm của chính phủ.

Indonesia đang tích cực tham gia đàm phán FTA song phương. Gần đây, Indonesia đã ký các hiệp định thương mại với Úc, Chile, Mozambique, Hiệp hội Thương mại Tự do Châu Âu (Iceland, Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ) và Hàn Quốc. Indonesia hiện đang đàm phán các Hiệp định Thương mại Song phương với Liên minh Châu Âu, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Canada và các quốc gia khác.

Hoa Kỳ và Indonesia đã ký Hiệp định Khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA) vào ngày 16 tháng 7 năm 1996. Hiệp định này là cơ chế chính để thảo luận các vấn đề thương mại và đầu tư giữa Hoa Kỳ và Indonesia. Hai nước cũng đã ký Công ước giữa Chính phủ Cộng hòa Indonesia và Chính phủ Hoa Kỳ về Tránh đánh thuế hai lần và Phòng ngừa trốn thuế đối với Thuế thu nhập tại Jakarta vào ngày 11 tháng 7 năm 1988. Công ước này đã được sửa đổi bằng Nghị định thư, được ký vào ngày 24 tháng 7 năm 1996. Không có thuế hai lần đối với thu nhập cá nhân.

Indonesia là thành viên của Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF). Vào tháng 5 năm 2022, Hoa Kỳ đã khởi động Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

vì sự thịnh vượng (IPEF) với Úc, Brunei Darussalam, Fiji Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, New Zealand, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Khung này nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động kinh tế và đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền

vững và toàn diện, đồng thời mang lại lợi ích cho người lao động và người tiêu dùng trên khắp khu vực. 14 đối tác IPEF đại diện cho 40 phần trăm GDP toàn cầu và 28 phần trăm thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu. Việc ra mắt IPEF đã bắt đầu các cuộc đàm phán về các trụ cột sau:

- (1) Thương mại;
- (2) Chuỗi cung ứng;
- (3) Năng lượng sạch, Giảm phát thải carbon và Cơ sở hạ tầng;
- (4) Thuế và Chống tham nhũng.

Indonesia là thành viên của Khung bao trùm OECD về Xói mòn dựa trên và Chuyển lợi nhuận. Chính phủ là bên tham gia thỏa thuận tháng 10 năm 2021 của Khung bao trùm về giải pháp hai trụ cột cho các thách thức thuế toàn cầu, bao gồm thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu.

Sự minh bạch của hệ thống pháp luật

Hệ thống pháp lý của Indonesia dựa trên luật dân sự. Hệ thống tòa án bao gồm Tòa án quận (tòa án sơ cấp có thẩm quyền ban đầu), Tòa án cấp cao (tòa phúc thẩm) và Tòa án tối cao (tòa án cuối cùng). Indonesia cũng có Tòa án Hiến pháp. Tòa án Hiến pháp có cùng địa vị pháp lý như Tòa án tối cao và vai trò của tòa án này là xem xét tính hợp hiến của luật. Cả Tòa án tối cao và Tòa án Hiến pháp đều có thẩm quyền tiến hành xem xét tư pháp.

Theo các mối quan hệ kinh doanh, tham nhũng vẫn tiếp tục cản trở ngành tư pháp của Indonesia, với các cuộc điều tra tham nhũng liên quan đến các thẩm phán cấp cao và nhân viên tòa án. Nhiều doanh nghiệp lưu ý rằng ngành tư pháp dễ bị ảnh hưởng từ các bên bên ngoài. Một số công ty đã tuyên bố rằng hệ thống tòa án thường không cung cấp biện pháp khắc phục cần thiết để giải quyết các tranh chấp về tài sản và hợp đồng và các vụ án sẽ được xét xử tại tòa án dân sự ở các khu vực tài phán khác đôi khi dẫn đến các cáo buộc hình sự ở Indonesia.

Các thẩm phán không bị ràng buộc bởi tiền lệ và nhiều luật có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau. Quy định số 27/2017 của Chính phủ đã đưa ra các ưu đãi cho phát

triển năng lượng thương nguồn và điều chỉnh chi phí thu hồi được từ các hợp đồng chia sẻ sản xuất.

Luật số 12 năm 2011 về Xây dựng Luật và Quy định yêu cầu một số bộ có nghĩa vụ pháp

lý phải công bố văn bản quy định được đề xuất của họ trước khi ban hành. Trong toàn bộ chính phủ Indonesia, các bộ xây dựng các kế hoạch hoặc đề xuất quy định trước mắt nhằm thực hiện trong một khung thời gian cụ thể. Chính phủ phải công khai các đề xuất và công bố các quy định được đề xuất trước khi ban hành. Công chúng có thể yêu cầu thông tin về các luật thứ cấp, chẳng hạn như các quy định do BKPM ban hành, thông qua bản ghi nhớ nội bộ của văn phòng gửi đến tất cả các đơn vị trong BKPM từ viên chức thông tin và lập hồ sơ (PPID). Văn bản dự thảo của các quy định được đề xuất được công bố trên trang web của bộ có liên quan, được in trên ấn phẩm liên bang hoặc được phân phối trực tiếp cho các bên liên quan quan tâm. Luật không quy định thời hạn công khai các quy định được đề xuất trước khi ban hành. Các bên liên quan đôi khi lưu ý rằng họ muốn thấy sự cải thiện trong quá trình tham vấn về luật mới và hy vọng quan điểm của ngành có thể được xem xét ngay từ đầu quá trình.

Các luật và quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài

FDI tại Indonesia được điều chỉnh bởi Luật số 25/2007 (Luật Đầu tư) đã được sửa đổi bởi Luật Tổng hợp về Tạo việc làm. Theo luật, bất kỳ hình thức FDI nào tại Indonesia phải ở dạng công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn tối thiểu là 10 tỷ IDR (700.000 USD), không bao gồm đất đai và tòa nhà và nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ cổ phần trong công ty. Luật Tổng hợp về Tạo việc làm cho phép các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dưới 10 tỷ IDR vào các công ty khởi nghiệp dựa trên công nghệ tại các khu kinh tế đặc biệt. Luật này cũng đưa ra một số điều khoản để đơn giản hóa các yêu cầu cấp phép kinh doanh, cải cách luật lao động cứng nhắc, đưa ra các cải cách thuế để hỗ trợ việc kinh doanh dễ dàng hơn và thành lập Cơ quan Đầu tư Indonesia (INA) để tạo điều kiện cho đầu tư trực tiếp. Ngoài ra, chính phủ đã bãi bỏ Danh mục Đầu tư Tiêu cực năm 2016 thông qua việc ban hành Quy định của Tổng thống số 10/2021, đưa ra các cải cách lớn nhằm xóa bỏ các hạn chế đối với quyền sở hữu nước ngoài trong hàng trăm lĩnh vực trước đây đã đóng cửa hoặc chịu giới hạn sở hữu nước ngoài. Một số lĩnh vực vẫn đóng cửa đối với đầu tư hoặc bị hạn chế theo cách khác. Quy định của Tổng thống số 10/2021 có một điều khoản dành riêng nêu rõ rằng các khoản đầu

tư hiện tại sẽ không bị ảnh hưởng trừ khi được đối xử theo quy định mới thuận lợi hơn hoặc khoản đầu tư có các quyền đặc biệt theo thỏa thuận song phương. Chính phủ

Indonesia cũng mở rộng hoạt động kinh doanh tại các khu kinh tế đặc biệt để bao gồm giáo dục và y tế.

Luật cạnh tranh và chống độc quyền

Cơ quan Cạnh tranh Indonesia (KPPU) thực hiện và thi hành Luật Cạnh tranh Indonesia năm 1999. KPPU xem xét các thỏa thuận, hoạt động kinh doanh và sáp nhập có thể bị coi là chống cạnh tranh, tư vấn cho chính phủ về các chính sách có thể ảnh hưởng đến cạnh tranh và ban hành các hướng dẫn liên quan đến Luật Cạnh tranh. Các lĩnh vực chiến lược như thực phẩm, tài chính, ngân hàng, năng lượng, cơ sở hạ tầng, y tế và giáo dục là những ưu tiên của KPPU. Luật Tổng hợp về Tạo việc làm và quy định thực hiện của luật này, Quy định của Chính phủ số 44/2021, xóa bỏ các biện pháp trừng phạt hình sự và giới hạn tiền phạt hành chính, vốn được đặt ở mức tối đa là 25 tỷ IDR (1,7 triệu USD) theo quy định trước đó. Các kháng cáo về quyết định của KPPU phải được xử lý thông qua tòa án thương mại.

Quốc hữu hóa và bồi thường.

Lãnh đạo chính trị của Indonesia từ lâu đã ủng hộ chủ nghĩa dân tộc kinh tế, đặc biệt liên quan đến trữ lượng khoáng sản và dầu khí. Theo Luật số 25/2007 (Luật Đầu tư), chính phủ Indonesia bị cấm quốc hữu hóa hoặc tịch thu quyền sở hữu của nhà đầu tư, trừ khi có quy định của pháp luật. Nếu chính phủ Indonesia quốc hữu hóa hoặc tịch thu quyền sở hữu của nhà đầu tư, họ phải bồi thường theo giá trị thị trường.

Quy định của Tổng thống số 77/2020 về Chính phủ Sử dụng Bằng sáng chế và Quy định số 30/2019 của Bộ Luật và Nhân quyền (MLHR) và Quy định số 14/2021 của MLHR về Giấy phép Bắt buộc (CL) cho phép tịch thu quyền sở hữu bằng sáng chế trong những trường hợp được coi là vì lợi ích an ninh quốc gia hoặc do tình trạng khẩn cấp quốc gia. Quy định của Tổng thống số 77/2020 cho phép một cơ quan hoặc Bộ của Chính phủ Indonesia yêu cầu tịch thu, trong khi Quy định số 30/2019 của MLHR cho phép một cá nhân hoặc bên tư nhân yêu cầu CL. Chính phủ Indonesia đã ban hành Nghị định Tổng thống số 100 và số 101 vào tháng 11 năm 2021 công bố việc chính phủ sử dụng Bằng sáng chế Remdesivir và

Favipiravir để đảm bảo nguồn cung cấp thuốc COVID-19 mà chính phủ xác định là cần thiết.

Giải quyết tranh chấp

+ Công ước ICSID và Công ước New York
+ Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các quốc gia và công dân của các quốc gia khác (Công ước ICSID) có hiệu lực đối với Indonesia vào ngày 28 tháng 10 năm 1968. Indonesia đã tham gia Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài vào tháng 10 năm 1981.

Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước

Tại Indonesia, trọng tài được điều chỉnh bởi Luật trọng tài và giải quyết tranh chấp thay thế số 30 năm 1999. Tổng cộng có 1.229 vụ giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước dựa trên hiệp ước đã được ghi nhận tính đến tháng 7 năm 2022. Vụ việc gần đây nhất được ghi nhận vào năm 2016. Trong tổng số vụ việc, 310 vụ đã được giải quyết có lợi cho Nhà nước; 240 vụ có lợi cho nhà đầu tư; 22 vụ không có lợi cho bên nào; 167 vụ đã được giải quyết; 113 vụ đã bị đình chỉ. Các quốc gia quê hương của các nhà đầu tư bao gồm Úc, Ấn Độ, Hà Lan, Ả Rập Xê Út, Singapore và Vương quốc Anh.

Indonesia | Investment Dispute Settlement Navigator | Trung tâm chính sách đầu tư của UNCTAD

Trọng tài thương mại quốc tế và tòa án nước ngoài

Việc xử lý tranh chấp đầu tư vẫn còn hỗn tạp. Bộ luật pháp của Indonesia công nhận quyền của các bên trong việc áp dụng các quy tắc trọng tài đã thỏa thuận. Một số trọng tài, nhưng không phải tất cả, được xử lý bởi cơ quan trọng tài trong nước của Indonesia, Cơ quan trọng tài quốc gia Indonesia. Quy định số 1 năm 1990 của Tòa án tối cao về Thủ tục thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài là thẩm quyền đối với các phán quyết trọng tài quốc tế của Indonesia.

Mặc dù các công ty Hoa Kỳ đã báo cáo rằng việc kinh doanh tại Indonesia vẫn còn nhiều thách thức, nhưng không có mô hình rõ ràng hoặc hồ sơ đáng kể nào về các tranh chấp đầu tư liên quan đến các nhà đầu tư Hoa Kỳ hoặc các nhà đầu tư nước ngoài khác. Các công ty phàn nàn rằng hệ thống tòa án ở Indonesia hoạt động chậm chạp vì các phán quyết trọng tài

quốc tế, khi được thi hành, có thể mất nhiều năm từ khi phán quyết ban đầu đến khi thanh toán.

Luật phá sản

Bộ luật thương mại của Indonesia, dựa trên luật của Hà Lan thời thuộc địa, đã được cập nhật để bao gồm các điều khoản về phá sản, quyền sở hữu trí tuệ, thành lập và giải thể doanh nghiệp, ngân hàng và thị trường vốn. Việc áp dụng bộ luật thương mại, bao gồm các điều khoản về phá sản, vẫn chưa đồng đều; cộng đồng doanh nghiệp phản nản rằng điều này phần lớn là do tham nhũng và thiếu hụt đào tạo cho thẩm phán và luật sư.

Con nợ hoặc các chủ nợ của con nợ, bao gồm ngân hàng trung ương hoặc công tố viên, có thể nộp đơn xin phá sản. Trong nhiều trường hợp, con nợ nộp đơn xin hoãn thanh toán, cho phép con nợ có thời gian chuẩn bị kế hoạch giải quyết để đàm phán với các chủ nợ. Khi một số chủ nợ đủ điều kiện chấp thuận kế hoạch giải quyết, Tòa án thương mại sẽ ràng buộc các chủ nợ. Loại phán quyết ràng buộc của tòa án này có hiệu lực thi hành. Nếu con nợ từ chối tuân thủ, có thể yêu cầu cảnh sát hỗ trợ để yêu cầu bên thua kiện giải phóng tài sản của mình.

Ưu đãi đầu tư

Indonesia tìm cách tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư thông qua các ưu đãi về tài chính, ưu đãi phi tài chính và các lợi ích khác. Các ưu đãi về tài chính dưới hình thức miễn thuế, trợ cấp thuế và miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa vốn và nguyên liệu thô để đầu tư. Quy định của Tổng thống số 10/2021 về đầu tư thiết lập 245 lĩnh vực ưu tiên đủ điều kiện được hưởng ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác, chẳng hạn như cấp phép được tạo điều kiện và sử dụng đất, để khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực đó. Luật Tổng hợp về Tạo việc làm đưa ra nhiều ưu đãi về thuế, bao gồm xóa bỏ thuế thu nhập đối với cổ tức kiếm được ở Indonesia và đối với một số khoản thu nhập nhất định, bao gồm cả cổ tức kiếm được ở nước ngoài, nếu chúng được đầu tư vào Indonesia. Luật này cũng miễn thuế giá trị gia tăng (VAT) cho hàng chục loại hàng hóa và dịch vụ. (Lưu ý: Tòa án Hiến pháp yêu cầu chính phủ phải khắc phục những lo ngại về mặt pháp lý liên quan đến Luật Tổng hợp để luật vẫn có hiệu lực. Để ứng phó, vào tháng 12 năm 2022, chính phủ đã ban hành quy định Tạo việc làm thay cho luật hoặc Perppu số 2/2022, hiện đang chờ Quốc hội phê duyệt. Ghi chú

cuối.) Thuế nhập khẩu bằng 0 đối với xe điện chạy bằng pin chưa tháo rời hoàn toàn đã có hiệu lực vào ngày 22 tháng 2 năm 2022, theo Quy định số 13/2022 của MOF, nhằm mục đích biến Indonesia thành cơ sở sản xuất và trung tâm xuất khẩu xe cơ giới điện. Chính phủ

Indonesia sẽ bắt đầu cung cấp các ưu đãi để mua xe máy điện đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa 40% là 455 đô la vào ngày 20 tháng 3 (đối với 200.000 xe mới và 50.000 xe đã chuyển đổi). Chính phủ cũng được cho là đang chuẩn bị các ưu đãi để khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp năng lượng tái tạo và khai thác hạ nguồn như một phần của việc thực hiện Quy định 96/2021 của Chính phủ liên quan đến việc Thực hiện các hoạt động kinh doanh khai thác khoáng sản và than. Tuy nhiên, vẫn chưa có chính sách ban hành nào về các ưu đãi này.

Để ứng phó với nhu cầu tăng cao và cải thiện sản xuất trong nước về thiết bị và vật tư y tế trong bối cảnh đại dịch COVID-19, chính phủ đã thông qua Quy định số 86/2020 của BKPM, đơn giản hóa các yêu cầu cấp phép cho các nhà sản xuất dược phẩm và thiết bị y tế.

Bộ Y tế cũng đẩy nhanh việc đăng ký và chứng nhận sản phẩm cho các thiết bị y tế và vật tư y tế gia dụng. Hơn nữa, Bộ Thương mại đã ban hành Quy định số 28/2020 để nói lỏng các yêu cầu nhập khẩu đối với một số sản phẩm liên quan đến y tế.

Bộ Tài chính (MOF) đã ban hành Quy định số 92/2021, được sửa đổi bởi Quy định số 164/2022 của MOF, nhằm đẩy nhanh việc cung cấp các cơ sở tài chính cho việc nhập khẩu hàng hóa cần thiết để xử lý COVID-19, chẳng hạn như oxy, bộ dụng cụ xét nghiệm và thuốc thử trong phòng thí nghiệm, truyền vi-rút, thuốc men, thiết bị y tế và thiết bị bảo vệ cá nhân; Quy định số 188/2020 đã miễn thuế nhập khẩu và thuế đối với việc nhập khẩu vắc-xin và hàng hóa COVID-19. Cơ quan Hải quan Indonesia cũng đã triển khai "chính sách xử lý nhanh" để đẩy nhanh quá trình nhập khẩu vắc-xin. Quy định 20/2021 của Bộ Tài chính và các sửa đổi của quy định này đã được ban hành để tăng doanh số bán xe cơ giới nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế sau đại dịch bằng cách điều chỉnh lại thuế bán hàng đối với hàng xa xỉ, cụ thể là xe cơ giới. Theo Quy định số 141/2021 của Bộ Tài chính, được sửa đổi bởi Quy định số 5/2022, Bộ Tài chính đã điều chỉnh lại thuế bán hàng đối với xe cơ giới hạng sang dựa trên mức hiệu suất và mức phát thải, nhằm mục đích giảm lượng khí thải từ xe cơ giới và khuyến khích sử dụng xe cơ giới tiết kiệm năng lượng và thân thiện

với môi trường. Vào tháng 10 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Quy định số 149/2022, miễn thuế nhập khẩu hàng hóa vật chất để gia công, lắp ráp hoặc lắp đặt trên các hàng hóa khác để xuất khẩu khỏi thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế bán hàng.

Khu vực ngoại thương/cảng tự do

Indonesia cung cấp nhiều ưu đãi cho các công ty trong và ngoài nước hoạt động tại các khu kinh tế và thương mại đặc biệt trên khắp Indonesia. Khu vực lớn nhất là các đảo khu thương mại tự do (FTZ) gồm Batam, Bintan và Karimun, nằm ngay phía nam Singapore. Luật Tổng hợp về Tạo việc làm và quy định thực hiện, Quy định của Chính phủ số 41/2021, đã củng cố và thống nhất ba hòn đảo (Batam, Bintan và Karimun) thành một FTZ tích hợp trong 25 năm tới để tạo ra một trung tâm hậu cần quốc tế hỗ trợ các ngành công nghiệp, thương mại, hàng hải và du lịch. Các nhà đầu tư vào FTZ được miễn thuế nhập khẩu, thuế thu nhập, thuế GTGT và thuế bán hàng đối với hàng hóa vốn, thiết bị và nguyên liệu thô nhập khẩu. Phí được đánh giá trên phần sản phẩm dành cho thị trường trong nước được "xuất khẩu" sang Indonesia, trong trường hợp đó, phí chỉ được tính cho phần đó. Các công ty nước ngoài được phép sở hữu tới 100% các công ty trong FTZ. Các công ty hoạt động trong FTZ có thể cho các nhà thầu phụ ở bên ngoài khu vực mượn máy móc và thiết bị trong 02 năm.

Indonesia cũng có nhiều Khu kinh tế đặc biệt (SEZ), được quản lý theo Luật số 39/2009, Quy định số 1/2020 của Chính phủ về quản lý SEZ và Quy định số 12/2020 của Chính phủ về các cơ sở SEZ đã được sửa đổi bởi Quy định số 40/2021 của Chính phủ. Những lợi ích này bao gồm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (tùy thuộc vào quy mô đầu tư), thuế xa xỉ, thuế hải quan và thuế tiêu thụ đặc biệt, và các quy trình hành chính nhanh chóng hoặc đơn giản hóa đối với hoạt động xuất nhập khẩu, việc làm cho người nước ngoài, nhập cư và cấp phép. Theo Luật Tổng hợp về Tạo việc làm, các khoản đầu tư khởi nghiệp công nghệ nước ngoài nằm trong SEZ được miễn ngưỡng đầu tư tối thiểu là 10 tỷ IDR (700.000 USD), không bao gồm đất đai và tòa nhà. Có các yêu cầu tối thiểu về chế biến xuất khẩu trong SEZ. Các hoạt động kinh doanh mới trong lĩnh vực giáo dục và y tế (mà dịch vụ cấp phép vẫn thuộc thẩm quyền của chính quyền trung ương) sẽ được phân bổ theo khu vực và do người quản lý SEZ quyết định. Luật đã dỡ bỏ giới hạn hàng hóa nhập khẩu vào SEZ nhưng

vẫn duy trì các hạn chế đối với một số hàng hóa bị cấm cụ thể trong các luật và quy định kèm theo. Luật cũng đưa ra các cơ sở thuế và ưu đãi mới cho người nộp thuế tại SEZ. Tính đến tháng 3 năm 2022, Indonesia đã xác định được mười hai SEZ tại các trung tâm sản xuất và du lịch đang hoạt động và sáu SEZ đang được xây dựng.

Luật pháp Indonesia cũng quy định một số loại khu vực khác được hưởng các lợi ích đặc biệt về thuế và hành chính. Trong số đó có Khu công nghiệp/Khu công nghiệp (Kawasan Industri), khu vực kho bãi liên kết (Tempat Penimbunan Berikat) và Khu phát triển kinh tế tích hợp (Kawasan Pengembangan Ekonomi Terpadu). Indonesia là nơi có 135 khu công nghiệp, nơi có hàng nghìn công ty sản xuất và công nghiệp. Quy định số 105/2016 của Bộ Tài chính cung cấp một số ưu đãi về thuế và hải quan khác nhau dành cho các công ty hoạt động ngoài khu công nghiệp, bao gồm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, trợ cấp thuế, miễn thuế VAT và miễn thuế nhập khẩu, tùy thuộc vào loại khu công nghiệp. Khu vực kho bãi liên kết bao gồm kho bãi liên kết, khu vực liên kết, không gian triển lãm liên kết, cửa hàng miễn thuế, địa điểm đấu giá liên kết, khu vực tái chế liên kết và trung tâm hậu cần liên kết. Các công ty hoạt động tại các khu vực này được hưởng các ưu đãi dưới hình thức miễn một số loại thuế nhập khẩu, thuế hàng xa xỉ và thuế giá trị gia tăng, dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau cho từng loại địa điểm. Gần đây nhất, các trung tâm hậu cần liên kết (BLC) đã được đưa vào hoạt động để cho phép lưu trữ nhiều hàng hóa hơn, lưu trữ tạm thời lâu hơn (lên đến ba năm) và nhiều hoạt động hơn trong một khu vực duy nhất. Bộ Tài chính đã ban hành Quy định số 28/2018, cung cấp hướng dẫn bổ sung về các loại BLC và rút ngắn thời gian phê duyệt cho các đơn xin cấp BLC. Đến tháng 10 năm 2019, Indonesia đã chỉ định 106 BLC tại 159 địa điểm, với kế hoạch phê duyệt nhiều hơn ở miền đông Indonesia. Năm 2021, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt (DGCE) đã cập nhật các quy định (Quy định số 65/2021 của Bộ Tài chính, được cập nhật một phần bởi Quy định số 168/2022 của Bộ Tài chính và Quy định số 9/2021 của DGCE) để hợp lý hóa quy trình cấp phép cho các khu vực liên kết. Các quy định này nhằm mục đích giảm thời gian xử lý và số lượng giấy phép cần thiết để mở một khu vực liên kết.

Các lô hàng từ FTZ và SEZ đến các nơi khác trong khu vực hải quan Indonesia được xử lý tương tự như xuất khẩu và phải chịu thuế và nghĩa vụ. Các khu bảo thuế có hạn ngạch bán hàng trong nước là 50% số tiền thực hiện ban đầu đối với xuất khẩu, bán hàng cho các khu

bảo thuế khác, bán hàng cho FTZ và bán hàng cho các khu vực kinh tế khác (trừ khi được chính phủ Indonesia cho phép). Việc bán hàng cho các khu vực kinh tế đặc biệt khác chỉ được phép để chế biến thêm thành hàng hóa vốn và cho các công ty có giấy phép từ đơn vị tổ chức khu vực kinh tế đối với hàng hóa có liên quan đến hoạt động kinh doanh của họ.

Yêu cầu sản xuất hướng về nội địa

Indonesia mong muốn các nhà đầu tư nước ngoài đóng góp vào việc đào tạo và phát triển công dân Indonesia, cho phép chuyển giao các kỹ năng và công nghệ cần thiết để họ có thể tham gia hiệu quả vào hoạt động quản lý của các công ty nước ngoài. Nhìn chung, một công ty chỉ có thể thuê người nước ngoài cho các vị trí mà chính phủ cho là mở cửa cho người không phải là người Indonesia. Người sử dụng lao động phải có các chương trình đào tạo nhằm thay thế lao động nước ngoài bằng người Indonesia. Nếu một doanh nghiệp đầu tư trực tiếp muốn tuyển dụng người nước ngoài, doanh nghiệp đó phải nộp Kế hoạch bố trí lao động nước ngoài (RPTKA) cho Bộ Nhân lực.

Indonesia đã thực hiện những thay đổi đáng kể đối với các quy định về lao động nước ngoài vào năm 2021. Quy định số 34/2021 của Chính phủ, một quy định thực hiện Luật Tổng hợp về Tạo việc làm, về việc sử dụng lao động nước ngoài quy định các tài liệu cụ thể cần thiết cho RPTKA và giới thiệu các loại RPTKA khác nhau cho việc làm tạm thời (ví dụ: sản xuất phim, kiểm toán, kiểm soát chất lượng, kiểm tra và lắp đặt máy móc) dưới sáu tháng, việc làm không yêu cầu thanh toán cho Quỹ Bồi thường sử dụng lao động nước ngoài (DKPTKA) và việc làm tại các Khu kinh tế đặc biệt. Theo quy định, RPTKA không bắt buộc đối với các ủy viên hoặc giám đốc điều hành. Người nước ngoài làm việc tại các công ty khởi nghiệp dựa trên công nghệ cũng được miễn yêu cầu RPTKA trong 03 tháng đầu. Người nước ngoài có thể sử dụng RPTKA được chứng thực để nộp đơn xin Thị thực lưu trú có giới hạn hoặc Thị thực thường trú bán vĩnh viễn (VITAS/VBS) với cơ quan di trú tại nơi cư trú. Người nước ngoài nhận được Giấy phép lưu trú có giới hạn (KITAS) và sổ xanh, có giá trị lên đến 02 năm và có thể gia hạn tối đa 02 lần mà không cần rời khỏi đất nước. Mặc dù không còn yêu cầu khuyến nghị kỹ thuật từ một bộ có liên quan, các bộ vẫn có thể thiết lập năng lực kỹ thuật hoặc trình độ chuyên môn cho một số công việc nhất định hoặc cấm sử dụng lao động nước ngoài cho các vị trí cụ thể, bằng cách thông báo và xin

phê duyệt từ Bộ Nhân lực. Người lao động nước ngoài có kế hoạch làm việc hơn 06 tháng tại Indonesia phải nộp đơn xin an sinh xã hội và/hoặc bảo hiểm của nhân viên.

Quy định số 34/2021 của Chính phủ nêu rõ các loại hình doanh nghiệp có thể tuyển dụng lao động nước ngoài, đặt ra các yêu cầu để có bảo hiểm y tế cho nhân viên người nước ngoài, yêu cầu các công ty chỉ định nhân viên "đồng hành" địa phương để chuyển giao

công nghệ và phát triển kỹ năng, và yêu cầu người sử dụng lao động tạo điều kiện đào tạo tiếng Indonesia cho người lao động nước ngoài. Bất kỳ người nước ngoài nào có giấy phép lao động và cư trú phải đóng góp 1.200 USD mỗi năm cho DKPTKA để đào tạo nhân lực địa phương tại các văn phòng nhân lực khu vực. Nghị định số 228/2019 của Bộ Nhân lực nêu chi tiết số lượng việc làm dành cho người lao động nước ngoài trong 18 lĩnh vực, từ xây dựng, vận tải, giáo dục, viễn thông và chuyên gia. Người lao động nước ngoài phải xin phép Bộ trưởng Nhân lực hoặc các quan chức được chỉ định để ứng tuyển vào các vị trí không được liệt kê trong nghị định. Một số công ty Hoa Kỳ báo cáo gặp khó khăn trong việc gia hạn KITAS (thẻ cư trú/ID) cho các giám đốc điều hành người nước ngoài của họ.

Indonesia đã thông báo với WTO về việc tuân thủ các Biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMS) vào ngày 26 tháng 8 năm 1998. Luật đầu tư năm 2007 quy định rằng Indonesia sẽ cung cấp cùng một chế độ đối xử cho cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến từ bất kỳ quốc gia nào. Theo các môi liên hệ kinh doanh trong ngành, chính phủ theo đuổi các chính sách thúc đẩy sản xuất trong nước có thể không phù hợp với các yêu cầu của TRIMS, chẳng hạn như liên kết phê duyệt nhập khẩu với cam kết đầu tư hoặc yêu cầu mục tiêu nội dung địa phương trong một số lĩnh vực.

Năm 2019, Indonesia đã ban hành Quy định số 71/2019 của Chính phủ để thay thế Quy định số 82/2012, được nêu chi tiết hơn trong Quy định số 5/2020 của Bộ Truyền thông và Công nghệ thông tin (MCIT), phân loại các nhà khai thác hệ thống điện tử (ESO) thành hai loại: công và tư. ESO công là một tổ chức nhà nước hoặc một tổ chức được một tổ chức nhà nước chỉ định nhưng không phải là cơ quan quản lý hoặc cơ quan giám sát của ngành tài chính. ESO tư là các cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng vận hành các hệ thống điện tử. Các ESO công phải quản lý, xử lý và lưu trữ dữ liệu của họ tại Indonesia, trừ khi công nghệ lưu trữ không khả dụng tại địa phương. Các ESO tư nhân có tùy chọn chọn nơi họ sẽ quản lý, xử lý và lưu trữ dữ liệu của mình. Tuy nhiên, nếu các ESO tư nhân quyết định xử

lý dữ liệu bên ngoài Indonesia, họ phải cung cấp quyền truy cập vào hệ thống và dữ liệu của mình cho mục đích giám sát của chính phủ và thực thi pháp luật. Đối với các ESO thuộc khu vực tài chính tư nhân, Quy định 71/2019 của Chính phủ quy định rằng các công ty như vậy phải được các cơ quan giám sát khu vực tài chính của Indonesia "quản lý chặt chẽ hơn" liên quan đến hệ thống ESO, xử lý dữ liệu và lưu trữ dữ liệu của khu vực tư nhân. Quy định

10/2021 yêu cầu các ESO thuộc khu vực tư nhân, bao gồm cả những ESO cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, phải đăng ký trước ngày 20 tháng 7 năm 2022 hoặc sẽ bị MCIT chặn. Việc không tuân thủ lệnh gỡ bỏ của chính phủ đối với một danh mục có khả năng rộng là "thông tin điện tử bị cấm" cũng có thể dẫn đến việc chặn. Ngành công nghiệp đã lên tiếng lo ngại về sự không rõ ràng của các phân loại nội dung sẽ nằm trong nội dung bị cấm và thiếu khả năng kháng cáo. Họ tiếp tục bày tỏ mối quan ngại về cơ chế xét xử và thời gian xử lý hạn chế đối với các ESO để phản hồi yêu cầu gỡ bỏ của MCIT. MCIT có kế hoạch sử dụng quy định này làm tài liệu tham khảo chính để áp dụng các biện pháp trừng phạt hành chính sẽ được điều chỉnh theo Dự thảo Quy định của Chính phủ về Doanh thu Nhà nước phi thuế (RPP PNBP). MCIT cũng đã ban hành Quy định 13/2021 vào tháng 10, yêu cầu tối thiểu 35 phần trăm yêu cầu về nội dung cục bộ (LCR) đối với các thiết bị 4G và 5G được phân phối và sử dụng tại Indonesia bắt đầu từ giữa tháng 4 năm 2022. Trước đó, con số này là 30%.

Ngoài ra, để thực hiện Quy định 71/2019 của Chính phủ, OJK đã ban hành Quy định số 13/2020 có hiệu lực từ ngày 31 tháng 3 năm 2020. Đây là sửa đổi đối với Quy định số 38/2016, cho phép các ngân hàng vận hành hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và trung tâm phục hồi sau thảm họa của họ bên ngoài Indonesia, với điều kiện hệ thống nhận được sự chấp thuận từ OJK. OJK đã ban hành Quy định 4/2021, được sửa đổi bởi quy định số 11/2022 của OJK có hiệu lực từ tháng 7 năm 2022, cho phép một số dữ liệu của tổ chức tài chính phi ngân hàng được chuyển và lưu trữ bên ngoài Indonesia, tùy thuộc vào sự chấp thuận của OJK. Trừ khi được OJK chấp thuận, các trung tâm dữ liệu và trung tâm phục hồi sau thảm họa phải ở Indonesia. Dữ liệu ngân hàng cốt lõi và hệ thống cốt lõi của một số tổ chức tài chính phi ngân hàng cũng phải được lưu trữ trong nước/trong Indonesia. OJK sẽ đánh giá liệu các thỏa thuận dữ liệu ở nước ngoài có làm giảm hiệu quả giám sát của mình

hay ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu suất của ngân hàng hay không và liệu trung tâm dữ liệu có tuân thủ luật pháp và quy định của Indonesia hay không. Dữ liệu có thể được sao chép hoặc đặt trong các hệ thống ở nước ngoài, tùy thuộc vào sự chấp thuận của OJK, chẳng hạn như để phân tích tích hợp toàn cầu, phân tích quản lý rủi ro toàn cầu với trụ sở chính và phân tích chống rửa tiền và tài trợ khủng bố tích hợp.

Quyền sở hữu đất đai.

Luật Nông nghiệp cơ bản của Indonesia năm 1960, cơ quan luật chủ yếu quản lý quyền sở hữu đất đai, công nhận quyền sở hữu tư nhân và cung cấp các mức độ khác nhau về quyền sở hữu đất đai cho công dân Indonesia, công dân nước ngoài, các tập đoàn Indonesia, các tập đoàn nước ngoài và các pháp nhân khác. Hiến pháp năm 1945 của Indonesia quy định rằng tất cả các nguồn tài nguyên thiên nhiên đều do chính phủ sở hữu vì lợi ích của người dân. Nguyên tắc này được tăng cường thông qua việc thông qua Luật Thu hồi đất số 2/2012, được sửa đổi bởi Luật Tổng hợp về Tạo việc làm (Luật số 11/2020), trong đó ghi nhận khái niệm về quyền chiếm dụng đất đai và thiết lập các cơ chế để bồi thường và kháng cáo theo giá trị thị trường hợp lý. Cơ quan Đất đai Quốc gia đăng ký tài sản theo Quy định số 18/2021 của Chính phủ, mặc dù Bộ Môi trường và Lâm nghiệp (KLHK) quản lý tất cả "đất rừng". Quy định này đã đưa ra hình thức đăng ký điện tử để cắt giảm thủ tục hành chính và giảm thiểu tranh chấp đất đai. Đăng ký không phải là bằng chứng xác đáng về quyền sở hữu, mà là bằng chứng mạnh mẽ về quyền sở hữu đó. Luật này cho phép người nước ngoài cư trú tại Indonesia có nhà ở gắn liền với đất theo quy chế "quyền sử dụng" trong tối đa 30 năm, có thể gia hạn thêm tối đa 20 năm, cũng như quy chế "quyền sở hữu" đối với các căn hộ nằm trong các khu kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do và khu công nghiệp. Luật Tổng hợp về Tạo việc làm nhằm mục đích giảm bớt sự không chắc chắn xung quanh vai trò của chính quyền trung ương và địa phương, bao gồm cả quy hoạch không gian và đánh giá tác động môi trường và xã hội (AMDAL), bằng cách đơn giản hóa quy trình cấp phép thông qua việc triển khai phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro. Luật Tổng hợp cũng tạo ra một ngân hàng đất đai để tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua lại đất đai cho các dự án đầu tư ưu tiên.

Theo những người dân phải di dời, việc thiếu quyền sở hữu đất đai rõ ràng đã tác động đến Indonesia trong nhiều thập kỷ, mặc dù Luật Thu hồi đất số 2/2012 bao gồm các cơ chế pháp lý được thiết kế để giải quyết một số vấn đề về quyền sở hữu đất đai trong quá khứ. Luật Tổng hợp về Tạo việc làm cũng tạo ra một ngân hàng đất đai để tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua lại đất đai cho các dự án đầu tư ưu tiên. Vào tháng 1 năm 2022, Tổng thống Jokowi đã thành lập một lực lượng đặc nhiệm để xây dựng chính sách sử dụng đất và tiến hành lập bản đồ sử dụng đất cho các hoạt động khai khoáng, trồng trọt và lâm nghiệp,

đồng thời đưa ra khuyến nghị cho Bộ Đầu tư về việc thu hồi các giấy phép đất không được sử dụng.

Quyền sở hữu trí tuệ.

Indonesia vẫn nằm trong danh sách theo dõi ưu tiên trong Báo cáo đặc biệt 301 của Đại diện thương mại Hoa Kỳ (USTR) do thiếu sự bảo vệ và thực thi IP đầy đủ và hiệu quả. Theo Báo cáo đặc biệt của USTR, luật bằng sáng chế của Indonesia tiếp tục gây ra những lo ngại nghiêm trọng, bao gồm tiêu chí cấp bằng sáng chế và cấp phép bắt buộc. Indonesia đang sửa đổi Luật bằng sáng chế, ngoài sửa đổi được thực hiện thông qua Luật Omnibus và hy vọng quá trình thảo luận sửa đổi sẽ bắt đầu vào năm 2023. Theo các chuyên gia trong ngành, nạn làm giả và vi phạm bản quyền đang tràn lan, việc thực thi IP vẫn còn mong manh và vẫn tiếp tục có những hạn chế về tiếp cận thị trường đối với các ngành công nghiệp thâm dụng IP. Theo các bên liên quan của Hoa Kỳ, việc Indonesia không bảo vệ được sở hữu trí tuệ và thực thi luật về quyền sở hữu trí tuệ đã dẫn đến tình trạng vi phạm bản quyền trực tuyến và trực tiếp ở mức cao. Trong những năm gần đây, các hiệp hội ngành công nghiệp địa phương đã báo cáo về một lượng lớn phim, nhạc và phần mềm vi phạm bản quyền đang lưu hành tại Indonesia, gây ra thiệt hại có khả năng lên tới hàng tỷ đô la. Các thị trường vật lý của Indonesia, chẳng hạn như Chợ Mangga Dua và các thị trường trực tuyến Tokopedia và Bukalapak, đã được đưa vào Danh sách các thị trường khét tiếng của USTR vào năm 2022.

Luật Tổng hợp về Tạo việc làm đã sửa đổi các điều khoản chính trong Luật Sáng chế số 13/2016 và Luật Nhãn hiệu và Chỉ dẫn Địa lý số 20/2016. Trong khi các sửa đổi của Luật Sáng chế yêu cầu chủ sở hữu bằng sáng chế phải thực hiện sáng chế đã được cấp bằng sáng chế của mình tại địa phương trong vòng 36 tháng sau khi bằng sáng chế được cấp, thì các

sửa đổi mới cung cấp sự linh hoạt cho chủ sở hữu SHTT để đáp ứng các yêu cầu "làm việc" tại địa phương. Luật mới cũng bãi bỏ một điều khoản yêu cầu chủ sở hữu bằng sáng chế phải hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đầu tư và tuyển dụng trong sản xuất tại địa phương như một điều kiện để được bảo hộ bằng sáng chế. Luật này rút ngắn thời gian xử lý các đơn xin cấp bằng sáng chế đơn giản từ 12 tháng xuống còn 6 tháng.

Vào tháng 1 năm 2020, Indonesia đã phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh thông qua Quy định của Tổng thống số 1/2020 để tạo điều kiện tiếp cận các công trình công cộng cho những

người mù, khiếm thị hoặc không có khả năng đọc in. Indonesia cũng đã phê chuẩn Hiệp ước Bắc Kinh về bảo hộ SHTT đối với các buổi biểu diễn nghe nhìn để bảo vệ diễn viên thông qua Quy định của Tổng thống số 21/2020 và Hiệp ước Budapest về Công nhận quốc tế đối với việc Nộp lưu vi sinh vật cho Mục đích của Thủ tục cấp bằng sáng chế thông qua Quy định của Tổng thống số 44 năm 2022. Indonesia đã nộp văn bản gia nhập Nghị định thư Madrid lên Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) vào năm 2017 và ban hành các quy định thực hiện vào năm 2018. Theo các quy tắc mới, người nộp đơn mong muốn được bảo hộ nhãn hiệu quốc tế theo Nghị định thư Madrid phải đăng ký đơn của mình với DGIP và là công dân Indonesia, có hộ khẩu thường trú tại Indonesia hoặc có lợi ích công nghiệp hoặc thương mại rõ ràng tại Indonesia. Mặc dù Luật Nhãn hiệu năm 2016 đã mở rộng việc công nhận các nhãn hiệu phi truyền thống, Indonesia vẫn chưa công nhận các nhãn hiệu chứng nhận. Để giải quyết mối lo ngại của các bên liên quan về việc thiếu nhất quán trong việc xử lý các nhãn hiệu nổi tiếng quốc tế, Tòa án Tối cao đã ban hành Thông tư số 1/2017, trong đó khuyến cáo các thẩm phán Indonesia công nhận các khiếu nại hủy bỏ đối với các nhãn hiệu quốc tế nổi tiếng mà không có quy định về thời hạn.

Quy định số 6/2019 của Bộ Tài chính (MOF) trao cho Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt (DGCE) thẩm quyền pháp lý để giữ các lô hàng được cho là chứa hàng giả trong tối đa hai ngày, chờ kiểm tra. Theo Quy định số 6/2019, chủ sở hữu quyền được DGCE thông báo (thông qua hệ thống ghi chép) khi một lô hàng đến bị nghi ngờ chứa các sản phẩm vi phạm. Nếu quá trình kiểm tra phát hiện ra hành vi vi phạm, chủ sở hữu quyền có bốn ngày để nộp đơn xin lệnh của tòa án để yêu cầu đình chỉ lô hàng. Chủ sở hữu quyền phải cung cấp bảo lãnh bằng tiền có thể hoàn lại là 100 triệu IDR (6.600 USD) khi họ nộp đơn khiếu nại lên tòa án. Nếu tòa án đứng về phía chủ sở hữu quyền, thì bảo lãnh bằng tiền

sẽ được trả lại cho người nộp đơn. DGCE đã chặn ba lô hàng nhập khẩu bị nghi ngờ vi phạm vào năm 2022 bằng cách sử dụng hệ thống ghi chép này, vì chỉ có 22 nhãn hiệu được đăng ký trong hệ thống ghi chép. Bất chấp những lo ngại của các bên liên quan trong doanh nghiệp, Chính phủ Indonesia vẫn giữ nguyên yêu cầu rằng chỉ những công ty có văn phòng đặt tại Indonesia mới được sử dụng hệ thống ghi chép.

Luật về nhãn hiệu, sáng chế và bản quyền yêu cầu phải có khiếu nại của chủ sở hữu quyền để điều tra. Các điều tra viên của DGIP và BPOM không có thẩm quyền bắt giữ nên phải

dựa vào sự hợp tác của cảnh sát để thực thi. DGIP đã thành lập Lực lượng đặc nhiệm thực thi SHTT vào cuối năm 2021, bao gồm DGIP, Cơ quan điều tra tội phạm chính sách quốc gia Indonesia (INP), DGCE, MCIT và BPOM. Lực lượng đặc nhiệm tập trung vào thực thi SHTT nhưng vẫn chưa hoạt động hết công suất. Cần thêm thời gian để đánh giá hiệu quả lâu dài của lực lượng này.

Để biết thêm thông tin về luật quốc gia và các điểm liên hệ tại các văn phòng SHTT địa phương, vui lòng xem hồ sơ quốc gia của WIPO tại <http://www.wipo.int/directory/en/>.

Thị trường vốn và danh mục đầu tư chứng khoán.

Chỉ số Sàn giao dịch chứng khoán Indonesia (IDX) có 825 công ty niêm yết tính đến tháng 12 năm 2022 và ghi nhận mức vốn hóa thị trường cao nhất mọi thời đại là 633 tỷ USD (9.499 nghìn tỷ IDR). Trong sáu năm qua, số lượng công ty niêm yết đã tăng 53,6%, nhưng IDX bị chi phối bởi 50 công ty niêm yết hàng đầu, chiếm 71,5% vốn hóa thị trường. Có 59 đợt chào bán công khai lần đầu vào năm 2022 - nhiều hơn năm đợt so với năm 2021. Trong quý IV năm 2022, các thực thể trong nước chiếm 66% tổng số giao dịch cổ phiếu IDX.

Trái phiếu kho bạc chính phủ là loại trái phiếu thanh khoản nhất do Indonesia cung cấp. Trái phiếu doanh nghiệp kém thanh khoản hơn do công chúng ít biết đến sản phẩm và thị trường còn nông cạn. Chính phủ phát hành sukuk (trái phiếu kho bạc Hồi giáo) như một phần trong nỗ lực đa dạng hóa các công cụ nợ Hồi giáo và tăng tính thanh khoản của chúng. Công ty cũng đã phát hành trái phiếu Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) đầu tiên tại Đông Nam Á để tài trợ cho các dự án có lợi cho cộng đồng và môi trường. Trái phiếu SDG này được phát hành trên thị trường vốn toàn cầu, được tính bằng Euro và được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Singapore và Frankfurt. Vào tháng 9 năm 2022, chính phủ đã phát hành thành công trái phiếu toàn cầu theo định dạng đã đăng ký trên kệ của

SEC, trở thành quốc gia châu Á đầu tiên phát hành trái phiếu toàn cầu trên thị trường Hoa Kỳ vào năm 2022. Xếp hạng tín nhiệm có chủ quyền của Indonesia vào tháng 12 năm 2022 được Fitch xếp hạng là BBB (cấp độ đầu tư) với triển vọng ổn định. Vào tháng 2 năm 2022, Moody's xếp hạng Indonesia ở mức Baa2 với triển vọng ổn định, trong khi Standard & Poor's xếp hạng Indonesia ở mức BBB với triển vọng ổn định vào tháng 4 năm 2022.

OJK bắt đầu giám sát thị trường vốn và các tổ chức phi ngân hàng vào năm 2013, thay thế cho Hội đồng giám sát thị trường vốn và tổ chức tài chính. Vào năm 2014, OJK cũng đảm

nhận vai trò giám sát của BI đối với các ngân hàng thương mại. Người nước ngoài có quyền tiếp cận thị trường vốn của Indonesia và là nguồn đầu tư danh mục đầu tư chính. Người nước ngoài nắm giữ 14,72% trái phiếu chính phủ vào tháng 12 năm 2022, giảm đáng kể so với mức 19,15% vào cuối năm 2021. Indonesia tôn trọng Điều VIII của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) bằng cách kiểm chế các hạn chế về thanh toán và chuyển tiền cho các giao dịch quốc tế hiện tại.

Hệ thống tiền tệ và ngân hàng

Mặc dù, theo các chuyên gia trong ngành tài chính, có một số lo ngại liên quan đến hoạt động của nhiều ngân hàng gia đình vừa và nhỏ, nhưng hệ thống ngân hàng được các chuyên gia trong ngành coi là lành mạnh, với các ngân hàng được hưởng một số biên độ lãi suất rộng rãi nhất trong khu vực. Tính đến tháng 11 năm 2022, các ngân hàng thương mại có tổng tài sản là 10.874,8 nghìn tỷ IDR (724,9 tỷ USD), với tỷ lệ đủ vốn vào tháng 12 năm 2022 là 25,68%. Các khoản vay tăng 11,3% vào năm 2022, một sự cải thiện đáng kể so với tốc độ tăng trưởng 5,24% vào năm 2021 và giảm 2,4 phần trăm vào năm 2020 do đại dịch COVID-19. Nợ xấu gộp (NPL) vào tháng 12 năm 2022 đã giảm xuống còn 2,44% từ 3% của năm trước. Tỷ lệ NPL đã được giảm bớt một phần thông qua chương trình tái cấu trúc khoản vay do OJK triển khai như một phần của nỗ lực phục hồi sau COVID-19.

Vào tháng 3 năm 2020, OJK đã ban hành chính sách tái cấu trúc tín dụng cho tất cả các con nợ có doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, chính sách này vẫn có hiệu lực cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2023. OJK đã ban hành các chính sách có mục tiêu để hỗ trợ các phân khúc, lĩnh vực, ngành và khu vực cụ thể yêu cầu thời gian nói lỏng tái cấu trúc bổ sung là một năm cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2024. Chính sách tái cấu trúc tín dụng COVID-19 tiếp tục xu hướng giảm vào tháng 12 năm 2022, với các khoản vay tái cấu trúc

được ghi nhận ở mức 31,2 tỷ USD (469,15 nghìn tỷ IDR), giảm so với tháng 12 năm 2021 là 44,2 tỷ USD (663,49 nghìn tỷ IDR). Hầu hết các khoản vay đã được tái cấu trúc bằng cách gia hạn thời hạn, hoãn thanh toán hoặc giảm lãi suất, giúp người vay tạm thời được giải tỏa thanh khoản. Các khoản vay có nguy cơ, thước đo rộng hơn về các khoản vay có khả năng gặp rắc rối so với tỷ lệ NPL, đã giảm từ 19,5% vào tháng 12 năm 2021 xuống còn 14,05% vào tháng 12 năm 2022.

Quy định số 56/03/2016 của OJK giới hạn quyền sở hữu ngân hàng không quá 40 % của

bất kỳ cổ đông nào, áp dụng cho các cổ đông trong nước và nước ngoài. Quy định này không áp dụng cho các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Indonesia. Các ngân hàng nước ngoài có thể thành lập các chi nhánh nếu ngân hàng nước ngoài được xếp hạng trong số 200 ngân hàng toàn cầu hàng đầu theo tài sản. OJK yêu cầu phải có giấy phép hoạt động đặc biệt để thành lập một chi nhánh nước ngoài. OJK đã cấp một ngoại lệ vào năm 2015 cho các ngân hàng nước ngoài mua hai ngân hàng nhỏ và sáp nhập chúng. Để thành lập một văn phòng đại diện, một ngân hàng nước ngoài phải được xếp hạng trong số 300 ngân hàng toàn cầu hàng đầu theo tài sản. Quy định số 12/POJK.03/2021 của OJK, được ban hành vào tháng 8 năm 2021, đã tăng giới hạn vốn chủ sở hữu nước ngoài đối với các ngân hàng thương mại lên 99%, tùy thuộc vào đánh giá và phê duyệt của OJK.

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, OJK đã ban hành Quy định số 12/POJK.03/2020 về hợp nhất ngân hàng thương mại. Quy định này nhằm mục đích tăng cường cơ cấu và khả năng cạnh tranh của ngành ngân hàng quốc gia bằng cách tăng vốn ngân hàng và khuyến khích hợp nhất các ngân hàng tại Indonesia. Quy định này đã tăng yêu cầu về vốn cốt lõi tối thiểu đối với các ngân hàng thương mại và yêu cầu về Tài sản duy trì tương đương vốn đối với các ngân hàng nước ngoài có chi nhánh lên ít nhất 3 nghìn tỷ IDR (209 triệu đô la Mỹ), đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Vào năm 2015, OJK đã nới lỏng các quy định cho phép người nước ngoài mở tài khoản ngân hàng tại Indonesia. Người nước ngoài có thể mở tài khoản ngân hàng với số dư từ 2.000-50.000 USD chỉ bằng hộ chiếu. Đối với các tài khoản lớn hơn 50.000 USD, người nước ngoài phải xuất trình một tài liệu hỗ trợ như thư giới thiệu từ một ngân hàng tại quốc gia gốc của người nước ngoài, địa chỉ cư trú tại địa phương, giấy tờ tùy thân của vợ/chồng, bản sao hợp đồng cư trú tại địa phương và/hoặc sao kê tín dụng/ghi nợ.

Quá trình số hóa ngày càng tăng của các dịch vụ ngân hàng, được thúc đẩy bởi các công nghệ thanh toán tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech), bổ sung cho lĩnh vực ngân hàng thông thường. Các công ty cho vay ngang hàng (P2P) và dịch vụ thanh toán điện tử đã phát triển nhanh chóng trong thập kỷ qua. Các nhà hoạch định chính sách của Indonesia hy vọng rằng các dịch vụ fintech này có thể tiếp cận được các nhóm dân số chưa được phục vụ hoặc chưa có dịch vụ ngân hàng và các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa

(MSME). Vào tháng 10 năm 2021, OJK đã đưa ra bản thiết kế chuyển đổi Ngân hàng số cung cấp tầm nhìn chính sách của cơ quan đối với ngân hàng số bao gồm 5 yếu tố:

- 1) Bảo vệ dữ liệu, chuyển giao và quản trị;
- 2) Quản trị công nghệ, kiến trúc, công nghệ mới nổi;
- 3) Quản lý rủi ro CNTT, gia công phần mềm và an ninh mạng;
- 4) Chia sẻ nền tảng và hợp tác của các tổ chức tài chính/phi tài chính;
- 5) Năng lực thể chế, văn hóa, lãnh đạo và quản lý nhân tài.

Quy định 77/2016 của OJK về cho vay ngang hàng (P2P) đưa ra nhiều hướng dẫn, nghĩa vụ và hạn chế khác nhau đối với các dịch vụ cho vay ngang hàng và tổ chức các nhà cung cấp dịch vụ cho vay ngang hàng. Quy định này giới hạn quyền sở hữu nước ngoài đối với các dịch vụ P2P ở mức 85% và yêu cầu phải bản địa hóa dữ liệu. Các nhà cung cấp dịch vụ tài chính phi ngân hàng có thể kinh doanh tại Indonesia dưới dạng liên doanh hoặc thuộc sở hữu một phần của các nhà đầu tư nước ngoài nhưng không được hoạt động tại Indonesia dưới dạng chi nhánh hoặc công ty con của một thực thể nước ngoài. Indonesia đã ban hành lệnh hoãn cấp giấy phép cho vay ngang hàng (P2P) vào tháng 10 năm 2021 để chống lại các nền tảng bất hợp pháp, nhưng OJK đã chỉ ra rằng họ có thể dỡ bỏ lệnh hoãn cấp giấy phép vào cuối năm 2023, sau khi phân tích sâu hơn. Theo Quy định 13/2018 của OJK, các công ty công nghệ tài chính phải đăng ký với OJK và triển khai hộp cát quản lý để thử nghiệm các dịch vụ và mô hình kinh doanh mới. Vào tháng 7 năm 2022, OJK đã ban hành quy định số 10/2022 để sửa đổi Quy định số 77/2016 và tăng yêu cầu về vốn tối thiểu của các công ty P2P lên 1,67 triệu USD (25 tỷ IDR). Mức trần sở hữu nước ngoài đối với các dịch vụ P2P vẫn ở mức 85%. Theo quy định mới, nếu quyền sở hữu nước ngoài vượt quá 25 phần trăm, công ty có thể bổ nhiệm công dân nước ngoài làm Giám đốc và Ủy viên,

nhưng chỉ một nửa số thành viên hội đồng quản trị có thể là công dân nước ngoài. Tính đến tháng 12 năm 2022, tổng số tiền cho vay fintech đã đạt 35,2 tỷ USD (528 nghìn tỷ IDR) trong tổng số tiền giải ngân cho vay kể từ đầu với 3,4 tỷ USD (51,12 nghìn tỷ IDR) chưa thanh toán và 102 công ty cho vay ngang hàng. Các giao dịch thanh toán bằng tiền điện tử vào năm 2022 đã tăng 30,84% so với cùng kỳ năm trước lên 26,6 tỷ USD (399,6 nghìn tỷ IDR). Giá trị của các giao dịch ngân hàng kỹ thuật số đã tăng 28,72% so với cùng kỳ năm trước lên 3,5 nghìn tỷ USD (52.545,8 nghìn tỷ IDR). Theo dữ liệu OJK mới nhất, được

công bố vào năm 2021, chỉ có 39% dân số sử dụng ngân hàng kỹ thuật số, do đó tiềm năng tăng trưởng đáng kể vẫn còn.

Vào ngày 15 tháng 12, Quốc hội Indonesia đã thông qua Luật Tổng hợp Phát triển và Tăng cường Khu vực Tài chính, sửa đổi 17 luật liên quan đến khu vực tài chính. Theo Bộ Tài chính, các mục tiêu của Luật Tổng hợp Tài chính bao gồm tăng cường và đào sâu lĩnh vực này (tạo điều kiện cho nguồn tài chính dài hạn, chi phí thấp hơn để thúc đẩy tăng trưởng), cập nhật luật để xem xét số hóa, bảo vệ người tiêu dùng và nhà đầu tư, đồng thời cải thiện sự phối hợp và ứng phó giữa các cơ quan đối với các ngân hàng gặp khó khăn.

Những thay đổi lớn được thực hiện theo Luật Tổng hợp Tài chính số 4/2023 bao gồm mở rộng nhiệm vụ của OJK để bao gồm giám sát tài sản kỹ thuật số, tài sản tiền điện tử, sản phẩm giao dịch carbon, một số loại hợp tác xã tiết kiệm và vốn đầu tư mạo hiểm, ngoài các ngân hàng, thị trường vốn, bảo hiểm, quỹ hưu trí và công nghệ tài chính (fintech). Luật cũng bao gồm các điều khoản về tài chính bền vững và thị trường carbon. Nhiệm vụ của Cơ quan Bảo lãnh Tiền gửi (LPS) được mở rộng để bảo lãnh một số loại hợp đồng bảo hiểm, hoàn trả cho người sở hữu hợp đồng bảo hiểm khi công ty bảo hiểm phá sản hoặc không trả được hợp đồng bảo hiểm, ngoài việc bảo lãnh tiền gửi ngân hàng. LPS sẽ thu tiền đóng góp từ các công ty bảo hiểm để trang trải chi phí.

Nhiệm vụ của Ngân hàng Indonesia (BI) được mở rộng để đóng góp vào sự ổn định của hệ thống tài chính nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. BI được phép mua trái phiếu chính phủ trên thị trường sơ cấp (trực tiếp từ chính phủ) khi Tổng thống tuyên bố khủng hoảng kinh tế. Ngoài ra, luật này còn cải tổ một và thành lập hai cơ quan giám sát mới để hỗ trợ quốc hội Indonesia giám sát hiệu quả hoạt động của BI, OJK và LPS. Luật Tổng hợp Tài chính đưa ra một số điều khoản của quy định của chính phủ có hiệu lực vĩnh viễn thay

cho Luật số 1 năm 2020 được áp dụng tạm thời trong thời gian đại dịch để tạo điều kiện tái cấu trúc nhanh chóng các ngân hàng gặp khó khăn; luật bao gồm các điều khoản khuyến khích tích lũy tiền tiết kiệm và quỹ hưu trí dài hạn để đầu tư; luật thiết lập hệ thống bù trừ đóng cho các sản phẩm phái sinh tài chính.

Luật Tổng hợp Tài chính mới cho phép Ngân hàng Indonesia tạo ra một loại tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương hoặc Rupiah kỹ thuật số trong tương lai và tăng cường chia sẻ dữ liệu giữa các thực thể của Ủy ban Ổn định Hệ thống Tài chính (KSSK), cụ thể là Bộ Tài

chính, BI, OJK và LPS. Ngân hàng Indonesia đã ban hành sách trắng về đồng rupiah kỹ thuật số vào cuối năm 2022 và công bố một tài liệu tham vấn vào tháng 1 để cung cấp tổng quan về thiết kế đồng rupiah kỹ thuật số cho giai đoạn phát triển đầu tiên, trong đó có xem xét các thông lệ tốt nhất từ một số quốc gia về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương bán buôn.

Ngoại hối và kiều hối

Rupiah (IDR), loại tiền tệ địa phương, có thể chuyển đổi tự do. Hiện tại, các ngân hàng phải báo cáo tất cả các giao dịch ngoại hối và nghĩa vụ nước ngoài cho ngân hàng trung ương, Ngân hàng Indonesia (BI). Đối với hoạt động chuyển tiền thực tế, bất kỳ cá nhân nào mang tiền giấy rupiah vào hoặc ra khỏi Indonesia với số tiền từ 100 triệu IDR (6.600 USD) trở lên hoặc số tiền tương đương bằng loại tiền tệ khác, phải báo cáo số tiền đó cho Tổng cục Hải quan và Thuế tiêu thụ đặc biệt (DGCE). Việc mang hơn 100 triệu IDR ra khỏi Indonesia bằng tiền mặt phải được BI chấp thuận trước. Giới hạn đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào mang tiền giấy ngoại tệ vào hoặc ra khỏi Indonesia là tương đương 1 tỷ IDR (66.000 USD). Các ngân hàng, thay mặt cho chính mình hoặc cho khách hàng, có thể thực hiện các giao dịch phái sinh liên quan đến các phái sinh về tỷ giá hối đoái ngoại tệ, lãi suất và/hoặc kết hợp các yếu tố này. BI yêu cầu người đi vay thực hiện khoản vay ngoại tệ của mình thông qua các ngân hàng trong nước đã đăng ký với BI. Các quy định áp dụng cho việc vay bằng tiền mặt, các thỏa thuận cho vay không luân chuyển và chứng khoán nợ. Theo Luật Đầu tư năm 2007, Indonesia đảm bảo cho các nhà đầu tư liên quan đến việc chuyển và hồi hương các khoản tiền bằng ngoại tệ về: vốn, lợi nhuận, lãi suất, cổ tức và các khoản thu nhập khác; các khoản tiền cần thiết để:

(i) Mua nguyên liệu thô, hàng hóa trung gian hoặc hàng hóa cuối cùng;

(ii) thay thế hàng hóa vốn để tiếp tục hoạt động kinh doanh; các khoản tiền bổ sung cần thiết cho đầu tư; các khoản tiền để trả nợ; tiền bản quyền; thu nhập của các cá nhân nước ngoài làm việc trong khoản đầu tư; thu nhập từ việc bán hoặc thanh lý công ty được đầu tư; bồi thường thiệt hại; và bồi thường cho việc tịch thu.

Ngân hàng Indonesia đã ban hành quy định số 24/18/PBI/2022 vào tháng 11 năm 2022 về thu nhập xuất khẩu ngoại tệ và thanh toán ngoại tệ cho hàng nhập khẩu, nhằm hỗ trợ việc thực hiện chính sách tiền tệ của BI trong việc tăng cường ổn định tỷ giá hối đoái thông qua

thu nhập xuất khẩu ngoại tệ, đặc biệt là từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên được đưa vào thị trường tài chính trong nước. BI đã làm việc với các ngân hàng để cung cấp các tùy chọn đặt cọc dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất cạnh tranh bắt đầu từ ngày 1 tháng 3 năm 2023, nhằm khuyến khích hồi hương thu nhập từ xuất khẩu. Chính phủ đang thảo luận các quy định bổ sung có thể yêu cầu hồi hương thu nhập từ xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên trong một thời gian tạm thời để tăng dự trữ ngoại hối.

Năm 2015, chính phủ đã công bố một quy định yêu cầu sử dụng đồng rupiah trong các giao dịch trong nước. Trong khi các giao dịch xuất nhập khẩu vẫn có thể sử dụng ngoại tệ, thì các giao dịch của nhà nhập khẩu với nhà phân phối Indonesia của họ phải sử dụng đồng rupiah. Ngân hàng trung ương có thể cấp cho một công ty quyền nhận thanh toán bằng ngoại tệ khi nộp đơn và trong trường hợp công ty đã đầu tư vào một ngành công nghiệp chiến lược.

Ngân hàng Indonesia đã ban hành Quy định số 22/12/PBI/2020 vào ngày 27 tháng 8 năm 2020, liên quan đến việc thanh toán các giao dịch song phương bằng tiền tệ địa phương thông qua các ngân hàng. Thanh toán bằng tiền tệ địa phương (LCS) là việc thanh toán giao dịch song phương giữa hai quốc gia, được thực hiện bằng loại tiền tệ tương ứng của mỗi quốc gia nơi thanh toán được thực hiện trong phạm vi quyền hạn của họ. Các đại lý tiền tệ chéo được chỉ định tạo điều kiện cho việc triển khai LCS. Sáng kiến này nhằm mục đích giảm sự thống trị của đồng đô la Mỹ trong các giao dịch song phương giữa Indonesia và các quốc gia khác, giảm sự phụ thuộc vào đồng USD và giảm mức độ dễ bị tổn thương của nền kinh tế Indonesia trước các cú sốc toàn cầu. LCS đã được triển khai với Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia và Thái Lan. Tổng số giao dịch LCS vào năm 2022 đạt 3,8 tỷ USD. Tỷ lệ giao dịch sử dụng chương trình LCS này đã đạt khoảng 3% - 4% tổng số giao

dịch thương mại tại mỗi quốc gia này. BI sẽ mở rộng hợp tác LCS với Ấn Độ và Hàn Quốc trong tương lai gần.

Chính sách chuyển tiền

Chính phủ không đặt ra bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn thời gian nào đối với việc chuyển tiền đầu tư. Tuy nhiên, có một số yêu cầu báo cáo nhất định. Các ngân hàng nên áp dụng các nguyên tắc Biết khách hàng của bạn (KYC) để xác định cẩn thận hồ sơ khách hàng để khớp với các giao dịch. Indonesia không tham gia vào hoạt động thao túng tiền tệ.

Tính đến năm 2015, Indonesia không còn phải tuân theo quy trình giám sát của Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính liên chính phủ (FATF) theo quy trình tuân thủ Chống rửa tiền và Chống tài trợ khủng bố (AML/CTF) toàn cầu đang diễn ra của mình. Indonesia tiếp tục hợp tác với Nhóm Châu Á/Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) để tăng cường hơn nữa chế độ AML/CTF của mình. Năm 2018, Indonesia đã được FATF cấp quy chế quan sát viên và đang tìm cách trở thành thành viên chính thức của FATF.

Quỹ đầu tư quốc gia

Cơ quan đầu tư Indonesia (INA), còn được gọi là quỹ đầu tư quốc gia, được thành lập hợp pháp theo Luật tổng hợp về tạo việc làm năm 2020. Hội đồng giám sát và ban giám đốc của INA được lựa chọn thông qua các quy trình cạnh tranh và được công bố vào tháng 1 và tháng 2 năm 2021. Chính phủ ban đầu đã cấp vốn cho INA 2 tỷ USD thông qua các khoản tiền từ ngân sách nhà nước và bổ sung thêm 4,04 tỷ USD từ ngân sách nhà nước vào tháng 10 năm 2021. INA đặt mục tiêu thu hút vốn chủ sở hữu nước ngoài và đầu tư số vốn đó vào các tài sản dài hạn của Indonesia để cải thiện giá trị tài sản thông qua việc tăng cường quản lý.

Trong năm 2022, INA đã thiết lập quan hệ hợp tác đầu tư với các doanh nghiệp nhà nước của Indonesia là Hutama Karya và Waskita Karya vào ngày 14 tháng 4 để đẩy nhanh việc xây dựng các tuyến đường thu phí xuyên Sumatera và Java, sau đó ký một thỏa thuận khung đầu tư vào ngày 4 tháng 7 với Quỹ Con đường tơ lụa của Trung Quốc để cùng đầu tư vào Indonesia. Biên bản ghi nhớ với đơn vị điều hành cảng SOE Pelindo để biến Cảng Belawan thành cửa ngõ của Indonesia tại eo biển Malacca đã được ký kết vào ngày 25 tháng 8. BlackRock, INA, Allianz Global Investors và Orion Capital Asia đã cung cấp tài chính cho nền tảng du lịch trực tuyến Traveloka vào ngày 29 tháng 9. INA, CATL và

CMBI đã thành lập một quỹ xanh tập trung vào đầu tư chuỗi giá trị xe điện toàn diện vào ngày 14 tháng 11 và ký ba thỏa thuận để đóng cửa sớm các nhà máy điện chạy bằng than, như một cam kết đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng tại Indonesia. INA đã ký kết quan hệ đối tác chiến lược với các SOE được phẩm và Quỹ Con đường tơ lụa vào ngày 29 tháng 11 để cải thiện các dịch vụ y tế của Indonesia. Quỹ đầu tư cho các nước đang phát triển và INA đã ký một thỏa thuận khung đầu tư vào ngày 6 tháng 12 năm 2022 để thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh và phát triển xã hội toàn diện tại Indonesia. Năm 2023, vào ngày

23 tháng 2, INA và Silk Road Fund SRF chính thức trở thành nhà đầu tư chiến lược của Soes PT Kimia Farma Tbk (KAEF) và PT Kimia Farma Apotek (KFA) bằng cách đăng ký mua quyền phát hành trái phiếu chuyển đổi bắt buộc (MCB) của KAEF và mua 40% cổ phần tại công ty con KFA.

Doanh nghiệp nhà nước

Tính đến tháng 12 năm 2019, Indonesia có 114 doanh nghiệp nhà nước (SOE) và 28 công ty con được chia thành 12 lĩnh vực. Tính đến tháng 1 năm 2023, các SOE đó đã được sáp nhập thành 41 SOE được chia thành 12 lĩnh vực và một số ít SOE đã bị thanh lý do không hiệu quả. Tính đến tháng 12 năm 2022, 27 SOE đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Indonesia. Bốn công ty con của SOE có kế hoạch thực hiện IPO vào năm 2023, cụ thể là PT Pertamina Geothermal Energy (PGE), PT Pertamina Hulu Energi (PHE), Palm Co và PT Pupuk Kalimantan Timur (PKT). Các SOE nắm giữ khoảng 600 tỷ USD tài sản, tương đương 56% GDP và đóng góp khoảng 14 phần trăm doanh thu của chính phủ.

Năm 2017, Indonesia đã công bố thành lập một công ty mẹ khai thác mỏ, PT Inalum. Vào năm 2020, ba ngân hàng sharia do nhà nước sở hữu đã được sáp nhập. Vào tháng 1 năm 2022, Bộ trưởng Bộ Doanh nghiệp nhà nước, Erick Thohir, tuyên bố rằng tổng cộng sẽ có chín công ty mẹ của doanh nghiệp nhà nước được thành lập vào năm 2024, bao gồm dược phẩm, bảo hiểm, dịch vụ khảo sát, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất, công ty mẹ của quốc phòng, ngành truyền thông, dịch vụ cảng và công ty mẹ của dịch vụ vận tải và du lịch.

Một số công ty mẹ này đã được thành lập, bao gồm công ty mẹ dược phẩm (do PT Bio Farma đứng đầu, thành lập vào đầu năm 2020), công ty mẹ pin Indonesia (thành lập vào ngày 26 tháng 3 năm 2021), công ty mẹ dịch vụ cảng (do PT Pelindo I sáp nhập vào

Pelindo IV, thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2021), Tập đoàn tài chính Indonesia (IFG) là công ty mẹ bảo hiểm được thành lập vào tháng 10 năm 2020, công ty mẹ của các khách sạn nhà nước (Wika là công ty mẹ của công ty mẹ, thành lập vào tháng 12 năm 2020), Ultra Micro Holding (BRI, Pegadaian và PNM, thành lập vào ngày 13 tháng 9 năm 2021), công ty mẹ của các dịch vụ khảo sát do Biro Klasifikasi Indonesia đứng đầu, thành lập vào tháng 12 năm 2021, ID Food hoặc công ty mẹ của các doanh nghiệp nhà nước về thực phẩm (do PT Rajawali Nusantara Indonesia đứng đầu, thành lập vào ngày 7 tháng 1 năm

2022), In journey là công ty mẹ của ngành du lịch (PT Aviassi Pariwisata Indonesia, thành lập vào ngày 13 tháng 1 năm 2022) và Defend ID là công ty nắm giữ ngành công nghiệp quốc phòng (với Len Industry là công ty đứng đầu, được thành lập vào ngày 2 tháng 3). Công ty nắm giữ Danareksa được thành lập vào tháng 7 năm 2022.

Kể từ khi được Tổng thống Jokowi bổ nhiệm vào tháng 11 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Doanh nghiệp Nhà nước Erick Thohir đã nhấn mạnh nhu cầu cải cách các doanh nghiệp nhà nước theo chương trình nghị sự kinh tế nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Jokowi. Thohir đã lưu ý đến nhu cầu thanh lý các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, đảm bảo rằng các doanh nghiệp nhà nước cải thiện hiệu quả bằng cách tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi và đưa ra các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp tốt hơn. Thohir đã công khai phát biểu về ý định thúc đẩy các doanh nghiệp nhà nước thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) trên Sàn giao dịch chứng khoán Indonesia. Ông cũng khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước tăng cường đầu tư ra nước ngoài để hỗ trợ chuỗi cung ứng của Indonesia tại các thị trường chiến lược, bao gồm thông qua việc mua lại các trang trại chăn nuôi gia súc, mỏ phốt phát và mỏ muối.

Ngoài ra còn có một số lượng không xác định các doanh nghiệp nhà nước do chính quyền khu vực hoặc địa phương sở hữu. Các doanh nghiệp nhà nước hiện diện ở hầu hết mọi lĩnh vực/ngành công nghiệp bao gồm ngân hàng (tài chính), du lịch (lữ hành), nông nghiệp, lâm nghiệp, khai khoáng, xây dựng, đánh bắt cá, năng lượng và viễn thông (thông tin và truyền thông).

Indonesia không phải là bên tham gia Hiệp định mua sắm của Chính phủ WTO. Các doanh nghiệp tư nhân có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp nhà nước theo cùng các điều khoản và điều kiện liên quan đến việc tiếp cận thị trường, tín dụng và các hoạt động kinh doanh

khác. Tuy nhiên, nhiều lĩnh vực báo cáo rằng các doanh nghiệp nhà nước nhận được sự ưu tiên mạnh mẽ cho các dự án của chính phủ. Các doanh nghiệp nhà nước mua một số hàng hóa và dịch vụ từ khu vực tư nhân và các công ty nước ngoài. Các doanh nghiệp nhà nước công bố báo cáo thường niên và được Cơ quan Kiểm toán Tối cao (BPK), Cơ quan Giám sát Tài chính và Phát triển (BPKP) và các kiểm toán viên bên ngoài và bên trong kiểm toán.

Cổ phần hóa các DNNN

Trong khi một số doanh nghiệp nhà nước đã chào bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Indonesia không có chương trình tư nhân hóa đang hoạt động. Chính phủ đã cấp vốn cho Cơ quan Đầu tư Indonesia (INA) với 4 tỷ USD tài sản do nhà nước sở hữu để thu hút đầu tư vốn chủ sở hữu vào các tài sản đó, cuối cùng có thể được bán cho các nhà đầu tư hoặc niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Ứng xử có trách nhiệm trong kinh doanh (RBC)

Các doanh nghiệp Indonesia được yêu cầu thực hiện các hoạt động hành vi kinh doanh có trách nhiệm (RBC) theo Luật số 40/2007 về Công ty trách nhiệm hữu hạn. Ngoài ra, luật và quy định của từng ngành có thêm các điều khoản cụ thể về RBC. Theo các mối liên hệ trong ngành tại địa phương, các công ty Indonesia có xu hướng tập trung vào các chương trình trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) cung cấp phát triển cộng đồng và kinh tế, cũng như các dự án và chương trình giáo dục. Theo các mối liên hệ trong ngành, ít nhất một phần là do thực tế là các dự án như vậy thường được yêu cầu như một phần của giấy phép tác động môi trường (AMDAL) của các công ty khai thác tài nguyên và các công ty đó phải đối mặt với sự giám sát trong nước và quốc tế đối với hoạt động của họ. Như đã thấy trong các báo cáo phương tiện truyền thông và các nguồn tin trong ngành, một tỷ lệ lớn hoạt động khai thác tài nguyên diễn ra ở các vùng xa xôi và nông thôn, nơi các dịch vụ của chính phủ được báo cáo là hạn chế hoặc không có; các công ty này phải đối mặt với kỳ vọng rất cao của cộng đồng để tự cung cấp các dịch vụ như vậy. Mặc dù có các khoản đầu tư đáng kể - đặc biệt là của các công ty đa quốc gia lớn - vào các dự án CSR, các doanh nghiệp đã lưu ý rằng nhận thức chung về các dự án đó còn hạn chế, ngay cả trong số các cơ

quan quản lý và quan chức chính phủ. Tuy nhiên, theo các chuyên gia trong ngành, việc thiếu các quy định, giám sát và biện pháp thực thi ngăn cản các bên liên quan tuân thủ nhất quán hơn các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị (ESG).

Chính phủ không có chiến lược bao quát để khuyến khích hoặc thực thi RBC mà điều chỉnh từng lĩnh vực thông qua các luật có liên quan (môi trường, lao động, tham nhũng, v.v.). Một số công ty báo cáo rằng các luật này không phải lúc nào cũng được thực thi đồng đều. Năm 2017, Ủy ban Nhân quyền Quốc gia đã đưa ra Kế hoạch Hành động Quốc gia về

Kinh doanh và Nhân quyền tại Indonesia, dựa trên Nguyên tắc Chỉ đạo của Liên hợp quốc về Kinh doanh và Nhân quyền.

OJK điều chỉnh các vấn đề quản trị doanh nghiệp, nhưng theo quan điểm của các bên liên quan quốc tế, các quy định và việc thực thi vẫn chưa đạt tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ cổ đông.

Indonesia không tuân thủ Nguyên tắc của OECD dành cho Doanh nghiệp Đa quốc gia và không rõ chính phủ có khuyến khích tuân thủ các nguyên tắc đó hay không. Nhiều công ty tuyên bố rằng chính phủ không khuyến khích tuân thủ Hướng dẫn thẩm định của OECD về Chuỗi cung ứng có trách nhiệm đối với Khoáng sản từ các Khu vực bị ảnh hưởng bởi Xung đột và Rủi ro cao hoặc bất kỳ hướng dẫn thẩm định quản lý chuỗi cung ứng nào khác. Indonesia là thành viên tích cực của Sáng kiến minh bạch ngành công nghiệp khai khoáng (EITI). Là một phần của yêu cầu EITI, khoản thanh toán cho chính phủ trong ngành công nghiệp khai khoáng được tiết lộ thông qua cơ sở dữ liệu hệ thống do Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản (ESDM) quản lý khi tiếp tục cải thiện tính minh bạch của dữ liệu và thông tin.

Thông tin liên hệ

- Bộ Ngoại giao
- Báo cáo quốc gia về Thực hành nhân quyền;
- Báo cáo về nạn buôn người;

Tham nhũng

Tổng thống Jokowi được bầu dựa trên nền tảng quản trị tốt mạnh mẽ, nhưng theo các mối liên hệ trong ngành và một số công ty Hoa Kỳ, hiệu suất của ông trong vấn đề này vẫn chưa

nhất quán. Theo quan điểm của nhiều người, tham nhũng vẫn là một vấn đề nghiêm trọng. Chính phủ Indonesia đã ban hành chỉ thị chi tiết về chống tham nhũng tại các bộ và cơ quan mục tiêu, và việc ban hành Chiến lược chống tham nhũng quốc gia được cập nhật và tinh gọn năm 2018 yêu cầu các nỗ lực phòng ngừa tham nhũng trên toàn chính phủ trong ba lĩnh vực trọng tâm (giấy phép, tài chính nhà nước và cải cách thực thi pháp luật). Ủy ban xóa bỏ tham nhũng (KPK) được thành lập năm 2002 với tư cách là cơ quan chính phủ hàng đầu để điều tra và truy tố tham nhũng. KPK đã thực hiện các bước để khuyến khích các công ty thiết lập các chương trình kiểm soát nội bộ, đạo đức và tuân thủ hiệu quả để

phát hiện và ngăn chặn hối lộ các quan chức công. Theo luật, KPK được phép tiến hành điều tra, lập cáo trạng và truy tố các vụ án tham nhũng liên quan đến các quan chức thực thi pháp luật, giám đốc điều hành chính phủ hoặc các bên khác có liên quan đến hành vi tham nhũng do các thực thể đó thực hiện; thu hút "sự chú ý và sự kinh hoàng" của công chúng nói chung hoặc liên quan đến thiệt hại cho nhà nước ít nhất là 1 tỷ IDR (khoảng 66.000 USD).

Vào tháng 9 năm 2019, Hạ viện Indonesia (DPR) đã thông qua Luật số 19/2019 về Ủy ban xóa bỏ tham nhũng (KPK), sửa đổi điều lệ ban đầu của KPK và giảm tính độc lập của Ủy ban, hạn chế khả năng theo đuổi các cuộc điều tra tham nhũng mà không có sự can thiệp của chính trị. Ủy viên KPK hiện tại đã tuyên bố rằng vai trò chính của KPK sẽ không còn là truy tố nữa mà là giáo dục và phòng ngừa. Các quan chức chính phủ đã chỉ trích các hoạt động truy quét của KPK nhằm vào các quan chức bị buộc tội tham nhũng. Những thay đổi năm 2019 đối với KPK, trong đó tăng cường sự giám sát của nhánh Hành pháp đối với tổ chức này, đã dẫn đến sự suy giảm trong các cuộc điều tra và truy tố từ 153 vào năm 2019 xuống còn 75 và 88 vào năm 2020 và 2021. Tuy nhiên, số vụ truy tố đã tăng mạnh vào năm 2022 lên 133, với việc KPK truy tố một số vụ án đáng chú ý, bao gồm các thành viên trong nội các của Tổng thống, thẩm phán Tòa án Tối cao và nhân viên tòa án. Các sửa đổi được thực hiện đối với Bộ luật Hình sự Indonesia vào tháng 12 năm 2022 sẽ có hiệu lực vào năm 2026 và sẽ giảm hình phạt cho hành vi tham nhũng. Theo truyền thống, các chính trị gia bị kết tội tham nhũng được phép giữ chức vụ chính trị sau một khoảng thời gian nhất định. Chính phủ bắt đầu truy tố các công ty tham nhũng công theo hướng dẫn trách nhiệm hình sự mới của công ty được ban hành trong quy định của Tòa án Tối cao năm 2016, với bản

án đầu tiên đối với một pháp nhân vào tháng 1 năm 2019. Đưa hoặc nhận hối lộ là một hành vi phạm tội, với mức phạt có thể từ 3.850 đô la Mỹ đến 77.000 đô la Mỹ và mức phạt tù tối đa là 20 năm đến chung thân, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của cáo buộc. Sắc lệnh Tổng thống số 13/2018, được ban hành vào tháng 3 năm 2018, làm rõ định nghĩa về quyền sở hữu có lợi và nêu rõ các yêu cầu báo cáo hàng năm và các biện pháp trừng phạt đối với hành vi không tuân thủ.

Xếp hạng năm 2022 của Indonesia trong Chỉ số Nhận thức Tham nhũng của Tổ chức Minh bạch Quốc tế đã giảm 14 bậc xuống vị trí 110 trong số 180 quốc gia được khảo sát, so với

vị trí 96 trong số 180 quốc gia vào năm 2021. Theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế, điểm tham nhũng công của Indonesia đã giảm bốn điểm, xuống còn 34 vào năm 2022 từ 38 vào năm 2021 (thang điểm từ 0/rất tham nhũng đến 100/rất trong sạch). Indonesia xếp hạng thấp hơn các nước láng giềng Timor Leste, Malaysia và Brunei.

Indonesia đã phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng vào tháng 9 năm 2006. Tuy nhiên, Indonesia vẫn chưa tuân thủ các thành phần chính của công ước, bao gồm các điều khoản về hối lộ nước ngoài. Indonesia vẫn chưa tham gia Công ước chống hối lộ của OECD nhưng đã tham dự các cuộc họp của Nhóm công tác chống tham nhũng của OECD. Một số tổ chức xã hội dân sự hoạt động như những tổ chức giám sát tham nhũng có năng lực và có tiếng nói, bao gồm Tổ chức Minh bạch Quốc tế Indonesia và Tổ chức Giám sát Tham nhũng Indonesia.

Môi trường chính trị và an ninh trật tự

Chính quyền Indonesia tiếp tục truy quét mạnh mẽ các nhóm khủng bố trên khắp cả nước, phá vỡ nhiều âm mưu đầy tham vọng. Bất chấp những thành công này, như đã thấy trên phương tiện truyền thông, các mạng lưới cực đoan bạo lực, các nhóm khủng bố và những người ủng hộ ISIS theo kiểu sói đơn độc đã tiến hành các cuộc tấn công quy mô nhỏ nhằm vào lực lượng thực thi pháp luật, chính phủ và các địa điểm thờ cúng không phải của người Hồi giáo.

Do xung đột chính trị, các nhà đầu tư nước ngoài tại Papua phải đối mặt với những thách thức riêng. Lực lượng an ninh Indonesia đôi khi tiến hành các hoạt động chống lại các nhóm ly khai vũ trang nhỏ, bao gồm Phong trào Papua Tự do, một nhóm hoạt động tích cực nhất ở vùng cao nguyên trung tâm. Xung đột cộng đồng, bộ lạc và chính trị cường độ

thấp cũng tồn tại ở Papua và đã gây ra tử vong và thương tích. Các nhóm vũ trang đã tấn công và phá hủy máy bay dân sự và nhắm mục tiêu vào công nhân xây dựng và viễn thông. Theo đưa tin của phương tiện truyền thông, các cuộc tấn công liên tục và phản công giữa nhân viên an ninh và các nhóm vũ trang địa phương đã làm trầm trọng thêm các vấn đề của khu vực với những người phải di dời trong nước. Các cuộc biểu tình chống chính phủ đã dẫn đến tử vong và thương tích, và bạo lực đã xảy ra đối với nhân viên và nhà thầu của ít nhất một tập đoàn lớn tại Papua, bao gồm cả cái chết của công dân nước ngoài, như đã thấy trong báo cáo X. Một phi công công dân New Zealand của hãng hàng không tư nhân Susi

Airlines đã bị bắt làm con tin vào ngày 7 tháng 2 năm 2023, sau khi máy bay của anh bị những kẻ ly khai có vũ trang tấn công ở Nduga, Tỉnh Cao nguyên Papua, và cánh vũ trang của Phong trào Papua Tự do (OPM) liên tục cảnh báo rằng họ sẽ nhắm mục tiêu vào tất cả người nước ngoài và người không phải người Papua trong khu vực. Giống như ở các nền dân chủ khác, các cuộc biểu tình chính trị diễn ra trên khắp Indonesia, nhưng không phải là mối lo ngại gây mất ổn định đối với hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài trong những năm gần đây.

Chính sách và thực hành lao động

Các công ty đã báo cáo rằng thị trường lao động phải đối mặt với một số rào cản về mặt cấu trúc, bao gồm tình trạng thiếu hụt kỹ năng, năng suất chậm trễ, hạn chế sử dụng lao động hợp đồng và luật lao động phức tạp. Chính phủ đã ban hành mức tăng đáng kể gần đây đối với mức lương tối thiểu cho nhiều tỉnh. Tại khu vực Jakarta, Thống đốc đã đặt mức lương tối thiểu năm 2022 cao hơn năm phần trăm so với mức của chính quyền trung ương; vào năm 2023, Bộ Nhân lực đã công bố mức tăng 10% trên diện rộng, khiến mức lương tối thiểu của Jakarta là 4.901.798 IDR (322,05 USD), trong khi mức lương tối thiểu thấp nhất của tỉnh ở Trung Java là 1.958.169 IDR (128,65 USD). Các công đoàn đã tổ chức các cuộc biểu tình thường xuyên, phần lớn là hòa bình trên khắp Indonesia vào năm 2022, yêu cầu chính phủ tăng thêm mức lương tối thiểu dựa trên chi phí tăng cao của các mặt hàng thiết yếu. Các công đoàn lao động đã lưu ý rằng các chủ lao động đang chuyển việc làm sang Trung Java để tránh trả lương cao hơn cho người lao động ở khu vực thủ đô Jakarta.

Luật Tổng hợp về Tạo việc làm năm 2020 đã đưa ra các cải cách lao động, nhằm thu hút các nhà đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm. Luật này nhằm mục đích làm

cho thị trường lao động linh hoạt hơn để khuyến khích tạo việc làm và tăng thêm việc làm trong khu vực chính thức, vì hơn một nửa số lao động của Indonesia làm việc trong khu vực phi chính thức. Các hạn chế đối với các loại công việc có thể được thuê ngoài đã được dỡ bỏ và một thỏa thuận giờ làm việc mới đã được thiết lập để phù hợp với các công việc trong kỷ nguyên kinh tế số. Luật đã bãi bỏ mức lương tối thiểu theo ngành và xây dựng lại cách tính mức lương tối thiểu ở cấp tỉnh và huyện/thành phố dựa trên các biến số tăng trưởng kinh tế hoặc lạm phát. Một chế độ trợ cấp thất nghiệp mới hiện chính thức là một phần của mạng lưới an toàn công cộng dành cho người lao động và các yêu cầu về tiền trợ

cấp thôi việc đã được giảm. Phản ứng ban đầu của cộng đồng doanh nghiệp đối với luật này là thận trọng lạc quan, trong khi các công đoàn lao động, nhóm sinh viên và các tổ chức tôn giáo đã tổ chức đình công và biểu tình phản đối các cải cách lao động của luật. Các công đoàn lao động nêu ra việc mất giới hạn đối với các hợp đồng lao động tạm thời và việc mở rộng tính linh hoạt của việc thuê ngoài là những mối lo ngại.

Cho đến khi đại dịch COVID-19 bùng phát, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ổn định ở mức 4,38 phần trăm. Tính đến tháng 8 năm 2022, Cục Thống kê Indonesia ghi nhận tỷ lệ thất nghiệp tăng vọt lên 5,86%, tương đương 8,4 triệu người, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 6,49% hoặc 9,1 triệu người. Trong khi đó, số lượng người lao động bị tạm nghỉ hoặc làm việc trong giờ làm việc ngắn hơn do COVID-19 cao hơn nhiều.

Các nhà tuyển dụng lưu ý rằng các kỹ năng mà hệ thống giáo dục cung cấp thấp hơn so với các nước láng giềng và các Bộ trưởng Lao động kế tiếp đã liệt kê việc cải thiện đào tạo nghề là ưu tiên hàng đầu. Theo các mối quan hệ kinh doanh, hợp đồng lao động tương đối dễ đàm phán nhưng có thể được đàm phán lại, mặc dù đã có các thỏa thuận bằng văn bản. Hơn nữa, theo các mối quan hệ trong ngành, tòa án địa phương thường đứng về phía công dân trong các tranh chấp lao động, bất chấp hợp đồng. Mặt khác, một số nhà đầu tư nước ngoài coi khuôn khổ quản lý lao động của Indonesia, tôn trọng quyền tự do lập hội và quyền thành lập công đoàn là một lợi thế để đầu tư vào quốc gia này. Tư vấn chuyên môn về nguồn nhân lực địa phương là điều cần thiết đối với các công ty Hoa Kỳ đang kinh doanh tại Indonesia, ngay cả những công ty chỉ mở văn phòng đại diện.

Các công đoàn lao động độc lập với chính phủ, khoảng 12,4% lực lượng lao động là thành viên công đoàn tính đến năm 2021. Luật này, với một số hạn chế, bảo vệ quyền của người

lao động được tham gia các công đoàn độc lập, tiến hành đình công hợp pháp và thương lượng tập thể. Indonesia đã phê chuẩn tất cả tám công ước cốt lõi của ILO làm nền tảng cho các chuẩn mực lao động được quốc tế chấp nhận. Bộ Nhân lực duy trì một cơ quan thanh tra để giám sát các chuẩn mực lao động, nhưng việc thực thi mạnh mẽ hơn trong khu vực chính thức. Luật An sinh xã hội đã được sửa đổi, có hiệu lực vào năm 2014, yêu cầu tất cả người lao động trong khu vực chính thức phải tham gia. Theo mức trần tiền lương, người sử dụng lao động phải đóng góp một khoản tiền bằng 4 phần trăm tiền lương của người lao động vào kế hoạch này. Năm 2015, Indonesia đã thành lập Cơ quan tổ chức an

sinh xã hội về việc làm (BPJS-Employment), một cơ quan quốc gia hỗ trợ người lao động trong trường hợp tai nạn lao động, tử vong, nghỉ hưu hoặc tuổi già.

Có thể tìm thấy thông tin bổ sung về lao động trẻ em, nạn buôn người và quyền con người tại Indonesia trực tuyến thông qua các tài liệu tham khảo sau:

+ Báo cáo về lao động trẻ em:

<https://www.dol.gov/agencies/ilab/resources/reports/child-labor/indonesia>

+ Báo cáo về nạn buôn người:

<https://www.state.gov/reports/2020-trafficking-in-persons-report/indonesia/>

+ Báo cáo về quyền con người:

<https://www.state.gov/reports/2020-country-reports-on-human-rights-practices/indonesia/>

Đầu tư trực tiếp và Đầu tư danh mục chứng khoán.

Danh sách các quốc gia đầu tư trực tiếp vào Indonesia và các quốc gia Indonesia đầu tư trực tiếp

(ĐVT: triệu USD)

Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài 2021			Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài 2021		
<i>Quốc gia</i>	<i>Giá trị</i>	<i>%</i>	<i>Quốc gia</i>	<i>Giá trị</i>	<i>%</i>
Tổng cộng	259.884	100	Tổng cộng	95.678	100
Singapore	71.061	27,3	Singapore	39.702	41,5

Hoa Kỳ	30.335	11,7	Pháp	21.912	23
Nhật Bản	26.571	10,2	Hồng Kong	18.539	19,4
Hà Lan	23.859	9,2	Cayman Islands	3.467	3,6
Hồng Kong	15.897	6,1	British Virgin Islands	2.944	3

Chương 7: Văn hóa trong kinh doanh và những điều lưu ý.

Giống như hầu hết các xã hội, các chuẩn mực văn hóa của Indonesia phần lớn được phản ánh trong văn hóa kinh doanh của nước này. Indonesia có sự đa dạng lớn về sắc tộc, tôn giáo và văn hóa khác nhưng có nhiều giá trị chung tồn tại trong văn hóa kinh doanh.

Ba yếu tố riêng biệt là gia đình, sự hòa hợp xã hội và tôn giáo làm nền tảng cho văn hóa dân tộc Indonesia và do đó có sức lan tỏa trong văn hóa kinh doanh của nước này.

Các công ty quốc tế không chỉ nên cố gắng hòa nhập với những ảnh hưởng văn hóa này mà còn nên nắm bắt và thích nghi với chúng. Khi áp dụng cách tiếp cận này, họ sẽ cần một đội ngũ những người ủng hộ “trên thực địa”.

Nhóm xã hội chính ở Indonesia là gia đình. Người đứng đầu gia đình thường là người đàn ông lớn tuổi nhất, những người còn lại trong hệ thống phân cấp trong gia đình thường được xác định theo độ tuổi và đôi khi là giới tính. Một khi trở thành một phần của một đại gia đình sẽ mang lại cả sự an toàn và trách nhiệm. Cha mẹ mong muốn được con cái chăm sóc đến cuối đời. Có một đặc tính cộng đồng mạnh mẽ trong đơn vị gia đình Indonesia. Với sự nhấn mạnh vào sự giàu có và tài sản chung. Các công ty quốc tế phải lưu tâm đến tầm quan trọng của đơn vị gia đình và cách tiếp cận chung trong mọi hoạt động kinh doanh của họ ở Indonesia.

Người Indonesia, giống như nhiều nền văn hóa châu Á khác, coi trọng sự hòa hợp và đồng thuận xã hội. Giữ “thể diện” trước công chúng là điều tối quan trọng trong văn hóa kinh doanh ở Indonesia. Tất cả các bên mong muốn được đối xử tôn trọng. Việc thể hiện sự gây hấn hoặc thô lỗ một cách công khai được coi là không thể chấp nhận được. Trong những tình huống cần đàm phán hoặc đưa ra quyết định, điều quan trọng là phải đạt được sự đồng thuận để duy trì thể diện cho tất cả các bên. Trong thực tế, điều này có thể dẫn đến các giao dịch kéo dài hơn, lâu hơn so với những gì một số người bên ngoài thường làm.

Tôn giáo là một phần quan trọng trong cuộc sống hàng ngày ở Indonesia. Khoảng 85% dân số là người Hồi giáo, nhưng cũng có một số lượng lớn người theo đạo Thiên chúa và đạo Hindu. Sự đa dạng về đức tin trên khắp quần đảo đã tạo ra một nền văn hóa khoan dung tôn giáo như được phản ánh trong khẩu hiệu của nhà nước được dịch là “thống nhất trong đa dạng”. Đại đa số người Hồi giáo Indonesia tuân theo một hình thức Hồi giáo ôn hòa, với một thiểu số nhỏ ủng hộ việc tuân thủ chặt chẽ hơn.

Cần nhấn mạnh rằng không có một nền văn hóa Indonesia duy nhất. Với 17.000 hòn đảo và hàng trăm dân tộc khác nhau, đất nước này là một tập hợp rộng lớn của các dân tộc và nền văn hóa khác nhau. Vì vậy, bạn phải luôn biết bạn đang giao dịch với ai. Tuy nhiên, văn hóa Java từ lâu đã thống trị quần đảo và là tiêu chuẩn cho văn hóa kinh doanh ở Indonesia ngày nay.

Các mối quan hệ xã hội có xu hướng tăng gấp đôi trong văn hóa kinh doanh ở Indonesia và nói chung. Những mối quan hệ này được xác định rõ ràng.

Thời điểm tốt nhất cho chuyến công tác đầu tiên là từ tháng 9 đến tháng 6, vì kỳ nghỉ học và kỳ nghỉ hè có thể ảnh hưởng đến lịch trình của nhiều doanh nhân. Du khách nên kiểm tra lịch nghỉ lễ địa phương trước khi đi du lịch Indonesia. Các cuộc hẹn công tác thường khó lên lịch trong tháng ăn chay Ramadan của người Hồi giáo cũng như trong khoảng thời gian hai tuần sau tháng Ramadan khi người Indonesia thường về quê để ăn mừng lễ Idul Fitri với gia đình mở rộng của họ. Trang phục công tác phổ biến nhất là áo sơ mi batik, với áo ngắn tay được coi là trang trọng và áo dài tay được coi là trang trọng. Một bộ vest hoặc váy công sở (trang trọng) hoặc áo sơ mi/áo cánh trắng và quần dài/váy (trang trọng) cũng là trang phục phổ biến.

Indonesia là một quốc gia rất đa dạng, với hơn 300 nhóm dân tộc khác nhau. Trong khi một số người Indonesia theo truyền thống, những người khác có thể được "phương Tây hóa đáng kể". Tuy nhiên, nhiều người Indonesia không tiến hành các giao dịch kinh doanh hoặc đưa ra quyết định theo cùng một cách trực tiếp, hợp pháp như nhiều người Mỹ.

Văn hóa Java truyền thống nhấn mạnh vào sự hòa hợp và từ "không" hiếm khi được sử dụng. Điều này có thể khiến người phương Tây khó xác định chính xác cách tiếp nhận đề xuất kinh doanh. Vì người Indonesia thường thích làm ăn với những người mà họ biết rõ và tin tưởng, nên việc xây dựng mối quan hệ là rất quan trọng. Mặc dù chất lượng và giá cả sản phẩm là rất quan trọng, nhưng chúng thường chỉ là yếu tố thứ yếu so với mối quan hệ cá nhân của các đối tác kinh doanh.

Trong các cuộc họp kinh doanh, trà hoặc cà phê ngọt hầu như luôn được phục vụ và nên được chấp nhận. Không nên uống cho đến khi chủ nhà mời bạn uống, điều này có thể không xảy ra cho đến khi kết thúc cuộc họp. Nói chung, tốt nhất là sử dụng tay phải khi

nhận hoặc ăn. Mặc dù bắt tay là một thói quen phổ biến, nhưng hãy tránh bắt tay quá chặt và các tiếp xúc vật lý khác. Không để lộ đế giày khi ngồi.

Giao tiếp trong kinh doanh

Các mối quan hệ

Các mối quan hệ cực kỳ quan trọng đối với các doanh nghiệp Indonesia và văn hóa kinh doanh của Indonesia. Người Indonesia thường không sẵn lòng hợp tác kinh doanh với ai đó trừ khi họ đã thiết lập được mối quan hệ. Vì vậy, bạn nên tranh thủ sự giúp đỡ của một đối tác địa phương hoặc người Indonesia có ảnh hưởng để thực hiện những lời giới thiệu cần thiết trước khi bạn cố gắng tham gia đàm phán.

Hoạt động kinh doanh ở Indonesia được mô tả như một ván cờ và nó liên quan nhiều đến việc bạn biết ai hơn là bạn biết gì. Theo đó, điều quan trọng là phát triển và duy trì các mối quan hệ kinh doanh chặt chẽ, ưu tiên những người có mối quan hệ phù hợp để thành công trong văn hóa kinh doanh Indonesia.

Tại Indonesia sẽ không được coi là bất thường nếu một số cuộc đàm phán kinh doanh của bạn được tiến hành trên sân golf hoặc trong bữa ăn. Giao tiếp xã hội trong khi tiến hành kinh doanh được coi là bình thường và chỉ là một phần khác trong việc hình thành mối quan hệ cá nhân tốt đẹp hơn.

Tôn giáo

Tôn giáo ở Indonesia tác động đến hoạt động kinh doanh như thế nào? Ở các thành phố lớn của Indonesia, người ta thường dễ quên rằng Indonesia là quốc gia có đa số người Hồi giáo. Các thành phố của Indonesia thì tôn giáo dường như không có tác động lớn đến hoạt động kinh doanh. Là người nước ngoài, bạn hãy lịch sự và cách cư xử tốt là đủ trong hầu hết các môi trường xã hội.

Bạn cần phải tìm hiểu để xác định tôn giáo của đối tác và những tác động đối với sự thành công trong kinh doanh trong văn hóa kinh doanh của Indonesia. Liên quan đến người Hồi giáo và những buổi cầu nguyện vào thứ Sáu, các công ty sẽ ban hành những hướng dẫn rõ ràng về thời gian nhân viên phải cầu nguyện. Tuy nhiên, thực tế là rất khó để thay đổi quan niệm đã có từ lâu rằng cuối tuần bắt đầu bằng việc kết thúc buổi cầu nguyện thứ Sáu. Tương tự như vậy, trong khi người Hồi giáo Indonesia không coi tháng Ramadan là thời

gian nghỉ làm, họ cũng không mong đợi các yêu cầu về hiệu quả, sản lượng và giờ làm việc trong tháng ăn chay.

Vào cuối tháng Ramadan là ngày lễ Eid ul-Fitr, đánh dấu cuộc di cư hàng loạt của người Indonesia về quê hương. Kỳ nghỉ lễ có nghĩa là ba ngày làm việc, nhưng thường kéo dài đến cả tuần đối với những người lao động cổ trắng.

Bằng cách nhận ra những hạn chế này, công ty có thể tổ chức hoạt động của mình để có ít tác động nhất đến sản lượng chung của doanh nghiệp. Đối với các công ty nước ngoài hoạt động tại Indonesia, điều quan trọng là phải thông báo cho trụ sở chính ở nước sở tại về thời gian làm việc ngắn hơn và sản lượng giảm để có thể điều chỉnh các hoạt động và thời gian.

Sự linh hoạt trong giờ giấc

Thời gian ở Indonesia được gọi là “thời gian cao su” do cách tiếp cận linh hoạt của người Indonesia đối với nó. Vì vậy, các cuộc họp thường có thể bắt đầu hoặc kết thúc muộn. Các cuộc họp thường không có cấu trúc và không tuân theo một chương trình nghị sự được xác định rõ ràng.

Giữ thể diện

Nếu có một điều mà nhiều người lao động Indonesia đánh giá cao, ngoài nơi làm việc hài hòa thì đó chính là danh tiếng. Còn được gọi là “thể diện”, danh tiếng quyết định cuộc sống của người lao động tại nơi làm việc. Nó gắn liền với nhân phẩm, danh dự và giá trị của một người.

Lý do chính khiến hầu hết người lao động Indonesia tránh xung đột và đối đầu là để giữ thể diện. Một nhược điểm trong lòng tự hào của người lao động Indonesia có thể khiến họ phải rời bỏ công ty. Bạn nên tránh chế giễu hoặc xúc phạm bất cứ ai và những thiếu sót nên được giải quyết một cách riêng tư.

Người nước ngoài nên ghi nhớ tầm quan trọng của “thể diện” trong mọi giao dịch kinh doanh chứ không chỉ trong các tình huống việc làm để thành công với văn hóa kinh doanh của Indonesia. Đối tác của bạn sẽ nhạy cảm với khía cạnh này trong các cuộc đàm phán, cam kết hợp tác, các cuộc họp công khai và trong các cuộc thảo luận xung quanh những kỳ vọng về hiệu suất chung, v.v.

Hợp kinh doanh, đàm phán

Các cuộc họp ở Indonesia có xu hướng khá trang trọng. Những người tham gia Indonesia thường sẽ vào phòng dựa trên vị trí thứ bậc của họ. Hãy nhớ rằng hầu hết các doanh nhân Indonesia đều là người Trung Quốc và họ có thể là người nhanh chóng có mặt trong các cuộc họp và cuộc hẹn. Các doanh nhân khác và nhiều quan chức chính phủ là người gốc Malaysia và họ có thể ít chú trọng đến hiệu quả, đúng giờ và thời hạn.

Các cuộc họp bắt đầu bằng rất nhiều cuộc nói chuyện nhỏ, có thể kéo dài, đôi khi kéo dài hơn một giờ. Điều này cho phép người tham gia làm quen cá nhân. Điều quan trọng là phải kiên nhẫn và để phía Indonesia bắt nhịp. Mọi người đánh giá cao khiếu hài hước nhưng hãy giữ nó nhẹ nhàng, thân thiện và cẩn thận đừng lạm dụng nó. Kinh doanh là một vấn đề nghiêm trọng ở Indonesia.

Mục đích chính của lần gặp đầu tiên là làm quen và xây dựng mối quan hệ. Thông thường, việc kỳ vọng những cuộc họp đầu tiên sẽ dẫn đến những quyết định thẳng thắn thường là không thực tế. Đôi khi, những người tham gia có thể nói rất ít trong cuộc họp đầu tiên. Điều này không nên được hiểu theo cách tiêu cực. Những người tham gia thường giữ thái độ thờ ơ cho đến khi họ có cơ hội triệu tập nhóm của mình để thu thập sự đồng thuận. Tài liệu trình bày phải hấp dẫn, có hình ảnh đẹp và rõ ràng. Sử dụng sơ đồ và hình ảnh bất cứ khi nào có thể, cắt giảm từ ngữ và tránh các cách diễn đạt phức tạp.

Việc dịch tài liệu phát tay của bạn sang tiếng Bahasa Indonesia không phải là điều bắt buộc nhưng sẽ giúp truyền tải thông điệp của bạn. Thư từ với các quan chức chính phủ phải bằng tiếng Bahasa Indonesia.

Đàm phán với đối tác

Các cuộc đàm phán thường diễn ra rất chậm và ở phiên họp đầu tiên thường không có nhiều tiến triển. Nhìn chung, người Indonesia thích mặc cả và nhượng bộ quá nhanh sẽ bị coi là yếu kém. Hợp đồng đôi khi cam kết bằng lời nói và sự hiểu biết lẫn nhau được coi là quan trọng, nhưng phải tuân theo văn bản pháp lý bằng văn bản.

Người Indonesia thường có cách tiếp cận nhẹ nhàng trong kinh doanh vì họ nhìn nhận hành vi huyên náo rất tiêu cực. Thay vào đó, họ nói chuyện nhẹ nhàng và ít gây cảm xúc. Cố gắng lặp lại phong cách giao tiếp tương tự này. Hãy thể hiện lòng trắc ẩn và cư xử nhã nhặn, nhưng đừng đối đầu hoặc để cảm xúc cản trở cuộc đàm phán.

Hầu hết mọi thứ đều có thể được coi là có thể thương lượng ở Indonesia. Người Indonesia không mặc cả quyết liệt và chiến thuật gây áp lực cao có thể khiến đàm phán thất bại. Vì vậy, nếu họ có vị trí xuất phát cao không thực tế, hãy dành thời gian để lay chuyển họ một cách nhẹ nhàng trong suốt cuộc họp.

Đừng ngắt lời một người Indonesia. Họ thường cho bạn nhiều không gian để nói và thường thể hiện sự tôn trọng lớn lao trong cuộc trò chuyện. Nếu bạn không làm như vậy, họ có thể quá sợ hãi để chia sẻ ý kiến của mình.

Mong đợi người Indonesia trì hoãn việc nghe ý kiến của bạn nhiều vì người Indonesia thường yêu cầu đối tác của họ phát biểu trước để họ có thể sửa đổi các đề xuất của riêng mình. Họ cũng sẽ thể hiện sự tôn trọng bằng cách cố gắng nói những gì họ nghĩ bạn muốn nghe. Người Indonesia có thể miễn cưỡng nói với bạn khi họ không hiểu hoặc không đồng ý, vì vậy đôi khi khó có thể đánh giá mức độ thành công của cuộc đàm phán.

Ngôn ngữ

Ngôn ngữ quốc gia được sử dụng trên khắp Indonesia là tiếng Bahasa Indonesia, mặc dù cũng có nhiều ngôn ngữ địa phương. Tiếng Anh được sử dụng rộng rãi và được hầu hết những người làm kinh doanh ở các thành phố lớn hiểu. Hầu hết các khách sạn đều có nhân viên nói tiếng Anh, cũng như các trung tâm mua sắm phục vụ người nước ngoài và khách du lịch. Các tổng đài viên quốc tế cũng nói tiếng Anh. Trình độ tiếng Anh có thể thay đổi rất nhiều trong mọi tình huống. Các công ty Indonesia hy vọng sẽ tiến hành kinh doanh với người nước ngoài thường cố gắng tuyển dụng một số người nói tiếng Anh, nhưng điều này không phải là bắt buộc ở mọi công ty.

Giờ giấc làm việc, giờ địa phương và ngày lễ.

Indonesia có ba múi giờ:

- + Giờ miền Đông Indonesia sớm hơn 14 giờ so với Giờ chuẩn miền Đông (trước 13 giờ so với Giờ ban ngày miền Đông).
- + Giờ miền Trung Indonesia sớm hơn 13 giờ so với Giờ chuẩn miền Đông (trước 12 giờ so với Giờ ban ngày miền Đông).
- + Giờ miền Tây Indonesia (bao gồm cả Jakarta) sớm hơn 12 giờ so với Giờ chuẩn miền Đông (trước 11 giờ so với Giờ ban ngày miền Đông).

Giờ làm việc thường là:

- Thương mại 09:00 -17:00 Thứ Hai - Thứ Sáu (lưu ý: giờ cầu nguyện Thứ Sáu là 12:00-13:00)
- Chính phủ 07:30 - 16:00 Thứ Hai - Thứ Sáu
- Ngân hàng 09:00 - 15:00 Thứ Hai - Thứ Sáu
- Cửa hàng 10:00 - 22:00 Thứ Hai - Chủ Nhật

Danh sách các ngày lễ tại Indonesia <https://publicholidays.co.id>

Tặng quà

Tặng những món quà nhỏ có thể giúp phát triển và duy trì các mối quan hệ kinh doanh. Để tránh bất kỳ dấu hiệu tham nhũng nào, quà tặng nên nhỏ và không nên tặng trong lần gặp đầu tiên. Quà tặng phải luôn được gói và thường sẽ được mở một cách riêng tư. Đồng nghiệp hoặc khách hàng theo đạo Hồi không nên uống rượu. Nên tặng những món quà nhỏ trong những ngày lễ đặc biệt như Eid và Giáng sinh.

Trang phục

Quy định về trang phục khác nhau tùy thuộc vào nền văn hóa và công ty, nhưng nên áp dụng phong cách trang trọng và tôn trọng các quy tắc khiêm tốn của người Hồi giáo. Nên mặc trang phục kinh doanh tiêu chuẩn của phương Tây khi tham dự một cuộc họp kinh doanh bình thường. Nhiệt độ và độ ẩm ở Indonesia là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quần áo và bạn nên lưu ý đến chúng khi đến công tác.

Giao tiếp, chào hỏi

Việc giới thiệu tùy thuộc vào hoàn cảnh của từng tình huống. Nói chung, cách tốt nhất là có một bên thứ ba giới thiệu. Tuy nhiên, trong một số tình huống, bạn phải tự giới thiệu bản thân.

Ở Indonesia, cách chào thông thường là bắt tay và đi kèm với câu “xin chào”. Điều cần thiết là phải bắt tay thật chặt. Thông thường, đi kèm với lời chào thông thường là một cái bắt tay chắc chắn với mọi người trong phòng khi bạn đến và trước khi bạn rời đi. Tuy nhiên khi đại dịch Covid-19 đang tiến triển nhanh và phức tạp, không yêu cầu bắt tay mà chỉ cần cái chạm nắm đấm, chạm cùi chỏ đơn giản cũng là những hình thức chào hỏi có thể chấp nhận được. Duy trì giao tiếp bằng mắt ở mức độ vừa phải.

Đi cùng với lời chào, mọi người thường nói khoảng năm hoặc sáu câu hỏi về gia đình, sức khỏe, hôn nhân, ... mà không cần thiết người đối diện phải trả lời.

Câu “Xin chào” trong tiếng Indonesia đọc là “assalomu alaikum” hoặc “salom”.

Việc chào hỏi cần phải bắt đầu từ người quan trọng nhất trong phòng.

Hai người đàn ông có thể bắt tay hoặc nắm khuỷu tay nhau. Việc đặt một số các câu hỏi về sức khỏe, gia đình, công việc, ... của một người trong khi chào cũng là một thói quen phổ biến.

Với hai phụ nữ cũng có thể bắt tay hoặc nắm khuỷu tay. Việc đặt một loạt các câu hỏi về sức khỏe, gia đình, công việc, v.v. của một người trong khi chào cũng là một thói quen phổ biến. Đối với bạn bè và gia đình, hầu hết phụ nữ trao nhau hai nụ hôn (mỗi bên một cái) lên má.

Với việc chào hỏi giữa hai người khác phái, cũng sẽ sử dụng hành động bắt tay hoặc nắm chặt khuỷu tay. Nếu không biết rõ về nhau, họ thường chỉ gật đầu chào và nói câu xin chào. Hầu hết người Indonesia đứng giao tiếp một cách gần gũi, trong khoảng sải tay với. Với người khác giới thì đứng xa hơn một chút. Nên có giao tiếp bằng mắt, tuy nhiên với người khác giới, người lớn tuổi hoặc người có quyền hành thì hạn chế hơn.

Những người cùng giới có xu hướng gần gũi khi nói chuyện. Một người phụ nữ khác thường chạm vào cánh tay của người phụ nữ khác hoặc ngồi thật gần khi nói chuyện. Đàn ông thường khoác vai nhau khi đi chơi hoặc ngồi uống vodka.

Cả nam và nữ sẽ nắm tay bạn bè cùng giới ở nơi công cộng, tuy nhiên nếu khác giới là một câu chuyện hoàn toàn khác. Các bữa tiệc thường được phân tách chỗ ngồi theo giới tính và thường không có sự đụng chạm của người khác giới trong khi trò chuyện.

Những người lớn tuổi có xu hướng nhạy cảm hơn so với thế hệ trẻ về giới tính.

Bạn có thể ghé thăm nhà bạn bè, đối tác người Indonesia không cần báo trước và có thể ngồi đến 3 – 4 tiếng đồng hồ, vừa trò chuyện, vừa uống trà. Và sau đó có thể dễ dàng rủ người bạn đó tiếp tục đến nhà một người bạn khác của cả hai để tiếp tục trò chuyện.

Phụ nữ Indonesia thường làm nội trợ, giáo viên hoặc y tá, nhưng chủ yếu là nội trợ. Phụ nữ thường không uống nhiều, về nhà trước 8 hoặc 9 giờ tối. Phụ nữ ở nông thôn thường có thói quen thụ động và được chấp nhận nhiều hơn ở khu vực này. Nhiều phụ nữ được gia đình chọn vợ hoặc chồng cho họ. Làm mẹ rất được coi trọng, và hầu hết phụ nữ đều kết

hôn khi còn khá trẻ. Nhiều thanh niên (nữ sinh 16 tuổi) bỏ học đi lấy chồng. Phụ nữ thường mặc váy và để tóc dài, đặc biệt là ở những khu vực truyền thống hơn. Phụ nữ Indonesia rất hiếm khi sống một mình và nếu có, sẽ có rất nhiều lời đàm tiếu về đạo đức và khả năng kết hôn của họ.

Trong giao tiếp, sẽ khá tệ khi chủ nhà rót đầy hơn một nửa tách trà của bạn. Nó có nghĩa là họ muốn bạn dừng cuộc nói chuyện và ra về. Sự tôn trọng đối với người lớn tuổi là lớn và sẽ rất thô lỗ nếu không thêm –opa (đối với phụ nữ) hoặc –aka (đối với đàn ông) vào tên của người cao tuổi, ngay cả khi người đó chỉ lớn hơn bạn hai tuổi. Ví dụ một người tên là Dilorom sẽ là Dilorom-opa (phụ nữ), Dilshod sẽ là Dilshod-aka (đàn ông). Nếu bạn không biết tên của người đó, bạn chỉ có thể nói opa hoặc aka. –Jon cũng là một thuật ngữ chỉ sự yêu mến được thêm vào tên đàn ông, tương tự --hon dành cho phụ nữ.

Các chủ đề thích hợp cho cuộc nói chuyện là những chủ đề chung nhằm tránh hiểu lầm và xung đột văn hoá, bao gồm chủ đề về các môn thể thao và theo đuổi hoạt động ngoài trời. Bạn có thể nói về ẩm thực Indonesia, ngoài ra có thể bàn về các chủ đề như thời tiết, âm nhạc, phim ảnh. Nếu bạn biết trước thì nên nêu tên của một vài người Indonesia nổi tiếng. Tránh chủ đề chỉ trích chính trị và văn hóa Indonesia. Không đề cập đến các vấn đề tôn giáo, đặc biệt là về Hồi giáo. Trong văn hoá giao tiếp tất cả người Indonesia đều có những xu hướng tránh xung đột, gắn bó với cội nguồn, cảnh giác với quyền lực và đánh giá đúng những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

Ẩm thực

Các sự kiện xã hội thường bắt đầu muộn ở Indonesia và người Indonesia sẽ đến muộn hơn 30 phút so với thời gian nhất định. Là một quốc gia chủ yếu là người Hồi giáo, phần lớn dân số không uống rượu hoặc thịt lợn, và ở một số nhà hàng, ngón tay được sử dụng để ăn. Một lần nữa, hãy luôn nhớ ăn bằng tay phải, giữ tay phía trên bàn. Là người phương Tây, bạn nên tránh nói chuyện công việc ở bàn ăn trừ khi chủ nhà nêu ra chủ đề đó.

Đó là nghi thức thông thường đối với người đưa ra lời mời thanh toán hóa đơn nhà hàng.

Thị thực

Tất cả du khách đến Indonesia phải có hộ chiếu còn hiệu lực ít nhất sáu tháng sau ngày đến Indonesia, ít nhất hai trang thị thực trống, cũng như vé máy bay khứ hồi/tiếp theo.

Du khách được khuyến khích mạnh mẽ kiểm tra với Đại sứ quán Indonesia hoặc Tổng cục

Di trú, vì các yêu cầu về thị thực có thể thay đổi trong thời gian ngắn. Để biết các khuyến cáo và cảnh báo liên quan đến việc đi du lịch đến Indonesia, vui lòng xem Thông tin quốc gia về du lịch quốc tế

Viễn thông, điện.

Nhiều ngôi nhà và văn phòng ở khu vực thành thị đã lắp đặt dịch vụ điện thoại cố định. Điện thoại công cộng không còn nữa. Số điện thoại cố định có từ 05 đến 08 chữ số. Số bảy chữ số là phổ biến nhất, trong khi các số mới hơn có 08 chữ số. Các thị trấn nhỏ hơn bên ngoài Jakarta sử dụng số 5 hoặc 6 chữ số cho các cuộc gọi nội hạt. Đường dây quay số trực tiếp quốc tế được phục vụ bởi hai nhà mạng, PT Indosat (001 hoặc 008) và PT Telkomsel (007 hoặc 017) phục vụ đường dây quay số trực tiếp quốc tế. Để thực hiện cuộc gọi quốc tế ngay lập tức từ số điện thoại cố định, hãy quay số tiền tố của nhà mạng theo sau là mã quốc gia + mã vùng + số điện thoại.

Với 353,8 triệu thuê bao, người Indonesia chủ yếu sử dụng điện thoại di động, thường được gọi là "điện thoại di động". Nếu bạn có điện thoại thông minh đã mở khóa, người mang hộ chiếu có thể mua và đăng ký thẻ SIM tại nhiều cửa hàng và ki-ốt. Có nhiều nhà mạng di động sử dụng mạng GSM và 4G LTE tại Indonesia, bao gồm Telkomsel, XL Axiata, IM3 Ooredoo (trước đây là Indosat), Axis, 3 (Tri) và Smartfren. Dịch vụ Thoại qua Giao thức Internet (VOIP) cung cấp tùy chọn chi phí thấp cho các cuộc gọi quốc tế so với việc gọi từ số điện thoại cố định. Tất cả các nhà mạng đều cung cấp tùy chọn dịch vụ trả trước với các gói thoại và dữ liệu. Truy cập Wi-Fi được cung cấp rộng rãi tại các nhà hàng và quán cà phê ở các khu đô thị và khu du lịch lớn của Indonesia. Hầu hết các khu vực đô thị đều được kết nối internet băng thông rộng cáp quang và cáp quang.

Tiền tệ, thanh toán.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng ở Indonesia là Rupiah Indonesia (IDR).

Mạng lưới giao thông

Các hãng hàng không cung cấp dịch vụ bay quốc tế đến Indonesia bao gồm Garuda, Singapore Airlines, Cathay Pacific, Asiana, Korean Air, All Nippon Airways, Japan Airlines, Emirates, Etihad Airways, Qatar Airways và Turkish Airlines. Nhiều hãng hàng không trong số này cung cấp các chuyến bay liên danh với các hãng hàng không của Hoa Kỳ. Hiện tại không có chuyến bay thẳng từ Hoa Kỳ đến Indonesia, nhưng có thể tìm thấy

các chuyến bay trung chuyển tại Singapore, Nhật Bản hoặc Hồng Kông. Có thể dễ dàng kết nối các chuyến bay nội địa đến các thành phố khác tại Indonesia. Có một mạng lưới đường sắt giá rẻ kết nối các thành phố lớn. Giao thông đông đúc thường gây ra sự chậm trễ đáng kể khi đi bằng ô tô. Taxi rất nhiều, nhưng nên sử dụng dịch vụ taxi có sẵn tại các khách sạn lớn, chẳng hạn như taxi Silver Bird và Blue Bird. Ứng dụng di động Grab và Gojek cũng có thể được sử dụng để đặt taxi. Có thể thuê xe và tài xế Golden Bird theo ngày, với giá khoảng 120 - 140 USD một ngày.

Chăm sóc sức khỏe/Cơ sở y tế

Du khách ngắn hạn đến Indonesia được khuyến cáo nên cập nhật các mũi tiêm phòng Viêm gan A, Viêm gan B và Thương hàn, ngoài tất cả các mũi tiêm phòng thông thường cho trẻ em. Các mũi tiêm phòng viêm gan mất sáu tháng để hoàn thành. Những người đang cân nhắc đi du lịch bên ngoài các thành phố lớn (Jakarta, Surabaya, Medan, miền nam Bali, v.v.) nên cân nhắc dùng thuốc chống sốt rét. Các bác sĩ ở Hoa Kỳ phải có khả năng trả lời các câu hỏi liên quan đến việc tiêm chủng và các vấn đề sức khỏe khác.

Mất nước do các bệnh về đường ruột có thể là tình trạng nghiêm trọng, thậm chí đe dọa tính mạng nếu không được điều trị. Những người bị tiêu chảy nặng có thể mua dung dịch bù nước uống từ hiệu thuốc địa phương. Nếu nôn khiến không thể bù nước đầy đủ, hãy đến phòng khám ngay lập tức.

Sốt xuất huyết – Theo Bộ Y tế Indonesia, 94.355 người được chẩn đoán mắc sốt xuất huyết vào năm 2022. Sốt xuất huyết là một căn bệnh do muỗi truyền phổ biến ở nhiều vùng nhiệt đới và có thể giảm nguy cơ bằng cách mặc áo dài tay, sử dụng màn chống muỗi và thuốc xua đuổi muỗi.

Cúm gia cầm – Indonesia đã trải qua một số đợt bùng phát Cúm gia cầm (AI). Khó khăn về kinh tế và sự thiếu hiểu biết về các phương pháp kiểm soát dịch bệnh hiện đại đã kết hợp lại khiến các nỗ lực kiểm soát cúm gia cầm của Indonesia phần nào không hiệu quả. Trong số 200 trường hợp được xác nhận từ năm 2005-2018 tại Indonesia, 168 trường hợp đã tử vong. Không có thêm trường hợp cúm gia cầm nào được báo cáo từ năm 2019-2020 (tuần thứ bốn mươi).

Zika - Virus Zika là một nguy cơ ở Indonesia. Vì nhiễm trùng Zika ở phụ nữ mang thai có thể gây ra dị tật bẩm sinh nghiêm trọng, phụ nữ đang mang thai không nên đi du lịch đến

Indonesia. Tất cả du khách nên tuân thủ nghiêm ngặt các bước để ngăn ngừa muỗi đốt và tiếp xúc tình dục với virus Zika trong và sau chuyến đi.

Thông tin về tiêm chủng và các biện pháp phòng ngừa sức khỏe khác, chẳng hạn như bảo vệ khỏi côn trùng cắn, có thể được lấy từ Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC) bằng cách gọi đến số 1-800-232-4636 hoặc truy cập trang web của CDC tại www.cdc.gov/travel/. Để biết thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm ở nước ngoài và thông tin sức khỏe bổ sung cho du khách, hãy tham khảo trang web của Tổ chức Y tế Thế giới tại <https://www.who.int/en>.

Có một số phòng khám và bệnh viện hiện đại, được trang bị tốt ở Jakarta được coi là đủ điều kiện cho các bệnh nhẹ, nhưng người nước ngoài thường thích bay đến Singapore hoặc quốc gia của họ để điều trị các bệnh nghiêm trọng và/hoặc phẫu thuật. Nhiều bệnh viện địa phương vận hành xe cứu thương riêng, không có tiêu chuẩn chung. Thời gian phản hồi có thể kéo dài. Trong trường hợp bệnh tật hoặc trường hợp khẩn cấp cần thông tin về hỗ trợ y tế, vui lòng tham khảo Nhà cung cấp dịch vụ y tế và phòng khám/bệnh viện.

Tạm nhập các vật dụng cá nhân

Nhập cảnh tạm thời/Nhập khẩu, theo Hải quan Indonesia, là việc di chuyển hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan để xuất khẩu sau đó. Do đó, các mặt hàng nhập khẩu phải nhập cảnh vào Indonesia và sau đó có thể lưu lại tối đa ba năm trước khi được tái xuất. Các mặt hàng có thể là hàng hóa cho triển lãm, hội thảo, hội nghị hoặc các hoạt động tương tự; hàng hóa cho mục đích nghiên cứu và khoa học, mẫu hoặc trình diễn của chuyên gia/chuyên gia; hàng hóa biểu diễn công cộng, thể thao và/hoặc thi đấu; bao bì được sử dụng liên quan đến việc vận chuyển và/hoặc đóng gói hàng hóa xuất nhập khẩu, có thể nhiều lần hoặc không; du thuyền nước ngoài do chính khách du lịch nước ngoài sử dụng; hàng hóa cần sửa chữa, đại tu, thử nghiệm và/hoặc hiệu chuẩn; động vật sống phục vụ mục đích biểu diễn công cộng, thể thao, thi đấu, huấn luyện hoặc xử lý sự cố an ninh; hàng hóa phục vụ mục đích ứng phó với thiên tai, hỏa hoạn, thiệt hại về môi trường hoặc sự cố an ninh, hoặc phục vụ mục đích nhân đạo hoặc xã hội; hàng hóa phục vụ hoạt động của Lực lượng vũ trang quốc gia và Cảnh sát quốc gia Indonesia trong bối cảnh quốc phòng và an ninh; tàu thuyền do các công ty vận tải thương mại quốc gia hoặc các công ty đánh bắt cá quốc gia nhập khẩu, có chức năng chính là vận chuyển hành khách và/hoặc hàng hóa tham gia vào hoạt động

vận tải biển hoặc đánh bắt cá trong vùng biển Indonesia; máy bay và động cơ máy bay do các hãng hàng không quốc gia tham gia vào hoạt động vận tải hàng không trong lãnh thổ Indonesia bao gồm cả máy bay trực thăng nhập khẩu; đồ dùng cá nhân của hành khách và đồ dùng cá nhân của phi hành đoàn trên các phương tiện vận tải; đảm bảo cho các dự án của chính phủ được tài trợ bằng các khoản vay hoặc trợ cấp từ nước ngoài; phương tiện hoặc phương tiện vận tải không được sử dụng để vận chuyển trong lãnh thổ hải quan và/hoặc các container và thiết bị không được sử dụng để vận chuyển. Quy định về Nhập khẩu tạm thời là Sửa đổi Quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính 178/PMK.04/2017 về Nhập khẩu tạm thời.

Nếu bạn có thị thực cư trú tạm thời hoặc KITAS (Giấy phép lưu trú có giới hạn), bạn không được phép nhập khẩu quá một container đồ dùng cá nhân. Với KITAS, bạn được cấp quyền cư trú tại Indonesia trong thời hạn từ 6 đến 24 tháng hoặc lâu hơn, nếu gia hạn được áp dụng và chấp thuận. Đơn xin KITAS được nộp cho Trưởng phòng Nhập cư hoặc một viên chức nhập cư được chỉ định có khu vực làm việc bao gồm nơi cư trú của người nước ngoài.

Chương 8: Một số liên hệ cần thiết

Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Indonesia

Jl. Teuku Umar. No 25, Jakarta Pusat, Jakarta

Điện thoại: 0062-21-3100358 - Lãnh sự: 0062-21-31907165

Fax: 0062-21-3149615 Hotline Bảo hộ công dân: 0811161025

Email : jakarta@mofa.gov.vn or vietnamemb@yahoo.com

Website : www.vnembassy-jakarta.mofa.gov.vn

Đại Sứ Quán Indonesia tại Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ: 50 Ngô Quyền, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024-38253353/38257969

Fax: 024-38259274

Email: hanoi.kbri@kemlu.go.id

Tổng Lãnh Sự Quán Indonesia tại Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 18 Phùng Khắc Khoan, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028-38251888/38251889

Fax: 028-38299493/08-38223839

Email: indonesiahcmc@hcm.fpt.vn